Haruki Murakami

# Kafka bên bờ biển

DƯƠNG TƯỜNG dịch

nhã nam vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

**Haruki Murakami, nhà văn Nhật đương đại nổi tiếng với những tác phẩm như Rừng Na-uy; Xứ sở kỳ diệu vô tình và nơi tận cùng thế giới; Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời; Người tình Sputnik; Biên niên ký chim vặn dây cót và Kafka bên bờ biển.**

*"**Kafka bên bờ biển** lạ lùng đến nỗi ngay cả những thứ cũ rích trong đó cũng khoác một vẻ huyền bí."*

— **Paul Lafarge**, The Village Voice

*"Chưa bao giờ tôi gặp một cuốn sách thuyết phục được mình đến thế bởi sự sáng tạo trong trần thuật và sự yêu thích kể chuyện... hấp dẫn vô cùng."*

— **Stuart Jeffries,** Guardian

*"**Kafka bên bờ biển** là một cuốn sách hay khỏi phải bàn cãi. [...] Murakami đã gây hồi hộp một cách tài tình để cuốn người đọc không cưỡng được vào mạch truyện kỳ ảo và quấn quýt."*

— **Ludovic Hunter-Tilney**, Financial Times

*"**Kafka bên bờ biển** có thừa huyền bí để làm những người hâm mộ sung sướng, và sẽ chiêu mộ thêm cả những người mới."*

— **Matt Thorne**, The Independent

*"**Kafka bên bờ biển** cũng bõ công chịu đựng: nó có thể là tiểu thuyết kỳ quái nhất của tác giả Nhật này cho đến nay, nhưng cũng là một trong những cuốn hay nhất của ông. Murakami đã nhặt từ mỗi nơi một chút: cả Sophocles, phim kinh dị, truyện tranh Nhật Bản lẫn những mảnh phim-hay-trong-tuần ủy mị."*

— **Malcolm Jones**, Newsweek

# Kafka bên bờ biển

Dịch theo bản tiếng Anh, ***Kafka on the Shore***, của Philip Gabriel;
tham khảo bản tiếng Pháp, ***Kafka sur le rivage***, của Corinne Atlan.

**KAFKA ON THE SHORE** by Haruki Murakami
Copyright © 2002 Haruki Murakami
All rights reserved.
Originally published in Japan by SHINCHOSHA, Tokyo
Vietnamese translation rights arranged with
Haruki Murakami through THE SAKAI AGENCY.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, 2007.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

HARUKI MURAKAMI

# Kafka bên bờ biển

DƯƠNG TƯỜNG dịch

nhã nam vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# Cái thằng tên là Quạ

"Vậy là cậu đã sẵn sàng về mặt tiền nong?" Cái thằng tên là Quạ hỏi bằng cái giọng uể oải đặc trưng của nó. Cái thứ giọng khi vừa thức giấc, miệng còn thấy nề nề và nhạt thếch. Nhưng nó chỉ giả bộ thế thôi. Nó hoàn toàn tỉnh táo. Như bao giờ cũng vậy.

Tôi gật đầu.

"Bao nhiêu?"

Tôi nhẩm lại trong đầu. "Ngót ba lăm nghìn tiền mặt, cộng thêm một số có thể rút từ một điểm ATM(*) nào đó. Tớ biết thế không phải là nhiều, nhưng chừng nấy cũng đủ. Tạm thời thế đã."

"Không tồi," cái thằng cu tên là Quạ nói. "Tạm thời vào lúc này."

Tôi lại gật đầu.

"Tớ đoán đây không phải là quà của ông già Noel nhân dịp Giáng Sinh đấy chứ."

"Ừ, cậu đoán đúng," tôi đáp.

Quạ cười và nhìn quanh. "Tớ chắc cậu đã bắt đầu bằng cách lục lọi ngăn kéo của ai đó, đúng không?"

Tôi không nói gì. Nó biết rõ tiền đó là của ai, cần gì phải hỏi han dài dòng. Nó chỉ muốn hành tôi thôi.

---

* Automatic teller machine. máy rút tiền tự động đặt ở các đường phố để tiện dụng cho các chủ tài khoản (Tất cả các chú thích đều của người dịch)

"Không sao," Quạ nói. "Cậu thật sự cần có số tiền ấy và cậu phải xoay xở để kiếm cho ra - xin xỏ, vay mượn hay lấy trộm. Đó là tiền của cha cậu, cho nên chẳng bận gì đến ai, phải không nào? Quo được ngần nấy là cậu có thể đạt mục tiêu rồi. *Tạm thời thế đã.* Nhưng còn kế hoạch sau khi nhẵn túi thì sao? Tiền không như nấm trong rừng - nó không tự mọc lên, cậu biết đấy. Cậu sẽ cần có cái ăn, chỗ ngủ. Một ngày nào đó, cậu sẽ nhẵn túi."

"Tớ sẽ nghĩ đến chuyện đó vào đúng thì đúng lúc," tôi nói.

"*Đúng thì đúng lúc*," Quạ nhắc lại như thể cân từng chữ trong lòng bàn tay.

Tôi gật đầu.

"Kiếm một việc làm, hay đại loại như vậy?"

"Có thể," tôi nói.

Quạ lắc đầu. "Cậu biết đấy, còn ối thứ cậu phải học ở đời. Nghe đây - liệu một thằng nhóc mười lăm tuổi ranh có thể kiếm được công việc gì ở một nơi xa lắc trước đó nó chưa từng đặt chân tới? Cậu chưa học hết cấp hai. Cậu nghĩ ai sẽ mướn cậu?"

Tôi hơi đỏ mặt. Chẳng cần nói phũ lắm mới khiến tôi đỏ mặt.

"Thôi quên đi nhé," nó nói. "Cậu mới chỉ bắt đầu, đáng ra tớ không nên nhồi cho cậu những điều ngán ngẩm như vậy. Cậu đã quyết định điều mình sắp sửa làm, giờ chỉ còn việc khởi động thôi. Tớ muốn nói đó là cuộc đời của cậu. Về cơ bản, cậu sống theo cách mà cậu cho là đúng."

Chính xác. Xét cho cùng, đó là cuộc đời *của tôi*.

"Tuy nhiên, tớ sẽ nói với cậu một điều này. Cậu sẽ phải cực nhọc hơn rất nhiều nếu cậu muốn thành công."

"Tớ đang cố gắng hết mình," tôi nói.

"Tớ dám chắc thế," Quạ nói. "Mấy năm vừa qua, cậu đã mạnh lên rất nhiều. Tớ phải công nhận thế."

Tôi lại gật đầu.

"Nhưng ta hãy nhìn thẳng vào sự thật - cậu mới mười lăm tuổi," Quạ nói tiếp. "Cuộc đời cậu mới chỉ bắt đầu và có vô số điều trên thế gian cậu chưa bao giờ để mắt tới. Những điều cậu không thể tưởng tượng nổi."

Như mọi khi, chúng tôi ngồi bên nhau trên chiếc sofa cũ trong thư phòng của cha tôi. Quạ thích căn phòng này và tất cả những đồ vật nho nhỏ rải rác quanh đó. Lúc này, nó đang mân mê một cái chặn giấy bằng thủy tinh hình con ong. Nếu cha tôi có nhà, ắt chẳng đời nào Quạ mon men được tới gần đó.

"Nhưng tớ cần ra khỏi nơi này," tôi nói với nó. "Không còn con đường nào khác."

"Ờ, tớ đồ là cậu có lý." Nó đặt cái chặn giấy lên bàn. "Bỏ nhà đi đâu có giải quyết được mọi chuyện. Tớ không muốn can ngăn cậu, nhưng nếu tớ là cậu, tớ sẽ không tính chuyện trốn khỏi nơi này. Bất kể đi xa đến đâu chăng nữa. Khoảng cách chẳng giải quyết được gì hết."

Thằng cu tên là Quạ buông một tiếng thở dài rồi đặt hai đầu ngón tay lên hai mí mắt nhắm nghiền và nói với tôi từ trong bóng tối được tạo ra bằng cách đó.

"Có muốn chơi trò của chúng mình không?" nó nói.

"Được," tôi nói. Tôi nhắm mắt lại và hít một hơi thật sâu.

"Ô-kê. Hãy tưởng tượng một trận bão cát ghê gớm," nó nói. "Gạt bỏ mọi thứ khác ra khỏi đầu."

Tôi làm theo lời nó, gạt mọi thứ khác ra khỏi đầu. Thậm chí quên cả mình là ai. Tôi là một cái gì hoàn toàn trống trơn. Rồi các thứ bắt đầu nổi lên. Những thứ mà, trong khi chúng tôi ngồi đây trên chiếc sofa bọc da cũ kỹ trong thư phòng cha tôi, cả hai chúng tôi đều có thể trông thấy.

"Đôi khi, số phận giống như một cơn bão cát nhỏ cứ xoay chiều đổi hướng liên tục," Quạ nói.

**Đôi khi, số phận giống như một cơn bão cát nhỏ cứ xoay chiều đổi hướng liên tục. Mày đổi hướng nhưng cơn bão cát đuổi theo mày. Mày lại quặt ngả khác, nhưng cơn bão cũng chỉnh hướng theo. Cứ thế quay tới quay lui, mày diễn tới cùng cái trò ấy như một điệu nhảy báo điềm gở với cái chết dữ ngay trước bình minh. Tại sao? Vì cơn bão cát ấy không phải là một cái gì từ xa thổi tới, một cái gì không liên quan đến mày. Cơn bão ấy là mày. Một cái gì bên trong mày. Cho nên tất cả những gì mày có thể làm là cam chịu nó, bước thẳng vào trong cơn bão, nhắm mắt lại và bịt chặt tai để cát khỏi lọt vào và từng bước một đi**

**xuyên qua nó. Ở đó, không mặt trời, không mặt trăng, không phương hướng, cũng chẳng có ý thức gì về thời gian. Chỉ có cát trắng mịn xoáy lốc lên trời như xương nghiền tơi thành bụi. Đó là thứ bão cát mà mày cần tưởng tượng ra.**

Và tôi làm đúng như thế. Tôi tưởng tượng một cái phễu trắng dựng thẳng đứng như một sợi dây chão lớn. Mắt tôi nhắm nghiền, hai tay úp vào tai để cho những hạt cát nhỏ không lọt được vào. Cơn bão cát mỗi lúc một đến gần. Tôi có thể cảm thấy sức ép của không khí trên làn da. Nó thực sự đang nuốt chửng tôi.

Thằng cu tên là Quạ khẽ khàng đặt tay lên vai tôi và thế là cơn bão tan biến.

"Từ giờ trở đi, bất kể thế nào, cậu cũng phải là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới. Chỉ có bằng cách ấy cậu mới sống qua nổi. Và để làm điều đó, cậu phải hiểu rõ kiên cường nghĩa là thế nào. Cậu nghe tớ đấy chứ?"

Tôi tiếp tục nhắm mắt và không trả lời. Tôi chỉ muốn cứ thế này ngụp vào giấc ngủ với bàn tay nó đặt trên vai tôi. Tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh rất nhẹ.

"Cậu sắp là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới," Quạ thì thầm trong khi tôi cố ngủ. Như thể nó đang khắc những lời đó thành một hình xăm xanh thẳm vào tim tôi.

**Và mày thực sự sẽ phải vượt qua được cơn bão tượng trưng, siêu hình, dữ dội ấy. Bất kể nó có thể siêu hình hay tượng trưng đến đâu, chớ có mảy may lầm lẫn về nó: nó sẽ cứa vào thịt như cả ngàn lưỡi dao cạo. Nhiều người sẽ tướp máu và cả mày cũng sẽ tướp máu. Máu nóng đỏ tươi. Bàn tay mày sẽ dính máu ấy. Máu của chính mày và máu của kẻ khác.**

**Và khi cơn bão đã chấm dứt, mày sẽ không nhớ mình đã làm thế nào mà vượt qua được nó, làm thế nào mà mình đã sống sót. Thậm chí mày cũng sẽ không biết chắc là cơn bão đã thật sự chấm dứt hay chưa nữa. Nhưng điều này thì chắc chắn. Khi mày ra khỏi cơn bão, mày sẽ không còn là con người đã dấn bước vào nó. Ý nghĩa của cơn bão là như thế đó.**

Vào dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, tôi sẽ trốn khỏi nhà, đến một tỉnh xa lắc và sống trong một góc của một thư viện nhỏ. Chắc phải mất cả tuần mới nói hết chuyện với đầy đủ chi tiết. Vậy nên tôi sẽ chỉ nêu điểm chính. **Vào dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, tôi sẽ trốn khỏi nhà, đến một tỉnh xa lắc và sống trong một góc của một thư viện nhỏ.**

Nghe hơi giống truyện thần thoại. Nhưng xin hãy tin tôi, đây không phải truyện thần thoại. Bất kể bạn muốn cài vào đó ẩn ý gì đi nữa.

# Chương 1

Tiền mặt không phải là thứ duy nhất tôi lấy từ thư phòng cha tôi khi bỏ nhà đi. Tôi còn lấy một cái bật lửa nhỏ cũ bằng vàng - tôi thích kiểu dáng của nó và cái cảm giác khi mân mê nó - và một con dao nhíp lưỡi rất sắc. Vốn được chế tạo để lột da hươu nai, nó có lưỡi dài hơn mười hai phân và khá nặng. Có lẽ cha tôi đã mua nó trong một chuyến đi ngoại quốc. Tôi cũng lấy một cây đèn pin rất sáng, chắc khỏe, loại bỏ túi, từ một ngăn kéo. Cộng thêm chiếc kính râm nhãn Revo màu xanh da trời để che giấu tuổi.

Tôi tính lấy chiếc Rolex *Sea-Dweller Oyster* ưa thích của cha tôi. Đó là một cái đồng hồ đẹp, nhưng những gì sang trọng hào nhoáng chỉ tổ thu hút sự chú ý. Cái đồng hồ Casio rẻ tiền bằng plastic có chuông báo thức và nút bấm giờ của tôi cũng tốt chán và trên thực tế có thể hữu ích hơn. Cực chẳng đã, tôi trả chiếc Rolex về ngăn kéo của nó.

Từ đáy một ngăn kéo khác, tôi lấy ra một tấm ảnh cũ của tôi chụp chung với chị gái tôi hồi còn bé, hai đứa đang cười toét miệng trên một bãi biển đâu đó. Chị tôi nhìn nghiêng nên một nửa mặt bị tối khiến nụ cười gần như bị cắt làm đôi. Trông tựa như một cái mặt nạ bi kịch Hy Lạp trong một quyển sách giáo khoa về hai ý tưởng đối lập nhau. Ánh sáng và bóng tối. Hy vọng và tuyệt vọng. Cười vui và buồn bã. Tin tưởng và cô đơn. Còn tôi thì hiên ngang nhìn thẳng vào máy chụp hình. Chẳng có ai khác trên bãi biển. Hai chị em mặc đồ bơi - chị tôi mặc

chiếc áo tắm một mảnh màu đỏ in hoa, còn tôi đánh chiếc quần đùi cũ lùng thùng màu lơ. Tôi cầm trong tay một cây gậy bằng chất dẻo. Bọt sóng trắng xóa xô bờ tràn lên chân chúng tôi.

Ai chụp tấm hình này, ở đâu và khi nào, tôi không sao nhớ ra nổi. Và làm sao mà nom tôi lại hớn hở đến thế? Và tại sao cha tôi lại chỉ giữ độc một bức ảnh này? Toàn bộ câu chuyện là một bí mật hoàn toàn. Hồi đó, chắc tôi mới lên ba, chị tôi lên chín. Chị em tôi có bao giờ thực sự hòa hợp nhau đến thế không nhỉ? Tôi không nhớ là đã có bao giờ đi nghỉ ở bờ biển, hoặc *bất kỳ đâu*, với gia đình. Dù sao cũng chẳng thành vấn đề - cách gì tôi cũng sẽ không để lại tấm hình này cho cha tôi, vì vậy tôi nhét nó vào ví. Tôi không có tấm ảnh nào của mẹ tôi. Cha tôi vứt hết đi rồi.

Sau khi nghĩ một lúc, tôi quyết định mang theo chiếc điện thoại di động. Một khi biết là tôi đã lấy nó, có lẽ cha tôi sẽ báo cho công ty điện thoại cắt bỏ dịch vụ. Tuy nhiên, tôi vẫn cứ ném nó vào ba lô cùng với cục sạc. Chẳng nặng thêm mấy tí, vậy thì tại sao không. Khi nào không dùng được nữa thì tôi sẽ quẳng đi.

Chỉ những thứ thiết yếu tối thiểu, đó là tất cả những gì tôi cần. Chọn quần áo mang theo là điều khó khăn nhất. Tôi sẽ cần một đôi áo len và mấy bộ đồ lót. Nhưng còn sơ mi và quần dài, quần soọc? Găng tay, khăn quàng, áo khoác? Bao nhiêu thứ kể sao cho hết. Tuy nhiên có một điều tôi biết chắc: tôi không muốn lang thang ở một nơi xa lạ với một cái ba lô tổ bố lạy-ông-tôi-ở-bụi-này, *Ở này mọi người, hãy kiểm tra cái thằng trốn khỏi nhà!* Làm thế tất có người cảnh giác và để ý ngay. Tiếp đó cảnh sát sẽ bắt tôi tống thẳng về nhà. Nếu như trước đó tôi chưa rơi vào một băng đảng nào đó.

Dứt khoát loại trừ bất cứ nơi nào lạnh. Khá dễ, chỉ việc chọn ngược lại - một nơi *ấm áp*. Như vậy, tôi có thể bỏ lại áo khoác và găng, mà vẫn coi là tươm với nửa số quần áo. Tôi chọn loại giặt chóng khô không cần là, những đồ nhẹ nhất mà tôi có, gấp lại gọn gàng và nhét vào ba lô. Tôi cũng tống vào đó một cái túi ngủ ba mùa, loại có thể cuộn lại gọn và chặt, đồ dùng vệ sinh, áo mưa, sổ tay và bút, một cái Walkman với mười đĩa CD (tôi phải có âm nhạc riêng của mình chứ)

kèm một bộ pin dự trữ. Đại loại thế thôi. Không cần đồ đun nấu nặng nề lỉnh kỉnh, chiếm quá nhiều chỗ, vì đồ ăn có thể mua ở cửa hàng thực phẩm địa phương.

Cũng mất chút thời gian, song tôi đã có thể loại khối thứ khỏi danh sách. Tôi cứ thêm thêm bớt bớt thứ này thứ nọ, rồi cuối cùng xóa đi hết.

Dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi là thời điểm lý tưởng để bỏ nhà ra đi. Trước đó thì quá sớm. Muộn hơn thì lỡ cơ hội.

Trong hai năm đầu tiên ở trường cấp hai, tôi đã vạch kế hoạch và luyện rèn cho ngày này. Tôi đã bắt đầu tập judo trong hai năm ở cấp một và vẫn tiếp tục khi lên cấp hai. Nhưng tôi không tham gia đội của trường. Hễ có thời gian là tôi lại tập chạy quanh sân trường, bơi hoặc đến phòng tập thể dục của địa phương. Các huấn luyện viên trẻ ở đây đã dạy tôi miễn phí, bày cho tôi loại bài tập căng giãn tốt nhất và cách dùng những máy móc thiết bị nâng cao sức khỏe để làm cho thân thể nở nang. Họ dạy tôi những cơ nào ta dùng hằng ngày, những cơ nào chỉ có thể tăng cường bằng máy móc thiết bị, thậm chí cả cách chuẩn mực để cử tạ ở tư thế nằm trên ghế. Tôi vốn đã khá cao, và với tất cả những cách tập dượt ấy, vai và các bắp thịt vùng ngực của tôi phát triển khá rõ. Phần lớn những người lạ đều đoán tôi mười bảy. Nếu tôi trốn nhà đi mà nom bộ dạng đúng như tuổi thật của mình thì thể nào cũng nảy sinh khối vấn đề.

Ngoài các huấn luyện viên ở phòng tập và bà quản gia hằng ngày đến nhà chúng tôi - và tất nhiên, một số lượng người tối thiểu cần thiết để không gây chú ý ở trường - hầu như tôi không trò chuyện với ai. Đã khá lâu, cha con tôi tránh gặp nhau. Chúng tôi sống chung dưới một mái nhà, nhưng thời gian biểu của chúng tôi hoàn toàn khác nhau. Phần lớn thời gian ông ở trong phòng làm việc của mình, và tôi cố hết sức tránh mặt ông.

Trường tôi học là một trường phổ thông cơ sở tư thục dành cho trẻ con tầng lớp trên hay ít nhất cũng là con nhà giàu. Nó thuộc loại trường mà ở đó anh cứ tự khắc lên cấp hai ở ngay cùng khuôn viên trừ phi anh thực sự quá dốt. Tất cả học sinh đều ăn mặc gọn gàng, hàm

răng đều tăm tắp, và chán thấy mồ. Cố nhiên, tôi chẳng có bạn nào cả. Tôi đã xây quanh mình một bức tường, không để ai lọt vào trong, còn bản thân thì cố không mạo hiểm ra ngoài. Ai có thể ưa một đứa như vậy? Tất cả bọn chúng quan sát tôi từ xa. Có thể chúng ghét tôi hay thậm chí sợ tôi, nhưng tôi lại thấy mừng là chúng không quấy rầy tôi. Vì tôi có hàng tấn việc phải lo toan, kể cả việc bỏ nhiều thời gian vào ngốn sách trong thư viện.

Tuy vậy, tôi rất chú ý nghe giảng trong lớp. Đúng như thằng cu tên là Quạ gợi ý.

**Những sự việc và kỹ thuật hoặc bất cứ điều gì họ dạy cậu trong lớp sẽ chẳng mấy hữu ích trong thế giới thực tại, đó là cái chắc. Ta hãy nhìn thẳng vào sự thật, các thầy cô giáo, về cơ bản, là một lũ ngu đần. Nhưng cậu phải nhớ điều này: cậu đang bỏ nhà đi. Có lẽ cậu sẽ chẳng còn cơ may đi học nữa, cho nên dù muốn hay không, tốt nhất là cứ hấp thu bất cứ điều gì có thể trong khi cậu có cơ hội. Hãy trở thành giống như tờ giấy thấm và thấm hết vào. Sau này, cậu có thể hình dung ra cái gì nên giữ và cái gì nên trút bỏ.**

Tôi làm theo lời nó như trong hầu hết mọi trường hợp. Với bộ óc như miếng bọt biển, tôi tập trung vào từng lời giảng để nó thấm vào trong đầu, hình dung ra ý nghĩa của nó và nhập tất cả vào bộ nhớ. Nhờ vậy, tôi hầu như không phải học ngoài giờ, mà bao giờ cũng xếp gần đầu bảng trong mọi kỳ thi.

Cơ bắp của tôi trở nên rắn như thép, trong khi tôi càng ngày càng kín đáo và lặng lẽ. Tôi cố hết sức không để lộ cảm xúc sao cho không ai - bạn cùng lớp cũng như thầy cô giáo - có được chút manh mối nào để đoán được tôi đang nghĩ gì. Chẳng bao lâu, tôi sẽ bị ném vào thế giới người lớn thô bạo và tôi biết mình cần phải cứng cỏi nếu muốn sống còn.

Mắt tôi trong gương nom lạnh như mắt thằn lằn, thần thái trân trân không ai đọc nổi. Tôi không nhớ nổi lần cuối cùng tôi cười thành tiếng hoặc thậm chí nhếch mép với ai - kể cả với chính mình - là bao giờ.

Tôi không định ngụ ý rằng giờ nào phút nào tôi cũng có thể giữ nguyên cái bề mặt lặng lẽ biệt lập ấy. Thi thoảng bức tường tôi dựng lên quanh mình đổ sập xuống. Cái đó không xảy ra luôn, nhưng đôi lần,

trước khi tôi kịp nhận ra điều gì đang đến thì đùng một cái, tôi đã trơ khấc ra - trần truồng, chẳng có gì che đỡ và hoàn toàn rối trí. Những lúc như thế, bao giờ tôi cũng cảm thấy một điềm báo hiện ra trước mắt như một vũng nước đen ngòm hiện diện ở khắp nơi.

**Một vũng nước đen ngòm hiện diện ở khắp nơi**

**Có lẽ lúc nào nó cũng thường trực ở đó, khuất kín đâu đây. Nhưng vào đúng thời điểm, nó lặng lẽ trào ra, làm ớn lạnh từng tế bào trong cơ thể mày. Mày đắm trong dòng lũ bạo tàn đó, hớp miệng ráng thở. Mày bám lấy một lỗ thông hơi gần trần nhà, vùng vẫy, nhưng chút không khí mày hít được khô rang, làm bỏng cổ họng. Nước và cơn khát, lạnh và nóng - những yếu tố được coi là đối lập ấy phối hợp lại để tấn công mày.**

**Thế giới là một không gian khổng lồ, nhưng chẳng tìm đâu ra cái không gian sẽ dung nhận mày, mà nào có cần rộng gì lắm đâu. Mày kiếm tìm một tiếng nói, nhưng mày được cái gì? Im lặng. Mày tìm im lặng, nhưng thử đoán xem cái gì đến? Tất cả những gì mày nghe thấy, nghe đi nghe lại, nghe tái nghe hồi, chỉ là tiếng nói của cái điềm báo ấy. Và đôi khi cái tiếng nói tiên tri ấy lại bật một cái nút bí mật gá sâu trong óc mày.**

**Tim mày như một dòng sông lớn sau một đợt mưa dài, nước tràn bờ. Tất cả các cột báo hiệu từng đứng trên mặt đất đều đi tiêu, chìm ngập hoặc bị cuốn đi bởi dòng nước lũ ấy. Và mưa vẫn cứ rào rào xuống mặt nước. Mỗi lần mày đọc thấy một tin lũ như thế, mày lại tự nhủ: Nó đấy. Trái tim mình đấy.**

Trước khi trốn khỏi nhà, tôi rửa tay, rửa mặt, sửa móng tay móng chân, cọ sạch tai và đánh răng. Tôi cứ nhẩn nha kỳ cọ thật kỹ toàn thân cho chắc ăn. Đôi khi, thực sự sạch sẽ là điều quan trọng nhất. Tôi nhìn thật kỹ mặt mình trong gương. Gien của cha tôi và mẹ tôi - mặc dù tôi không hề nhớ diện mạo mẹ tôi ra sao - đã tạo nên khuôn mặt này. Tôi có thể ráng hết sức không để lộ một cảm xúc nào, giữ cho đôi mắt không bộc lộ bất cứ điều gì, tăng cường cơ bắp, nhưng với diện mạo của mình thì tôi bất lực. Tôi không sao thoát nổi cặp lông mày dài rậm của cha tôi với cái rãnh sâu ở giữa. Tôi có thể giết ông nếu tôi thực sự muốn

- chắc chắn là tôi đủ mạnh để làm việc đó - và tôi có thể xóa mẹ tôi khỏi trí nhớ. Nhưng không cách nào xóa được cái gien họ truyền cho tôi. Nếu tôi muốn khử cái đó đi thì chắc tôi phải thủ tiêu *chính mình*.

Và lại có lời tiên tri ấy nữa. Cái cơ chế được gá bên trong tôi.

**Một cơ chế được gá tận bên trong mày.**

Tôi tắt đèn và ra khỏi buồng tắm. Một ấng lặng nặng nề, ẩm ướt bao trùm ngôi nhà. Tiếng thì thầm của những người không hiện hữu, hơi thở của những người đã chết. Tôi nhìn quanh, đứng im sững và hít một hơi thật sâu. Đồng hồ chỉ ba giờ chiều, hai chiếc kim lạnh lùng, xa cách. Chúng làm ra vẻ trung lập nhưng tôi biết chúng không đứng về phía tôi. Đã sắp đến lúc tôi phải nói lời từ biệt. Tôi khoác ba lô lên vai. Tôi đã đeo thử nó bao nhiêu lần, nhưng giờ đây tôi cảm thấy nó nặng hơn bội phần.

Tôi quyết định chọn Shikoku. Đó là nơi tôi sẽ tới. Tôi chọn Shikoku không vì lý do gì đặc biệt, mà chỉ bởi khi nghiên cứu bản đồ, tôi cảm thấy đó là nơi tôi nên nhắm tới. Càng nhìn vào bản đồ - thực tế là mỗi lần nghiên cứu nó - tôi càng thấy Shikoku hấp dẫn. Nó ở cách xa Tokyo về phía Nam, khí hậu ấm áp, lại có nước ngăn cách với đất liền. Tôi chưa tới đó bao giờ, chẳng có bạn bè hoặc bà con nào ở đó, cho nên nếu như người ta nảy ra ý định tìm tôi - điều mà tôi chẳng mấy tin là sẽ xảy ra - ắt chẳng ai nghĩ đến Shikoku.

Tôi đến quầy vé lấy chiếc vé đã đặt trước và leo lên chuyến xe buýt đêm. Đây là cách rẻ nhất để đi từ Tokyo đến Takamatsu - chỉ hơn mười ngàn yen(*) tí chút. Không ai để ý đến tôi, hỏi tôi bao nhiêu tuổi hoặc nhìn tôi đến lần thứ hai. Người lái xe soát vé của tôi tỉnh khô như cái máy.

Chỉ một phần ba số ghế có người ngồi. Phần lớn hành khách đi một mình như tôi và chiếc xe tĩnh lặng lạ kỳ. Đến Takamatsu là cả một chặng đường dài, theo ước định là mười tiếng đồng hồ, có nghĩa sáng sớm hôm sau mới tới. Nhưng tôi bất cần. Tôi có ối thời gian mà. Xe rời bến lúc tám giờ và tôi ngả lưng ghế ra phía sau. Vừa mới yên vị, ý thức của tôi đã lịm chìm như cục pin hết điện và tôi ngủ thiếp đi.

---

* Trong bản tiếng Anh: chín mươi đô-la.

Một lúc nào đó, khoảng nửa đêm, trời bắt đầu mưa dữ. Thi thoảng, tôi thức giấc, hé tấm rèm ở cửa xe nhìn ra con đường xa lộ vùn vụt qua. Những giọt mưa đập vào mặt kính, làm nhòe những ngọn đèn ven đường trải dài hun hút với những khoảng cách bằng nhau như thể chúng được cắm để đo trái đất vậy. Lại một ngọn đèn nữa xô tới gần và loáng một cái đã vụt biến đằng sau chúng tôi. Tôi nhìn đồng hồ, thấy đã quá nửa đêm. Và, tự khắc bị đẩy ra sân khấu, sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi liền xuất hiện.

"Chúc mừng sinh nhật," thằng cu tên Quạ nói.

"Cám ơn," tôi đáp.

Tuy nhiên, điềm báo vẫn đeo tôi như một cái bóng. Tôi kiểm tra cho chắc là bức tường quây quanh mình vẫn còn nguyên. Rồi tôi khép rèm và ngủ tiếp.

# Chương 2

Tài liệu sau đây, được Bộ Quốc Phòng Mỹ xếp loại Tối mật, đã được công bố vào năm 1986 theo Nghị định về Tự do Thông tin. Tài liệu này hiện được giữ tại Viện Lưu Trữ Quốc Gia ở Washington D.C. và có thể truy nhập tại đó.

Cuộc điều tra ghi lại dưới đây được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Thiếu tá James P. Warren từ tháng Ba đến tháng Tư năm 1946. Cuộc điều tra tại hiện trường ở Hạt (tên bị xóa), tỉnh Yamanashi, do Trung úy Robert O'Connor và Trung sĩ Harold Katayama thực hiện. Người hỏi cung trong tất cả các cuộc thẩm vấn là Trung úy O'Connor. Trung sĩ Katayama phiên dịch tiếng Nhật và Binh nhì William Cohen lo việc chuẩn bị tài liệu.

Các cuộc thẩm vấn được tiến hành trong thời gian mười hai ngày tại phòng tiếp khách của tòa thị chính của Thị xã (tên bị xóa) tỉnh Yamanashi. Những nhân chứng dưới đây trả lời những câu hỏi của Trung úy O'Connor, riêng rẽ từng người: một cô giáo ở trường công Thị xã (xóa) Hạt (xóa), một bác sĩ ở cùng thị xã, hai tuần tra viên thuộc cảnh sát địa phương và sáu trẻ em.

Những bản đồ khu vực này, tỉ lệ 1/10.000 và 1/2.000 kèm theo dây do Viện Địa Hình, Bộ Nội Vụ cung cấp.

**BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)**
**Ngày: 12 tháng Năm năm 1946**
**Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm, 1944**
**Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42213-WWN**

**Dưới đây là bản ghi âm cuộc thẩm vấn Setsuko Okamochi (26 tuổi), cô giáo phụ trách lớp 4B trường công Thị xã (xóa), Hạt (xóa). Những tư liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn có thể truy nhập theo số PTTX -722-SQ-u8.**

**Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O'Connor: Setsuko Okamochi là một phụ nữ bé nhỏ, hấp dẫn. Thông minh và có trách nhiệm, cô ta trả lời các câu hỏi một cách chuẩn xác và trung thực. Tuy nhiên dường như cô vẫn còn hơi bị sốc bởi sự kiện đó. Trong khi mọi ức cố nhớ lại, đôi khi cô trở nên rất căng thẳng và lúc nào như vậy, cô đều có khuynh hướng nói chậm lại.**

Tôi nghĩ lúc đó chắc mới hơn mười giờ sáng một chút, tôi trông thấy một vệt sáng bạc ở tít trên trời. Một ánh bạc chói ngời. Đúng thế, đó rành là ánh sáng phản chiếu trên một vật bằng kim loại. Ánh sáng ấy chuyển động rất chậm trên trời từ Đông sang Tây. Chúng tôi đều nghĩ đó hẳn là một chiếc B-29. Nó bay thẳng đứng trên đầu chúng tôi thành thử muốn nhìn nó chúng tôi phải ngửa cổ lên. Trời bữa ấy trong xanh và rực sáng nên tất cả những gì chúng tôi có thể nhìn thấy chỉ là cái vật sáng bạc như duy-ra ấy.

Nhưng chúng tôi không thể xác định được hình thù vì nó bay quá cao. Tôi đồ rằng họ cũng không nhìn thấy chúng tôi, nên chúng tôi không sợ bị tấn công hoặc bất thình lình bị một trận mưa bom trút xuống đầu. Dù sao đi nữa, ném bom ở cái vùng núi này cũng là vô dụng. Tôi hình dung là chiếc máy bay này đang trên đường đi ném bom một thành phố lớn ở đâu đó hoặc có thể từ một cuộc oanh kích trở về. Cho nên chúng tôi cứ tiếp tục đi. Tôi chỉ nghĩ có một điều: làm sao cái vệt sáng ấy lại có vẻ đẹp kỳ lạ thế!

**- Theo hồ sơ quân sự thì không có cuộc ném bom nào của không lực**

**Mỹ hoặc bất cứ loại máy bay nào khác bay qua vùng này vào thời điểm đó, tức là khoảng mười giờ sáng ngày 7 tháng Mười một năm 1944.**

Nhưng tôi trông thấy nó rõ ràng và cả mười sáu em học sinh lớp tôi cũng thấy. Tất cả chúng tôi đều nghĩ đó hẳn là một chiếc B-29. Bọn tôi đều đã thấy nhiều đội hình B-29, và đó là loại máy bay duy nhất có thể bay cao đến thế. Trong tỉnh chúng tôi có một căn cứ không quân nhỏ và thỉnh thoảng tôi có thấy máy bay Nhật bay nhưng tất cả đều nhỏ và không thể bay cao như cái tôi nhìn thấy bữa ấy. Với lại, cái cách duy-ra phản chiếu ánh sáng không giống các loại kim khí khác, và loại máy bay duy nhất làm bằng duy-ra là B-29. Tuy nhiên, tôi cũng thấy hơi lạ là nó bay độc trọi một mình, không trong đội hình.

**- Cô có sinh ở vùng này không?**

Không, tôi sinh ở Hiroshima. Tôi lấy chồng năm 1941 và đó là lúc tôi chuyển đến đây. Chồng tôi là thầy giáo dạy nhạc ở một trường cấp hai của tỉnh này. Anh ấy bị gọi lính năm 1943 và chết trận ở Luzon tháng Sáu năm 1945. Theo như tôi được nghe kể lại sau đó, thì anh ấy làm nhiệm vụ bảo vệ một kho đạn ở ngoại vi Manila và chết khi kho đạn bị Mỹ pháo kích và nổ tung. Chúng tôi không có con.

**- Nhân nói đến trẻ con, xin hỏi trong cuộc đi dã ngoại ấy, cô phụ trách bao nhiêu học sinh?**

Tổng cộng mười sáu em, cả nam lẫn nữ. Trừ hai em nghỉ bệnh, đó là toàn bộ lớp. Tám trai, tám gái. Năm em sơ tán từ Tokyo đến.

Chúng tôi xuất phát từ trường lúc chín giờ sáng. Đó là một cuộc đi dã ngoại điển hình của trường, nên ai nấy đều mang theo càmèn và bữa ăn trưa. Lần ấy, chúng tôi không lên kế hoạch nghiên cứu gì đặc biệt; chỉ đi lên đồi hái nấm và lượm những thứ cây dại ăn được thôi. Vùng chúng tôi sống là đất canh tác, nên không đến nỗi thiếu lương thực - nói vậy không có nghĩa là chúng tôi dồi dào cái ăn. Với chế độ phân phối khẩu phần chặt chẽ khi đó, đa số chúng tôi lúc nào cũng đói.

Thành thử bọn trẻ được khuyến khích lùng thức ăn ở bất cứ nơi nào chúng có thể tìm được. Xét cho cùng, đất nước đang chiến tranh và lương thực được ưu tiên hơn học tập. Ai nấy đều thích kiểu dã ngoại ấy - chúng tôi gọi là học ngoại khóa. Xung quanh trường chúng tôi toàn là đồi và rừng nên có khối chỗ tốt cho chúng tôi đến thường xuyên. Tôi nghĩ chúng tôi được ân sủng theo nghĩa đó. Dân các thành phố đều đói. Các tuyến đường tiếp tế từ Đài Loan và lục địa hồi ấy bị cắt đứt và các vùng đô thị bị thiếu lương thực và chất đốt ghê gớm.

**- Cô nói năm học sinh của cô được sơ tán từ Tokyo. Chúng có hòa hợp được với các học sinh địa phương không?**

Có, ít nhất là trong lớp tôi. Môi trường lớn lên của hai nhóm tất nhiên là hoàn toàn khác nhau - một nhóm ở nông thôn, nhóm kia ở trung tâm Tokyo. Chúng nói năng khác nhau, ăn mặc cũng khác nhau. Phần lớn các học sinh địa phương đều là con cái các gia đình nông dân, trong khi đa số học sinh từ Tokyo đều có cha làm việc ở các công ty hoặc dịch vụ dân sự. Cho nên tôi không thể nói là chúng thực sự hiểu nhau.

Đặc biệt, thời gian đầu, người ta có thể cảm thấy một chút căng thẳng nào đó giữa hai nhóm. Tôi không có ý nói rằng chúng bắt nạt nhau hoặc gây gổ đánh nhau, bởi vì không phải thế. Tôi chỉ muốn nói là dường như nhóm này không hiểu nhóm kia nghĩ gì. Thành thử chúng có khuynh hướng khép kín, học sinh địa phương chơi với học sinh địa phương, còn bọn trẻ Tokyo thì khoanh trong nhóm nhỏ của chúng. Tuy nhiên, tình hình đó chỉ kéo dài hai tháng đầu. Sau đó, chúng hòa hợp dần. Ông lạ gì: con nít khi đã bắt đầu chơi chung và mải miết vào trò chơi thì chúng bất cần đến những thứ khác nữa.

**- Tôi muốn cô mô tả hết sức tỉ mỉ nơi cô đưa lớp cô đến hôm ấy.**

Đó là một quả đồi mà chúng tôi hay đến trong những dịp đi dã ngoại. Một quả đồi tròn hình thù giống như cái bát úp. Chúng tôi quen gọi nó là "Owan yama" [Chú thích: "Đồi Bát Cơm"]. Nó ở cách trường một quãng đi bộ ngắn về phía Tây và không dốc mấy, ai cũng trèo được.

Với nhịp bước của trẻ con thì mất khoảng hai tiếng là lên tới đỉnh. Dọc đường, chúng tạt vào rừng kiếm nấm, rồi cả lớp ăn bữa trưa đạm bạc. Cố nhiên, bọn trẻ khoái những buổi ngoại khóa ấy hơn nhiều so với học ở trong lớp.

Cái máy bay lấp lánh chúng tôi nhìn thấy trên trời nhắc chúng tôi nhớ đến chiến tranh trong chốc lát, nhưng chỉ một thoáng thôi, rồi tất cả lại vui vẻ. Trời không một vẩn mây, lặng gió và tất thảy đều im ắng quanh chúng tôi - chỉ nghe thấy tiếng chim líu ríu trong rừng. Chiến tranh dường như một cái gì ở một nơi xa lắc chẳng có gì liên quan với chúng tôi. Chúng tôi ca hát trong khi leo lên đồi, thi thoảng lại bắt chước tiếng chim chúng tôi nghe thấy. Tạm quên đi chiến tranh đang tiếp diễn, thì đó là một buổi sáng hoàn hảo.

**- Một lát sau khi thấy cái vật giống như máy bay ấy là cô vào rừng ngay, đúng không?**

Đúng vậy. Tôi có thể nói là không đầy năm phút sau, chúng tôi đi vào rừng. Chúng tôi bỏ con đường chính dẫn lên đỉnh đồi để đi theo một đường mòn ngược lên cánh rừng. Đoạn này khá dốc. Sau khi leo độ mươi phút, chúng tôi tới một chỗ phát quang, một khoảng rộng, bằng phẳng như mặt bàn. Khi chúng tôi bắt đầu vào rừng, không khí tĩnh lặng hoàn toàn và ớn lạnh vì ánh nắng không lọt vào được, nhưng khi tới chỗ phát quang thì như thể đang ở giữa một quảng trường thành phố thu nhỏ với bầu trời rực sáng trên đầu. Lớp tôi thường dừng chân ở chỗ này mỗi khi leo lên Owan yama. Nơi này có một tác dụng an bình và cách nào đó khiến tất cả chúng tôi đều cảm thấy khoan khoái và ấm cúng.

Chúng tôi dừng lại nghỉ khi tới "quảng trường" này, đặt ba lô xuống rồi bọn trẻ chia thành từng tốp ba, bốn đứa một vào rừng tìm nấm. Tôi nhắn đi nhắn lại, dặn chúng không lúc nào được rời mắt khỏi nhau. Trước khi xuất phát, tôi tập hợp tất cả, kiểm tra cho chắc là chúng đã hiểu. Chúng tôi biết rành nơi này, nhưng dù sao đó cũng là một khu rừng, ngộ nhỡ có đứa nào tách ra và lạc lối, chúng tôi sẽ phải vất vả đi tìm. Hơn nữa, ông nên nhớ chúng là những đứa trẻ nhỏ, một khi đã lao vào săn lùng nấm, chúng rất dễ quên cái lệ ấy. Cho nên bao giờ tôi cũng

phải đảm bảo là, trong khi bản thân mình cũng tìm nấm thì vẫn phải để mắt đến chúng và thường xuyên đếm đủ số đầu.

Chính vào khoảng mươi phút sau khi bắt đầu săn tìm nấm, bọn trẻ bắt đầu theo nhau gục ngã.

Khi thoạt tiên phát hiện thấy một nhóm ba em gục xuống đất, tôi chắc là chúng đã ăn phải nấm độc. Quanh đây có nhiều loại nấm rất độc, thậm chí có thể chết người. Bọn trẻ ở địa phương biết loại nào không nên hái, nhưng có một số loại rất khó phân biệt. Vì thế tôi luôn cảnh báo các em đừng bao giờ bỏ cái gì vào miệng trước khi trở về trường để chuyên gia kiểm định. Nhưng không phải bao giờ ta cũng có thể trông chờ con nít nghe lời, phải không?

Tôi chạy bổ tới chỗ mấy em vừa gục ngã và vực chúng dậy. Người chúng mềm nhũn như cao su để ngoài nắng. Như những cái vỏ ốc rỗng - bao nhiêu sức lực đã bị hút kiệt. Nhưng chúng vẫn thở tốt. Mạch vẫn bình thường và không em nào có nhiệt độ cao. Coi bộ chúng bình thản, không có vẻ gì là đau đớn cả. Tôi loại trừ các giả thuyết như ong đốt hoặc rắn cắn. Đơn giản là chúng bất tỉnh, vậy thôi.

Điều kỳ lạ nhất là cặp mắt của chúng. Người chúng mềm nhũn như đang trong cơn hôn mê, thế nhưng mắt chúng vẫn mở trừng trừng như đang nhìn một cái gì vậy. Thậm chí, thỉnh thoảng mắt chúng còn chớp, tức là không giống chúng đang ngủ. Và mắt chúng lia qua lia lại như thể đang nhìn bao quát một chân trời xa. Ít nhất mắt chúng vẫn tỉnh. Tôi phẩy tay qua lại vài lần trước mặt chúng, nhưng không thấy phản ứng gì.

Tôi lần lượt nhấc ba em học sinh lên, từng đứa một, và tất cả đều y hệt như nhau. Tất cả đều bất tỉnh, mắt vẫn chầm chậm đưa qua đưa lại. Đó là điều lạ lùng nhất tôi từng thấy.

**- Hãy mô tả những em gục xuống trước nhất.**

Đó là một nhóm con gái. Ba bé gái chơi thân với nhau. Tôi gọi tên chúng và tát vào má chúng khá mạnh, tát thật sự, nhưng chẳng thấy phản ứng gì. Chúng không hề cảm thấy gì hết. Thật là một cảm giác kỳ lạ, cứ như chạm vào một khoảng chân không vậy.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là cử ai đó chạy về trường cầu cứu. Một mình tôi thì không cách nào mang được ba đứa bất tỉnh xuống đồi. Vậy nên tôi bắt đầu kiếm đứa nào chạy nhanh nhất, một học sinh nam. Nhưng khi tôi đứng lên nhìn quanh thì thấy tất cả các em đều đã quỵ xuống. Toàn bộ mười sáu em đã ngã xuống đất, bất tỉnh. Người duy nhất còn tỉnh và đứng được là tôi. Cứ như là một... bãi chiến trường.

**- Cô có nhận thấy cái gì bất bình thường tại hiện trường đó không? Một mùi hay một âm thanh khác thường - hay một luồng sáng?**

[Nghĩ một lúc]. Không, như tôi đã nói, cảnh vật rất yên tĩnh và thanh bình. Không hề có âm thanh, hoặc luồng sáng, hoặc mùi gì bất bình thường cả. Điều bất bình thường duy nhất là tất cả học sinh trong lớp tôi đều gục ngã và nằm đó bất tỉnh nhân sự. Tôi cảm thấy hết sức cô đơn, như thể mình là người cuối cùng còn sống trên Trái Đất. Tôi không thể mô tả cái cảm giác cô đơn tuyệt đối đó. Tôi chỉ muốn tan biến trong thinh không và thôi nghĩ về bất cứ cái gì nữa hết.

Cố nhiên tôi không thể làm thế được - tôi có bổn phận của một cô giáo. Tôi cố trấn tĩnh lại và lao xuống dốc chạy thật nhanh về trường với hết sức lực của đôi chân, để tìm sự trợ giúp.

# Chương 3

Lúc tôi thức giấc, trời đã sắp rạng đông. Tôi kéo rèm cửa xe, nhìn ra ngoài. Hẳn là vừa mới tạnh mưa vì mọi cái vẫn còn ướt và nhỏ giọt. Những đám mây đằng Đông sắc cạnh in trên nền trời, mỗi đám đều đóng khung trong ánh sáng. Bầu trời phút trước nom u ám dữ tợn, phút sau đã sáng tươi mời mọc. Tất cả là tùy góc nhìn.

Chiếc xe buýt bon bon trên xa lộ với một tốc độ cố định, bánh lốp nghiến rào rạo, không lúc nào rộ to lên hay nhỏ bặt đi. Cả động cơ cũng vậy, tiếng ro ro đơn điệu của nó nghe như một cái cối đang nghiền nhuyễn thời gian cùng ý thức của những người trên xe. Các hành khách khác đều ngả người trên ghế, ngủ lịm, rèm cửa kéo kín. Chỉ có người lái và tôi còn thức. Chìm trong giấc ngủ, mọi người tin cẩn phó mặc cho chiếc xe chở mình tới đích.

Cảm thấy khát, tôi lấy một chai nước khoáng từ một túi ba lô ra và uống một chút nước âm ấm. Cũng từ túi ấy tôi lấy ra một hộp bánh xô-đa giòn, nhai mấy chiếc, nhấm nháp cái vị khô quen thuộc. Theo đồng hồ của tôi, lúc này là 4 giờ 33 phút. Tôi xem lại ngày tháng cho chắc ăn. Mười ba tiếng đồng hồ đã trôi qua từ lúc tôi rời khỏi nhà. Thời gian đã không nhảy vọt về phía trước nhanh quá mức, cũng chẳng bất ngờ quay ngược lại. Vẫn chưa qua sinh nhật của tôi, song đã là ngày mở đầu cuộc đời mới toanh của tôi. Tôi nhắm mắt, rồi lại mở ra, một lần

nữa kiểm tra lại ngày tháng trên đồng hồ. Rồi bật đèn đọc(*), lấy ra một cuốn sách bìa mềm và bắt đầu đọc.

Đúng năm giờ sáng, không báo trước, chiếc xe buýt rời khỏi xa lộ và dừng lại ở góc một bãi nghỉ ven đường. Cửa trước mở ra với một tiếng như xì hơi, đèn trong xe nhấp nháy bật lên và người lái thông báo ngắn gọn: "Xin chào tất cả. Hy vọng quý khách đã nghỉ ngơi tốt. Xe chúng ta chạy đúng thời gian quy định và khoảng một tiếng nữa sẽ tới bến cuối ở Takamatsu. Nhưng chúng ta dừng ở đây nghỉ hai mươi phút. Năm rưỡi lại đi tiếp, vậy xin quý khách đảm bảo trở về xe vào quãng ấy."

Lời thông báo đánh thức hầu hết các hành khách và họ lặng lẽ đứng lên một cách chật vật, vừa ngáp vừa loạng choạng ra khỏi xe. Đây là nơi người ta chỉnh trang lại cho đàng hoàng trước khi tới Takamatsu. Tôi cũng xuống xe, thở hít vài hơi thật sâu và làm mấy động tác vươn duỗi đơn giản trong không khí ban mai tươi mát. Tôi đi tới phòng vệ sinh nam, vã chút nước vào mặt. Tôi tự hỏi không biết mình đang ở chỗ quái nào. Tôi ra ngoài và nhìn quanh. Chẳng có gì đặc biệt, chỉ là cái quang cảnh ven đường ta thường thấy gần một xa lộ. Có thể chỉ do tôi tưởng tượng, nhưng hình thù những quả đồi và màu sắc cây cối dường như không giống ở Tokyo.

Tôi đang ngồi trong cafeteria(**) nhấm nháp trà nóng thì cô gái đó đến, ngồi phịch xuống chiếc ghế nhựa cạnh tôi. Tay phải cô cầm một cốc giấy đựng cà phê nóng bốc hơi vừa mua từ máy bán hàng tự động, tay trái cầm một cặp xăng-uých về như cũng mua từ máy bán hàng tự động.

Trông cô ta ngồ ngộ thế nào ấy: diện mạo không cân đối - trán rộng, mũi tròn nhỏ xíu, má lấm tấm tàn hương, tai nhọn. Một kiểu mặt nặn thô vội vàng khiến người ta không thể không chú ý. Tuy nhiên, ấn tượng chung không đến nỗi tệ. Theo như tôi cảm nhận, cô ta không quá tự mãn về ngoại hình của mình, nhưng cô có vẻ tự nhiên thoải mái với chính mình và đó mới là điều quan trọng. Có một cái gì trẻ thơ nơi cô khiến người ta an tâm, chí ít cũng là đối với tôi. Cô không cao lắm,

---

* Cũng như trên máy bay, trên xe buýt ở các nước phat triển, phía trên mỗi ghế hành khách đều có bố trí đèn cho những ai cần ánh sáng để đọc

** Cửa hang ăn tư phục vụ

nhưng có cặp giò dễ coi và một bộ ngực đẹp đối với thân hình mảnh dẻ như vậy.

Đôi hoa tai mảnh bằng kim loại của cô lấp lánh như đuy-ra. Mái tóc nhuộm màu nâu sẫm, gần như đỏ, xõa xuống vai. Cô mặc sơ mi dài tay, cổ bó, kẻ sọc to. Một chiếc ba lô da nhỏ lủng lẳng một bên vai và một chiếc áo len mỏng buộc quanh cổ. Một cái váy mini màu kem trên đôi chân để trần hoàn tất y phục của cô. Hiển nhiên là cô vừa rửa mặt vì mấy mớ tóc như những rễ cây nhỏ còn dán trên vầng trán rộng. Kể cũng lạ, mấy mớ tóc buông lơi ấy lại hấp dẫn tôi.

"Cậu cũng đi cùng chuyến xe, phải không?" cô ta hỏi, giọng hơi khàn khàn.

"À, phải."

Cô nhíu mày tợp một ngụm càphê. "Cậu bao nhiêu tuổi?"

"Mười bảy."

"Vậy cậu đang học trung học?"

Tôi gật đầu.

"Cậu đi đâu?"

"Takamatsu."

"Cũng như tôi," cô nói. "Cậu đi chơi hay về nhà?"

"Đi chơi," tôi đáp.

"Tôi cũng thế. Tôi có bạn ở đấy. Một đứa bạn gái. Còn cậu?"

"Thăm bà con."

Tôi *hiểu*, cái gật đầu của cô nói vậy. Cô không hỏi thêm gì nữa.

"Tôi có đứa em trai bằng tuổi cậu," cô đột ngột nói với tôi như sực nhớ ra. "Có những rắc rối trong gia đình nên đã lâu chị em tôi không gặp nhau... Cậu biết không, trông cậu rất giống *cái tay ấy*. Đã ai nói với cậu thế chưa?"

"*Tay* nào?"

"Cậu biết đấy, cái tay ca sĩ trong ban nhạc ấy! Vừa nhìn thấy cậu trên xe buýt, tôi liền nghĩ ngay là cậu giống anh ta, nhưng tôi không tài nào nhớ nổi tên anh ta. Cố moi óc mà không ra. Chuyện đó đôi khi vẫn xảy đến, đúng không? Nó ở trên đầu lưỡi rồi, ấy thế mà không sao bật ra được. Trước đây đã có ai bảo cậu... rằng cậu khiến họ nhớ đến một người nào đó không?"

Tôi lắc đầu. Chưa ai nói với tôi thế cả. Cô vẫn nhìn tôi, mắt nheo lại, chăm chú. "Ý cô nói đến loại người nào kia?" tôi hỏi.

"Một gã tivi."

"Một anh chàng trên tivi à?"

"Phải," cô nói, cầm miếng xăng-uých kẹp giăm bông lên, lơ đãng cắn một miếng và chiêu bằng một ngụm cà phê. "Một ca sĩ trong một ban nhạc nào đó. Khỉ thật, cả tên ban nhạc tôi cũng không nhớ nốt. Cái gã cao, nói giọng Kansai ấy. Cậu không nghĩ ra là ai à?"

"Rất tiếc, tôi không xem tivi."

Cô gái cau mày, riết róng nhìn tôi. "Cậu không xem tivi bao giờ?"

Tôi lặng lẽ ngúc ngắc đầu. Khoan đã... tôi nên gật hay lắc đây? Tôi gật đầu.

"Cậu không bẻm mép lắm, nhỉ? Về như mỗi lần mở miệng chỉ buông một câu gọn lỏn. Xưa nay cậu vẫn lặng lẽ thế à?"

Tôi đỏ mặt. Đúng là tôi thuộc loại ít nói, nhưng một trong những lý do khiến tôi không muốn nói nhiều, là tại tôi chưa hoàn toàn vỡ tiếng. Đa phần thời gian thì giọng tôi phần nào đã trầm, nhưng thi thoảng nó lại bất chợt ré lên. Cho nên tôi cố sao chỉ nói thật ngắn gọn.

"Dù sao đi nữa," cô nói tiếp, "tôi chỉ muốn nói là nom cậu rất giống cái tay ca sĩ nói giọng Kansai ấy. Không phải là cậu nói giọng Kansai hay gì gì đâu. Chỉ là... tôi không biết nói thế nào... ở cậu toát ra một cái gì rất giống anh ta và anh ta có vẻ là một chàng trai dễ thương, thế thôi."

Nụ cười của cô rút vào hậu trường một lát rồi xuất hiện trở lại, trong khi tôi đánh vật với cơn đỏ mặt của mình. "Nếu cậu đổi kiểu tóc đi thì còn giống anh ta hơn nữa," cô nói. "Hãy để dài hơn tí nữa, bôi tí gôm cho nó vểnh lên một chút. Tôi rất muốn thử làm thế một cái. Chắc chắn nom cậu sẽ rất bảnh với kiểu tóc ấy. Thực tế, tôi là thợ hớt tóc mà."

Tôi gật đầu và nhấp trà. Tiệm cafeteria lặng như tờ. Không hề có tiếng nhạc nền thường thấy, không ai khác trò chuyện ngoài hai chúng tôi.

"Có lẽ cậu không thích trò chuyện?" cô vừa nói vừa nhìn tôi nghiêm trang, đầu tựa vào lòng bàn tay.

Tôi lắc đầu. "Không, đâu phải thế."

"Cậu nghĩ trò chuyện với người khác là chán ngấy?"

Một lần nữa, tôi lại lắc đầu.

Cô cầm miếng xăng-uých thứ hai lên, miếng này kẹp mứt dâu tây thay vì giăm bông. Cô cau mày nhìn như thể không tin vào mắt mình. "Cậu ăn hô tôi miếng này được không? Tôi chúa ghét xăng-uých mứt dâu tây. Ngay từ thuở bé."

Tôi chấp thuận. Xăng-uých mứt dâu tây cũng không nằm trong danh sách những món ưa thích nhất của tôi, nhưng tôi không nói gì và bắt đầu ăn.

Từ bên kia bàn, cô nhìn tôi ăn đến hết mẩu cuối cùng.

"Cậu có thể làm ơn giúp tôi một việc được không?" cô nói.

"Làm ơn?"

"Tôi có thể ngồi cạnh cậu cho đến khi xe tới Takamatsu được không? Tôi ngồi một mình cứ ngay ngáy, lúc nào cũng có cảm giác như có một kẻ quái nhân sắp xịch đến ngồi xuống bên tôi vậy và thế là tôi không sao ngủ được. Khi tôi mua vé, người ta bảo tất cả là ghế một, nhưng khi lên xe tôi thấy toàn ghế đôi. Tôi muốn chợp mắt một chút trước khi tới nơi, và tôi cảm thấy cậu là người tốt. Cậu có thấy phiền không?"

"Không sao cả."

"Cảm ơn," cô nói. "*Đi xa cần có bạn đường*, tục ngữ nói thế mà."

Tôi gật đầu. Gật đầu, gật đầu, gật đầu - dường như tôi chỉ có độc trọi một khả năng đó. Nhưng tôi biết nói gì đây?

"Tiếp sau là gì nhỉ?"

"Tiếp sau cái gì?"

"Sau *bạn đường* là gì nữa? Tôi không nhớ nổi. Tôi không bao giờ khá về môn Nhật văn cả."

"Trong đời cần biết cảm thương nhau cùng," tôi nói.

"*Đi xa cần có bạn đường/ Trong đời cần biết cảm thương nhau cùng*," cô nhắc lại để nhớ cho chắc. Nếu có sẵn bút giấy, ắt cô đã ghi lại và tôi cũng sẽ chẳng lấy làm lạ. "Vậy thực chất, nói nôm na, cái đó nghĩa là gì?"

Tôi ngẫm ngợi. Phải mất một lúc tôi mới luận ra, nhưng cô vẫn kiên nhẫn chờ.

"Tôi nghĩ," tôi nói, "nó có nghĩa là: những cuộc gặp gỡ tình cờ nâng bước ta trên đường đời. Nói nôm na là thế."

Cô suy nghĩ một lát, rồi chậm rãi chắp hai tay đặt lên mặt bàn. "Tôi nghĩ cậu nói đúng: những cuộc gặp gỡ tình cờ nâng bước ta trên đường đời."

Tôi liếc nhìn đồng hồ. Đã năm giờ ba mươi. "Có lẽ chúng ta nên trở về xe thì vừa."

"Ồ, tôi đồ là thế. Ta đi thôi," nói vậy nhưng cô không hề nhúc nhích để đứng dậy.

"Tiện thể xin hỏi ta đang ở đâu?"

"Tôi cũng chẳng biết nữa," cô nói. Cô vươn cổ, lia mắt nhìn khắp xung quanh. Đôi hoa tai đu đưa như hai trái chín nẫu sắp rụng. "Căn cứ vào thời gian xe chạy, tôi đoán chúng ta đang ở gần Kurashiki. Nhưng cái đó quan trọng gì. Một bãi cho xe nghỉ trên xa lộ chỉ là điểm quá vãng. Để đi từ nơi này sang nơi khác." Cô giơ ngón trỏ tay phải và ngón trỏ tay trái lên, cách nhau khoảng ba mươi phân.

"Quan trọng gì cái tên, phải không nào?" cô nói tiếp. "Ở đây có toalét, có đồ ăn. Có đèn nê-ông, có ghế nhựa. Có cà phê tồi. Có xăng-uých mứt dâu tây. Tất cả những cái đó chả có nghĩa gì - ấy là ví như cậu muốn tìm ở nó một ý nghĩa nào đó. Chúng ta từ một nơi nào đó đi đến một nơi nào khác. Đó là tất cả những gì ta cần biết, phải không nào?"

Tôi gật đầu. Và gật đầu. Và gật đầu.

Khi chúng tôi trở lại xe, những hành khách khác đã yên vị, chỉ còn chờ chúng tôi. Người lái, một chàng trai với ánh mắt đăm đăm và nghiêm nghị của một người gác đèn biển, ném một cái nhìn đầy vẻ trách móc về phía hai chúng tôi, nhưng không nói gì, và cô gái đáp lại bằng một nụ cười ngây thơ xin-lỗi-chúng-tôi-về-trễ. Anh ta vươn tay ra đẩy một cái cần và cửa đóng lại với một tiếng xì. Cô gái kéo chiếc va li nhỏ đến ngồi cạnh tôi - một chiếc va li loại tầm tầm chắc là mua ở một quầy bán "xôn" nào đó - và tôi nhấc nó lên cất vào ngăn để hành lý trên đầu hộ cô. Nó nhỏ mà khá nặng. Cô cảm ơn tôi, rồi ngả người trên ghế, nhắm mắt ngủ liền. Như chỉ đợi có thế, chiếc xe bắt đầu lăn bánh ngay khi chúng tôi yên vị. Tôi lấy cuốn sách bìa mềm ra đọc tiếp.

Cô gái mau chóng ngủ say lịm và mỗi khi chiếc xe lượn vòng cua, đầu cô lại ngả vào vai tôi, cuối cùng dựa hẳn lên đó. Cô ngậm miệng,

thở đằng mũi nhẹ nhàng, hơi thở chà qua vai tôi theo một nhịp đều đặn. Tôi ngó xuống và, qua khoang cổ bó của chiếc áo sơ mi, thoáng thấy dây xu-chiêng, một sợi dây mảnh màu kem. Tôi mường tượng lớp vải mịn ở đầu dây đó. Hai bầu vú mềm bên dưới. Hai núm vú hồng hồng căng dần dưới đầu ngón tay tôi. Không phải tôi cố tình tưởng tượng ra thế, song tôi không dừng được. Và - chả có gì là lạ - tôi dựng cột buồm cứng ngắc. Cứng đến nỗi tôi tự hỏi có bộ phận nào khác trong cơ thể có thể cương lên đến độ rắn như đá ấy không.

Thế rồi, đúng lúc ấy, một ý nghĩ chợt đến trong đầu tôi: ngộ nhỡ đây là chị gái mình? Cô ta cũng trạc tuổi ấy. Diện mạo khác thường của cô chẳng mấy giống chị tôi trong tấm ảnh, nhưng không thể căn cứ vào đó. Tùy theo cách chụp, đôi khi ảnh có thể hoàn toàn khác với người thật. Cô nói là cô có một đứa em trai trạc tuổi tôi mà hàng bao năm nay cô không gặp. Liệu đứa em đó có thể là tôi - ít nhất là trên lý thuyết?

Tôi chằm chằm nhìn vào ngực cô. Theo nhịp thở của cô, hai trái đào tròn trĩnh nhô lên hạ xuống như sóng cuộn. Cách nào đó, điều đó khiến tôi nghĩ đến cảnh mưa rơi nhè nhẹ trên biển rộng. Tôi là du khách cô đơn đứng trên boong tàu, còn cô là biển. Bầu trời là một tấm màn xám quyện lẫn với biển xám ở phía chân trời. Thật khó mà phân biệt nổi biển với trời. Cũng như khó mà phân biệt được du khách với biển. Và thực tế với những hoang tưởng của trái tim.

Cô gái đeo hai chiếc nhẫn ở ngón tay, mà không chiếc nào là nhẫn cưới hoặc nhẫn hứa hôn cả; đó chỉ là những đồ rẻ tiền thường thấy ở những cửa hàng nhỏ dành cho thiếu nữ. Ngón tay cô dài, mảnh nhưng nom chắc khỏe, móng cắt ngắn và tỉa đẹp, nhuộm một lớp thuốc phơn phớt hồng. Tay cô dựa nhẹ trên đầu gối thò ra khỏi chiếc váy mini. Tôi rất muốn sờ vào đôi bàn tay ấy, nhưng cố nhiên, tôi không làm thế. Khi ngủ, nom cô như một đứa trẻ. Một cái tai nhọn thòi ra khỏi mái tóc như một chiếc nấm, nom mỏng mảnh lạ lùng.

Tôi gấp sách lại, nhìn ra cảnh vật vèo qua ngoài cửa kính một lúc. Rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

# Chương 4

**BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)**
**Ngày: 12 tháng Năm năm 1946**
**Tên: Báo cáo về sự kiện Đổi Bát Cơm năm 1944**
**Tài liệu số PTYX-722-8936745-42216-WWN**

**Dưới đây là một cuộc thẩm vấn ghi âm với Bác sĩ Juichi Nakazawa (53 tuổi), giám đốc một bệnh viện nội khoa ở thành phố [tên bị xóa] vào thời điểm xảy ra sự kiện này. Các tư liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn có thể truy nhập theo số PTYX-722-SQ-162 đến 183.**

**Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O'Connor: Bác sĩ Nakazawa người to xương, đen đúa, nom giống một lực điền hơn một ông thầy thuốc. Phong thái bình tĩnh, nhưng hoạt bát và rành rẽ, nói đúng những gì mình nghĩ trong đầu. Đằng sau cặp kính là đôi mắt có cái nhìn rất sắc và linh hoạt. Trí nhớ của ông có thể tin cậy được.**

Đúng vậy - hồi mười một giờ sáng ngày 7 tháng Mười một năm 1944, tôi nhận được một cú điện thoại của ông hiệu phó trường tiểu học địa phương. Tôi gần như là bác sĩ của trường, vì thế nên có chuyện gì là họ gọi tôi trước tiên.

Ông hiệu phó rất hoảng hốt. Ông nói với tôi rằng cả một lớp học

đã bị ngất xỉu trong khi đi dã ngoại hái nấm trên đồi. Theo ông, tất cả đã hoàn toàn bất tỉnh. Chỉ có cô giáo phụ trách là còn tỉnh, và cô chạy ngay về trường cầu cứu. Cô cuống cuồng đến nỗi tôi không thể nắm được toàn bộ tình huống, tuy nhiên vẫn rõ ra một điều xác thực: mười sáu em học sinh đã gục ngã trong rừng.

Vì bọn trẻ đi hái nấm, cho nên ý nghĩ đầu tiên của tôi là chúng đã ăn phải nấm độc và bị liệt. Nếu đúng là như vậy thì rất khó chữa trị. Các loại nấm khác nhau có mức độ độc khác nhau và cách điều trị phải theo đó mà thay đổi. Điều tối đa chúng tôi có thể làm là bơm hết các thứ trong dạ dày ra. Tuy nhiên trong trường hợp ăn phải loại có nồng độ độc cao, chất độc có thể nhanh chóng ngấm vào máu và việc cứu chữa có thể là quá muộn. Ở vùng này, hằng năm vẫn có nhiều người chết vì nấm độc.

Tôi nhét mấy loại thuốc cấp cứu vào túi thuốc và đạp xe thật nhanh đến trường. Hai cảnh sát được báo tin đã tới đó rồi. Chúng tôi biết là phải đưa bọn trẻ bất tỉnh về thành phố, nên cần tất cả những sự hỗ trợ có thể huy động được. Tuy nhiên, phần lớn thanh niên đã ra mặt trận, thành thử chúng tôi đành bằng lòng với lực lượng có trong tay - bản thân tôi, hai viên cảnh sát, một thầy giáo lớn tuổi, ông hiệu trưởng và ông hiệu phó, người gác trường. Và tất nhiên cả cô giáo phụ trách lớp đi cùng với bọn trẻ nữa. Chúng tôi huy động tất cả những xe đạp có thể kiếm được nhưng vẫn không đủ, thành thử có xe phải đèo hai người.

**- Khoảng mấy giờ các ông tới hiện trường?**

11 giờ 55. Tôi nhớ rõ vì tôi có nhìn đồng hồ khi tới đó. Chúng tôi đạp xe đến chân đồi, tới điểm xa nhất có thể, rồi leo bộ nốt đoạn còn lại.

Vào lúc tôi đến, có mấy em đã hồi tỉnh phần nào. Theo tôi nhớ thì độ ba, bốn em. Nhưng chúng không tỉnh hoàn toàn - kiểu như loạng choạng bò bốn chân. Số còn lại vẫn phủ phục. Sau một hồi, một số khác bắt đầu hồi tỉnh, thân thể oằn oại như những con sâu khổng lồ. Thật là một cảnh tượng rất kỳ lạ. Bọn trẻ đã gục xuống ở một khoảng đất bằng, trống giữa rừng, nơi khác thường tựa như toàn bộ cây cối đã bị bốc gọn đi cho nắng thu rọi chiếu vào. Và tại đây, mười

sáu học sinh tiểu học nằm phủ phục la liệt trên mặt đất, một số bắt đầu cựa quậy, một số vẫn hoàn toàn bất động. Tưởng đâu như một vở kịch tiền phong chủ nghĩa.

Trong một lúc, tôi quên bẵng nhiệm vụ của mình là chữa trị cho bọn trẻ và chỉ đứng ngây ra nhìn cảnh tượng đó. Mà không phải chỉ riêng tôi - tất cả mọi người trong nhóm cứu trợ đều phản ứng như vậy, tạm thời bị tê liệt bởi những gì họ nhìn thấy. Nói thế này nghe cũng kỳ, nhưng tôi có cảm giác như vì tình cờ chúng tôi được chứng kiến một cảnh tượng mà đáng ra người bình thường không được phép thấy. Đây là thời chiến, và với tư cách là thầy thuốc, tôi luôn chuẩn bị để đối phó với bất kỳ tình huống nào, mặc dầu ít có khả năng xảy ra điều gì ghê gớm ở nơi hẻo lánh này. Là công dân Nhật Bản, tôi phải sẵn sàng làm bổn phận của mình một cách bình tĩnh. Nhưng khi trông thấy cảnh này, người tôi thực sự đông cứng lại.

Tôi mau chóng vùng ra khỏi trạng thái này và bế một đứa trong đám trẻ lên, một bé gái. Người nó chẳng còn chút lực nào và mềm oặt như cái tã. Nó thở đều đặn nhưng vẫn bất tỉnh. Tuy nhiên mắt nó vẫn mở, đưa qua đưa lại như dõi tìm một cái gì. Tôi rút một chiếc đèn pin từ trong túi đồ ra, soi vào đồng tử của nó. Hoàn toàn không phản ứng gì. Đôi mắt vẫn hoạt động, ngó nhìn một cái gì đó, nhưng không biểu lộ một phản ứng nào với ánh sáng. Tôi bế mấy đứa khác lên, xem xét - tất cả đều y hệt như thế, không chút phản ứng. Tôi thấy quả là rất kỳ quái.

Tiếp đó, tôi xem mạch và nhiệt độ của chúng. Mạch từ 50 đến 55, còn nhiệt độ thì tất cả đều dưới 36°C. Khoảng chừng 35,5° gì đó, theo trí nhớ của tôi. Đúng - đối với trẻ con ở tuổi này, nhịp mạch này là dưới mức bình thường, thân nhiệt thấp hơn trung bình đến hơn một độ. Tôi ngửi hơi của chúng, nhưng không thấy gì bất bình thường. Họng và lưỡi cũng vậy.

Ngay lập tức, tôi xác định rằng đây không phải những triệu chứng của ngộ độc thức ăn. Không đứa nào nôn mửa hoặc đi ỉa chảy, hoặc tỏ ra đau đớn gì cả. Nếu chúng ăn phải cái gì độc hại thì sau chừng nấy thời gian, ít nhất một trong những triệu chứng đó cũng phải phát lộ. Tôi trút một tiếng thở phào nhẹ nhõm vì biết chắc đây không phải là ngộ độc thức ăn. Nhưng tôi vẫn không dò ra do đâu chúng bị như thế.

Các triệu chứng giống như say nắng. Trẻ con thường gục ngã vì say nắng vào mùa hè. Hiện tượng này tựa như lây nhiễm - hễ một đứa lăn đùng ra, tất cả lũ bạn nó cũng lần lượt gục theo. Nhưng đây là tháng Mười một trong một cánh rừng mát mẻ cơ mà. Nếu một, hai đứa bị say nắng thì còn khả dĩ, nhưng cả mười sáu đứa đồng loạt đổ kềnh thì thật phi lý.

Ý nghĩ tiếp theo của tôi là về khí - một loại khí độc làm tê liệt thần kinh, tự nhiên phát sinh hay nhân tạo. Nhưng có trời biết làm sao khí độc lại có thể xuất hiện giữa một cánh rừng ở cái nơi khỉ ho cò gáy này? Tôi không lý giải nổi. Tuy nhiên, giả thuyết về khí độc khả dĩ còn giải thích được một cách lô gích những gì tôi nhìn thấy hôm đó. Tất cả đã hít phải nó, rồi ngất xỉu và đổ gục tại chỗ. Cô giáo phụ trách không gục vì nồng độ khí không đủ mạnh để quật ngã một người lớn.

Nhưng đến đoạn chữa trị cho bọn trẻ như thế nào thì tôi hoàn toàn hoang mang. Tôi chỉ là một bác sĩ nông thôn, không có kiến thức chuyên môn về khí độc. Chúng tôi ở một tỉnh xa xôi hẻo lánh, không thể gọi một chuyên gia đến được. Thực tế, một số đã khá lên một cách rất từ từ và tôi hy vọng rằng với thời gian, tất cả sẽ hồi tỉnh. Tôi biết đó là một cách nhìn quá lạc quan, nhưng lúc đó, tôi không thể nghĩ ra điều gì khác. Cho nên, tôi đề nghị cứ để chúng nằm yên đó một lúc, chờ xem diễn biến ra sao.

**- Có cái gì khác thường trong không khí không?**

Chính tôi cũng bận tâm về điểm này, thế nên tôi đã hít mấy hơi thật sâu để xem có phát hiện ra mùi gì bất thường không. Nhưng đó chỉ là cái mùi bình thường của một rừng cây trên đồi - một mùi sảng khoái thơm hương cây. Hoa lá cây cỏ quanh đây cũng chẳng có gì khác thường. Không có gì thay đổi hình dạng hay sắc màu.

Tôi lần lượt xem xét từng chiếc nấm bọn trẻ đã hái. Chẳng nhiều nhặn gì, nên tôi kết luận rằng chúng đã gục ngã không lâu sau khi bắt đầu hái. Tất cả đều là nấm ăn được rất phổ biến. Tôi làm bác sĩ ở đây đã khá lâu nên biết rõ các loại nấm khác nhau trong vùng. Dĩ nhiên, để cho chắc, tôi gom tất cả lại, mang về nhờ một chuyên gia xem xét giám

định. Nhưng tôi có thể nói tất cả đều là nấm thông thường ăn được.

**- Ông nói mắt bọn trẻ bất tỉnh vẫn đưa qua đưa lại, nhưng ông có nhận thấy triệu chứng hoặc phản ứng bất bình thường nào khác không? Chẳng hạn kích cỡ của đồng tử, màu của lòng trắng con ngươi, tần số chớp mắt?**

Không. Ngoài việc mắt chúng lia qua lia lại như cái đèn quét, không có gì lạ thường. Tất cả các chức năng khác đều hoàn toàn bình thường. Bọn trẻ nhìn vào cái gì đó. Nói cụ thể hơn, chúng không nhìn vào những gì chúng ta có thể thấy, mà vào một cái gì đó chúng ta *không thể thấy*. Đúng hơn, tựa như chúng đang *quan sát* một cái gì chứ không chỉ nhìn. Mặt chúng chủ yếu là không biểu cảm, nhưng nhìn chung, chúng có vẻ bình thản, không sợ hãi hay đau đớn gì. Đó là một trong những lý do khiến tôi quyết định cứ để chúng nằm đó, chờ xem diễn biến ra sao. Tôi quyết định là nếu chúng không đau đớn gì thì cứ để chúng thế một lúc xem sao.

**- Ông có nói với ai về giả thuyết là bọn trẻ bị nhiễm hơi độc không?**

Có, nhưng không ai tin. Người ta chưa từng nghe nói có ai vào rừng chơi mà bị nhiễm hơi độc. Thế rồi một trong những người có mặt tại đó - hình như là ông hiệu phó - nói rằng có thể đó là hơi độc do máy bay Mỹ thả xuống. Hẳn chúng đã ném xuống một trái bom hơi độc, ông nói. Cô giáo phụ trách liền nhớ ra là đã thấy một cái gì giống như một chiếc B-29 bay rất cao trên bầu trời ngay trước lúc họ bắt đầu lên đồi. Mọi người ồ lên: Chắc là thế! Một loại bom hơi độc mới sáng chế của Mỹ. Tin đồn về việc Mỹ vừa sáng chế một loại bom mới đã lan tới tận miền rừng núi chúng tôi. Nhưng tại sao người Mỹ lại ném thứ vũ khí mới nhất của họ xuống một nơi khỉ ho cò gáy như thế này, điều đó không ai giải thích nổi. Nhưng trong đời sống thường vẫn có những sai trật và không phải cái gì chúng ta cũng hiểu được.

**- Vậy sau đó, bọn trẻ dần dần tự hồi phục?**

Chính thế. Tôi không thể tả với ông là tôi nhẹ người đi biết nhường nào. Thoạt đầu, chúng bắt đầu ngọ nguậy, rồi chúng lảo đảo ngồi dậy, dần dần tỉnh lại. Trong quá trình đó, không đứa nào kêu đau gì cả. Tất cả diễn ra rất bình lặng như thể chúng thức dậy từ một giấc ngủ sâu vậy. Và với việc hồi tỉnh, sự chuyển động của con mắt chúng trở lại bình thường. Chúng phản ứng bình thường với ánh sáng khi tôi rọi đèn pin vào mắt chúng. Tuy nhiên, phải mất một lúc chúng mới nói trở lại - y như ta vừa thức giấc vậy.

Chúng tôi hỏi từng đứa là điều gì đã xảy đến với chúng, thì tất cả đều ngớ ra như thể bị chất vấn về một chuyện chẳng liên quan gì đến mình. Lên đồi, bắt đầu hái nấm - chừng nấy thì chúng nhớ. Mọi điều sau đó là một khoảng trống hoác. Chúng hoàn toàn không ý thức gì về quãng thời gian ở giữa. Chúng bắt đầu hái nấm, rồi màn tối chụp xuống và giờ thì thấy mình nằm dưới đất, xung quanh toàn người lớn. Bọn trẻ không thể nào hình dung tại sao tất cả chúng tôi đều nháo nhác, trân trân nhìn chúng với vẻ lo lắng đến thế trên nét mặt. Chúng có vẻ sợ chính chúng tôi hơn bất cứ cái gì khác.

Buồn thay, một em không tỉnh lại được. Một bé trai sơ tán từ Tokyo, tên là Satoru Nakata, nếu tôi nhớ không nhầm. Một bé trai xanh xao, nhỏ quắt. Đó là đứa duy nhất vẫn bất tỉnh, nằm sóng soài trên mặt đất, mắt lơ láo đưa qua đưa lại. Chúng tôi phải cõng nó xuống đồi. Những đứa khác tự đi xuống như không có chuyện gì xảy ra.

**- Ngoài thằng bé Nakata, không có đứa nào sau đó biểu hiện triệu chứng gì chứ?**

Không, ít nhất là về những dấu hiệu bề ngoài, chúng không biểu hiện triệu chứng gì bất thường cả. Không đứa nào kêu đau hoặc khó chịu. Ngay sau khi trở về trường, tôi lập tức đưa từng đứa một vào phòng y tế để xem xét cho kỹ - lấy nhiệt độ, nghe nhịp tim bằng ống nghe, kiểm tra thị lực.Tôi đã làm mọi việc có thể làm vào thời điểm đó. Tôi bắt chúng làm một vài bài toán số học đơn giản, nhắm mắt đứng lò cò một chân, những thứ đại loại như vậy. Vì mặt thể chất, chúng đều ổn. Chúng không có vẻ mệt và thấy thèm ăn. Vì chưa ăn trưa, tất cả đều

kêu đói. Đưa cơm nắm cho chúng, chúng ăn ngấu nghiến.

Mấy hôm sau, tôi ghé qua trường xem tình trạng chúng ra sao. Tôi gọi mấy đứa vào phòng y tế, đặt câu hỏi kiểm tra. Một lần nữa, mọi sự xem ra đều ổn. Từ cái trải nghiệm kỳ dị ấy, không còn lại dấu vết gì, về thể chất cũng như cảm xúc. Thậm chí chúng không nhớ được chuyện gì đã xảy ra nữa. Chúng dự lớp như mọi khi, ca hát, chơi nhổng trong giờ ra chơi, làm mọi thứ những đứa trẻ bình thường vẫn làm. Tuy nhiên, cô giáo chủ nhiệm của chúng thì khác, có vẻ như cô ta vẫn bị sốc.

Nhưng cậu bé duy nhất bị nhiễm, Nakata, vẫn không hồi tỉnh nên hôm sau chúng tôi đưa nó vào bệnh viện trường đại học ở Kofu. Sau đó, nó được chuyển sang một bệnh viện quân đội và không bao giờ trở lại tỉnh chúng tôi nữa. Tôi không có tin tức gì của nó nữa.

Sự kiện này không hề được đưa lên báo. Tôi đoán là nhà chức trách quyết định rằng nó sẽ chỉ gây hoang mang nên đã cấm không được nhắc tới. Nên nhớ rằng trong thời chiến, quân đội cố gắng dập tắt tất cả những gì họ cho là tin đồn vô căn cứ. Cuộc chiến tiến triển không thuận lợi, quân đội đang rút lui trên mặt trận phía Nam, các cuộc đột kích tự sát nối tiếp nhau, những cuộc không kích của Mỹ ngày càng dữ dội. Quân đội sợ nhất là những tình cảm chống chiến tranh hoặc hòa bình chủ nghĩa nổi lên trong dân chúng. Mấy ngày sau sự kiện này, cảnh sát được phái đến, họ cảnh báo chúng tôi rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được kể những gì chúng tôi đã thấy.

Toàn bộ vụ việc này thật là kỳ quái và khó chịu. Đến tận hôm nay, nó vẫn như một quả tạ đè lên ngực tôi.

# Chương 5

Khi xe buýt qua chiếc cầu mới khổng lồ bắc qua Biển Nội Địa, tôi vẫn đang ngủ. Tôi mới chỉ thấy cây cầu trên bản đồ và vẫn chờ đợi được nhìn thấy nó trong thực tế. Ai đó vỗ nhẹ vào vai tôi, làm tôi thức giấc.

"Này, đến rồi đấy," cô gái nói.

Tôi vươn vai, dụi mắt và nhìn ra ngoài cửa sổ. Quả thật, xe vừa rẽ vào một khoảng rộng tựa như một sân ga. Nắng sớm mai làm bừng sáng cảnh vật. Gần như chói lòa, nhưng cách nào đó, vẫn dìu dịu, ánh sáng này khác hẳn thứ ánh sáng quen thuộc với tôi ở Tokyo.

"Chao, chuyến đi dài ghê," cô uể oải nói. "Lưng dưới tôi như muốn gãy còn gáy thì đau nhừ. Tôi cạch đến già, chẳng bao giờ đáp một chuyến xe buýt chạy thông đêm nữa. Từ nay, tôi sẽ đi máy bay, cho dù có đắt mấy đi nữa. Nhộn nhạo, không tặc, tôi cũng bất cần."

Tôi hạ chiếc va li của cô và ba lô của tôi từ trên giá hành lý xuống. "Tên chị là gì?"

"Tên tôi ư?"

"Phải."

"Sakura," cô nói. "Còn cậu?"

"Kafka Tamura," tôi đáp.

"Kafka Tamura," cô nhắc lại. "Tên kỳ nhỉ. Nhưng mà dễ nhớ."

Tôi gật đầu. Trở thành một con người khác có thể là khó, nhưng

lấy một cái tên khác thì dễ ợt.

Cô xuống xe, đặt va li xuống đất và ngồi luôn lên đó, rồi rút từ chiếc ba lô nhỏ ra một cuốn sổ tay, ghi mấy chữ, xé trang đó đưa cho tôi. Có vẻ như là một số điện thoại.

"Số điện thoại di động của tôi," cô nhăn nhó nói. "Tôi sẽ ở nhà bạn tôi một thời gian, nhưng nếu cậu cảm thấy muốn gặp một ai thì cứ gọi tôi. Chúng ta có thể đi ăn với nhau hay làm gì đó. Đừng có khách sáo nhé. '*Cả những cuộc gặp gỡ tình cờ...*' gì nữa nhỉ?"

"*... cũng là duyên kiếp.*"

"Đúng, đúng," cô nói. "Nhưng thế nghĩa là gì nhỉ?"

"Là mọi sự trên đời đều do kiếp trước của ta định sẵn. Là ngay cả trong những sự kiện nhỏ nhất, cũng không có cái gì là ngẫu nhiên."

Cô ngồi đó, trên chiếc va li màu vàng, sổ ghi cầm trên tay, ngẫm ngợi một lúc. "Hừm... đó là một thứ triết học, phải không? Tư duy về cuộc đời theo cách ấy cũng không phải là tồi. Kiểu như một sự đầu thai mới, xu hướng New Age(*) chứ gì. Nhưng Kafka, hãy nhớ điều này nhé, được không? Không phải bất cứ ai tôi cũng cho số điện thoại di động đâu. Cậu hiểu tôi muốn nói gì chứ?"

Tôi cảm ơn cô về điều đó, gấp mẩu giấy và nhét vào túi áo gió. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi bỏ nó vào trong ví, chắc ăn hơn.

"Vậy cậu sẽ ở lại Takamatsu bao lâu?" Sakuro hỏi.

"Tôi cũng chưa biết," tôi đáp. "Còn tùy tình hình."

Cô nhìn tôi đăm đăm, đầu hơi nghiêng về một bên. *Ô-kê, dù sao mặc lòng*, hình như cô đang nghĩ vậy. Cô lên một chiếc taxi, khẽ vẫy chào và đi khỏi.

Một lần nữa, tôi lại trơ trọi một mình. *Sakura*, tôi nghĩ - không phải tên chị tôi. Nhưng người ta có thể thay tên đổi họ khá dễ dàng. Nhất là khi người ta đang cố tìm cách trốn tránh.

Tôi đã đặt phòng tại một khách sạn doanh thương ở Takamatsu. Hội Thanh Niên Thiên Chúa Giáo ở Tokyo đã giới thiệu khách sạn này

---

* Thuộc phong trào văn hóa chấp bỏ những giá trị hiện đại phương Tây và đề cao đời sống tinh thần.

với tôi và qua đó tôi được giảm giá phòng. Nhưng chỉ trong ba ngày đầu thôi, sau đó lại trở về nguyên giá.

Nếu thực sự muốn tiết kiệm, tôi có thể ngủ luôn trên một cái ghế băng trước bến xe, hoặc chui vào túi ngủ nằm vạ vật đâu đó trong một công viên vì ngoài trời hãy còn ấm. Nhưng như vậy cảnh sát sẽ đến và xét giấy tôi - điều duy nhất tôi cần tránh bằng mọi giá. Vì thế tôi quyết định đặt phòng khách sạn, ít nhất là ba hôm. Rồi sau sẽ liệu.

Tại bến xe, tôi tạt vào quán ăn đầu tiên tôi nhìn thấy và đánh chén món udon đến căng bụng. Sinh trưởng ở Tokyo, tôi ít có dịp được ăn udon chính hiệu, thứ đặc sản của đảo Shikoku, và giờ đây tôi đang đả một món mì trước nay chưa từng thấy. Nó tươi, nạc và nước dùng mới thơm làm sao! Và giá rẻ bất ngờ! Khoái khẩu đến nỗi tôi gọi luôn bát thứ hai, và lần đầu tiên sau không biết bao lâu, tôi nhồi nhét đầy tễ một cách sung sướng. Sau đó tôi gieo mình xuống một chiếc ghế băng trong quảng trường cạnh bến xe và ngước mắt nhìn lên bầu trời đầy nắng. *Ta đã tự do,* tôi tự nhắc mình. Hoàn toàn tự do và một mình, như đám mây bay ngang trời.

Tôi quyết định giết thời gian cho đến tối trong một thư viện. Từ nhỏ, tôi đã thích tiêu thì giờ trong phòng đọc của các thư viện, cho nên trước khi đến Takamatsu, tôi đã tự trang bị thông tin về tất cả các thư viện trong trung tâm và ngoại vi thành phố này. Thử nghĩ mà xem - một thằng nhóc không muốn về nhà thì chẳng có mấy chỗ mà đi. Tiệm cà phê và rạp chiếu bóng là ngoài tầm. Chỉ còn có thư viện là hoàn hảo - không mất tiền vào cửa, không ai thắc mắc và khó chịu khi thấy một thằng nhóc vào thư viện một mình. Chỉ việc ngồi xuống và đọc bất kỳ cái gì mình muốn. Sau giờ tan trường, tôi thường đạp xe đến thư viện công cộng của quận. Cả những ngày nghỉ cũng có thể tìm tôi ở đấy. Tôi đọc ngấu nghiến đủ mọi thứ - tiểu thuyết, tiểu sử danh nhân, sách lịch sử, bất cứ cái gì trong tầm tay. Khi đã ngốn hết sách cho trẻ con, tôi chuyển sang các ngăn sách cho người lớn. Có thể tôi không hiểu gì mấy, nhưng tôi vẫn cặm cụi đọc đến trang cuối cùng. Khi nào mệt, tôi vào một cabin, đeo tai nghe, thưởng thức một chút âm nhạc. Tôi không sành nhạc, nên cứ nghe lần lượt cả dãy CD họ xếp ở đó. Chính nhờ vậy

mà tôi biết đến Duke Ellington, nhóm The Beatles và Led Zeppelin.

Thư viện giống như ngôi nhà thứ hai của tôi. Hay có thể nói, đó là nơi chốn thật sự của tôi, thân thiết hơn chính ngôi nhà tôi ở. Do đến đó hằng ngày, tôi quen tất cả các cô thủ thư. Họ biết tên tôi và bao giờ cũng đon đả chào hỏi. Tuy nhiên, hồi đó tôi nhút nhát dễ sợ và chỉ đáp lại lí nhí trong miệng.

Trước khi đến Takamatsu, tôi đã được biết có một phú hộ thuộc một dòng họ lâu đời ở ngoại ô thành phố này đã biến kho sách riêng của mình thành một thư viện tư nhân mở cửa phục vụ công chúng. Ở đây có nhiều sách hiếm và tôi nghe nói bản thân ngôi nhà và khu vườn bao quanh cũng đáng tham quan. Tôi đã có lần thấy họa báo *Taryo* đăng ảnh chụp nơi này. Đó là một tòa nhà lớn theo phong cách Nhật Bản với cái phòng đọc thực sự sang trọng giống như một phòng khách, trong đó người đọc ngồi trên những chiếc ghế bành nom thật thoải mái. Vì một lý do nào đó, tấm ảnh đó thực sự lưu lại trong trí tôi và tôi rất muốn một ngày nào đó, khi có dịp, sẽ đến xem tận mắt. Nơi này được gọi là Thư viện Tưởng niệm Komura.

Tôi đến phòng thông tin du lịch ở ga, hỏi cách đến đó. Một bà trung niên hòa nhã đánh dấu vị trí trên một tấm bản đồ du lịch và chỉ dẫn tôi phải đi tàu nào, tuyến nào. Một cuốc chừng hai mươi phút, bà giải thích. Tôi cảm ơn bà và ra xem bảng giờ tàu niêm yết ở ga. Cứ khoảng hai mươi phút lại có một chuyến. Còn dư thời gian, tôi đến một quán ăn nhỏ mua một suất trưa mang ra ngoài.

Tàu chỉ có hai toa ghép lại. Đường tàu cắt ngang một khu thương xá cao tầng, rồi đi qua một khu hỗn hợp gồm cả nhà ở lẫn cửa hàng, xí nghiệp lẫn kho hàng. Tiếp đến một công viên và một khu chung cư đang xây dựng. Tôi áp mặt vào cửa kính, hau háu nhìn như nuốt những cảnh vật xa lạ ấy. Tôi ít khi ra khỏi Tokyo, nên nhìn mọi thứ đều thấy tươi, mới. Vào giờ này, con tàu đi ra ngoại ô gần như trống rỗng, nhưng mé ke bên kia lại đầy những học sinh tiểu học và trung học mặc đồng phục mùa hè, cặp sách đeo chéo qua vai. Tất cả đều đi đến trường. Riêng mình tôi đi về hướng ngược lại. Chúng tôi đi trên những tuyến đường khác nhau theo nhiều cách. Đột nhiên, tôi cảm thấy không khí như loãng ra và một cái gì đè nặng lên ngực. Tôi có thực sự hành động

đúng không? Ý nghĩ đó khiến tôi cảm thấy đơn côi. Tôi quay lưng lại phía bọn học sinh và ráng không nhìn chúng nữa.

Tàu chạy dọc ven biển một lúc, rồi rẽ vào vùng nội địa, qua những cánh đồng ngô và nho, những triền đồi bậc thang trồng quít. Lác đác, những hồ tưới tiêu lấp lánh dưới nắng. Một con sông trong mát uốn khúc qua một thung lũng, một dải đất hoang cỏ mọc um tùm. Một chú chó đứng ngay cạnh đường ray ngây ngô nhìn con tàu vút qua. Ngắm nhìn quang cảnh ấy, tôi cảm thấy ấm áp và bình tâm lại. Tôi hít một hơi thật sâu và tự nhủ: "Rồi sẽ ổn thôi. Chỉ có một cách là tiến tới."

Tới ga, tôi theo bản đồ, đi về hướng Bắc, qua những dãy cửa hàng và nhà ở cũ kỹ. Dọc hai bên phố là những tường bao quanh nhà dân. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều kiểu tường khác nhau như thế - tường đen bằng ván, tường trắng, tường khối granít, tường đá bên trên có bụi cây. Toàn bộ khu này tĩnh lặng, phố xá vắng tanh. Thỉnh thoảng mới có một chiếc xe hơi chạy qua. Không khí thoang thoảng mùi biển, chắc là biển cũng gần đâu đây. Tôi lắng tai nhưng không nghe thấy tiếng sóng. Tuy nhiên, tôi nghe thấy văng vẳng từ xa tiếng cưa điện vè vè như ong bay, có lẽ từ một công trường xây dựng. Dọc đường từ ga trở đi, có những biển nhỏ với những mũi tên chỉ về hướng thư viện, nên tôi không thể lạc.

Ngay trước cánh cổng bề thế của Thư viện Tưởng niệm Komura là hai cây mận được xén tỉa gọn gàng. Bên trong, những lối đi rải sỏi ngoằn ngoèo qua những đám cây khác cũng được tỉa đẹp đẽ - thông, mộc lan, đỗ quyên... - không hề thấy một chiếc lá rơi trên mặt đất. Thấp thoáng giữa những bụi cây là những trụ đèn đá và cả một cái hồ nhỏ. Cuối cùng, tôi tới cửa vào thiết kế rất tinh vi. Tôi dừng lại trước cánh cửa mở, tần ngần một lúc. Nơi này không giống bất kỳ thư viện nào tôi từng thấy. Nhưng đã vượt cả một quãng đường dài như thế, dẫu sao tôi cũng phải dấn bước vào. Ngay bên trong cửa, một thanh niên ngồi ở quầy gửi túi. Tôi cởi ba lô, kính râm và mũ.

"Cậu đến đây lần đầu?" anh ta hỏi bằng một giọng bình thản, thư thái. Giọng anh hơi the thé, nhưng dịu dàng, êm ái.

Tôi gật đầu, nhưng không biết nói gì. Câu hỏi đến bất ngờ làm tôi có phần căng thẳng.

Kẹp một cây bút chì dài vừa gọt trong tay, anh ta đăm đăm nhìn

tôi một lúc. Cây bút chì màu vàng, có một cái tẩy nhỏ ở đầu kia. Mặt anh ta thuộc loại nhỏ nhắn, nét đều đặn. Xinh xắn, chứ không điển trai, nếu muốn mô tả cho chính xác. Anh ta mặc sơ mi vải bông màu trắng, cổ gài cúc hai đầu, quần màu xanh ô-liu, là phẳng phiu. Khi cúi xuống, mái tóc dài xõa xuống trán, thi thoảng anh ta đưa tay vuốt ngược lên. Tay áo xắn đến khuỷu để lộ đôi cổ tay trắng trẻo mảnh dẻ. Cặp kính gọng thanh nhã tinh tế tôn thêm diện mạo của anh. Tấm thẻ plastic gắn trên ngực anh ghi rõ tên *Oshima*. Không giống loại thủ thư mà tôi thường gặp.

"Cậu cứ thoải mái tìm ở các ngăn sách," anh ta bảo tôi, "nếu thấy cuốn nào cậu thích đọc thì chỉ việc mang ra phòng đọc. Những sách hiếm đều đóng triện đỏ ở trên, muốn đọc phải ghi phiếu yêu cầu. Đằng kia, ở bên phải là phòng tra cứu. Có một danh mục tác phẩm và một máy vi tính cho độc giả sử dụng tìm tư liệu. Không được phép mang sách ra ngoài. Thư viện không có báo và tạp chí. Không được phép mang theo máy ảnh. Và cấm mọi sự sao chép. Muốn ăn, uống, phải ra ngoài, ngồi trên ghế băng. Năm giờ đóng cửa." Anh ta đặt bút chì lên bàn và hỏi thêm: "Cậu đang học trung học?"

"Vâng," tôi đáp sau khi hít một hơi thật sâu.

"Thư viện này có hơi khác với các thư viện mà các cậu quen lui tới," anh ta nói. "Chúng tôi chuyên về một số thể loại sách, chủ yếu là sách cổ của các nhà thơ tanka(*) và haiku. Dĩ nhiên chúng tôi cũng có một bộ tuyển các sách đại cương. Phần lớn những người đáp tàu ra tận đây đều làm công việc nghiên cứu trong những lĩnh vực này. Không ai đến đây để đọc cuốn tiểu thuyết mới nhất của Stephen King(**) cả. Thỉnh thoảng cũng có sinh viên đại học đến, nhưng cỡ tuổi cậu thì rất hiếm. Vậy cậu nghiên cứu tanka hay haiku?"

"Không," tôi trả lời.

"Tôi cũng nghĩ thế."

"Thế tôi vẫn được phép vào đọc chứ?" tôi rụt rè hỏi, cố giữ cho giọng khỏi run.

---

* Thể loại thơ cổ, tiền thân của haiku

** Nhà văn Mỹ chuyên viết chuyện kinh dị, rất ăn khách

"Dĩ nhiên là được." Anh mỉm cười và đặt cả hai tay lên bàn. "Đây là một thư viện, chúng tôi hoan nghênh bất kỳ ai muốn đọc. Và xin nói nhỏ với cậu, chính tôi cũng chẳng mê tanka hay haiku gì cho lắm."

"Đây quả là một ngôi nhà đẹp," tôi nói.

Anh gật đầu. "Gia đình Komura là một nhà sản xuất rượu sakê quan trọng từ thời Edo," anh giải thích, "và cha của ông chủ hiện thời là một người mê sách, nổi tiếng toàn quốc về việc bôn ba khắp nước để lùng sách. Bản thân cụ thân sinh ra ông cũng là một nhà thơ và nhiều nhà văn thường ghé lại đây mỗi khi có việc đến Shikoku. Chẳng hạn như Wakayama Bokusui hay Ishikawa Takuboku và Shiga Naoya. Một số trong bọn họ hẳn thấy nơi này rất thoải mái dễ chịu nên đã lưu lại dài dài. Nói chung, gia đình không bao giờ dè sẻn chi tiêu khi đụng đến văn chương nghệ thuật. Điều thường xảy ra với một gia đình như thế, là chung cuộc một hậu duệ sẽ phá tán những gì được thừa kế, nhưng may thay, gia đình Komura đã tránh được cái mệnh ấy. Họ hưởng thụ và duy trì thú chơi sách nhưng mặt khác, bảo đảm tốt công việc kinh doanh."

"Vậy là họ giàu," tôi nói, khẳng định điều hiển nhiên.

"Rất giàu." Môi anh ta hơi bĩu ra. "Không bằng thời kỳ trước chiến tranh, nhưng vẫn còn ối của. Vì thế nên họ vẫn duy trì được một thư viện tuyệt vời như thế này. Cố nhiên, biến nó thành một cơ sở lợi ích công cộng giúp họ giảm được thuế thừa kế, nhưng đó là chuyện khác. Nếu cậu thực sự quan tâm đến ngôi nhà này, tôi khuyên cậu nên theo một đoàn du lịch đến đây vào hồi hai giờ. Mỗi tuần chỉ có một buổi tham quan có hướng dẫn vào chiều thứ Ba, tình cờ lại đúng vào ngày hôm nay. Trên tầng hai, có một bộ sưu tập tranh và ký họa quý hiếm và, riêng về mặt kiến trúc, ngôi nhà này cũng đủ mê hồn. Tôi biết cậu sẽ rất thích."

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Không có gì," nụ cười của anh ngụ ý vậy. Anh lại cầm cây bút chì lên, dỗ dỗ đầu cọ tẩy xuống mặt bàn như thể khuyến khích tôi.

"Anh có phải là người hướng dẫn không?"

Oshima mỉm cười. "Không, tôi chỉ là trợ lý quèn thôi. Phụ trách ở đây là một bà tên là Saeki - sếp của tôi. Bà ấy là bà con với nhà Komura.

Đích thân bà sẽ hướng dẫn khách tham quan. Tôi dám chắc cậu sẽ thích bà ấy. Một con người tuyệt vời."

Tôi vào phòng lưu trữ có trần cao và lang thang giữa những giá sách, tìm một cuốn nào có vẻ lý thú. Những xà gỗ đẹp chạy ngang trần nhà và nắng sớm êm dịu đầu hạ rọi chiếu qua khung cửa sổ rộng mở. Tiếng chim ríu rít ngoài vườn lọt vào. Chắc chắn đám sách trên những giá trước mặt tôi chủ yếu là về thơ cổ điển Nhật Bản như Oshima nói. Tanka và haiku, tiểu luận về thơ, tiểu sử các nhà thơ. Cũng có một lô sách về lịch sử địa phương. Một giá ở cuối phòng chứa các loại sách khoa học nhân văn đại cương - các tuyển tập văn học Nhật Bản và thế giới, trước tác của từng nhà văn riêng rẽ, sách kinh điển, sách triết học, kịch, lịch sử nghệ thuật, xã hội học, địa lý... Mỗi lần tôi mở những cuốn sách ấy, một mùi của thời xưa lại phả ra từ những trang chữ - cái mùi đặc biệt của tri thức và những cảm xúc từ bao đời nay vẫn an nghỉ giữa những tấm bìa. Tôi hít cái mùi đó vào, lướt qua vài trang trước khi đặt trả mỗi cuốn về kệ của nó.

Cuối cùng, tôi quyết định chọn một tập trong bộ *Nghìn Lẻ Một Đêm*, bản dịch của Burton, bìa đẹp, và mang về phòng đọc. Từ lâu, tôi đã muốn đọc cuốn sách này. Vì thư viện vừa mới mở cửa, chưa có ai khác đến, nên một mình tôi chiếm lĩnh cả phòng đọc sang trọng. Nó đúng hệt như trong bức ảnh trên tờ họa báo - rộng rãi, trần cao, tiện nghi. Thi thoảng, một làn gió nhẹ thổi qua cửa sổ để ngỏ, tấm rèm trắng khẽ sột soạt trong không khí thoang thoảng mùi biển. Và chiếc ghế bành mới thoải mái làm sao! Một chiếc dương cầm cổ kê trong góc. Toàn bộ khung cảnh khiến tôi cảm thấy như đang ở trong nhà một người bạn thân.

Một ý nghĩ chợt đến với tôi trong khi thả mình thư giãn trên chiếc ghế bành và nhìn quanh phòng. Đây đích thị là nơi tôi vẫn tìm kiếm từ trước tới nay. Một nơi ẩn náu đâu đó giữa lòng đô thành. Xưa nay, tôi vẫn nghĩ về nó như một chốn bí mật tưởng tượng và hầu như không tin rằng nó *thực sự hiện hữu*. Tôi nhắm mắt lại, hít một hơi thật sâu và để cho sự kỳ diệu của phát hiện mới này trùm lên tôi như một đám mây êm nhẹ. Tôi chậm rãi ve vuốt lớp bọc màu kem của ghế bành, rồi đứng dậy đi tới chiếc dương cầm, mở nắp và đặt cả mười đầu ngón tay lên

dãy phím màu ngà. Tôi đóng nắp và bước trên tấm thảm bạc màu có họa tiết dàn nho đi ngang qua phòng, tới chỗ cửa sổ và thử xoay xoay quả đấm. Tôi bật rồi tắt đèn sàn, xem xét kỹ tất cả những tranh treo trên tường. Cuối cùng, tôi trở lại ngồi phịch xuống ghế, đọc tiếp từ chỗ bỏ dở trong cuốn *Nghìn Lẻ Một Đêm*.

Đến trưa, tôi mang chai nước khoáng và hộp đựng bữa trưa ra hàng hiên trông ra vườn ngồi ăn. Nhiều loại chim khác nhau bay lượn trên đầu, chấp chới từ cây này sang cây kia hoặc sà xuống hồ để uống nước hay rỉa lông. Có một số loại trước đây tôi chưa từng thấy. Một chú mèo nâu xuất hiện như dấu hiệu cảnh báo khiến chúng bay tản đi, mặc dầu chú mèo có vẻ chẳng thiết gì mấy con chim nhãi nhép. Chú chỉ muốn nằm ườn xác trên những bậc đá mà tận hưởng ánh nắng ấm áp.

"Hôm nay trường cậu đóng cửa à?" Oshima hỏi khi tôi quay trở về phòng đọc và bỏ chiếc ba lô xuống.

"Không," tôi đáp, cẩn thận lựa chọn từng chữ, "nhưng tôi vừa quyết định nghỉ một thời gian."

"Không chịu đến trường?" anh ta nói.

"Tựa như thế."

Oshima nhìn tôi với vẻ rất quan tâm: "Tựa như thế?"

"Không phải là tôi không chịu đến trường, mà là tôi vừa quyết định không đi học nữa."

"Cứ thản nhiên như không, tự mình quyết định thôi học?"

Tôi chỉ gật đầu. Tôi không biết trả lời ra sao.

"Theo Aristophanes trong *Tiệc* của Platon, trong thế giới huyền thoại cổ xưa có ba loại người," Oshima nói. "Cậu có nghe nói về điều này không?"

"Không."

"Thời xưa, con người không chỉ đơn thuần là đực hay cái, mà thuộc một trong ba loại này: đực/đực, đực/cái, hay cái/cái. Nói cách khác, mỗi người được tạo nên bằng những thành tố của hai người. Ai nấy đều bằng lòng với sự sắp đặt ấy và chẳng bao giờ nghĩ ngợi lôi thôi về chuyện đó cả. Nhưng rồi một hôm Thượng Đế mới lấy dao bổ đôi mỗi người, chia dọc từ chính giữa. Thế nên sau đó, thế giới mới chia rạch ròi thành nam và nữ, kết quả là suốt đời con người cứ chạy nháo

nhào, cố tìm cái nửa thiếu kia của mình."

"Tại sao Thượng Đế lại làm thế?"

"Chia con người làm hai ấy à? Tôi cũng chịu. Công việc của Thượng Đế là bí ẩn. Những thứ như: cơn thịnh nộ của Chúa, cái kiểu lý tưởng chủ nghĩa thái quá, vân vân, ai mà hiểu được. Tôi đoán đây là một sự trừng phạt đối với một tội lỗi gì đó. Như trong Kinh Thánh, Adam và Eva bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng ấy."

"Tội tổ tông truyền," tôi nói.

"Đúng thế, tội tổ tông truyền," Oshima kẹp cây bút chì giữa ngón giữa và ngón trỏ, khẽ đu đưa như để thử độ thăng bằng. "Dù sao, tôi vẫn thấy con người ta sống một mình thật là khó."

Quay về phòng đọc, tôi đọc tiếp "Truyện anh Hề Abu-I-Hasan," nhưng đầu óc tôi cứ lang bang ra khỏi cuốn sách. *Đực/đực, đực/cái và cái/cái?*

Đến hai giờ tôi đặt sách xuống, đứng dậy khỏi ghế và đi theo đoàn tham quan tòa nhà. Miss(*) Saeki trực tiếp hướng dẫn đoàn. Đó là một phụ nữ mảnh dẻ, khoảng 45-46 tuổi, theo ước đoán của tôi. Bà hơi cao so với thế hệ của mình. Bà mặc áo dài xanh lơ ngắn tay, ngoài khoác áo jakét đan màu kem, tư thế rất đàng hoàng. Tóc dài buộc lỏng sau gáy, mặt rất tao nhã và thông minh với đôi mắt đẹp và một nụ cười luôn thấp thoáng trên môi. Tôi không biết diễn tả thế nào, nhưng quả là nụ cười ấy tạo nên một cảm giác hoàn hảo, nó khiến tôi nghĩ đến một đốm nắng tươi, một đốm nắng đặc biệt chỉ có thể bắt gặp ở một nơi biệt lập. Ngôi nhà tôi ở Tokyo có một nơi như thế và từ nhỏ, tôi đã thích ngắm những đốm nắng như thế.

Người phụ nữ này gây một ấn tượng mạnh đối với tôi, khiến tôi cảm thấy nao nao nhớ. Giá bà là mẹ tôi thì tuyệt biết mấy! Tôi thường có ý nghĩ như vậy mỗi lần gặp một phụ nữ trung niên đáng yêu. Xác suất Miss Saeki là mẹ tôi hầu như là số không, tôi biết vậy. Tuy nhiên, vì tôi không hề biết mặt mẹ tôi, thậm chí cũng chẳng nhớ tên, nên khả năng ấy *vẫn* tồn tại, đúng không? Không có gì loại trừ nó hoàn toàn.

* Miss: từ dùng để chỉ người phụ nữ độc thân.

Gọi là đoàn tham quan nhưng ngoài tôi ra chỉ có một cặp trung niên đến từ Osaka. Bà vợ thấp, béo tròn, đeo kính dày như đít chai. Ông chồng gầy gò, tóc thô cứng đến nỗi tôi chắc phải dùng bàn chải sắt thay vì lược mới trị nổi. Mắt nhỏ, trán rộng, khiến tôi nhớ đến một pho tượng ở một hòn đảo phía Nam đứng dõi mắt về phía chân trời. Bà vợ cứ một mình làm cả cuộc trò chuyện đơn phương, ông chồng chỉ thỉnh thoảng ậm ừ tiếng một để cho bà biết là ông còn sống. Ngoài ra, chốc chốc ông lại gật đầu để tỏ ra tán thưởng một cách đúng mức, hoặc giả lầm rầm một câu bình luận nhát gừng mà tôi không sao nghe ra. Cả hai đều nai nịt như để leo núi chứ không phải để tham quan thư viện, mỗi người mặc một chiếc áo vest chống mưa có hàng tỉ túi, đi ủng thắt dây chằng chịt và đội mũ đi rừng. Có thể là bao giờ họ cũng ăn mặc thế khi đi du lịch cũng nên. Họ có vẻ cũng đàng hoàng, tôi không phải là kẻ thấy sang bắt quàng làm họ, nhưng có họ tôi yên trí hơn vì không phải là khách tham quan duy nhất.

Miss Saeki bắt đầu thuyết minh về lịch sử của thư viện - về cơ bản cũng giống như Oshima đã kể với tôi. Gia đình Komura đã quyết định cống hiến thư viện cho sự nghiệp phát triển văn hóa của vùng bằng cách để cho công chúng đến với bộ sưu tập sách và tranh tích lũy qua nhiều thế hệ. Một quỹ tài trợ, lập trên cơ sở gia sản nhà Komura, hiện quản lý thư viện này và thỉnh thoảng bảo trợ những sinh hoạt văn hóa như thuyết trình, hòa nhạc thính phòng, v.v... Bản thân tòa nhà được xây từ đầu thời Minh Trị (1868), với hai chức năng: thư viện gia đình và nhà khách. Đến thời Taisho (1905), nó được cải tiến hoàn toàn - cất thêm một tầng và những phòng khách trú đẹp dành cho các nhà văn và nghệ sĩ đến thăm. Từ thời Taisho đến đầu thời Showa (1925), nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng đến thăm gia đình Komura đã để lại những vật lưu niệm - thơ phú, tranh, ký họa - để cảm tạ lòng hiếu khách của họ.

"Các vị có thể chiêm ngưỡng một số hiện vật chọn lọc từ bộ sưu tập quý giá này ở gallery tầng hai," Miss Sacki nói thêm. "Trước Thế chiến thứ hai, văn hóa vùng này phong phú lên chính là nhờ những nhà giàu sành điệu như gia đình Komura hơn là do những cố gắng của chính quyền địa phương. Nói tóm lại, họ là những Mạnh Thường Quân văn nghệ. Một trong những lý do khiến tỉnh Kagawa sản sinh ra nhiều thi

sĩ tanka và haiku tài năng là sự tận tâm của gia đình Komura dốc lòng dốc sức xây dựng và ủng hộ văn hóa nghệ thuật địa phương. Rất nhiều sách, tiểu luận và hồi ức hấp dẫn về lịch sử những giới nghệ thuật ấy đã được xuất bản, các vị có thể tìm thấy tất cả trong phòng đọc của chúng tôi. Hy vọng các vị bỏ thời gian ngó qua những sách ấy."

"Qua bao năm lưu truyền, các chủ gia đình dòng họ Komura đều rành nghệ thuật, đặc biệt tinh tế trong việc đánh giá những gì thực sự xuất sắc. Cái đó tựa như có sẵn trong máu vậy. Họ là những Mạnh Thường Quân nghệ thuật rất tinh, bao giờ cũng hỗ trợ những tài năng đích thực mang những hoài bão cao nhất, sáng tạo những tác phẩm xuất chúng. Nhưng như các vị thừa biết, trong nghệ thuật không có cái gọi là con mắt tuyệt đối hoàn hảo. Rủi thay, một số nghệ sĩ kiệt xuất lại không chiếm được sự ưu ái của họ hoặc không được đón nhận một cách xứng đáng. Một trong những người đó là nhà thơ haiku Taneda Santoka. Theo sổ tiếp tân, Santoka đã lưu lại đây nhiều lần, mỗi lần đều để lại thơ và tranh vẽ. Tuy nhiên, chú nhân lại gọi ông là "một tên ăn xin khoác lác," không muốn dây dưa với ông ta và trên thực tế đã vứt bỏ phần lớn những tác phẩm ấy."

"Thật phí phạm ghê gớm," bà khách từ Osaka nói, tỏ ra thực sự tiếc. "Ngày nay, tác phẩm nguyên bản của Santoka cao giá lắm."

"Bà nói chí lý," Miss Saeki tươi cười nói. "Nhưng hồi đó, chưa ai biết đến Santoka, nên có lẽ điều đó là tất yếu. Có nhiều điều mãi về sau ta mới thấy rõ."

"Bà nói đúng," ông chồng xen vào.

Sau đó, Miss Saeki dẫn chúng tôi đi quanh tầng một, chỉ cho chúng tôi xem các giá lưu trữ, phòng đọc, bộ sưu tập sách hiếm.

"Khi xây dựng thư viện này, vị chủ gia đình quyết định không theo cái phong cách giản dị và tao nhã được các nghệ sĩ ở Kyoto ưa chuộng, mà chọn một thiết kế giống một ngôi nhà thôn dã hơn. Tuy nhiên, như các vị có thể thấy, tương phản với cấu trúc thô nháp của nhà, đồ đạc và khung tranh lại rất tinh chế và lộng lẫy. Chẳng hạn, hình chạm khắc trên những tấm ván gỗ này rất tao nhã. Tất cả các nghệ sư tài hoa nhất ở Shikoku đã được tập hợp để tham gia xây dựng công trình này."

Chúng tôi bắt đầu lên gác, phía trên cầu thang là một trần vòm cao

vút. Tay vịn bằng gỗ mun được đánh bóng đến mức tưởng như nếu chạm tay vào thì ắt sẽ in hằn dấu. Trên một cửa kính mờ kề sát chiếu nghỉ, một chú hươu vươn cổ gặm lá nho. Tầng hai có hai phòng khách và một sảnh rộng mà hồi xưa hẳn là liệt chiếu tatami trải khắp sàn, phục vụ cho các buổi đại tiệc và hội họp. Ngày nay, sàn gỗ trống trơn và tường treo đầy những bản thư pháp đóng khung, tranh trục cuốn và tranh theo phong cách Nhật Bản. Ở giữa, một tủ kính bày những vật lưu niệm với lai lịch của từng thứ. Một phòng khách theo phong cách Nhật, còn phòng kia theo kiểu Tây. Phòng kiểu Tây có một bàn giấy lớn và một ghế xoay hình như vẫn có người đang dùng. Bên ngoài cửa sổ sau bàn giấy là một rặng thông qua đó thấp thoáng đường chân trời.

Cặp vợ chồng từ Osaka dạo quanh phòng khách, xem kỹ tất cả các hiện vật trưng bày, đối chiếu với những chú giải trong tờ hướng dẫn. Mỗi khi bà vợ bình luận câu gì, ông chồng lại phụ họa theo. Một cặp uyên ương tâm đầu ý hợp về mọi điểm. Những vật trưng bày không hấp dẫn tôi lắm, nên tôi chú mục vào những chi tiết kiến trúc. Trong khi tôi đang sục sạo quanh phòng khách Tây, Miss Saeki lại gần và bảo: "Em có thể ngồi vào chiếc ghế này nếu em muốn. Shiga Naoya và Tanizaki, cả hai đều đã từng ngồi ở đây một đôi lần. Dĩ nhiên, dạo ấy chưa có chiếc ghế này."

Tôi ngồi xuống chiếc ghế xoay và lặng lẽ đặt tay lên bàn giấy.

"Thế nào? Cảm thấy như mình có thể viết nên một cái gì chứ?"

Tôi hơi đỏ mặt và lắc đầu. Miss Saeki cười và quay lại chỗ cặp vợ chồng. Từ chỗ chiếc ghế, tôi quan sát cung cách của bà, thấy cử chỉ nào cũng tự nhiên và thanh lịch. Tôi không thể diễn đạt được trọn vẹn, nhưng quả thật là có một cái gì *đặc biệt* nơi dáng điệu của bà, như thể bằng cách quay lưng lại, bà đang nói với tôi một điều gì mà khi đối mặt tôi bà không thốt lên được. Nhưng đó là *điều gì,* thì tôi chịu, không sao biết được. Phải chấp nhận thôi, tôi tự nhắc nhở mình - có hàng tỉ điều mày không sao biết được đâu.

Vẫn ngồi ở ghế, tôi lia mắt nhìn bao quát căn phòng. Trên tường có một bức sơn dầu, rành là vẽ bờ biển ngay gần đây. Tranh vẽ theo lối cổ, nhưng màu còn tươi và sống động. Trên mặt bàn có một cái gạt tàn lớn và một cái đèn có chụp màu lam. Tôi bật công tắc và dĩ nhiên là đèn

sáng lên. Mé tường đối diện treo một chiếc đồng hồ, ngó bộ từ thời hồng hoang nào đó, tuy kim vẫn chỉ đúng giờ. Sàn gỗ đôi chỗ bị thủng và hơi cót két dưới bước chân.

Cuối buổi tham quan, cặp vợ chồng từ Osaka cảm ơn Miss Saeki rồi biến mất. Hóa ra họ là thành viên của một câu lạc bộ tanka ở vùng Kansai. Tôi tự hỏi không biết họ làm cái thứ thơ gì - nhất là ông chồng. Chỉ ậm ừ và gật đầu thì làm sao ra thơ. Nhưng biết đâu một tài năng tàng ẩn lại bộc lộ khi ông ta viết thơ.

Tôi quay lại phòng đọc và đọc tiếp từ chỗ bỏ dở trong cuốn *Nghìn Lẻ Một Đêm*. Trong buổi chiều, có thêm một số độc giả khác, phần lớn đeo kính - loại kính người già thường đeo và khi đeo vào, trông ai nấy đều như nhau. Thời gian qua chậm. Không ai nói một lời, tất cả đều im lặng đọc miệt mài. Có một người ghi chép, nhưng số còn lại ngồi im, hoàn toàn chìm đắm vào những trang sách. Y như tôi.

Năm giờ, tôi gấp sách, đặt trả lại trên giá. Ra đến cửa, tôi hỏi: "Buổi sáng, mấy giờ thư viện mở cửa?"

"Mười một giờ," Oshima trả lời."Cậu định mai quay lại à?"

"Nếu không có gì phiền hà."

Oshima nheo mắt nhìn tôi. "Tất nhiên là không. Thư viện là nơi dành cho những người muốn đọc. Tôi sẽ rất vui nếu cậu trở lại. Tôi hỏi khí không phải: bao giờ cậu cũng đeo cái ba lô này trên lưng à? Coi bộ nặng nhỉ. Có cái quái gì trong ấy vậy? Những thoi vàng chăng?"

Tôi đỏ mặt.

"Đừng lo - tôi không thực sự tìm cách vạch vòi gì đâu." Oshima ấn đầu có tẩy của cây bút chì vào thái dương bên phải. "Vậy thì mai gặp lại nhé."

"Tạm biệt," tôi nói.

Thay vì giơ tay chào, anh ta vẫy cây bút chì.

Tôi đáp tàu trở về Takamatsu. Tôi ghé vào ăn tối trong một nhà hàng rẻ tiền ở gần ga, gọi món sườn gà và xa-lát. Tôi lấy thêm một bát cơm và uống một cốc sữa nóng sau bữa ăn. Ở một siêu thị mini bên ngoài, tôi mua một chai nước khoáng và hai nắm cơm phòng khi đói bụng vào lúc nửa đêm, rồi đi về khách sạn. Tôi giữ nhịp bước không quá nhanh, cũng không quá chậm, bình thường như mọi người khác,

nên không ai để ý đến tôi.

Khách sạn khá lớn, một khách sạn kinh doanh hạng hai điển hình. Tại quầy tiếp tân, tôi ghi Kafka thay vì tên thật của mình, khai man tuổi, cho địa chỉ ma trong phiếu đăng ký và trả tiền cho một đêm. Tôi hơi chờn chợn, nhưng không một nhân viên tiếp tân nào tỏ vẻ nghi ngờ. Không có ai la lớn *Này, chúng tao biết tỏng mưu mẹo của mày, thằng nhóc mười lăm tuổi ranh trốn nhà đi hoang!* Mọi sự êm ru, hợp thức như thường lệ.

Thang máy đưa tôi lên tầng sáu trong tiếng lách cách dễ sợ. Căn phòng nhỏ xíu, với thiết bị bao gồm một cái giường gớm guốc, một cái gối cứng như đá, một thứ đồ gỗ con con gọi là bàn, một chiếc tivi bé tẹo, những tấm rèm bạc phếch vì dãi nắng. Buồng tắm bằng cái lỗ mũi, chẳng có dầu gội đầu cũng như các thứ dung dịch vệ sinh khác. Nhìn ra ngoài cửa sổ, chỉ thấy bức tường nhà bên. Tuy nhiên, tôi không nên phàn nàn vì dù sao tôi cũng có một mái nhà trên đầu và nước nóng chảy ra từ vòi nước. Tôi quẳng ba lô xuống sàn, ngồi vào ghế, ráng thích ứng với môi trường xung quanh.

*Ta tự do rồi*, tôi tự nhủ. Tôi nhắm mắt lại và cố suy nghĩ thật sâu, thật kỹ xem mình tự do đến mức nào, nhưng không sao nắm được đầy đủ ý nghĩa của điều đó. Tôi chỉ biết là mình hoàn toàn trơ trọi. Hoàn toàn một mình ở một nơi xa lạ, như một nhà thám hiểm đơn độc vừa mất cả la bàn lẫn bản đồ. Phải chăng tự do có nghĩa là thế? Tôi chẳng biết và tôi bỏ cuộc, thôi không nghĩ về điều đó nữa.

Tôi vặn nước nóng, tắm thật lâu, đánh răng thật kỹ trước bồn rửa mặt. Tôi gieo mình xuống giường, nằm đọc, đọc chán lại xem tin trên tivi. Nhưng so với những gì tôi đã trải qua trong ngày hôm ấy, tin tức có vẻ nhạt nhẽo và chán phèo. Tôi tắt tivi và chui vào chăn. Đã mười giờ đêm, nhưng tôi vẫn không sao ngủ được. Một ngày mới ở một nơi mới toanh. Lại là sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi nữa - mà tôi đã qua phần lớn thời gian tại cái thư viện khác thường, đáng yêu đó. Tôi đã gặp một số người mới: Sakura, Oshima, Miss Saeki. Ôn trời, chẳng có ai đáng sợ cả. Phải chăng đó là một điềm lành?

Tôi nghĩ đến ngôi nhà của mình ở Nogata, Tokyo, đến cha tôi. Liệu ông cảm thấy thế nào khi phát hiện ra là tôi đột nhiên biến mất?

Nhẹ nhõm chăng? Bối rối? Hoặc thậm chí là chẳng cảm thấy gì cả. Tôi dám cược là ông thậm chí chưa nhận thấy sự vắng mặt của tôi nữa kia.

Tôi chợt nhớ đến chiếc điện thoại di động của cha tôi và lấy ra khỏi ba lô. Tôi bật máy và bấm số điện thoại của nhà tôi. Chuông réo, cách hơn 700 cây số mà rõ như ở phòng bên cạnh. Chột dạ, tôi tắt máy sau hồi chuông thứ hai. Tim tôi vẫn đập dồn. Máy di động vẫn hoạt động, có nghĩa là cha tôi chưa hủy hợp đồng. Có thể ông chưa nhận thấy nó đã biến khỏi bàn giấy của mình. Tôi nhét trở lại chiếc máy di động vào ba lô, tắt đèn và nhắm mắt lại. Đêm ấy, tôi chẳng mộng mị gì cả. Ngẫm lại, đã bao lâu nay tôi không nằm mơ.

# Chương 6

"Xin chào," lão già nói lớn.

Con mèo đen già, to gộc, hơi nghếch đầu lên và khẽ chào lại bằng một giọng mệt mỏi.

"Chúng ta đang hưởng một đợt thời tiết rất đẹp."

"Ừm," mèo nói.

"Trời không một vẩn mây."

"... tạm thời thôi."

"Vậy thời tiết sẽ xấu đi ư?"

"Có vẻ như chiều tối nay trời sẽ đầy mây." Meo đen duỗi một chân ra rồi nheo mắt nhìn lão già hồi lâu.

Cười toét miệng, lão nhìn đối lại. Mèo ta do dự một lúc, rồi quyết định nói toẹt ra: "Hừm... vậy ra bác biết tiếng bọn tôi."

"Đúng vậy," lão già bẽn lẽn nói. Để tỏ lòng kính trọng, lão ngả chiếc mũ bông đi núi mòn xơ. "Không phải gặp chú mèo nào lão cũng nói được, mà chỉ nhằm khi thuận lợi thôi. Như lúc này đây."

"Hay đấy," mèo nói gọn lỏn.

"Lão ngồi xuống bên cậu một lát được không? Nakata này đi bộ hơi mệt rồi."

Mèo đen uể oải đứng dậy, ria mép rung rung, và ngáp một cái đến sái quai hàm. "Được thôi. Hay đúng hơn, tôi đâu có quyền. Bác thích ngồi đâu thì ngồi. Chẳng ai phiền đâu."

"Rất cảm ơn," lão già nói và ngồi xuống cạnh mèo đen. "Chà, lão

đã đi bộ suốt từ sáu giờ sáng hôm nay."

"Ừm… vậy theo tôi hiểu, bác là Nakata?"

"Đúng thế. Tên lão là Nakata. Còn cậu?"

"Tôi quên tên mình rồi," mèo nói. "Tôi đã từng có một cái tên, tôi biết thế, nhưng đến một lúc nào đó tôi không cần đến nó nữa. Vậy là nó tuột béng ra khỏi đầu."

"Tôi biết. Thật dễ quên những thứ mà ta không cần nữa. Nakata này cũng hệt như thế đó," lão già vừa nói vừa gãi đầu. "Vậy, thưa Cậu Mèo, cậu nói là cậu không thuộc một nhà chủ nào?"

"Lâu lắm rồi, tôi đã từng có chủ. Nhưng bây giờ thì thôi rồi. Một vài gia đình ở quanh đây thi thoảng cho tôi cái ăn, nhưng không ai là chủ sở hữu của tôi cả."

Nakata gật đầu, im lặng một lát rồi nói: "Vậy cậu có phiền không nếu tôi gọi cậu là Otsuka?"

"Otsuka?" mèo ngạc nhiên nhìn lão già. "Bác nói chuyện gì lạ vậy? Tại sao tôi lại phải là Otsuka?"

"Chẳng vì lý do đặc biệt nào cả. Cái tên chợt đến trong đầu lão. Nakata này cứ chọn đại thế thôi. Có một cái tên để gọi, mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn bao nhiêu. Như thế, một kẻ kém thông minh như lão mới có thể sắp xếp mọi sự đâu ra đấy. Chẳng hạn, lão có thể nói: *Vào ngày ấy tháng ấy, mình đã nói chuyện với mèo đen Otsuka ở một bãi trống trong Khu 2 Quận X.* Nó giúp cho lão nhớ."

"Hay đấy," mèo nói. "Tuy nhiên, tôi chưa hiểu rõ hoàn toàn. Bọn mèo chúng tôi không có tên vẫn ổn. Bọn tôi dựa vào mùi, hình khối, những thứ đại loại như thế. Chừng nào bọn tôi biết những cái í, thì chẳng lo gì."

"Nakata hiểu hoàn toàn. Nhưng, Otsuka, cậu biết đấy, con người lại khác. Chúng tôi cần có ngày tháng và tên để nhớ mọi thứ chuyện."

Mèo ta khịt mũi một cái. "Tôi nghe nó phiền toái thế nào í."

"Hoàn toàn đúng. Chúng tôi có quá nhiều thứ phải nhớ, đó *quả là* phiền toái. Nakata này phải nhớ tên ông Tỉnh trưởng, số các chuyến xe buýt, vân vân. Dù sao cậu cũng không phản đối tôi gọi cậu là Otsuka chứ? Có thể nó hơi chướng tai cậu chăng?"

"Chà, đã nhắc đến chuyện í, thì phải nói là nó không êm tai…

nhưng cũng không đến nỗi *chướng* tai lắm, bác hiểu chứ. Cho nên tôi chẳng thực sự phiền lòng. Bác muốn gọi tôi là Otsuka cũng được. Tuy nhiên, tôi phải nói rằng nghe nó không đúng với tôi."

"Nakata này rất hài lòng nghe cậu nói vậy. Rất cám ơn, Cậu Otsuka."

"Tôi phải nói rằng với tư cách một con người, bác có cách nói năng hơi khác thường đấy," Otsuka bình luận.

"Phải, ai cũng bảo lão thế. Nhưng Nakata này chỉ có thể nói năng cách ấy thôi. Lão cố nói năng bình thường, nhưng nó cứ ra như thế. Nakata này chẳng sáng dạ gì, cậu thấy đấy. Không phải bao giờ lão cũng thế, song dạo bé lão bị tai nạn, thế là từ đấy đâm ra đần độn. Nakata này không biết viết, cũng chẳng đọc được sách báo chi cả."

"Không phải khoe mẽ, chứ tôi đây cũng chẳng biết viết," mèo vừa nói vừa liếm bàn chân phải. "Tuy nhiên, tôi có thể nói trí khôn tôi là trung bình, cho nên tôi chẳng bao giờ thấy đó là bất tiện."

"Trong thế giới loài mèo, đó là lẽ thường," Nakata nói. "Nhưng trong thế giới loài người, nếu anh không biết đọc biết viết, anh sẽ bị coi là đần độn. Cha của Nakata này - cụ mất lâu lắm rồi - là một giáo sư nổi tiếng ở một trường đại học. Cụ chuyên về một môn gọi là *lía luận mèo thuật*. Lão có hai cậu em trai và cả hai đều rất thông minh sáng láng. Một cậu làm ở một công ty, giữ chức *chướng buồng*. Cậu kia làm ở một nơi gọi là *Bộ xương mại và công nhiệp*. Cả hai sống trong những nhà to tướng và ăn lươn hằng ngày. Chỉ riêng Nakata này là không sáng dạ thôi."

"Nhưng bác lại có khả năng nói được với mèo."

"Cái đó thì đúng," Nakata nói.

"Vậy xét cho cùng, bác đâu đến nỗi đần độn."

"Ừ. Mà không... lão muốn nói thế này, Nakata này không thực sự biết thế, nhưng từ dạo bé, người ta cứ không ngừng bảo: *mày là thằng đần, mày là thằng đần*, nên lão đoán mình đúng là vậy. Lão không đọc được tên các ga, thành thử không mua được vé mà đi tàu. Tuy nhiên, nếu lão chìa thẻ *khiết tật* ra thì họ để cho lão đáp xe buýt thành phố."

"Hay đấy..." Otsuka nói mà chẳng tỏ ra quan tâm mấy.

"Nếu không biết đọc biết viết thì không kiếm được việc làm."

"Vậy bác sống bằng gì?"

"Lão có *chợ cấp*."

"*Chợ cấp?*"

"Lão được Tỉnh trưởng cho tiền, cho ở một căn buồng nhỏ trong chung cư *Shoeiso* ở Nogata, ngày ăn ba bữa."

"Nghe có vẻ là một cuộc sống khá tốt. Ít nhất là đối với tôi."

"Cậu nói đúng. *Quả* là một cuộc sống khá tốt. Nakata này có một mái nhà che mưa nắng và đủ mọi thứ cần thiết. Và thi thoảng, như lúc này đây, người ta nhờ lão đi tìm mèo và khi nào tìm được thì họ cho chút đỉnh. Nhưng điều này lão phải giữ bí mật không cho ngài Tỉnh trưởng biết, nên cậu đừng nói với ai. Họ có thể cắt bớt *chợ cấp* của tôi nếu họ phát hiện ra là tôi kiếm thêm được tí tiền lẻ. Chả nhiều nhặn gì, nhưng nhờ đó, thi thoảng lão cũng được biết mùi lươn. Nakata này rất khoái lươn."

"Tôi cũng thích lươn. Nhưng tôi mới được ăn có một lần, mà đã từ lâu lắm rồi, đến nỗi tôi chả còn nhớ mùi vị nó ra sao nữa."

"Lươn quả là một món tuyệt vời. Nó có một cái gì khác hẳn so với các món ăn khác. Các món khác có thể thay thế, nhưng lươn thì, theo lão biết, không gì thay thế được."

Trên con đường phía trước bãi đất trống, một gã thanh niên dắt một con chó săn Labrador lớn có một chiếc khăn đỏ thắt ở cổ. Nó liếc nhìn Otsuka nhưng rồi lại đi tiếp. Lão già và chú mèo ngồi đó, trong bãi trống, lặng lẽ chờ cho con chó và chủ nó biến mất.

"Vừa nãy bác nói bác đi tìm mèo," Otsuka hỏi.

"Đúng thế. Lão tìm mèo lạc. Vì lão có thể nói chuyện đôi chút với mèo, nên lão đi khắp các ngả dò theo dấu vết của những chú mèo mất tích. Người ta nghe nói Nakata làm việc này giỏi nên đến nhờ lão tìm giúp những con mèo lạc của họ. Những ngày này, lão dành hết thời gian tìm mèo. Lão không thích đi quá xa, nên lão chỉ tìm trong phạm vi Quận Nakano thôi. Nếu không thì chính lão sẽ lạc và họ lại phải đi tìm lão."

"Vậy là ngay lúc này đây, bác đang tìm một con mèo lạc?"

"Phải, đúng thế. Nakata này đang tìm một con mèo cái mai rùa một tuổi tên là Goma. Ảnh nó đây." Nakata rút trong cái túi vải bố đeo ở vai ra một tấm ảnh màu, đưa cho Otsuka xem. "Nó đeo một cái vòng

cổ chống bọ chét màu nâu."

Otsuka vươn cổ ra nhìn tấm ảnh, rồi lắc đầu.

"Không, tôi chưa hề gặp con này. Tôi biết hầu hết bọn mèo trong vùng, nhưng con này thì tôi không biết. Chưa bao giờ thấy hoặc nghe nói gì về nó cả."

"Có đúng thế không?"

"Bác tìm nó đã lâu chưa?"

"Hôm nay là... để xem nào... một, hai, ba... ngày thứ ba."

Otsuka ngồi nghĩ một lúc. "Tôi đồ là bác cũng biết điều này: mèo là loài thủ cựu. Thông thường, bọn tôi sống rất ngăn nắp, và nói chung, luôn giữ thông lệ trừ phi có điều gì phi thường xảy ra. Điều khả dĩ làm đảo lộn lề thói ấy chỉ có thể là tình dục hay tai nạn."

"Nakata này cũng nghĩ như thế."

"Nếu là tình dục thì chỉ cần đợi cho nó hết cơn là nó khắc về thôi. bác hiểu tôi nói cơn tình dục nghĩa là thế nào chứ?"

"Bản thân lão chưa trải qua chuyện ấy, nhưng lão nghĩ là lão hiểu. Cái đó liên quan đến *thằng cu con* phải không?"

"Phải. Đầu đuôi là tại *thằng cu con* cả," Otsuka gật đầu, vẻ mặt nghiêm trang. "Nhưng nếu là tai nạn thì có thể bác không bao giờ thấy lại nó nữa."

"Đúng thế."

"Lại nữa, nếu một con mèo đi hoang vì chuyện tình dục, nó có thể lang thang quá xa, không tìm được đường về."

"Nếu Nakata này ra khỏi Quận Nakano, cũng chẳng dễ gì tìm được đường về."

"Chuyện đó cũng đôi lần xảy đến với tôi. Cố nhiên là đã lâu lắm rồi, dạo tôi còn trẻ măng," Otsuka nói, him mắt lại, hồi tưởng. "Thường khi đã lạc là đâm hoảng, trở nên hoàn toàn tuyệt vọng chẳng biết làm gì. Tôi rất khiếp cái tình cảnh í. Chuyện tình dục có thể thực sự gây rắc rối như thế đấy. Cố nhiên, khi anh nóng máy lên, anh chỉ còn thấy cái ngay trước mũi anh thôi - ấy, cái cơn tình dục nó là thế đấy. Vậy cái con mèo cái í - tên nó là gì nhỉ? Cái con mèo lạc í?"

"Cậu muốn nói con Goma?"

"Phải, cố nhiên. *Goma*. Tôi muốn làm những gì có thể để giúp

bác tìm thấy nó. Một ả mèo tơ mai rùa như thế, được một gia đình khá giả chăm bẵm, ắt chẳng biết gì về đường đời. Tội nghiệp, một thân một mình, không tự kiếm ăn được, không có khả năng tự vệ. Nhưng rủi thay, tôi chưa bao giờ gặp nó. Theo tôi, bác nên tìm nó ở nơi nào khác thôi."

"Thôi được, có lẽ lão nên nghe theo lời khuyên của cậu mà đi tìm chỗ khác vậy. Nakata này xin lỗi đã phá giấc ngủ trưa của cậu. Chắc chắn một lúc nào đó lão sẽ còn ghé qua đây, vậy trong thời gian đó, nếu cậu có thấy Goma, xin vui lòng báo cho lão biết. Lão sẽ có chút đỉnh để cảm ơn sự giúp đỡ của cậu."

"Không cần đâu. Nói chuyện với bác là thú vị rồi. Xin bác cứ thoải mái ghé lại. Tôi thường ở đây vào những ngày nắng ráo. Khi nào mưa, tôi vào trú trong cái miếu đằng kia, ở chỗ những bậc đi xuống í."

"Cảm ơn cậu nhiều. Nakata này cũng rất vui được trò chuyện với cậu. Không phải bao giờ lão cũng có thể nói chuyện dễ dàng thế này với mọi chú mèo mà lão gặp. Đôi khi, lão vừa cất lời chào, nó đã cảnh giác và chạy mất không nói nửa lời."

"Tôi hoàn toàn có thể hình dung được. Giống mèo chúng tôi có đủ loại - cũng như có đủ loại người vậy."

"Rất đúng. Nakata này cũng cảm thấy như thế. Trên đời có đủ loại người và đủ loại mèo."

Otsuka vươn mình rồi nhìn lên bầu trời. Nắng vàng tràn ngập bãi trống, nhưng trong không khí phảng phất có điềm báo mưa, điều mà Otsuka có thể dự cảm được. "Lúc nãy bác nói thuở bé bác bị tai nạn, vì thế đâm kém thông minh, phải không?"

"Phải. Đích thị Nakata đã nói thế. Lão bị tai nạn hồi lên chín."

"Tai nạn như thế nào?"

"Quả thật Nakata này không nhớ lắm. Chỉ nghe kể lại là không hiểu sao mình bị sốt cao ba tuần liền. Mê man bất tỉnh trên một cái giường bệnh viện, với đủ thứ truyền vào trong *ven*. Cuối cùng khi tỉnh lại, chả còn nhớ một tí gì nữa. Quên cả mặt bố, mặt mẹ, quên mặt chữ, quên cả cách đếm. Trong nhà mình ra sao, cũng chẳng nhớ. Thậm chí không nhớ cả chính tên mình. Đầu hoàn toàn rỗng như cái bồn tắm đã tháo hết nước. Người ta kể lại là trước khi bị tai nạn Nakata bao giờ

cũng được điểm cao ở trường. Nhưng sau trận ốm mê man ấy, lão đần độn. Mẹ lão khóc hết nước mắt vì Nakata trở thành ngớ ngẩn, nhưng bà mất đã lâu rồi. Cha lão thì không khóc, nhưng lúc nào cũng giận dữ."

"Thay vì thông minh, bác lại có cái năng khiếu nói chuyện với mèo."

"Đúng thế."

"Cũng hay..."

"Ngoài ra, lão còn luôn luôn khỏe mạnh, không bao giờ ốm. Không có cái răng sâu nào và không phải đeo kính."

"Theo tôi thấy, bác cũng khá thông minh đấy chứ."

"Thật không?" Nakata nói, cái đầu nghiêng nghiêng. "Nakata này đã ngoài sáu mươi rồi, Cậu Otsuka ạ. Một khi đã quá tuổi sáu mươi thì lão đã quen với việc bị coi là đần độn cũng như với việc chẳng ai thèm để ý đến mình. Người ta có thể sống mà không cần phải đi tàu hỏa. Cha chết rồi, không ăn đòn nữa. Mẹ cũng chết rồi, không còn khóc được nữa. Cho nên, nếu cậu bảo lão khá thông minh thì quả cũng hơi bối rối đấy. Cậu thấy đấy, nếu lão không đần độn thì ngài Tỉnh trưởng sẽ cắt *chợ cấp* và thẻ *khiết tật* để đi xe buýt cũng không còn. Nếu ngài Tỉnh trưởng bảo: *Xét cho cùng, bác đâu phải đần độn*, thì Nakata này biết nói sao. Cho nên cứ an phận đần độn vẫn là tốt."

"Tôi muốn nói rằng vấn đề của bác không phải là chuyện đần độn," Otsuka nói, vẻ mặt rất nghiêm túc.

"Thật ư?"

"Vấn đề của bác là ở chỗ *cái bóng* của bác nó hơi... nói thế nào nhỉ... hơi *nhạt nhòa.* Ngay từ phút đầu tiên nhìn thấy bác, tôi đã nghĩ thế, rằng cái bóng của bác đổ trên mặt đất chỉ sấm bằng nửa bóng của những người bình thường."

"Lão hiểu."

"Tôi đã có lần gặp một người khác như vậy."

Miệng hơi hé ra, Nakata chằm chằm nhìn Otsuka. "Cậu muốn nói là cậu đã thấy ai đó như Nakata?"

"Phải. Vì thế tôi không quá ngạc nhiên khi thấy bác nói được tiếng mèo."

"Khi nào?"

"Lâu rồi, khi tôi còn rất trẻ. Nhưng tôi không thể nhớ các chi tiết: diện mạo và tên của người í, thời gian và nơi gặp. Như tôi đã nói lúc nãy, loài mèo không có được thứ bộ nhớ í."

"Lão hiểu."

"Bóng của người í cũng như bị tách một nửa ra khỏi người. Nó cũng nhạt nhòa như bóng của bác."

"Lão hiểu."

"Tôi nghĩ thế này: bác nên thôi tìm mèo lạc để chuyển sang tìm cái nửa kia của bóng mình."

Nakata giựt giựt vành mũ trong tay. "Nói thật tình, trước đây, Nakata này cũng đã có cảm giác là bóng mình èo uột. Người khác có thể không nhận thấy, nhưng lão thì có."

"Vậy thì tốt," mèo nói.

"Cơ mà lão đã già rồi, chả sống được bao lâu nữa. Cha mẹ chết cả rồi. Dù thông minh hay đần độn, dù biết đọc hay không biết đọc, dù có bóng hay không có bóng, một khi đến cõi thì ai cũng phải về đất thôi. Khi anh chết, người ta thiêu xác anh và bỏ tro vào một nơi gọi là Núi Quạ (Karasuyama). Núi Quạ ở Quận Setagaya. Một khi anh bị chôn vào đó, chắc anh chẳng thể nghĩ gì nữa. Và nếu anh không nghĩ nữa thì chả còn gì mắc mớ nữa. Cho nên cứ như lão bây giờ chả tốt chán sao? Điều lão *có thể* làm trong khi còn sống là không bao giờ ra khỏi Quận Nakano. Nhưng khi lão chết, lão sẽ phải đến Núi Quạ. Đó là điều không thể tránh khỏi."

"Dĩ nhiên, bác nghĩ thế nào là quyền của bác," Otsuka nói và lại liếm bàn chân. "Tuy nhiên, bác cũng nên chiếu cố đến cái bóng của mình. Nó có thể hơi bị mặc cảm tự ti một chút, với tư cách là một cái bóng. Nếu tôi là một cái bóng, tôi ắt không muốn chỉ là một nửa của chính mình."

"Lão hiểu," Nakata nói. "Có thể cậu có lý. Nakata này chưa bao giờ nghĩ về điều đó. Lão sẽ nghĩ thêm về chuyện này sau khi về nhà."

"Một ý hay đấy."

Cả hai cùng im lặng hồi lâu. Nakata lặng lẽ đứng dậy, thận trọng phủi mấy lá cỏ bám vào quần, đội cái mũ vải mòn xơ lên đầu, chỉnh lại

vài lần cho ngay ngắn, quàng cái túi vải lên vai và nói: "Rất cám ơn. Nakata này thực sự đánh giá cao những ý kiến của cậu, Cậu Otsuka. Chúc cậu luôn vui khỏe."

"Tôi cũng xin chúc bác như vậy."

Sau khi Nakata đi khỏi, Otsuka lại nằm xuống bãi cỏ và nhắm mắt lại. Hãy còn chút ít thời gian trước khi mây kéo đến và trời đổ mưa. Xua tan mọi ý nghĩ, mèo ta chìm vào một giấc ngủ ngắn.

# Chương 7

Bảy giờ mười lăm, tôi xuống nhà hàng cạnh sảnh tiếp tân ăn điểm tâm - mấy lát bánh mì nướng, sữa nóng, giăm bông và trứng. Nhưng bữa điểm tâm miễn phí của khách sạn này còn lâu mới làm tôi đầy dạ dày. Thức ăn hết sạch lúc nào không biết và tôi vẫn còn đói nguyên. Tôi nhìn quanh, chẳng thấy triển vọng gì được tiếp thêm và thở dài đánh thượt.

"Nào, cậu định làm gì bây giờ?" cái thằng tên là Quạ hỏi.

Nó ngồi ngay trước mặt tôi, bên kia bàn ăn.

"Cậu không còn ở nhà mình nữa, nơi cậu tha hồ nhồi nhét bất cứ cái gì cậu thích," nó nói. "Tớ muốn nói, cậu đã bỏ nhà ra đi, phải không nào? Hãy ghi nhớ điều đó trong đầu. Cậu đã quen thói sáng dậy đã có sẵn một bữa điểm tâm tổ bố, nhưng những ngày đó đã qua lâu rồi, anh bạn ạ. Cậu sẽ phải bằng lòng với những gì người ta cho cậu. Cậu có biết câu *Ăn nhiều bụng bự, ăn ít bụng teo* không? Cậu sắp có dịp nghiệm xem điều đó có thật đúng không. Bụng cậu rồi sẽ teo đi, tuy nhiên cũng phải một thời gian nữa. Liệu cậu có kham nổi không?"

"Được, tớ kham nổi," tôi đáp.

"Tốt," Quạ nói. "Cậu phải là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh, nhớ không?"

Tôi gật đầu.

"Tốt, vậy thì hãy thôi đừng có giương mắt nhìn cái đĩa không ấy, mà hãy hành động đi!"

Theo lời khuyên ấy, tôi đứng dậy và ra quầy lễ tân thương lượng giá phòng. Tôi giải thích rằng mình là học sinh một trường trung học ở Tokyo đến đây để viết bài tốt nghiệp (đây không phải là một lời bịa đặt hoàn toàn vì cấp trung học ở trường tôi có quy chuẩn ấy). Tôi nói thêm là tôi đang thu thập tài liệu ở Thư viện Komura. Có nhiều mục phải nghiên cứu hơn tôi tưởng, cho nên tôi phải ở lại Takamatsu ít nhất là một tuần. Nhưng vì tiền mang đi có hạn, nên liệu khách sạn có thể giảm giá phòng cho tôi, không chỉ ba ngày mà trong cả thời gian tôi lưu lại không? Tôi xin trả trước từng ngày và hứa sẽ không gây rắc rối gì.

Tôi đứng đó, trước mặt cô phụ trách tiếp tân, cố hết sức làm ra dáng một chàng trai tử tế, con nhà gia giáo bị lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Không nhuộm tóc, không xăm da. Tôi mặc một chiếc áo polo trắng nhãn hiệu Ralph Lauren sạch bong và một chiếc quần Topsiders mới toanh. Hàm răng trắng bóng, người thơm mùi xà phòng và dầu gội đầu. Tôi biết cách nói năng lễ phép. Khi tôi muốn, tôi có thể gây ấn tượng khá tốt với những người lớn tuổi hơn tôi.

Cô gái lặng lẽ nghe, gật đầu, môi hơi mím. Người nhỏ nhắn, mặc đồng phục với áo vest có phù hiệu khoác ngoài sơ mi trắng, trông cô có vẻ hơi buồn ngủ, nhưng thi hành công vụ thoăn thoắt. Cô trạc tuổi chị gái tôi.

"Tôi hiểu," cô nói, "nhưng tôi phải trình bày với ông quản lý. Chúng tôi sẽ trả lời cậu vào quãng trưa." Đặc giọng hành chính, nhưng tôi biết tôi đã được cô "duyệt". Cô ghi tên tôi và số phòng. Tôi không biết cuộc thương lượng này sẽ dẫn đến đâu. Có thể nó sẽ tai hại nếu người quản lý yêu cầu tôi cho xem thẻ học sinh, chẳng hạn, hoặc tìm cách liên lạc với cha mẹ tôi. (Dĩ nhiên, khi đăng ký, tôi đã cho số điện thoại đểu). Nhưng vì tiền túi eo hẹp, tôi nghĩ cũng bõ liều một phen.

Tôi tra sổ danh bạ điện thoại Những Trang Vàng và gọi một phòng tập thể dục công cộng, hỏi xem ở đó có những loại thiết bị luyện cơ bắp nào. Họ có hầu hết các loại tôi cần và phí tập chỉ hết có sáu trăm *yen* một ngày. Tôi hỏi đường tới đó từ nhà ga, cảm ơn rồi gác máy.

Tôi trở về phòng lấy ba lô rồi ra phố. Tôi có thể để đồ ở trong phòng hoặc gửi vào két của khách sạn, nhưng tôi cảm thấy yên tâm hơn khi mang theo tất cả. Dường như nó đã trở thành một bộ phận không

thể tách rời của cơ thể tôi vậy.

Trên chuyến xe buýt từ bến xe trước cửa ga đến phòng tập, tôi có thể cảm thấy da mặt mình căng ra vì phấp phỏng. Giả sử có người hỏi tại sao một thằng nhóc ở tuổi tôi lại la cà ở phòng tập thể dục giữa ban ngày thay vì đến trường? Tôi chẳng biết gì về cái thành phố này cũng như cách nghĩ của những người dân ở đây. Nhưng chẳng ai buồn nhìn tôi đến lần thứ hai. Tôi bắt đầu cảm thấy như mình là Người Vô Hình hay đại khái như thế. Tôi trả tiền vào cửa ở quầy thu phí, không ai hỏi gì và người ta giao cho tôi một chiếc chìa khóa mở ngăn để quần áo. Sau khi thay đồ, mặc quần soọc và áo phông, tôi tập vài bài vươn giãn. Cơ bắp thư giãn, tinh thần cũng thư giãn theo. Tôi thấy an toàn trong cái vỏ bọc gọi là *thằng tôi* đây. Tôi chui vào vành trong vừa khít của *nó* và khóa lại đánh tách. Đúng ý tôi. Tôi đang ở chỗ phù hợp.

Tôi bắt đầu bài luyện liên hoàn. Vừa nghe Prince gào trong chiếc Walkman bỏ túi, tôi vừa tập suốt một giờ trên cả loạt bảy cái máy khác nhau. Tôi cứ tưởng một phòng tập thể dục công cộng ở một thành phố nhỏ như thế này chắc phải đầy những máy cổ lỗ sĩ, nhưng những máy này thuộc những môđen gần đây nhất còn thơm mùi thép mới. Vòng đầu, tôi tập với trọng lượng nhẹ, rồi sang vòng hai, tăng mức cân lên. Tôi biết đích xác mức cân nào và bao nhiêu lần thì hiệu quả đối với tôi. Chẳng mấy chốc tôi đã đổ mồ hôi và thỉnh thoảng lại ngừng để tợp một ngụm nước và nhấm một múi quả chanh tôi mua trên dọc đường tới đây.

Tập xong, tôi tắm nước nóng ở vòi hoa sen, dùng xà phòng và dầu gội đầu mang theo. Tôi rửa chim thật kỹ (mới bóc bao quy đầu chưa được bao lâu), xát xà phòng cả hai hòn dái, nách và hậu môn. Tôi tự cân, trần truồng đứng trước gương, thử độ co duỗi của cơ bắp. Cuối cùng, tôi giặt chiếc áo phông và quần soọc đẫm mồ hôi, vắt kiệt nước rồi nhét vào một túi nilông.

Tôi đáp xe buýt trở về ga, đánh một bát udon nóng bốc hơi vẫn ở nhà hàng hôm trước. Tôi nhẩn nha vừa ăn vừa nhìn ra ngoài cửa sổ. Ga đông nghịt người nườm nượp ra vào, tất cả đều mặc những bộ quần áo ưa thích, tay xách túi hoặc va li, mỗi người đều tất tả lo toan một công việc khẩn cấp nào đó. Tôi nhìn đám đông không ngừng hối hả ấy và tưởng tượng đến một trăm năm về sau. Một trăm năm nữa, tất cả mọi

người ở đây, kể cả tôi, sẽ biến khỏi mặt đất và biến thành tro bụi. Với ý nghĩ kỳ cục ấy, mọi thứ trước mặt tôi dường như bắt đầu trở nên hư ảo, tựa hồ một ngọn gió có thể cuốn hết đi.

Tôi xòe hai bàn tay ra trước mặt và nhìn thật riết vào chúng. Tôi cứ luôn căng thẳng vì cái gì vậy? Can cớ gì lại phải lao vào cuộc vật lộn tuyệt vọng này để sống còn? Tôi lắc đầu, quay mặt khỏi cửa sổ, xua đuổi cái ý nghĩ về một trăm năm sau. Tôi sẽ chỉ nghĩ về *hiện tại*. Về những cuốn sách tôi cần đọc ở thư viện, những thiết bị ở phòng tập mà tôi chưa tận dụng. Nghĩ đến những chuyện khác sẽ chẳng ích gì.

"Thế mới đúng," Quạ nói. "Hãy nhớ lấy, cậu phải là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh."

Giống như hôm trước, tôi mua một suất trưa hộp ở ga và đáp tàu, đến Thư viện Komura vào lúc mười một rưỡi. Và y như rằng Oshima đã ở đó, đằng sau quầy. Hôm nay anh ta mặc sơ mi sợi tơ nhân tạo màu xanh lơ cài cúc đến tận cổ, quần jeans trắng, giày tennis trắng. Anh ta ngồi ở bàn làm việc, chúi mũi vào một quyển sách to tướng, chiếc bút chì vàng để bên cạnh - vẫn chiếc bút chì hôm qua, tôi đoán thế - tóc xõa cả xuống mặt. Khi tôi vào, anh ngước mắt lên, mỉm cười và nhận chiếc ba lô từ tay tôi.

"Tôi thấy là cậu vẫn chưa trở về trường."

"Em sẽ không bao giờ trở lại đó nữa," tôi thú thật.

"Vậy thì thư viện là một lựa chọn khá tốt đấy." Anh quay lại xem giờ trên chiếc đồng hồ treo đằng sau, rồi lại đọc tiếp.

Tôi sang phòng đọc, trở lại với cuốn *Nghìn Lẻ Một Đêm*. Như mọi lần, một khi đã yên vị và bắt đầu lật giở các trang sách là tôi không thể dừng lại. Bản của Burton có đầy đủ các truyện mà tôi nhớ là đã đọc hồi nhỏ, nhưng tất cả đều dài hơn, nhiều hồi hơn và nhiều tình tiết phức tạp hơn, nên hấp dẫn hơn nhiều, đến nỗi khó mà tin rằng đây vẫn là những truyện ấy. Đầy những màn tục tĩu, hung bạo, đắm đuối tình dục và phi lý. Giống như vị thần bị nhốt trong lọ, cuốn sách tràn trề một sinh khí chơi quậy, một ý thức tự do mà lẽ phải không kiềm chế nổi. Nó làm tôi say mê không rời ra được. So với đám người vô diện mạo tất ta tất tưởi ở ga xe lửa, những truyện điên khùng phi lý này của cả ngàn

năm trước còn thật hơn nhiều, ít nhất là đối với tôi. Làm sao có thể thế được, tôi cũng không hiểu. Thật quái dị.

Đến một giờ, tôi lại ra vườn, ngồi ở hiên ăn bữa trưa. Ăn được gần nửa thì Oshima đến bảo là có người gọi điện thoại cho tôi.

"Cho em?" tôi ngớ ra.

"Nếu đúng cậu tên là Kafka Tamura."

Tôi đỏ mặt đứng dậy và cầm lấy ống nghe không dây từ tay anh.

Đó là cô tiếp tân ở khách sạn, chắc là để kiểm tra xem có thật tôi đang nghiên cứu tài liệu ở thư viện không. Cô có vẻ như trút được gánh nặng khi thấy rằng tôi không nói dối cô. "Tôi đã nói chuyện với ông quản lý," cô nói, "ông bảo là khách sạn này trước đây chưa từng làm thế, nhưng thấy cậu còn trẻ quá và xét hoàn cảnh đặc biệt, nên ông sẽ làm một ngoại lệ là để cậu ở với giá mà YMCA(*) thu xếp cho cậu. Hiện tại, chúng ta không đông khách lắm, ông nói, nên chúng ta có thể linh động một chút. Ông cũng nói rằng nghe đồn cái thư viện ấy rất tốt, nên ông hy vọng là cậu có thể dư dả thời gian để nghiên cứu mọi thứ mình cần."

Tôi thở phào nhẹ nhõm và cảm ơn cô. Tôi hơi áy náy vì đã nói dối, nhưng tôi không thể làm khác được. Bản thân tôi cũng đã phải vi phạm một số luật lệ để tồn tại. Tôi tắt máy và trả ống nghe lại cho Oshima.

"Cậu là học sinh trung học duy nhất đến đây, nên tôi đã đoán ngay là cô ta gọi cậu," anh ta nói. "Tôi đã bảo cô ta là cậu cứ chúi mũi vào những trang sách từ sáng đến tối. Mà đó là sự thật."

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Kafka Tamura?"

"Đó là tên em."

"Kể cũng lạ."

"Đúng là tên em mà," tôi nhấn mạnh.

"Tôi đồ rằng cậu đã đọc truyện của Kafka?"

Tôi gật đầu. "*Lâu Đài, Vụ Án, Hóa Thân* và cái truyện quái đản về cái máy hành hình."

"*Trại Giam*," Oshima nói. "Mình mê cái truyện ấy. Chỉ có Kafka mới viết được thế."

---

* Young Men's Christian Association: Hội Thanh niên Thiên Chúa giáo

"Đó là truyện em thích nhất trong các tác phẩm của ông."

"Thật không?"

Tôi gật đầu.

"Tại sao?"

Tôi phải mất một lúc để tập trung tư tưởng. "Em nghĩ Kafka muốn đưa ra một giải thích thuần túy cơ học về cái máy phức hợp ấy thay vì mô tả thân phận con người. Em muốn nói là..." tôi dừng lại một chút để suy nghĩ thêm. "Em muốn nói đó là thủ pháp riêng của ông để diễn giải kiếp sống của chúng ta. Không phải bằng cách nói về thân phận chúng ta mà bằng cách mô tả chi tiết cái máy đó."

"Có lý," Oshima nói, đặt tay lên vai tôi, một cử chỉ tự nhiên và thân thiện. "Tôi nghĩ có thể Kafka đồng ý với cậu đấy."

Anh cầm cái ống nghe không dây và trở vào trong nhà. Tôi ngồi lại ngoài hiên một lúc nữa, ăn nốt bữa trưa, uống nước khoáng, ngắm lũ chim trong vườn. Có lẽ vẫn là lũ chim hôm qua. Trời đầy mây, không thấy một mảng xanh nào.

Có vẻ như Oshima thấy cách lý giải của tôi về truyện của Kafka là thuyết phục. Ít nhất là ở một mức độ nào đó. Nhưng tôi chưa diễn đạt hết điều tôi muốn nói. Đó không chỉ là một lý thuyết chung chung về cách hư cấu của Kafka, mà tôi nhằm nói về một cái gì rất thực kia. Cái máy hành quyết bí ẩn, phức tạp của Kafka không chỉ là một ẩn dụ hoặc một thứ ngụ ngôn - nó thực sự *hiện hữu*, ở đâu đây quanh tôi. Nhưng tôi nghĩ ắt chẳng ai hiểu ý tôi. Cả Oshima lẫn những người khác.

Tôi trở về phòng đọc, ngồi xuống ghế bành để đắm mình vào thế giới của *Nghìn Lẻ Một Đêm*. Từ từ, như cảnh quay mờ dần trong phim, thế giới thực tại tan biến. Chỉ còn mình tôi trong thế giới đó. Cảm giác mà tôi ưa thích nhất trên đời.

Năm giờ, khi tôi sắp ra về, Oshima còn ngồi sau quầy, vẫn đọc cuốn sách ấy, chiếc sơ mi vẫn phẳng phiu không một nếp nhăn, mớ tóc vẫn xõa xuống mặt. Kim đồng hồ treo trên tường đằng sau anh vẫn lặng lẽ nhích từng tí một. Mọi thứ quanh anh đều lặng lẽ và sạch tinh. Dễ thường anh không bao giờ đổ mồ hôi hoặc nấc cục. Anh ngước lên và trao trả tôi chiếc ba lô. Anh hơi cau mày như thể nó quá nặng đối với anh.

"Cậu đáp tàu từ trung tâm thành phố tới đây?"

Tôi gật đầu.

"Nếu cậu đến đây hằng ngày thì nên có cái này," anh chìa cho tôi một tờ giấy, đó là bảng giờ tàu giữa ga Takamatsu và ga tôi phải xuống để tới thư viện. "Tàu thường chạy đúng giờ."

"Cám ơn," tôi nói và nhét tờ giấy vào ba lô.

"Kafka, tôi không biết cậu từ đâu tới và định làm gì, nhưng cậu không thể ở khách sạn mãi được, phải không nào?" anh nói, thận trọng cân nhắc từng chữ. Anh lấy đầu ngón tay thử gại đầu bút chì, điều hoàn toàn không cần thiết vì bút đã được vót rất tốt.

Tôi không nói gì.

"Tôi không có ý định can thiệp đâu, mà chỉ nghĩ mình cũng có thể hỏi cho biết. Một thiếu niên ở tuổi cậu giữa một nơi trước đây chưa từng đến, thật chẳng dễ dàng gì."

Tôi lại gật đầu.

"Sau đây cậu có đi nơi nào khác không? Hay cậu định lưu lại đây một thời gian?"

"Em chưa quyết định, nhưng em nghĩ em sẽ lưu lại đây một thời gian. Không có nơi nào khác mà đi," tôi thừa nhận.

Có lẽ tôi nên kể với Oshima tất cả. Tôi dám chắc anh sẽ không chê trách tôi, hoặc lên lớp tôi, chỉ bảo cho tôi thấy điều hay lẽ phải. Nhưng ngay lúc này đây, tôi đang cố giữ miệng, chỉ nói ở mức tối thiểu. Với lại, tôi vốn không quen thổ lộ những cảm nghĩ của mình với người khác.

"Vậy tạm thời cậu nghĩ là cậu có thể tự xoay xở được?" Oshima hỏi.

Tôi gật đầu ngắn gọn.

"Thế thì chúc may mắn," anh nói.

Tôi qua bảy ngày tiếp theo cũng theo quy trình ấy, ngoại trừ vài chi tiết nhỏ (tất nhiên trừ thứ Hai thư viện đóng cửa, hôm ấy tôi đến một thư viện công cộng khác). Mỗi sáng, đồng hồ báo thức đánh thức tôi vào lúc sáu rưỡi. Tôi ngốn vội cái gọi là điểm tâm của khách sạn, khẽ vẫy chào cô gái tóc màu hạt dẻ, nếu cô đã ngồi sau quầy tiếp tân. Bao giờ

cô cũng gật đầu và mỉm cười đáp lại. Tôi nghĩ cô thích tôi và tôi cũng có phần thích cô. Liệu cô có thể là chị tôi không nhỉ? Ý nghĩ đó thoáng qua đầu tôi.

Sáng sáng, tôi làm vài bài tập vươn giãn đơn giản trong phòng trước khi đến phòng tập thể dục thực hiện đủ chuỗi bài tập liên hoàn. Bao giờ cũng vẫn mức tạ ấy và ngần ấy lượt. Không hơn không kém. Tắm vòi hoa sen, kỳ cọ từng phân vuông trên người. Tự cân để kiểm tra trọng lượng cơ thể. Trước giờ trưa, đáp tàu đến Thư viện Komura. Trao đổi vài câu với Oshima khi gửi ba lô ở quầy và khi nhận lại từ tay anh. Ăn suất cơm trưa ngoài hiên. Và đọc. Đọc xong *Nghìn Lẻ Một Đêm,* tôi chuyển sang toàn tập Natsume Soseki - hãy còn vài cuốn tiểu thuyết của ông mà tôi chưa đọc. Năm giờ, tôi ra khỏi thư viện. Như vậy, phần lớn thời gian trong ngày, tôi ở phòng tập thể dục và thư viện. Chừng nào tôi ở một trong hai nơi ấy, chẳng ai để ý đến tôi. Lý nào một thằng nhóc trốn học lại lảng vảng ở hai nơi ấy. Tôi ăn tối ở cái nhà hàng trước cửa ga. Tôi cố ăn thật nhiều rau và thỉnh thoảng còn mua trái cây, dùng con dao tôi lấy trên bàn giấy của cha tôi để gọt. Tôi mua dưa chuột và cần tây, rửa sạch ở bồn trong khách sạn và ăn với xốt mayonnaise. Thi thoảng, tôi mua một thùng sữa ở siêu thị mini để ăn với hạt ngũ cốc.

Trở về phòng, tôi ghi những gì đã làm trong ngày vào nhật ký, nghe Radiohead trên chiếc Walkman, đọc một chút rồi đến mười một giờ, tắt đèn. Đôi khi, tôi thủ dâm trước khi ngủ. Tôi tưởng tượng đến cô gái ở quầy tiếp tân, tạm thời gạt mọi ý nghĩ về khả năng cô ta *có thể* là chị mình. Tôi hầu như không xem tivi hoặc đọc báo.

Nhưng đến chiều ngày thứ tám, cuộc sống giản dị, hướng tâm ấy bỗng tan tành, như sớm muộn tất sẽ phải thế.

# Chương 8

BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)
Ngày: 12 tháng Năm năm 1946
Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm năm 1944
Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42216-WWN

Dưới đây là cuộc thẩm vấn ghi âm với Tiến sĩ Shigenori Tsukayama (52 tuổi), giáo sư Khoa Tâm thần học Trường Y khoa, Đại học Hoàng gia Tokyo, diễn ra trong vòng ba giờ tại Đại bản doanh Tư lệnh Tối cao các Lực lượng Đồng minh. Các tài liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn này có thể truy nhập theo số PTYX-722-SQ-267 đến 291. [Chú thích: các tài liệu 271 và 278 bị mất]

Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O'Connor: Giáo sư Tsukayama rất bình tĩnh và thoải mái trong suốt cuộc thẩm vấn, như người ta có thể chờ đợi ở một chuyên gia tầm cỡ như ông. Ông là một trong những nhà tâm thần học hàng đầu ở Nhật Bản và đã xuất bản một số sách xuất sắc về vấn đề này. Không giống như phần lớn người Nhật, ông tránh những câu phát biểu mơ hồ, phân biệt rạch ròi giữa sự việc thực tế và phỏng đoán. Trước chiến tranh, ông đã ở Stanford trong khuôn khổ trao đổi và nói tiếng Anh rất thạo. Chắc chắn ông được nhiều người kính trọng và yêu mến.

Chúng tôi được lệnh của bên quân sự là phải tiến hành xem xét ngay những đứa trẻ có vấn đề. Đó là vào giữa tháng Mười một năm 1944. Đối với chúng tôi, những yêu cầu hoặc mệnh lệnh đến từ các nhà chức trách quân sự là điều thật bất thường. Tất nhiên, bên quân sự có ngành y riêng của mình và, với tư cách là một thực thể riêng biệt coi bí mật là ưu tiên hàng đầu, họ thường xử lý các vấn đề trong phạm vi nội bộ. Trừ những trường hợp hiếm hoi khi họ cần đến những kiến thức và kỹ thuật đặc biệt mà chỉ những nhà nghiên cứu hoặc thầy thuốc ngoài quân đội nắm được, họ ít khi cầu đến các nhà nghiên cứu dân sự.

Cho nên khi họ phá lệ này, chúng tôi lập tức đoán rằng một chuyện gì đó bất thường đã xảy ra. Thành thực mà nói, tôi không thích làm việc dưới sự chỉ đạo của quân đội. Trong phần lớn các trường hợp, mục đích của họ là thuần túy thực dụng, chứ không hề quan tâm đến việc theo đuổi chân lý theo nghĩa học thuật, chỉ đi đến những kết luận phù hợp với những tiên kiến của họ. Họ không phải loại người tuân thủ lô gích. Nhưng đây là thời chiến và chúng tôi không thể nói không. Chúng tôi phải im miệng và làm đúng những gì họ sai bảo.

Chúng tôi vẫn tiếp tục công trình nghiên cứu của mình, bất chấp các cuộc không kích của Mỹ. Khốn nỗi, phần lớn sinh viên của chúng tôi đã bị động viên và sinh viên khoa tâm thần học cũng không được miễn quân dịch. Khi lệnh của bên quân sự đến, chúng tôi bỏ hết mọi công việc và đáp tàu đến [tên bị xóa] ở tỉnh Yamanashi. Chúng tôi có ba người: bản thân tôi, một đồng nghiệp cũng ở Khoa Tâm thần học và một bác sĩ ở Khoa Giải phẫu thần kinh.

Vừa tới nơi, họ đã cảnh báo chúng tôi rằng điều mà họ sắp cho chúng tôi biết là một bí mật mà chúng tôi không bao giờ được để lộ. Rồi họ kể với chúng tôi về cái sự kiện xảy ra hồi đầu tháng. Mười sáu học sinh đã bất tỉnh trên đồi, sau đó mười lăm em đã hồi tỉnh mà hoàn toàn không nhớ điều gì đã xảy ra. Theo lời họ, một bé trai đã không tỉnh lại và hiện vẫn đang ở trong một viện quân y ở Tokyo.

Ông bác sĩ - thiếu tá quân đội đã khám bọn trẻ ngay sau khi xảy ra chuyện, một chuyên gia nội khoa tên là Toyama - đã giải thích cặn kẽ cho chúng tôi về điều đã xảy ra. Nhiều bác sĩ quân đội thường giống những kẻ quan liêu chỉ lo bảo vệ quyền lợi riêng của mình, nhưng may

thay, Thiếu tá Toyama không thuộc loại đó. Ông ta trung thực và thẳng thắn, và hiển nhiên là một bác sĩ tài giỏi. Ông không bao giờ viện cớ chúng tôi là dân sự để át giọng hoặc giấu giếm chúng tôi điều gì, như một số người có thể làm thế. Ông cung cấp mọi chi tiết chúng tôi cần, một cách rất chuyên nghiệp và cho chúng tôi xem những hồ sơ y tế về lũ trẻ. Ông muốn đi vào cốt lõi của vấn đề. Tất cả chúng tôi đều có ấn tượng rất tốt về ông.

Điều quan trọng nhất chúng tôi gạn lọc ra từ những hồ sơ là, về mặt y học, sự cố này không gây hậu quả lâu dài đối với bọn trẻ. Từ ngay sau bữa đó cho đến hôm nay, các cuộc khám và xét nghiệm đều không phát hiện thấy có gì bất bình thường bên ngoài cũng như bên trong nội tạng. Bọn trẻ tiếp tục sống khỏe mạnh như trước khi khi xảy ra sự kiện đó. Những cuộc khám kỹ lưỡng cho thấy một số trong bọn trẻ có ký sinh trùng, nhưng không có gì nghiêm trọng. Ngoài ra, chúng hoàn toàn không có triệu chứng gì - không đau đầu, đau nhức, buồn nôn, kém ăn, mất ngủ, đờ đẫn, ỉa chảy, ác mộng. Hoàn toàn không.

Điều đặc biệt duy nhất là cả quãng thời gian hai tiếng đồng hồ bất tỉnh trong vùng đồi đã bị xóa sạch khỏi trí nhớ của lũ trẻ. Cứ như thể toàn bộ cái phần ấy đã bị lược đi. Đó là một sự *thiếu hụt* trí nhớ, chứ không phải mất trí nhớ. Từ này không phải là thuật ngữ y học, tôi dùng nó cho tiện thôi, nhưng có một sự khác biệt lớn giữa *mất* và *thiếu hụt*. Tôi đồ rằng nó tựa như... ờ phải, hãy tưởng tượng một đoàn tàu hàng chạy trên đường sắt. Hàng hóa biến khỏi một toa và toa rỗng không - thế gọi là mất. Nhưng nếu cả cái toa ấy bốc hơi, thì là thiếu hụt.

Chúng tôi bàn cãi về khả năng bọn trẻ hít phải hơi độc. Bác sĩ Toyama nói rằng dĩ nhiên họ đã xem xét giả thuyết này. *Chính vì thế mà quân đội can dự vào, ông nói với chúng tôi, nhưng xem ra xác suất là rất nhỏ. Ông nói tiếp: Song đây là bí mật quân sự, các vị không được nói với ai. Quả là quân đội đang phát triển hơi độc và vũ khí sinh học, nhưng việc này được tiến hành bởi một đơn vị đặc biệt ở nội địa Trung Hoa, chứ không phải ở trên chính đất Nhật. Đó là một dự án rất nguy hiểm, không thể thực thi ở nơi đông dân như Nhật Bản được. Tôi không thể nói với các vị là những thứ vũ khí ấy có được tàng trữ ở nơi nào trên đất Nhật hay không, nhưng tôi có thể đảm bảo dứt khoát với các vị rằng chúng không được giữ*

*ở bất cứ nơi nào trong tỉnh Yamanashi.*

**- Vậy là ông ta dứt khoát phủ nhận việc tàng trữ vũ khí đặc biệt ở trong tỉnh?**

Đúng. Ông ta rất rõ ràng về điểm này. Về cơ bản, chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc tin ông ta, vả chăng xem ra ông ta là người có thể tin được. Chúng tôi cũng kết luận rằng không có lẽ hơi độc lại được ném xuống từ một chiếc máy bay B-29. Nếu người Mỹ đã thực sự phát triển một vũ khí như thế, và quyết định dùng nó, họ ắt phải ném nó xuống một thành phố lớn mới gây được tác hại hàng loạt chứ. Ném một, hai trái bom hơi độc xuống một nơi hẻo lánh sẽ không cho phép họ xác định được hiệu quả của nó. Vả chăng, ngay cả nếu ta chấp nhận giả thuyết là một quả bom hơi độc đã được ném xuống đó, thì cái thứ hơi độc chỉ làm trẻ con bất tỉnh hai giờ mà không có tác hại lâu dài nào khác cũng là vô giá trị về mặt quân sự.

Chúng tôi cũng biết rằng không một thứ hơi độc nào, dù là nhân tạo hay tự nhiên, lại tác động như thế, chẳng để lại hậu quả gì hết. Nhất là khi áp dụng với trẻ con, vốn nhạy cảm hơn người lớn và có hệ miễn dịch yếu hơn, lẽ ra phải có chút hậu quả nào chứ, đặc biệt với mắt hoặc màng nhầy. Chúng tôi loại trừ khả năng ngộ độc thức ăn cũng vì lý do ấy.

Vậy chỉ còn lại những vấn đề tâm lý hoặc những vấn đề liên quan đến chức năng não. Trong trường hợp như vậy, phương pháp y học tiêu chuẩn sẽ không giúp gì vào việc cách ly nguyên nhân. Hậu quả có thể sẽ không thấy được và không định lượng được. Cuối cùng, chúng tôi hiểu ra tại sao bên quân đội lại gọi chúng tôi đến để tham vấn.

Chúng tôi phỏng vấn riêng từng đứa trẻ mắc vào sự cố cũng như cô giáo chủ nhiệm và bác sĩ điều trị. Thiếu tá Toyama cũng tham dự. Nhưng những cuộc phỏng vấn ấy hầu như không đem lại điều gì mới, mà chỉ giúp chúng tôi xác nhận những gì ông thiếu tá đã nói với chúng tôi. Lũ trẻ không nhớ tí gì về sự kiện đó. Chúng nhìn thấy một cái gì giống như máy bay lấp lánh tít trên trời, chúng trèo lên Owan yama (Đồi Bát Cơm) và bắt đầu tìm nấm. Thế rồi có một khoảng trống trong thời gian và điều tiếp theo chúng nhớ được là thấy mình nằm trên mặt

đất, xung quanh là những bộ mặt lo lắng của các thầy cô giáo và cảnh sát. Chúng cảm thấy ổn, không đau đớn, khó chịu hoặc buồn nôn gì cả. Chúng chỉ cảm thấy đầu hơi trống rỗng như mới thức giấc vào sáng sớm. Chỉ có thế thôi. Đứa nào cũng trả lời hệt như thế.

Sau khi tiến hành các cuộc phỏng vấn đó, chúng tôi kết luận rằng đây là một "ca" hôn mê hàng loạt. Những triệu chứng mà cô giáo chủ nhiệm và ông bác sĩ của nhà trường quan sát được tại chỗ cho thấy giả thuyết này là có lý nhất: nháy mắt đều đặn, nhịp thở, mạch và nhiệt độ đều hơi hạ, trí nhớ hụt hẫng - tất cả đều ứng hợp. Chỉ có cô giáo là không bị ngất bởi lẽ cái chất gây nên sự hôn mê hàng loạt này, không hiểu vì lý do gì, không có tác động đối với người lớn.

Tuy nhiên, chúng tôi không thể xác định được nguyên nhân. Nói chung, phải có hai yếu tố mới sinh ra hôn mê tập thể. Thứ nhất, tập thể đó phải gắn bó chặt chẽ và đồng nhất, lại bị đặt trong hoàn cảnh bó hẹp. Thứ hai, phải có cái gì phát động phản ứng, một cái gì tác động cùng một lúc lên tất cả mọi người. Trong trường hợp cụ thể này, tác nhân đó có thể là cái ánh lấp lánh của chiếc máy bay mà chúng đã nhìn thấy. Xin nhớ đây chỉ là một giả thuyết - chúng tôi không tìm thấy tác nhân nào khác - và rất có thể có một nhân tố nào khác đã khởi phát hiện tượng này. Tôi trình bày với Thiếu tá Toyama giả thuyết về một "ca" hôn mê tập thể, nhấn mạnh đó chỉ là một phỏng đoán. Nói chung, hai đồng nghiệp của tôi cũng đồng ý. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên: điều này lại gián tiếp liên quan đến một đề tài nghiên cứu mà chính chúng tôi đang thực hiện.

"Có vẻ như khớp với những bằng chứng," Thiếu tá Toyama nói sau một lát suy nghĩ. "Đây không phải lĩnh vực của tôi, nhưng xem ra đây là cách giải thích có lý nhất. Nhưng có một điều tôi không hiểu: điều gì làm cho chúng thoát ra khỏi cơn hôn mê? Chắc phải có một thứ cơ chế khởi động *nghịch đảo* chứ?"

Tôi thừa nhận là mình thực sự không biết. Tôi chỉ có thể suy biện mà thôi. Giả thuyết của tôi là thế này: cơn hôn mê có thể đã được lập trình để tự động chấm dứt sau một quãng thời gian nào đó. Cơ thể con người có một cơ chế tự vệ rất mạnh; nếu một hệ thống bên ngoài tạm thời chiếm lĩnh, thì chỉ sau một quãng thời gian, nó sẽ phản ứng tựa

như rung chuông báo động, khởi động một hệ thống đột xuất để hóa giải cái hệ thống ngoại lai (trong trường hợp này là cơn hôn mê) đang chặn đứng cơ chế tự vệ nội tại.

Rủi thay, tôi không có sẵn tư liệu trong tay nên không thể dẫn ra những con số chính xác, nhưng như tôi đã nói với Thiếu tá Toyama, đã có những báo cáo về những sự kiện tương tự xảy ra ở nước ngoài. Tất cả những vụ đó đều được coi như những bí ẩn không giải thích một cách lô gích được. Một số lớn trẻ con đồng thời bất tỉnh rồi vài giờ sau, hồi tỉnh mà không nhớ điều gì đã xảy ra.

Nói cách khác, sự kiện này rất khác thường nhưng không phải không có tiền lệ. Một thí dụ kỳ lạ đã diễn ra vào khoảng năm 1930 ở ven một làng thuộc Devonshire, nước Anh. Chẳng vì lý do cụ thể nào, một nhóm ba mươi học sinh trung học phổ thông lần lượt gục ngã bất tỉnh trên một con đường nông thôn. Mấy giờ sau, như không có chuyện gì xảy ra, tất cả hồi tỉnh và tự đi bộ về trường. Một thầy thuốc đã khám ngay cho chúng, nhưng không phát hiện thấy điều gì không ổn về mặt y học. Không một đứa nào nhớ được điều gì đã xảy ra.

Vào cuối thế kỷ trước, một sự cố tương tự đã xảy ra ở Úc. Ở ngoại thành Adelaide, mười lăm nữ sinh một trường nữ học tư thục đã bất tỉnh trong một cuộc đi chơi ngoại khóa, rồi tỉnh lại. Đây cũng lại không có tổn thương nào, không có hậu quả gì. Cuối cùng, chuyện này được xếp loại là một "ca" say nhiệt, nhưng tất cả đã ngất rồi tỉnh lại gần như cùng một lúc mà không ai bộc lộ triệu chứng say nhiệt cả, nên nguyên nhân thực sự vẫn là một bí ẩn. Thêm nữa, hôm xảy ra chuyện ấy không phải là một ngày đặc biệt nóng. Có lẽ họ kết luận như thế vì không có cách giải thích nào khác.

Những trường hợp kể trên có một số điểm chung: xảy đến với một nhóm trẻ nhỏ, trai hoặc gái, ở cách trường chúng khá xa, tất cả đều bất tỉnh, về cơ bản là đồng thời rồi cùng tỉnh dậy một lúc mà không bộc lộ hậu quả gì. Theo báo cáo, một số người lớn đi cùng bọn trẻ cũng bị ngất, còn một số thì không. Về điểm này, mỗi trường hợp một khác.

Còn có một số sự kiện khác tương tự, nhưng hai trường hợp này là có đầy đủ tài liệu nhất và do đó trở thành những "ca" tiêu biểu cho hiện tượng này. Tuy nhiên, thí dụ gần đây ở tỉnh Yamanashi chứa đựng

một yếu tố khiến nó khác biệt với những trường hợp khác: cụ thể là có một bé trai *không* tỉnh lại. Đứa bé này là chìa khóa để mở ra sự thật về toàn bộ biến cố này. Chúng tôi trở về Tokyo sau những cuộc phỏng vấn ở Yamanashi và đến thẳng viện quân y nơi thằng bé được điều trị.

**- Vậy là quân đội chỉ quan tâm đến sự cố này vì họ ngờ rằng nó có thể gây nên bởi hơi độc?**

Theo tôi hiểu thì là thế. Nhưng Thiếu tá Toyama chắc biết rõ hơn và tôi đề nghị các ông nên trực tiếp hỏi ông ấy.

**- Thiếu tá Toyama đã chết trong một trận không kích ở Tokyo hồi tháng Ba năm 1945 trong khi thi hành công vụ.**

Tôi lấy làm tiếc khi nghe tin đó. Chúng ta mất bao nhiêu người tài giỏi trong chiến tranh.

**- Tuy nhiên, cuối cùng, quân đội kết luận đây không phải do loại vũ khí hóa học nào gây ra. Họ không thể xác định được nguyên nhân, nhưng họ lại khẳng định - có phải thế không? - rằng sự việc này không liên quan gì với cuộc chiến.**

Phải, tôi nghĩ đúng là như vậy. Đến đoạn đó là họ kết thúc cuộc điều tra. Nhưng thằng bé Nakata vẫn được ở lại viện quân y vì đích thân Thiếu tá Toyama quan tâm đến "ca" này và có quan hệ với những người phụ trách ở đây. Thành thử chúng tôi có thể đến bệnh viện hằng ngày và thay phiên nhau trực đêm để tìm hiểu kỹ hơn trường hợp của đứa bé bất tỉnh này từ nhiều góc độ khác nhau.

Mặc dù bất tỉnh, các chức năng cơ thể của thằng bé vẫn tiếp tục bình thường. Nó được tiêm chất dinh dưỡng qua đường ven và tiểu tiện với những khoảng cách đều đặn. Ban đêm, nó nhắm mắt ngủ khi chúng tôi tắt đèn và mở mắt lại vào buổi sáng. Ngoài việc mất ý thức, nó có vẻ hoàn toàn khỏe mạnh. Nó ở trong một cơn hôn mê, nhưng rõ ràng là nó không mơ. Khi người ta mơ, điều đó bộc lộ ra bằng những cử

động đặc biệt của nhãn cầu hoặc những sắc thái của nét mặt. Nhịp tim tăng lên khi phản ứng với những gì thấy trong mơ. Nhưng với Nakata, chúng tôi không thể phát hiện thấy bất cứ dấu hiệu tương tự nào. Nhịp tim, nhịp thở và nhiệt độ của nó vẫn hơi thấp, nhưng ổn định một cách lạ lùng.

Nói thế này nghe cũng kỳ, nhưng quả là cứ như thằng cu Nakata thật đã đi chơi đâu, tạm thời để lại cái vỏ xác và cái vỏ xác này, trong khi nó đi vắng, vẫn duy trì mọi chức năng cơ thể ở mức tối thiểu cần thiết để tự bảo toàn. Cái cụm từ "hồn thoát xác" vụt đến trong óc. Ông có biết cụm từ ấy không? Truyện dân gian Nhật Bản đầy những thứ như vậy: hồn tạm thời rời khỏi xác, đi đến một nơi rất xa để lo một việc có tính chất sống còn nào đó, rồi trở về nhập lại vào xác. Cái loại hồn mang thù hận trong *Truyện Genji* có một cái gì tương tự như thế. Cái khái niệm cho rằng hồn không chỉ lìa khỏi xác khi chết mà còn có thể tách khỏi xác người còn sống khi ý muốn đó đủ mạnh, có lẽ là một ý tưởng đã bắt rễ ở Nhật Bản từ thời cổ đại. Dĩ nhiên, chẳng có bằng chứng khoa học nào về hiện tượng đó và tôi thậm chí còn thấy e ngại không dám nêu ý kiến đó.

Vấn đề thực tế trước mắt chúng tôi là làm sao kéo thằng bé ra khỏi cơn hôn mê và trả nó về trạng thái ý thức. Chúng tôi xoay xở đủ mọi cách để tìm ra một cơ cấu khởi động nghịch đảo nhằm hóa giải tình trạng hôn mê. Chúng tôi đưa cha mẹ nó đến, bảo họ kêu tên nó thật to. Làm thế mấy ngày, chẳng có phản ứng gì cả. Chúng tôi thử mọi ngón trong sách dạy xử lý hôn mê - vỗ tay theo nhiều cách trước mặt nó. Chúng tôi mở những đĩa nhạc nó thích, đọc to những bài học của nó, cho nó ngửi món ăn ưa thích của nó. Thậm chí chúng tôi còn mang con mèo nó đặc biệt yêu quý đến. Chúng tôi dùng mọi phương pháp có thể nghĩ ra để đưa nó trở về thực tại, nhưng vẫn không đem lại kết quả.

Qua gần hai tuần đánh vật, khi chúng tôi đã cạn sáng kiến, mệt lử và nản chí, thì đùng một cái, thằng bé tự nó tỉnh dậy. Không phải do bất kỳ cái gì chúng tôi đã làm. Không hề báo trước, như thể thời điểm này đã được định sẵn, nó hồi tỉnh.

**- Hôm ấy, có điều gì khác thường xảy ra không?**

Chẳng có gì đáng kể. Đó là một ngày như mọi ngày khác. Vào lúc mười giờ sáng, cô y tá đến để lấy mẫu máu xét nghiệm. Ngay sau đó, nó hơi bị ngạt và một chút máu rớt trên ga giường. Chẳng mấy tí và người ta đã cho thay ga giường ngay. Đó có lẽ là điều khác thường duy nhất trong ngày hôm ấy. Khoảng nửa giờ sau đó thì thằng bé tỉnh dậy. Đùng một cái, nó ngồi nhổm dậy trên giường, vươn vai và nhìn quanh phòng. Nó đã trở lại trạng thái ý thức và hoàn toàn ổn về phương diện y học. Tuy nhiên, chúng tôi sớm nhận ra rằng nó đã hoàn toàn mất trí nhớ. Thậm chí nó không nhớ nổi tên mình. Nơi nó đã sống, ngôi trường của nó, mặt cha mẹ nó, tất cả đã bị xóa sạch trong đầu. Nó không còn biết đọc và thậm chí không có khái niệm gì về nước Nhật hay Trái Đất nữa. Nó đã trở về thế giới này với đầu óc sạch trơn. Như một tờ giấy trắng.

# Chương 9

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm như một khúc gỗ trên đất ẩm giữa bụi rậm. Trời tối quá, tôi chẳng nhìn thấy gì.

Dựa đầu lên bụi mâm xôi tua tủa gai, tôi hít một hơi thật sâu và ngửi thấy mùi cây, mùi đất lẫn với mùi cứt chó khăm khẳm. Tôi nhìn thấy trời đêm qua những cành cây. Vắng trăng sao, nhưng trời sáng một cách kỳ lạ. Mây như tấm bình phong phản chiếu tất cả ánh sáng từ bên dưới. Xa xa, tiếng còi xe cấp cứu rền rĩ, lại gần hơn rồi nhỏ bặt dần. Lắng tai nghe thật kỹ, tôi có thể nhận ra tiếng bánh xe chạy rào rạo trên đường. Tôi đoán mình hẳn đang ở một chỗ nào đó trong thành phố.

Tôi cố tĩnh trí lại và gom lượm các mảnh của bản ngã *tôi* vương vãi khắp xung quanh như những miếng rời của một trò chơi ghép hình. *Đây là lần đầu tiên mình ở trong hoàn cảnh thế này, tôi nghĩ.* Hay là không phải? Tôi đã có cái cảm giác này ở đâu đó, trước đây. Nhưng vào thời điểm nào? Tôi lục lọi trí nhớ, nhưng sợi chỉ mỏng manh ấy liền đứt phựt. Tôi nhắm mắt lại và để mặc thời gian trôi qua.

Tôi giật nảy mình hoảng hốt khi chợt nhớ đến chiếc ba lô. Tôi đã để nó ở đâu nhỉ? Không thể để mất nó được: tất cả những gì tôi sở hữu đều ở trong đó. Nhưng làm sao tôi có thể tìm ra nó trong đêm tối? Tôi ráng đứng dậy, nhưng chân tay tôi đã kiệt lực, rã rời.

Tôi cố giơ bàn tay trái lên - sao đột nhiên nó lại nặng thế? - và gí chiếc đồng hồ vào sát mặt, dõi mắt vào nó thì đọc thấy: 23g26 ngày 28

tháng Năm. Tôi nghĩ đến cuốn nhật ký của mình. *28 tháng Năm...* tốt - vậy là tôi đã không mất ngày nào. Tôi đã không nằm đây lạnh lẽo nhiều ngày. Cùng lắm, tôi mới chỉ bất tỉnh mấy tiếng đồng hồ. Có thể độ bốn giờ, tôi đoán.

28 tháng Năm... một ngày như bất kỳ ngày nào khác, vẫn y xì cái thông lệ ấy, chẳng có gì bất thường. Tôi đến phòng tập thể dục, rồi đến Thư viện Komura. Tập trên các thiết bị như mọi khi, đọc Soseki vẫn trên chiếc ghế bành ấy. Ăn tối ở gần ga xe lửa, tôi còn nhớ là ăn cá hồi với xúp miso và xa-lát, hai lần xới cơm. Sau đó... sau đó, tôi không biết điều gì đã xảy ra.

Vai trái tôi hơi đau. Cảm giác hồi lại, cái đau cũng thức giấc. Chắc tôi đã đâm sầm vào một vật gì khá rắn. Tôi đưa tay phải xoa xoa chỗ đau. Không thấy vết thương hoặc sưng tấy gì. Có lẽ tôi bị đụng xe chăng? Nhưng quần áo tôi không bị rách và chỗ đau duy nhất là ở vai trái. Có lẽ chỉ là một vết bầm.

Tôi rờ rẫm quanh trong bụi rậm, nhưng chỉ thấy cành nhánh cứng đơ và cong queo như trái tim những con vật nhỏ bị hành hạ. Chẳng thấy ba lô nào cả. Tôi lục hết các túi quần. Đội ơn Chúa, ví hãy còn đây. Trong đó có chút tiền mặt, chìa khóa khách sạn, một thẻ điện thoại. Ngoài ra, tôi còn có một túi tiền xu, một mùi soa, một bút bi. Trong chừng mực tôi có thể nhận biết trong đêm tối, thì không thiếu gì cả. Tôi đang mặc một chiếc quần vải bông màu kem, một chiếc áo phông trắng cổ chữ V bên trong một chiếc sơ mi bò dài tay cộng thêm đôi giày Topsiders màu xanh nước biển. Riêng chiếc mũ bóng chày mang tên đội New York Yankees đã biến mất. Tôi nhớ là có đội nó khi ra khỏi khách sạn, nhưng bây giờ thì không. Chắc tôi đã đánh rơi nó hoặc để quên ở chỗ nào đó. Không quan trọng lắm. Thứ này một đồng một tá, mua đầu chả có.

Cuối cùng, tôi cũng tìm thấy cái ba lô của mình. Nó dựa vào một thân cây thông. Quái quỷ làm sao mà tôi lại để nó đấy rồi đâm đầu gục ngã trong cái bụi rậm này? *Tôi đang ở cái chỗ quái quỷ nào đây?* Trí nhớ của tôi đông cứng lại rồi. Dù sao, điều quan trọng là tôi đã tìm thấy nó. Tôi lấy chiếc đèn pin mini ở túi cạnh ra để soi kiểm tra bên trong. Xem ra không thiếu gì cả. Đội ơn Chúa, toàn bộ tiền của tôi ở trong đó cả.

Tôi khoác ba lô lên vai và bước khỏi bụi rậm, gạt những cành nhánh chắn lối, cho đến khi ra tới một chỗ quang hơn. Ở đây có một con đường nhỏ và tôi cứ theo vệt sáng của cây đèn pin đến một khoảng có chút ánh sáng. Đó có vẻ là khuôn viên của một miếu đường Shinto. Thì ra tôi đã bị ngất trong một cánh rừng nhỏ đằng sau tòa chính của miếu đường.

Một ngọn đèn thủy ngân trên một cây cột cao soi sáng cả khu miếu đường rộng, rọi một thứ ánh sáng lạnh lẽo lên hòm đựng đồ cúng tế cùng các bài vị bên trong miếu đường. Bóng tôi trên lớp sỏi nom dài đến độ quái dị. Tôi thấy tên của miếu đường trên một bảng tin và ghi nó vào trong bộ nhớ. Không có ai khác ở quanh đây. Thấy một phòng vệ sinh gần đó, tôi bước vào; hóa ra nó khá sạch. Tôi cởi ba lô và rửa mặt, rồi kiểm tra hình ảnh của mình phản chiếu trên tấm gương mờ xỉn bên trên bồn rửa mặt. Tôi chờ đợi thấy mình xấu xí nhất và tôi đã không thất vọng - nom tôi thật gớm ghiếc. Một bộ mặt tái nhợt với đôi má hóp đang trừng trừng nhìn lại tôi, cổ đầy bùn, tóc tua tủa chĩa ra khắp phía.

Tôi chợt nhận thấy một cái gì đen đen phía trước áo phông của tôi, tựa như một con bướm lớn xòe cánh. Tôi phủi nó đi nhưng nó vẫn bám chặt. Tôi sờ vào nó, thấy tay mình dính nhớp. Tôi cần phải bình tĩnh lại, cho nên tôi cố tình dềnh dàng, chậm rãi cởi cả hai chiếc áo đang mặc. Dưới ánh đèn nêông, tôi nhận ra đó là một vết máu - khá nhiều máu còn tươi và ướt, nhưng đã đen lại khi thấm vào vải. Tôi đưa lên mũi ngửi, nhưng nó không có mùi gì. Máu cũng vấy sang cả áo sơ mi bò, nhưng ít thôi và không lộ rõ trên nền vải xanh thẫm. Vệt máu trên áo phông thì khác - rõ mồn một trên nền trắng, không thể lầm lẫn được.

Tôi giặt chiếc áo phông ở bồn rửa mặt. Máu hòa vào nước, nhuộm đỏ chất sứ của bồn. Mặc dù tôi ra sức vò, vết hoen vẫn không đi. Tôi đã toan quẳng chiếc áo phông vào thùng rác, song lại thôi. Nếu phải vứt bỏ thì nên tìm chỗ khác tốt hơn. Tôi vắt kiệt rồi nhét nó vào một túi ni lông cùng với những đồ đã giặt, và tống tất cả vào ba lô. Tôi dấp nước lên tóc, gỡ cho khỏi quá bù rối. Rồi lấy xà phòng trong túi đựng đồ vệ sinh ra, rửa tay. Tay vẫn còn hơi run, nhưng tôi cứ nhẩn nha, rửa thật kỹ các kẽ ngón và dưới móng. Tôi lấy khăn ướt chùi sạch chỗ máu thấm

vào ngực. Rồi mặc chiếc sơ mi bò vào, cài cúc đến tận cổ, nhét vạt vào trong quần cẩn thận.

Tôi không muốn người ta nhìn mình nên phải chỉnh trang lại, ít ra nom cũng gần như bình thường.

Nhưng tôi vẫn sợ chết khiếp, răng vẫn đánh đàn. Dù cố hết sức, tôi cũng không sao kìm được. Tôi xòe tay ra nhìn. Cả hai tay đều hơi run, nom như tay người khác chứ không phải tay mình. Như hai con thú nhỏ có đời sống độc lập. Gan bàn tay nhoi nhói như vừa nắm phải một thanh sắt nóng.

Tôi tì hai tay lên thành bồn rửa mặt, ngả người về phía trước, áp đầu vào gương. Tôi cảm thấy muốn khóc, nhưng cho dù tôi có khóc, cũng sẽ chẳng có ai đến cứu tôi. Chẳng có ai...

**Chà, làm sao mà cậu dính đầy máu trên người thế? Cậu làm cái quái quỷ gì vậy? Nhưng mà cậu chả nhớ gì sất, đúng không. Tuy nhiên, trên người cậu không có vết thương nào, thế cũng đỡ. Cũng không đau đớn gì thực sự - trừ chỗ nhói buốt ở vai trái. Vậy chắc là máu của ai khác, chứ không phải của cậu. Máu của một người nào khác.**

**Dù sao chăng nữa, cậu cũng không thể ở lại đây mãi. Nếu như tình cờ một chiếc xe tuần tra phát hiện ra cậu ở đây, người đầy máu, thì rắc rối to đấy, bạn trẻ ạ. Cố nhiên, quay về khách sạn có thể không phải là một ý hay. Biết đâu chả có người đã rình sẵn ở đấy, sẵn sàng chộp cậu. Thận trọng mấy cũng không thừa. Có vẻ như cậu bị dính vào một tội ác nào đó, một vụ gì mà cậu không nhớ nổi. Có khi chính cậu là thủ phạm cũng nên. Biết đâu đấy?**

**May sao, cậu vẫn còn tất cả đồ đạc bên mình. Cậu đã khá cẩn thận, luôn luôn tha mọi thứ mình sở hữu theo trong cái ba lô nặng như cối đá này. Thế là tốt. Cậu đã làm những gì cần làm, không việc gì phải áy náy. Đừng sợ. Mọi thứ rồi sẽ ổn thôi. Nên nhớ: cậu là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh, đúng không nào? Hãy tự chủ! Hít mấy hơi thật sâu và vận dụng trí não đi. Mọi sự sẽ tốt đẹp. Nhưng cậu phải rất cẩn thận đấy. Chúng ta vừa nói đến máu, máu thật chứ chẳng phải chơi, máu của một người khác. Mà không phải là một vài giọt. Biết đâu trong khi chúng ta đang nói chuyện đây, người ta đang**

**truy lùng cậu cũng nên.**

**Tốt nhất là lên đường đi. Chỉ có một việc duy nhất cần làm, một nơi duy nhất cần đến. Và cậu biết đó là nơi nào.**

Tôi hít vài hơi thật sâu để trấn tĩnh lại, rồi xách ba lô, ra khỏi phòng vệ sinh. Dưới ánh đèn thủy ngân, tôi giẫm trên sỏi lạo xạo, cố khởi động bộ não. Bật công tắc, vặn tay quay cho suy nghĩ vào guồng. Nhưng nó không chịu chạy - ắc-quy không đủ điện để phát động mô-tơ. Tôi cần một nơi nào ấm áp và an toàn để trốn tạm và tĩnh trí lại. Nhưng *nơi nào?* Nơi duy nhất tôi có thể nghĩ ra là thư viện. Nhưng Thư viện Komura lại đóng cửa cho đến mười một giờ trưa mai, và tôi cần có chỗ để ẩn náu cho đến lúc đó.

Tôi đi đến một phương án. Tôi ngồi xuống một chỗ kín và lấy chiếc điện thoại di động trong ba lô ra. Kiểm tra thấy nó vẫn kết nối với tổng đài trung tâm, tôi lục ví tìm số điện thoại của Sakura rồi bấm số. Ngón tay tôi vẫn còn lóng ngóng nên phải mất mấy lần mới bấm đúng và đầy đủ số. Đội ơn Chúa, cô không để máy trả lời tự đông. Sau mười hai hồi chuông, cô cầm máy. Tôi xưng tên.

"Kafka Tamura," cô nhắc lại, không phấn khởi gì cho lắm. "Cậu có biết bây giờ là mấy giờ khuya rồi không? Mà mai mình lại phải dậy rất sớm."

"Tôi biết, tôi xin lỗi đã gọi muộn thế," tôi nói, giọng căng thẳng. "Nhưng tôi không có lựa chọn nào khác. Tôi đang gặp rắc rối và chị là người duy nhất tôi có thể nghĩ tới."

Đầu dây đằng kia không thấy trả lời. Hình như cô đang phân tích, cân nhắc giọng nói của tôi trong ý nghĩ.

"Chuyện có... nghiêm trọng không?" cuối cùng, cô hỏi.

"Tôi chưa thể nói chắc được, nhưng tôi nghĩ đó là chuyện nghiêm trọng đấy. Chị phải giúp tôi. Chỉ một lần này thôi. Tôi xin hứa sẽ không quấy rầy chị lâu."

Cô nghĩ một lúc. Không, không phải là cô do dự hay thế nào đâu, cô chỉ suy nghĩ thôi. "Vậy cậu đang ở đâu?"

Tôi nói tên của miếu đường.

"Có phải ở thành phố Takamatsu không?"

"Tôi không dám chắc hoàn toàn, nhưng tôi nghĩ thế."

"Thậm chí cậu không biết mình đang ở đâu?" cô sửng sốt hỏi.

"Đây là một câu chuyện dài."

Cô buông một tiếng thở dài. "Cậu hãy bắt taxi, đến cửa hàng Lawson. Nó ở góc phố gần chung cư mình đang ở, có treo biển rất to, không thể lọt khỏi mắt được." Cô chỉ hướng cho tôi. "Cậu có tiền đi taxi chứ?"

"Có," tôi nói.

"Tốt," cô nói và gác máy.

Tôi ra khỏi cái cổng rách nát của miếu đường và đi về phía đường cái để vẫy taxi. Cũng không phải chờ lâu. Tôi hỏi người lái có biết cửa hàng Lawson ở đâu không và anh ta nói có. Hỏi có xa không, anh ta bảo chỉ một cuốc xe mười "đô" thôi.

Xe đậu bên ngoài cửa hàng Lawson. Tôi trả tiền người lái xe, tay vẫn chưa hết run. Tôi khoác ba lô vào trong cửa hàng. Tôi khẩn trương đến nỗi Sakura còn chưa kịp tới. Tôi mua một bịch sữa, hâm nóng lên trong lò vi ba và chậm rãi nhấp từng ngụm. Sữa nóng trôi qua cuống họng, làm dịu dạ dày tôi đôi chút. Khi tôi bước vào cửa hàng, người gác gườm gườm nhìn cái ba lô của tôi, cảnh giác đề phòng bọn giả làm khách hàng để ăn cắp đồ, rồi sau đó chẳng ai chú ý đến tôi nữa. Tôi đứng ở ngăn báo, tạp chí, giả vờ chọn, kỳ thực để rà soát lại hình ảnh mình phản chiếu trên tủ kính. Tuy đầu tóc tôi hãy còn hơi bù rối, nhưng khó ai có thể nhận ra vết máu trên chiếc sơ mi bò. Mà ví dụ có ai để ý thấy, chắc họ cũng nghĩ đó chỉ là một vết vấy bẩn. Lúc này, chỉ cần tôi đừng run nữa.

Mười phút sau, Sakura tới. Đã gần một giờ sáng. Cô mặc áo choàng dài tay và quần jeans bạc màu. Tóc đuôi ngựa, mũ lưỡi trai New Balance màu xanh nước biển. Vừa thấy cô, răng tôi hết đánh đàn. Cô tiến đến bên tôi và nhìn tôi từ đầu đến chân như xem xét hàm răng một con chó mà cô định mua vậy. Cô thốt ra một âm thanh nửa như thở dài nửa như rên rẩm, rồi khẽ vỗ vai tôi hai cái. "Đi nào," cô nói.

Căn hộ của cô ở cách cửa hàng Lawson hai khối nhà. Một ngôi nhà hai tầng tối tàn. Cô lên cầu thang, lấy chìa khóa trong túi, mở cánh cửa

gỗ màu xanh lá mạ. Căn hộ gồm hai phòng cộng với bếp và buồng tắm. Tường mỏng, sàn kêu cót két và có lẽ ánh sáng tự nhiên duy nhất nơi này có được vào ban ngày là khi nắng quái chiều hôm rọi vào. Tôi nghe thấy tiếng xả nước ở một căn hộ khác, tiếng đóng cửa tủ kèn kẹt đâu đó. Xoàng xĩnh, nhưng ít ra cũng đem lại cảm giác là có những con người thật đang sống những cuộc sống thật. Bát đĩa chồng đống trong bồn rửa ở bếp, những chai nhựa không, những số họa báo đọc dở, những đóa hoa tuy líp tàn úa, một bảng kê những thứ cần mua sắm dán trên tủ lạnh, những chiếc tất dài vắt trên thành ghế, một tờ báo trên bàn giở ra ở trang chương trình tivi, một cái gạt tàn, một hộp thuốc lá điếu mảnh Virginia Slims. Vì một lý do kỳ lạ, cái cảnh này lại làm tôi thư giãn.

"Đây là căn hộ của con bạn mình," cô giải thích. Trước nó cùng làm với mình trong một salon ở Tokyo, nhưng năm ngoái nó phải trở về Takamatsu, quê nó. Thế rồi nó bảo nó muốn đi du lịch Ấn Độ một tháng và nhờ mình đến trông nhà hộ. Mình làm thay công việc của nó trong khi nó đi vắng. Nó cũng là thợ uốn tóc. Mình nghĩ đây là một dịp tốt để thay đổi không khí, ra khỏi Tokyo một thời gian. Nó thuộc loại New Age, nên mình ngờ là nó sẽ không chỉ ở lại Ấn Độ có một tháng thôi đâu."

Cô bảo tôi ngồi vào bàn ăn và mang cho tôi một lon Pepsi lấy từ tủ lạnh, không kèm theo cốc. Bình thường, tôi không uống loại này: quá ngọt và hại răng. Nhưng tôi đang chết khát, nên nốc cạn cả lon.

"Cậu muốn ăn gì không? Mình chỉ có mì ăn liền, có được không?"

"Tôi không đói," tôi nói.

"Trông sắc diện cậu thật khiếp, cậu biết không?"

Tôi gật đầu.

"Vậy đã xảy ra chuyện gì?"

"Giá mà tôi biết được!"

"Cậu không có ý niệm gì về điều đã xảy ra. Cậu thậm chí không biết mình đã ở đâu. Và đó là một câu chuyện dài," cô nói, liệt kê gọn các dữ kiện. "Nhưng rành là cậu đang gặp rắc rối."

"Rành là thế," tôi đáp. Tôi hy vọng là chí ít cô cũng tin vậy.

Im lặng. Trong khi đó, cô cau mày nhìn tôi chằm chằm. "Cậu thực sự không có bà con họ hàng ở Takamatsu, phải không? Cậu trốn nhà đi hoang."

Tôi lại gật đầu.

"Một lần, hồi bằng tuổi cậu, mình đã trốn khỏi nhà. Mình nghĩ mình hiểu những gì cậu đang trải qua. Vì thế mình mới cho cậu số điện thoại di động của mình. Mình nghĩ có thể cậu cần đến nó."

"Thành thực cám ơn chị," tôi nói.

"Gia đình mình ở Ichikawa thuộc tỉnh Chiba. Mình xung khắc với cha mẹ và không thích đi học, nên mình lấy trộm của gia đình một số tiền và bỏ trốn, cố đi thật xa. Hồi ấy mình mười sáu tuổi. Mình đến tận Abashiri, trên mạn Hokkaido ấy. Mình tạt vào một cái trại tình cờ gặp trên đường, xin làm việc ở đó. Mình sẽ làm bất cứ việc gì - mình nói với họ thế - và mình sẽ làm hết sức, không cần trả lương chừng nào họ cho mình ăn đầy đủ và một mái nhà che đầu. Bà chủ ở đó nhã nhặn mời mình ngồi dùng trà. Em chờ đây một chút nhé, bà nói vậy. Điều tiếp theo mình kịp nhận ra là một chiếc xe tuần tra xịch đến và cảnh sát lôi mình về nhà. Đó không phải lần đầu bà chủ trại gặp chuyện như thế này. Bấy giờ mình mới nảy ra ý nghĩ là phải học một nghề gì đó, để rồi đây dù đi đến đâu cũng có thể kiếm được việc làm. Thế là mình bỏ trường trung học, chuyển sang một trường học nghề và trở thành thợ uốn tóc." Cô nhếch mép, khẽ mỉm cười. "Cậu có thấy đó là một cách lành mạnh để tiếp cận sự đời không?"

Tôi đồng ý với cô.

"Này, cậu có muốn kể cho mình nghe đầu đuôi câu chuyện không?" cô vừa nói vừa châm một điếu thuốc lá. "Đằng nào đêm nay mình cũng chả ngủ được mấy nữa, cho nên mình sẵn sàng nghe hết."

Tôi giải thích tất cả cho cô nghe, từ lúc bỏ nhà đi. Tuy nhiên, tôi bỏ qua phần liên quan đến điềm báo. Điều đó, tôi không thể kể cho bất kỳ ai, tôi biết thế.

# Chương 10

"Vậy thì nếu Nakata này gọi cậu là Kawamura thì có được không?" Lão nhắc lại câu hỏi với mèo nâu vằn, phát âm chậm rãi, cố hết sức làm cho lời mình nói thật dễ hiểu.

Chú mèo này đã nói với lão là hình như chú đã bắt gặp Goma, con mèo cái mai rùa một tuổi bị lạc, ở quanh vùng này. Nhưng theo quan điểm của Nakata thì cách nói của chú rất kỳ. Cảm giác này là chung cho cả hai vì mèo ta dường như cũng chẳng hiểu lão mấy. Cuộc trò chuyện thành ra ông nói gà bà nói vịt.

"Tôi không phản đối, cái đầu cao nhất."

"Xin lỗi, nhưng Nakata này không hiểu cậu nói gì. Cậu bỏ quá cho, Nakata này không được sáng dạ cho lắm."

"Toàn là cá ngừ, từ đầu đến cuối."

"Cậu nói cậu muốn ăn cá ngừ chăng?"

"Không. Hai tay bị trói trước."

Nakata không bao giờ hy vọng có thể truyền đạt mọi điều một cách dễ dàng trong những cuộc trò chuyện với loài mèo như thế này. Cần phải dự kiến trước một số vấn đề khi mèo và người nói chuyện với nhau. Và còn có một nhân tố khác cần xem xét: chính cách nói năng của Nakata cũng có vấn đề - không chỉ với mèo mà cả với người nữa. Cuộc trò chuyện dễ dàng của lão với Otsuka tuần trước là một ngoại lệ chứ không phải thông lệ, vì truyền đạt một thông điệp, dù đơn giản, bao giờ cũng đòi hỏi rất nhiều cố gắng. Vào những ngày không thuận

lợi thì cứ như hai người đứng hai bên bờ sông gào lên với nhau trong tiếng gió rít vậy. Và hôm nay cũng là một ngày như vậy.

Lão không biết tại sao, nhưng bắt trúng sóng của mèo nâu vằn là khó nhất. Với mèo đen, đa phần là trôi chảy. Dễ nhất là giao tiếp với mèo Xiêm, nhưng khốn thay lại chẳng có mấy mèo Xiêm lang thang ngoài phố, cho nên hiếm khi gặp được. Mèo Xiêm thường được nâng niu chăm bẵm trong nhà. Và vì một lý do nào đó, mèo nâu vằn chiếm đa số trong đám đi hoang.

Ngay cả đã biết trước, Nakata vẫn thấy Kawamura là bất khả giải mã. Chú phát âm không rõ, khiến Nakata không sao nắm bắt được nghĩa của từng từ cũng như tương quan giữa các từ. Những gì chú thốt ra nghe giống câu đố hơn là câu nói đích thực. Tuy nhiên, Nakata cực kỳ kiên nhẫn, lại có thừa thời gian. Lão nhắc đi nhắc lại cùng một câu hỏi, khiến mèo ta phải nhắc lại câu trả lời nhiều lần. Cả hai ngồi trên bức tường đá thấp rào quanh một công viên nhỏ dành cho thiếu nhi trong một khu dân cư. Họ đã nói chuyện với nhau gần một tiếng đồng hồ, cứ loanh quanh luẩn quẩn trong mớ bòng bong.

"*Kawamura* chỉ là cái tên lão đặt ra để gọi cậu cho tiện, chứ chẳng có nghĩa gì cả... Nakata này đặt tên cho mỗi cô cậu mèo cho dễ nhớ thôi. Lão đảm bảo nó sẽ không gây phiền phức gì cho cậu. Lão chỉ thích gọi cậu như thế, nếu cậu không phản đối."

Kawamura đáp lại bằng những tiếng lầm bầm không ai hiểu nổi. Thấy tình hình này khó mà sớm chấm dứt, Nakata quyết định chuyển hướng bằng cách đưa cho Kawamura xem tấm hình Goma một lần nữa.

"Cậu Kawamura, đây là Goma, con mèo mà Nakata này đang tìm. Một con mèo mai rùa một tuổi. Chủ của nó là ông bà Koizumi ở Khối nhà 3, Nogata. Nó biến mất tăm một thôi rồi. Bà Koizumi mở cửa sổ, thế là nó nhảy vọt ra ngoài, chạy mất. Vậy một lần nữa, lão xin hỏi cậu, cậu có trông thấy nó không?"

Kawamura lại nhìn bức ảnh và gật đầu.

"Nếu là cá ngừ, Kwa'mura trói. Trói chặt, cố tìm ra."

"Xin lỗi, nhưng như lão vừa nói lúc nãy, Nakata này không sáng dạ cho lắm, nên không hiểu rõ cậu nhằm chỉ cái gì. Xin cậu vui lòng nhắc lại."

"Nếu là cá ngừ, Kwa'mura cố. Cố tìm ra và trói chặt nó lại."

"Cậu nói *cá ngừ* theo đúng nghĩa là cá chứ?"

"Thử cá ngừ, trói nó, Kwa'mura."

Nakata vò mái tóc muối tiêu húi cua, ngẫm nghĩ. Làm thế nào để giải cái câu đố *cá ngừ* này và thoát ra khỏi cuộc trò chuyện rắm rối như mớ bòng bong này? Nhưng tha hồ cho lão vắt óc, vẫn không ra manh mối nào. Nói cho cùng, suy nghĩ theo lô gích không phải là sở trường của lão. Hoàn toàn dửng dưng với thế bí của lão, Kawamura nhấc một chân sau lên gãi cằm sồn sột.

Đúng lúc ấy, Nakata nghe như có tiếng cười khe khẽ sau lưng. Lão ngoảnh lại và trông thấy một mèo Xiêm thon thả, kiều diễm, ngồi trên một bức tường bêtông thấp tè cạnh một ngôi nhà, đang him mắt nhìn lão.

"Xin lỗi, chẳng hay có phải bác Nakata đấy không?" mèo Xiêm ỏn ẻn hỏi.

"Phải, chính thế. Tên lão là Nakata. Rất hân hạnh."

"Rất hân hạnh," mèo Xiêm đáp.

"Từ sáng nay trời đã đầy mây, nhưng lão không nghĩ là sắp mưa," Nakata nói.

"Hy vọng là sẽ không mưa."

Đó là một nàng mèo Xiêm xấp xỉ trung niên. Cô nàng kiêu hãnh dựng thẳng đuôi lên và phô một vòng cổ có gắn thẻ ghi tên. Nét mặt dễ thương, người thon thả, không một chút mỡ thừa.

"Xin gọi em là Mimi. Mimi trong bài *Cô gái Bôhêmiêng* ấy. Có một bài hát về em mà. *Si, Mi Chiamano Mimi.*"

"Ra thế," Nakata nói, thật ra chẳng hiểu gì.

"Một vở nhạc kịch của Puccini. Ông chủ em rất mê nhạc kịch," Mimi nói với một nụ cười khả ái. "Em những muốn hát bài đó cho bác nghe, nhưng tiếc thay, giọng em lại quá dở."

"Nakata này rất sung sướng được gặp cô, Mimi-*san*(*)."

"Em cũng thế, thưa bác Nakata."

"Cô ở gần đây?"

"Vâng, ở ngôi nhà hai tầng đằng kia kìa. Nhà ông bà Tanabe. Bác

---

* Tiểu thư.

trông thấy chứ? Ngôi nhà có chiếc BMW530 màu kem đậu trước cửa ấy."

"Ra thế," Nakata lặp lại. Lão chẳng biết BMW là gì, nhưng lão có thấy một cái ôtô màu kem. Chắc Mimi định nói cái ấy.

"Bác Nakata," Mimi nói, "em thuộc loại mèo tự chủ, hay có thể nói là rất thích sự riêng tư, nên bình thường em không can thiệp vào chuyện của người khác. Nhưng cái thằng nhỏ kia - cái thằng mà hình như bác gọi là Kawamura ấy? - không phải là đứa thông minh sáng láng gì. Tội nghiệp, dạo bé nó bị xe đạp cán, va đầu vào bêtông. Từ đó trở đi nó đâm ngớ ngẩn. Thành thử, dù bác có kiên nhẫn đến mấy với nó (như em đã thấy thế), bác cũng chả đi tới đâu. Em đã quan sát một lúc và em nghĩ mình không thể chỉ ngồi suông. Em biết thế này là đường đột, nhưng em cần phải nói đôi điều."

"Không, xin cô đừng nghĩ thế. Lão rất mừng được cô chỉ giáo. Nakata này cũng đần độn như Kawamura và không thể nên cơm cháo gì nếu không được người khác giúp đỡ. Vì thế nên lão mới được ngài Tỉnh trưởng *chợ cấp* hằng tháng. Nên lão rất mừng được nghe ý kiến của cô, Mimi-*san* ạ."

"Em hiểu là bác đang tìm một con mèo," Mimi nói. "Xin bác lưu ý, em không nghe trộm đâu, nhưng tình cờ nó lọt vào tai em trong khi em ngủ trưa ở đây. Bác nói tên nó là Goma?"

"Phải, chính xác thế."

"Và Kawamura đã trông thấy Goma?"

"Là nó nói với lão thế. Nhưng rồi sau đó, nó nói gì lão chả hiểu."

"Bác Nakata, nếu bác không phiền, em sẽ vào cuộc và thử nói chuyện với nó. Hai mèo giao lưu với nhau vẫn dễ hơn, mà em lại rất quen với cách nói của nó. Vậy hãy để em thăm dò nó, mọi thông tin, rồi sẽ tóm tắt bác nghe."

"Thế thì được việc quá."

Mèo Xiêm khẽ gật đầu rồi, như một vũ nữ balê, nhẹ nhàng nhảy từ bức tường bêtông xuống. Cái đuôi đen dựng đứng như cái cột cờ, cô nàng thong dong bước tới, ngồi cạnh Kawamura. Nó lập tức hít hà mông Mimi, nhưng nàng mèo Xiêm vả ngay cho nó một cái vào mõm, làm mèo nhóc lùi lại. Không để nó kịp thở, Mimi bồi thêm một cú nữa vào giữa mũi.

"Giờ thì chú ý nghe cho kỹ nhé, đồ óc bã đậu thối tha!" Mimi rít lên, rồi quay lại phía Nakata như để phân bua. "Phải cho nó biết đâu là người trên kẻ dưới, kẻo sẽ chẳng bao giờ đi đến đâu. Nếu không, nó sẽ ú ớ suốt và bác sẽ chỉ nghe toàn những thứ nhăng cuội. Tình trạng này không phải lỗi tại nó, và em cũng ái ngại cho nó, nhưng biết làm thế nào?"

"Lão hiểu," Nakata nói, mà không dám chắc mình hiểu cái gì.

Hai con mèo bắt đầu trò chuyện, nhưng chúng nói nhanh và lí nhí đến nỗi Nakata không nắm bắt được tí gì. Mimi cật vấn Kawamura bằng một giọng gay gắt, con mèo nhóc trả lời một cách rụt rè, mỗi lần ngập ngừng lại ăn một cái tát không thương xót vào mặt. Cô nàng mèo Xiêm này vừa thông minh vừa có học vấn. Cho đến nay, Nakata đã gặp rất nhiều mèo, nhưng chưa từng thấy con nào biết thưởng thức nhạc kịch và thông thạo các môđen xe hơi. Kính nể, lão theo dõi Mimi tiến hành cuộc điều tra một cách khẩn trương, đầy hiệu quả.

Nghe xong mọi thứ, Mimi đuổi chú mèo nhóc đi. "Xéo!" cô nàng quát và nó cun cút lủi mất.

Mimi thân ái sà vào nằm gọn trong lòng Nakata. "Em nghĩ là đã nắm được cốt lõi vấn đề."

"Đa tạ," Nakata nói.

"Con mèo này - tức là Kawamura - nói nó đã trông thấy Goma mấy lần ở một bãi cỏ ngay cuối con đường này. Đó là một bãi đất trống, người ta định xây nhà trên đó. Một hãng kinh doanh bất động sản đã mua cái xưởng phụ tùng của một công ty xe hơi, phá bỏ đi để xây một chung cư cao cấp thế vào. Một phong trào của cư dân trong khu đã phản đối dự án này, cuộc chiến pháp lý nổ ra và việc xây dựng phải đình lại. Thời buổi này chuyện như thế xảy ra thường xuyên. Nơi này cỏ mọc um tùm và chẳng mấy người lai vãng, nên trở thành nơi trú ngụ lý tưởng cho tất cả bọn mèo đi hoang trong vùng. Em chả giao du nhiều, em không muốn lây rận, nên em chả mấy khi đến đấy. Chắc bác cũng biết, rận cũng giống như thói quen, một khi mắc phải thì khó mà rũ bỏ được."

"Lão hiểu," Nakata nói.

"Nó bảo em là con kia giống con trong ảnh: một con mai rùa bé

xinh, nhút nhát, đeo đai cổ chống rận. Nó cũng không thạo nói. Rõ ràng đó là một con mèo nhà ngây ngô không tìm ra đường về nhà."

"Không biết đó là hôm nào nhỉ?"

"Lần gần đây nhất Kawamura thấy nó là cách đây ba hay bốn hôm. Nó chẳng sáng dạ gì, thậm chí không biết ngày thứ mấy nhưng nó nói đó là sau hôm mưa, nên em nghĩ chắc là thứ Hai. Em nhớ là hôm Chủ nhật mưa rất to mà."

"Nakata này cũng không thông thạo các ngày trong tuần, nhưng cũng nghĩ trời đã đổ mưa vào quãng ấy. Kể từ đó Kawamura không thấy nó nữa ư?"

"Đó là lần cuối cùng. Những con mèo khác cũng không thấy nó nữa, Kawamura nói thế. Tuy nó đần độn, vô tích sự, nhưng em đã dồn ép nó rất riết và em tin phần lớn những điều nó nói."

"Lão thành thực cảm ơn cô."

"Có gì đâu, chính em cảm thấy hài lòng. Phần lớn thời gian em chỉ có lũ mèo ẩm ương quanh đây để chuyện trò, chẳng có gì là tâm đầu ý hợp cả. Bực hết chỗ nói. Cho nên được nói chuyện với một con người khôn ngoan như bác, giống như đang ợi nồng bỗng được một luồng khí mát vậy."

"Lão hiểu," Nakata nói. "Có một điều Nakata này chưa rõ lắm. Cậu Kawamura cứ luôn miệng nhắc đến *cá ngừ,* không biết có nhằm chỉ đích thị con cá ấy không?"

Mimi uyển chuyển nhấc chân trước bên trái lên, xem xét kỹ lòng bàn chân hồng hồng và cười khúc khích. "Em nghĩ từ vựng của cái thằng nhóc này chẳng giàu có gì cho lắm."

"*Từ vựng* ư?"

"Em muốn nói số từ nó biết rất hạn chế. Cho nên đối với nó, bất cứ cái gì ăn ngon miệng đều là *cá ngừ.* Đối với nó, cá ngừ là tinh hoa của tinh hoa trong lĩnh vực thức ăn. Nó đâu có biết là còn có những thứ như cá tráp, cá bơn lưỡi ngựa, cá đuôi vàng."

Nakata hắng giọng. "Thực ra, Nakata này cũng rất khoái món cá ngừ. Cố nhiên, lão thích cả lươn nữa."

"Em cũng khoái ăn lươn. Tuy đó không phải là thứ ngày nào cũng có mà ăn."

"Đúng thế. Không phải ngày nào cũng có lươn mà ăn."

Rồi cả hai im lặng một lúc, đắm trong những tơ tưởng về lươn.

"Dù sao đi nữa, điều Kawamura muốn nói là thế này," Mimi nói, như chợt nhớ ra. "Không lâu sau khi lũ mèo hoang trong khu bắt đầu chọn bãi trống này làm chỗ trú chân, một người xấu chuyên bắt mèo xuất hiện. Đám mèo khác cho rằng người này đã bắt Goma mang đi. Y kiếm thức ăn ngon nhử bọn chúng, rồi bỏ chúng vào một cái bị lớn. Người này bắt mèo rất thiện nghệ và một con mèo con ngây thơ, đói ăn như Goma rất dễ rơi vào bẫy của y. Ngay cả đám mèo hoang sống quanh đây, vốn rất thận trọng, cũng mất vài mống vào tay y. Thật gớm ghiếc, vì đối với một con mèo, không gì khốn khổ hơn là bị nhét vào trong một cái bị."

"Lão hiểu," Nakata nói và một lần nữa lại đưa tay lên vò mái tóc muối tiêu. "Nhưng cái gã ấy nó làm gì với những con mèo sau khi bắt chúng?"

"Cái ấy thì em không biết. Dạo xưa, người ta thường lấy da mèo làm dây đàn shamisen, nhưng ngày nay không có nhiều người chơi shamisen nữa. Với lại, em nghe nói bây giờ người ta chủ yếu dùng dây bằng plastic. Ở một số nơi trên thế giới, người ta ăn thịt mèo, tuy nhiên, đội ơn Chúa, ở Nhật Bản thì không. Cho nên em nghĩ ta có thể loại trừ cả hai khả năng ấy. Còn lại... để em xem... mèo còn được dùng trong những thí nghiệm khoa học. Số này khá nhiều đấy. Thực tế, một con bạn em đã bị đưa vào một cuộc thử nghiệm tâm lý ở trường Đại học Tokyo. Một sự khủng khiếp, nhưng đó là một câu chuyện dài, lúc này em không muốn kể. Lại còn có những kẻ bệnh hoạn thích hành hạ mèo, chẳng hạn như bắt mèo rồi chặt đứt đuôi, coi đó là một thú vui, số này không nhiều, nhưng cũng phải tính đến."

"Sau khi chặt đuôi mèo, họ làm gì?"

"Chẳng gì nữa hết. Họ chỉ muốn hành hạ mèo và làm đau chúng, thế thôi. Vì một lý do nào đó, họ cảm thấy dễ chịu khi làm thế. Trên đời có những kẻ quái đản như thế đấy."

Nakata ngẫm nghĩ một lúc. Làm sao mà chặt đuôi một con mèo lại có thể là một thú vui được? "Vậy cô nói rằng có thể một trong số những con người *quái đản* ấy đã bắt Goma đi?" lão hỏi.

Mimi cau mày, bộ ria mép dài trắng xoắn lên. "Em đâu có muốn

nghĩ thế, nhưng đó là một khả năng. Bác Nakata, em sống chưa được bao năm, nhưng em đã thấy những điều kinh khủng không tưởng tượng nổi. Nhiều người nhìn bề ngoài tưởng đời sống của mèo là tuyệt vời - suốt ngày nằm dài tắm nắng, chẳng phải động chân nhấc tay làm một việc gì. Nhưng đời sống của mèo đâu có thơ mộng thế. Loài mèo là những sinh vật nhỏ bé, yếu đuối, dễ bị tổn thương. Chúng tôi không có mai cứng như rùa, không có cánh như chim. Chúng tôi không biết đào sâu vào lòng đất như chuột chũi, không đổi được màu như tắc kè hoa. Thiên hạ không hề biết mỗi ngày có bao nhiêu mèo bị thương hoặc chết thảm chết thê. Em may mắn được sống với ông bà Tanabe trong một gia đình ấm cúng và thân ái, lũ trẻ đối xử tốt với em và em có mọi thứ em cần. Nhưng ngay cả như thế, đời sống của em không phải lúc nào cũng dễ dàng. Còn bọn mèo hoang thì thật khốn khổ."

"Mimi, cô thật là thông minh," Nakata nói, thán phục tài hùng biện của nàng mèo Xiêm.

"Không, không đâu," Mimi đáp, nheo mắt lại bối rối. "Chỉ là em suốt ngày nằm trước tivi và kết quả là thế này: đầu em trở nên đầy những kiến thức vô bổ. Bác Nakata, bác có bao giờ xem tivi không?"

"Không, Nakata này không xem tivi. Những người lên tivi nói quá nhanh, lão nghe không kịp. Lão đần, không biết đọc mà đã không biết đọc thì tivi chả có mấy ý nghĩa. Thi thoảng lão cũng nghe đài, nhưng đài nói cũng quá nhanh, làm lão mệt. Không, lão khoái thế này hơn nhiều: ra ngoài trò chuyện với mèo dưới bầu trời xanh."

"Thật vậy," Mimi nói.

"Chính thế," Nakata nói.

"Em thực sự hy vọng là Goma không sao."

"Cô Mimi, Nakata này sẽ đến ngó qua cái bãi trống ấy một cái."

"Theo Kawamura, người ấy rất cao, y đội một cái mũ cao thành kỳ dị và đi ủng da, bước rất nhanh. Nom y thật khác thường, nên bác có thể nhận ra ngay. Bọn mèo quen tụ tập ở bãi trống, hễ trông thấy y là chạy tán loạn đi khắp phía. Nhưng con nào mới đến không biết thì..."

Nakata cẩn thận cất giữ thông tin đó vào một ngăn kéo trong đầu để khỏi quên: *người ấy rất cao, đội một cái mũ cao thành kỳ dị và đi ủng da.*

"Hy vọng là em cũng giúp ích được phần nào," Mimi nói.

"Nakata này xin đa tạ về tất cả những gì cô đã làm. Nếu cô không có nhã ý lên tiếng, thì đến giờ lão vẫn còn lẩn quẩn với hai chữ *cá ngừ*. Lão rất cảm ơn."

"Em nghĩ," Mimi nói, lo âu ngước nhìn Nakata, "con người này *đem lại rắc rối đấy*. Rất nhiều rắc rối là đằng khác. Y nguy hiểm hơn bác tưởng nhiều. Ở địa vị bác, em sẽ chẳng bén mảng đến bãi đất trống ấy làm gì. Nhưng xét cho cùng, bác là một con người, bác có công việc của bác, nhưng em mong bác hết sức cẩn trọng."

"Cám ơn nhã ý của cô, lão sẽ hết sức thận trọng."

"Bác Nakata, thế giới này là một chốn hung bạo khủng khiếp. Và không ai có thể thoát khỏi sự hung bạo. Xin bác hãy luôn nhớ điều đó. Cẩn trọng bao nhiêu cũng không thừa. Điều đó áp dụng với cả mèo lẫn người."

"Lão sẽ ghi nhớ điều đó," Nakata đáp.

Nhưng sự hung bạo ấy ở đâu và như thế nào, thì lão chẳng hay biết chút gì. Thế giới này đầy những thứ mà Nakata không tài nào hiểu nổi và phần lớn những thứ dính dáng đến hung bạo đều thuộc loại này.

Sau khi chào tạm biệt Mimi, lão đến xem khu bãi trống. Hóa ra nó chỉ bằng một cái sân chơi nhỏ quây kín bởi một hàng rào cao bằng gỗ dán, với một tấm biển mang dòng chữ: CẤM VÀO - CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG NAY MAI (mà dĩ nhiên Nakata không đọc được). Một khóa xích nặng nề chắn lối vào, nhưng vòng ra phía sau thì có một lỗ hổng ở hàng rào, và lão có thể chui vào dễ dàng. Chắc là đã có ai phá ra.

Toàn bộ nhà kho trước đây đã dỡ bỏ, nhưng đất chưa được san nền để xây dựng, nên cỏ mọc um tùm. Một đôi bướm dập dờn quanh những ngọn cỏ roi vàng cao bằng đầu trẻ con. Những mô đất rắn lại bởi nước mưa, có chỗ nhô cao thành gò. Một nơi lý tưởng cho mèo. Người chẳng ai rỗi hơi mò đến, bên trong rất nhiều chỗ ẩn nấp, lại có đủ loại sinh vật nhỏ nhoi để săn bắt.

Chẳng thấy Kawamura đâu cả. Có hai con mèo gầy nhom, lông xác xơ đang ở đó, nhưng khi Nakata lên tiếng chào thân ái, chúng chỉ lạnh lùng nhìn lão rồi biến vào trong đám cỏ rậm. Điều đó cũng dễ hiểu - ai lại muốn bị bắt và bị chặt đuôi? Bản thân Nakata chắc chắn cũng không

muốn điều đó xảy ra với mình, mặc dù lão không có đuôi. Chả có gì là lạ khi bọn mèo e ngại lão.

Nakata đứng lên một mô đất cao hơn, nhìn khắp xung quanh. Chẳng có ai khác, chỉ thấy lũ bướm bay lượn trên đám cỏ dại, tìm kiếm một cái gì. Lão tìm thấy một chỗ ngồi tốt, đặt chiếc túi vải khoác trên vai xuống, lấy ra hai cái bánh nhân đậu xanh, ăn thay bữa trưa. Lão uống trà nóng từ một bình thủy mang theo, lim dim mắt lặng lẽ nhấp từng ngụm nhỏ. Một cuối trưa yên tĩnh. Mọi vật đều an bình và hài hòa. Nakata thấy khó tin là có kẻ đang rình rập để bắt mèo về tra tấn.

Lão vừa nhai vừa vò mái tóc muối tiêu cắt ngắn. Nếu có ai khác cùng ngồi đây, hẳn lão đã phân trần *Nakata này chẳng sáng dạ gì,* nhưng rủi thay, lão chỉ có một mình. Lão chỉ có thể gật gù với chính mình một vài lần và tiếp tục nhai. Ăn xong hai cái bánh, lão gấp tờ giấy bóng kính gói bánh lại thật vuông vắn rồi cất vào túi. Lão đậy nắp phích, vặn chặt lại và cũng bỏ vào túi luôn. Trời có một lớp mây che phủ, nhưng nhìn màu mây, Nakata biết mặt trời đang ở ngay trên đỉnh đầu.

*Người ấy rất cao, đội một cái mũ cao thành kỳ dị và đi ủng da.*

Nakata cố hình dung con người ấy, nhưng lão không sao mường tượng được *một cái mũ cao thành kỳ dị và đôi ủng da* như thế nào. Kawamura đã nói với Mimi rằng nhìn thấy y là biết ngay thôi. Cho nên Nakata quyết định là cứ đợi đến khi nhìn thấy y. Đó rành là kế hoạch tốt nhất. Lão đứng dậy và tè luôn vào đám cỏ - một bãi nước đái thật thà không khách sáo, kéo dài - rồi đi tới một góc bãi khuất kín nhất và ngồi đó đến hết buổi chiều, chờ con người kỳ dị kia xuất hiện.

Chờ đợi là một nhiệm vụ chán ốm. Lão không có manh mối nào để biết bao giờ thì người ấy xuất hiện trở lại - có thể là mai, có thể là cả tuần nữa. Hoặc có thể chẳng bao giờ nữa cũng nên - đó cũng là một khả năng chứ. Nhưng Nakata đã quen chờ đợi vô mục đích, tiêu thời gian một mình, chẳng làm gì cả. Lão chẳng mảy may lấy thế làm phiền.

Thời gian không thành vấn đề đối với lão. Thậm chí lão không cần đồng hồ. Nakata hành động theo cảm thức riêng của mình về thời gian. Trời rạng ra là sáng, mặt trời lặn và trời tối đen là đêm. Hễ trời tối là lão đến nhà tắm công cộng gần chỗ mình ở, tắm xong thì về nhà ngủ. Có một số ngày trong tuần, nhà tắm công cộng đóng cửa, những hôm

đó lão nghỉ tắm và về thẳng nhà. Dạ dày báo cho lão biết giờ ăn và khi nào đến kỳ đi lĩnh *chợ cấp* (gần đến ngày đó, bao giờ cũng có một ai đó có nhã ý nhắc lão) là lão biết thêm một tháng đã trôi qua. Ngày hôm sau thế nào lão cũng đến cắt tóc ở hiệu cắt tóc đầu phố. Mùa hè nào cũng có người trong phường đãi lão món lươn, và đầu năm vào dịp Tết người ta lại mang bánh nếp đến cho lão.

Nakata thả lỏng toàn thân, ngắt mạch suy nghĩ, mặc cho mọi thứ bồng bềnh nổi trôi. Đó là một động thái tự nhiên đối với lão, từ bé lão vẫn làm thế, không cần nghĩ ngợi. Chẳng mấy chốc, biên giới của ý thức lão bắt đầu chấp chới như những cánh bướm. Bên kia biên giới đó là một vực thẳm tối đen. Đôi khi, ý thức của lão bay qua biên giới và chao lượn bên trên vực sâu đen ngòm đến chóng mặt đó. Nhưng Nakata không sợ bóng tối hoặc độ sâu của nó. Mà tại sao lão lại phải sợ? Cái thế giới không đáy của bóng tối ấy, cái tĩnh lặng hỗn độn nặng nề ấy là một người bạn cũ và đã trở thành một bộ phận của chính lão từ lâu rồi. Nakata hiểu nó quá rõ. Trong cái thế giới ấy không có chữ viết, không có các ngày trong tuần, không có ông Tỉnh trưởng dễ sợ, không có nhạc kịch, không có BMW. Không dao kéo, không mũ cao thành. Mặt khác, cũng không có lươn, không có bánh nhân đậu xanh ngon lành. Có *tất cả*, nhưng không có *bộ phận*. Mà đã không có bộ phận thì không cần phải thay thế cái này bằng cái khác. Không cần phải bớt cái gì hoặc thêm cái gì. Không cần phải nghĩ về những điều khó khăn, cứ thả mình bồng bềnh, cho tất cả thấm vào mình. Với Nakata, không gì có thể tốt đẹp hơn thế.

Thi thoảng, lão thiếp đi. Tuy nhiên, ngay cả khi ngủ, những giác quan luôn luôn cảnh giác của lão vẫn quan sát bãi trống. Nếu có gì xảy ra, nếu có ai đến, lão có thể thức dậy ngay và làm những gì cần làm. Bầu trời bị một lớp mây xám che phủ khắp, nhưng ít nhất thì cũng sẽ không mưa ngay. Tất cả bọn mèo đều biết thế. Và cả Nakata cũng biết thế.

# Chương 11

Khi tôi kể xong, đêm đã rất khuya. Suốt thời gian đó, Sakura lắng nghe rất chăm chú, đầu tựa vào hai tay chống khuỷu trên bàn bếp. Tôi thú thật với cô rằng tôi mới mười lăm tuổi, đang học trung học, rằng tôi đã ăn cắp tiền của bố rồi trốn khỏi ngôi nhà ở Quận Nakano, Tokyo. Rằng tôi đang trọ ở một khách sạn ở Takamatsu và hằng ngày, đến đọc sách ở một thư viện. Rằng đùng một cái, tôi thấy mình nằm gục bên ngoài miếu đường, mình đầy máu. Kể hết. Thật ra chỉ *gần* hết thôi, còn chừa một điều quan trọng mà tôi không thể nói ra.

"Vậy là mẹ cậu bỏ nhà đi, mang theo chị gái cậu, khi cậu mới lên bốn. Để lại cậu với cha cậu."

Tôi lấy trong ví ra tấm ảnh hai chị em tôi chụp bên bờ biển, đưa cho cô xem. "Đây là chị gái em," tôi nói. Sakura nhìn tấm ảnh một lúc rồi trả lại tôi, không bình luận một lời.

"Từ đó đến nay em không gặp lại chị ấy," tôi nói. "Cả mẹ em nữa. Bà không bao giờ liên lạc và em không biết hiện bà ở đâu. Thậm chí em không nhớ nổi hình dong bà ra sao nữa. Em không còn cái ảnh nào của mẹ. Em có thể nhớ mùi và bàn tay vuốt ve của mẹ, chứ không nhớ mặt."

"Hừm," Sakura nói, hai tay vẫn chống cằm, mắt nheo lại nhìn tôi. "Chắc cậu khổ tâm lắm?"

"Vâng, có lẽ..."

Cô tiếp tục lặng lẽ nhìn tôi đăm đăm. "Vậy là cậu không hợp với cha cậu?" cô hỏi sau một hồi lâu.

*Không hợp?* Tôi phải trả lời câu hỏi này như thế nào? Tôi không nói gì, chỉ lắc đầu.

"Một câu hỏi ngớ ngẩn - tất nhiên là thế rồi. Nếu không cậu đã chẳng trốn khỏi nhà," Sakura nói. "Vậy, tóm lại, cậu đã bỏ nhà và hôm nay, đột nhiên, cậu bất tỉnh, hoặc mất trí nhớ, hoặc gì gì đó."

"Vâng."

"Điều này trước đây đã bao giờ xảy ra chưa?"

"Đôi lần," tôi thành thực nói với cô. "Khi em nổi cáu thì như châm ngòi nổ. Tựa hồ có ai bấm nút trong đầu, thế là cơ thể bùng phát, lý trí không theo kịp. Tựa như em đang ở đây, mà cách nào đó, lại không phải là em."

"Cậu muốn nói: cậu mất tự chủ và làm một điều gì hung bạo?"

"Vâng, điều đó đã xảy ra mấy lần."

"Cậu đã làm ai bị thương bao giờ chưa?"

Tôi gật đầu. "Hai lần. Nhưng không nặng lắm."

Cô ngẫm nghĩ một lát.

"Liệu lần này có phải vẫn điều đó xảy ra không?"

Tôi lắc đầu. "Đây là lần đầu tiên xảy ra một điều tệ hại đến như vậy. Lần này... em không biết nó khởi đầu như thế nào và em hoàn toàn không nhớ điều gì đã xảy ra. Cứ như trí nhớ của em đã bị xóa sạch. Trước đây chưa bao giờ tệ hại đến thế."

Cô nhìn chiếc áo phông tôi vừa lôi ra từ ba lô, xem xét thật kỹ vết máu mà tôi đã không tẩy sạch được. "Vậy điều cuối cùng cậu còn nhớ được là bữa ăn tối ở tiệm ăn gần ga, phải không?"

Tôi gật đầu.

"Và tất cả những gì sau đó là một khoảng trống. Điều tiếp theo cậu nhận biết được là thấy mình nằm trong bụi rậm đằng sau miếu đường ấy. Tức là khoảng bốn giờ sau. Tỉnh dậy thì thấy áo phông đầy máu và vai bên trái đau nhói."

Tôi lại gật đầu. Cô giở một tấm bản đồ thành phố, ước lượng khoảng cách giữa nhà ga và miếu đường.

"Không xa lắm, nhưng đi bộ thì cũng lâu đấy. Nhưng trước nhất, tại sao cậu lại ở chỗ ấy nhỉ? Nó ở ngược hướng với khách sạn của cậu. Trước đây cậu đã bao giờ đến đó chưa?"

"Chưa bao giờ."

"Cậu cởi áo ra một lát xem," cô nói.

Tôi cởi trần đến thắt lưng. Cô bước ra sau tôi và nắm chặt lấy vai trái tôi. Ngón tay cô bấm sâu vào thịt khiến tôi không khỏi kêu lên khe khẽ. Cô gái này quả có sức.

"Có đau không?"

"Còn phải hỏi," tôi nói.

"Cậu đã va rất mạnh vào một cái gì đó. Hoặc cái gì đó đã quật rất mạnh vào cậu."

"Em không nhớ tí gì cả."

"Dù sao cũng không gãy cái xương nào," cô nói. Cô tiếp tục xoa nắn xung quanh chỗ đau, và nếu quên cái đau đi thì những ngón tay cô thật dễ chịu. Khi tôi nói với cô thế, cô mỉm cười.

"Mình xưa nay vẫn giỏi ngón xoa bóp mà. Đó là một kỹ thuật hữu ích cho thợ làm tóc."

Cô tiếp tục xoa bóp chỗ vai tôi. "Xem ra không có gì nghiêm trọng cả. Cứ ngủ một giấc đẫy qua đêm, rồi cậu sẽ cảm thấy đỡ thôi."

Cô nhặt cái áo phông của tôi, bỏ vào một túi nhựa rồi vứt vào sọt rác. Cô xem xét lại chiếc sơ mi bò của tôi một lần nữa rồi ném vào máy giặt. Lục lọi trong tủ áo và moi ra một cái áo phông trắng, đưa cho tôi. Một chiếc áo mới toanh trắng lốp với dòng chữ *Maui Whale Watching Cruise,* có cả hình một cái đuôi cá voi nhô khỏi mặt nước.

"Đây là chiếc áo to nhất mình có thể tìm được. Nó không phải của mình nhưng cậu đừng ngại. Đó chỉ là vật lưu niệm của một người nào đó. Có thể không hợp "gu" cậu nhưng cứ thử coi."

Tôi mặc vừa khít.

"Nếu muốn thì cậu cứ giữ mà dùng," cô nói.

Tôi cảm ơn cô.

"Vậy trước đây cậu chưa bao giờ mất trí nhớ hoàn toàn như thế?" cô hỏi.

Tôi gật đầu, rồi nhắm mắt lại, mân mê chiếc áo phông, hít cái mùi mới tinh của nó. "Chị Sakura ạ, em thấy sợ thực sự," tôi nói. "Em không biết phải làm gì. Em tuyệt nhiên không nhớ có làm ai bị thương hay không. Bất kể điều gì khiến người em đầy máu, em cũng không thể

nhớ ra. Nếu em đã phạm tội, thì dù em có nhớ hay không, em vẫn cứ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, phải không?"

"Có thể chỉ là đổ máu cam. Một người nào đó đi trên phố, va phải một cái cột điện và đổ máu mũi. Và cậu chỉ đỡ người ta dậy thôi. Rõ không? Mình hiểu tại sao cậu lo, nhưng ta hãy cố nghĩ ra những kịch bản về những trường hợp xấu nhất, được không? Ít nhất thì đêm nay cũng chưa có chuyện gì. Sáng mai ta sẽ xem báo, theo dõi tin trên tivi. Nếu có gì ghê gớm đã thực sự xảy ra, chúng ta sẽ biết. Bấy giờ ta sẽ cân nhắc các phương án. Có rất nhiều lý do khiến người ta chảy máu, và đa phần không đến nỗi ghê gớm như ta tưởng. Mình là con gái, nên đã quen nhìn thấy máu - tháng nào mình chả nhìn thấy máu. Cậu hiểu mình muốn nói gì chứ?"

Tôi gật đầu và cảm thấy hơi đỏ mặt. Cô xúc mấy thìa Nescafé đổ vào một tách lớn, đun một ít nước trong một cái xoong nhỏ. Cô hút thuốc, chờ nước sôi. Rít vài hơi, rồi tắt điếu thuốc bằng vòi nước. Tôi thoáng thấy mùi bạc hà.

"Mình không muốn thóc mách, nhưng có một điều mình muốn hỏi cậu. Cậu có phiền không?"

"Không," tôi đáp.

"Chị gái cậu là con nuôi. Cha mẹ cậu xin được ở đâu đó trước khi sinh cậu, đúng không?"

"Đúng," tôi đáp. "Em không biết tại sao, nhưng quả là có chuyện ấy. Sau đó, em ra đời. Hình như ngoài mong muốn của cha mẹ em."

"Vậy cậu đích thị là con của cha cậu và mẹ cậu?"

"Theo như em biết thì đúng vậy," tôi nói.

"Nhưng khi bỏ đi, bà không mang cậu theo, mà lại mang chị cậu mặc dù đó không phải là con bà rứt ruột đẻ ra," Sakura nói. "Thông thường, một người đàn bà đâu có làm thế."

Tôi không nói gì.

"Tại sao bà ấy lại làm thế?"

Tôi lắc đầu. "Em không biết," tôi đáp. "Em đã tự đặt cho mình câu hỏi này hàng tỉ lần."

"Chắc cũng đau đớn lắm nhỉ."

Có đau không? "Em cũng không biết nữa. Nhưng nếu một ngày

kia em lấy vợ, em nghĩ em sẽ không sinh con làm gì. Nếu em có con, em sẽ không biết làm sao để hòa hợp với chúng."

"Gia cảnh của mình thì không đến nỗi phức tạp như vậy," cô nói, "nhưng từ lâu mình đã không hợp với bố mẹ và vì thế mình mắc vào một lô chuyện ngu xuẩn... Cho nên mình biết cậu cảm thấy như thế nào. Nhưng quyết định quá sớm như thế - rằng mình sẽ không sinh con - không phải là một ý hay. Ở đời chẳng có gì là tuyệt đối đâu."

Cô đứng trước lò bếp, nhấm nháp tách Nestcafé nghi ngút hơi. Thành tách có vẽ hình những nhân vật của bộ phim hoạt hình nổi tiếng *Moomin*. Cả hai chúng tôi đều không nói gì.

"Cậu có họ hàng hay người quen nào có thể giúp cậu không?" lát sau, Sakura hỏi.

"Không," tôi đáp. "Ông bà nội em mất lâu rồi và cha em chẳng có anh, chị, em, hay cô, dì, chú, bác gì cả. Không một ai. Em không thật chắc chắn lắm, nhưng em biết cha em không bao giờ dây dưa với họ hàng. Và em cũng không bao giờ nghe nói gì về họ hàng bà con về phía bên mẹ em. Em muốn nói thậm chí em còn không biết tên tục của mẹ em nữa kia, cho nên làm sao em biết được về họ hàng của bà."

"Nghe như thể cha cậu là người ngoài trái đất ấy," Sakura nói. "Như thể ông ấy từ một hành tinh xa lắc nào đến, đội lốt người, cuỗm lấy một phụ nữ của Trái Đất, rồi sinh ra cậu để nối dõi tông đường. Rồi mẹ cậu phát hiện ra, hoảng sợ và bỏ trốn. Như trong một bộ phim khoa học viễn tưởng đen."

Tôi chẳng biết nói sao.

"Thôi không giỡn nữa," cô nói và ngoác miệng cười để chứng tỏ mình chỉ nói đùa, "ý mình là, trong cái thế giới mênh mông này, kẻ duy nhất cậu có thể trông cậy vào là *bản thân cậu*."

"Có lẽ thế."

Cô đứng đó, dựa vào bồn giặt, tiếp tục uống cà phê.

"Mình phải ngủ một chút đây," cô nói như chợt nhớ ra. Đã hơn ba giờ sáng. "Mình phải dậy lúc bảy rưỡi nên sẽ không ngủ được nhiều, nhưng có một chút còn hơn không. Mình không thích đi làm sau một đêm thức trắng. Vậy bây giờ cậu định làm gì?"

"Em có mang theo túi ngủ," tôi nói với cô, "nên nếu không có gì

phiền, thì em chỉ xin chị một góc thôi."

Tôi lấy chiếc túi ngủ cuộn chặt trong ba lô ra, trải xuống sàn và thổi phồng nó lên một chút.

Sakura nhìn, thán phục. "Một Hướng đạo sinh chính hiệu," cô nói.

Sau khi Sakura tắt đèn và lên giường, tôi chui vào túi ngủ, nhắm mắt lại, cố ngủ. Nhưng tôi không thể xua được hình ảnh chiếc áo phông đầy máu ấy. Tôi vẫn thấy cái cảm giác bỏng rát nơi lòng bàn tay. Tôi mở mắt ra, nhìn trân trân lên trần. Tiếng sàn nhà cót két đâu đây. Ai đó vặn vòi nước máy. Và một lần nữa, tôi lại nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu, tận xa nhưng ré vang trong đêm tối.

"Không ngủ được à?" cô thì thầm trong bóng tối.

"Vâng," tôi nói.

"Mình cũng thế. Đáng ra mình không nên uống cốc cà phê ấy. Rõ thật ngốc." Cô bật đèn đầu giường, xem giờ, rồi tắt đèn. "Đừng có hiểu lầm mình," cô nói, "nhưng nếu cậu thích thì cậu có thể đến nằm cạnh mình. Đằng nào mình cũng chả ngủ được mà."

Tôi chui ra khỏi túi ngủ và trèo lên giường với cô. Tôi mặc quần đùi và áo phông. Cô mặc bộ đồ ngủ màu hồng nhạt.

"Mình đã có bạn trai ở Tokyo. Anh ta chẳng có gì xuất sắc lắm, nhưng đó là bồ của mình. Cho nên mình không quan hệ tình dục với ai khác. Có thể trông bề ngoài mình không có vẻ thế, nhưng mình rất nghiêm túc trong chuyện tình dục. Cậu có thể gọi mình là cổ hủ. Không phải bao giờ mình cũng thế - dạo trước mình cũng bừa bãi ra trò nhưng bây giờ mình không quậy nữa. Cho nên đừng có nghĩ lung tung, OK? Cứ nghĩ chúng mình là chị em, hiểu không?"

"OK," tôi nói.

Cô quàng tay ôm tôi, ghì sát vào mình và áp má lên trán tôi. "Tội nghiệp cậu," cô nói.

Khỏi phải nói là tôi lập tức dựng cột buồm. Cứng như đá. Và bởi nằm sát nhau như thế nên không thể không cọ vào đùi cô.

"Chà, lại thế nữa!" cô nói.

"Xin lỗi," tôi nói, "em không cố tình."

"Không sao," cô nói. "Mình biết cái ấy kể cũng bất tiện, chả làm cách nào ngăn được nó."

Tôi gật đầu trong bóng tối.

Cô do dự một lúc, rồi kéo quần lót của tôi xuống, lôi thằng cu cứng như đá của tôi ra và nhẹ nhàng nâng nó trong tay. Như thể muốn kiểm tra một cái gì, như cách một ông bác sĩ xem mạch vậy. Bàn tay mềm mơn man làm tôi cảm thấy một cái gì - một ý nghĩ mơ hồ? - nổi lên ở vùng háng.

"Chị cậu bây giờ độ bao nhiêu tuổi?"

"Hăm mốt," tôi nói. "Hơn em sáu tuổi."

Cô nghĩ một lúc. "Cậu có muốn gặp lại chị cậu không?"

"Có thể," tôi nói.

"*Có thể?*" Tay cô riết chim tôi chặt hơn một chút, "*Có thể* nghĩa là thế nào? Cậu thực sự không muốn gặp lại chị cậu lắm, phải không?"

"Em không biết gặp nhau rồi sẽ nói chuyện gì và có thể chị ấy không muốn gặp *em* cũng nên. Với mẹ em cũng thế. Cả hai, không ai tìm em. Em muốn nói, họ đã bỏ đi, bỏ tất cả."

*Bỏ mặc em*, tôi thầm nói trong đầu cho trọn ý.

Sakura không nói gì. Tay cô lỏng ra một chút, rồi lại riết chặt hơn. Theo nhịp ấy, chim tôi mềm đi, rồi lại cứng lên hơn lúc nào hết.

"Cậu muốn sướng không?" cô hỏi.

"Có thể," tôi nói.

"Lại *có thể*!"

"Muốn lắm," tôi chữa.

Cô khẽ thở dài và bắt đầu đưa đẩy tay. Một cảm giác như lên tiên. Không chỉ là một động tác đưa lên đẩy xuống, mà giống như một vuốt ve toàn bộ. Những ngón tay cô dịu dàng mơn man dương vật và tinh hoàn của tôi. Tôi nhắm mắt lại và thở dài đánh thượt một cái.

"Cậu không được sờ mình. Khi nào sắp *ra* thì bảo mình để khỏi dây ra ga trải giường."

"Vâng," tôi nói.

"Thế nào? Mình có khéo không?"

"Tuyệt."

"Mình đã bảo cậu mình rất khéo tay mà. Nhưng đây không phải

là sex. Mình chỉ giúp cậu thư giãn thôi. Cậu đã qua một ngày gay go, cậu quá căng thẳng và sẽ không ngủ được nếu ta không làm cái gì đó. Hiểu không?"

"Vâng, em hiểu," tôi nói. "Nhưng em muốn hỏi một câu."

"Gì vậy?"

"Em có thể tưởng tượng là chị không mặc gì được không?"

Tay cô chững lại và cô nhìn thẳng vào mắt tôi. "Cậu muốn tưởng tượng mình trần truồng trong khi chúng ta làm thế này ư?"

"Vâng. Em đã cố ngăn mình tưởng tượng thế, nhưng không được."

"Thật ư?"

"Nó như cái màn hình tivi mình muốn tắt đi mà không được."

Cô cười phá lên. "Mình không hiểu đấy. Cậu không việc gì phải nói với mình điều ấy. Tại sao cậu không mặc nhiên tưởng tượng cái gì cậu thích? Cậu không cần phải xin phép mình. Làm sao mình có thể biết được cái gì đang ở trong đầu cậu?"

"Em không đừng được. Tưởng tượng ra cái gì là rất quan trọng, cho nên em nghĩ tốt hơn là cứ nói với chị. Điều này không liên quan gì với chuyện chị biết hay không biết."

"Cậu thật là một chú bé lễ phép," cô nói, giọng cảm kích. "Tuy nhiên, mình nghĩ cậu cho mình biết thế cũng tốt. OK, mình cho phép. Cứ việc tưởng tượng mình trần truồng đi."

"Cám ơn," tôi nói.

"Thế nào? Người mình đẹp chứ?"

"Tuyệt," tôi đáp.

Cái cảm giác uể oải ấy lan khắp nửa dưới cơ thể tôi như làn nước lềnh bềnh trên bề mặt. Tôi báo cho Sakura biết, cô lấy một tờ giấy vệ sinh ở cạnh giường và tôi xuất ồng ộc hết đợt này đến đợt khác... Một lúc sau, cô vào bếp vứt tờ giấy vệ sinh và rửa tay.

"Xin lỗi," tôi nói.

"Không sao," cô vừa nói vừa trở vào giường nằm. "Không cần phải xin lỗi. Đó chỉ là một bộ phận của cơ thể cậu. Vậy... cậu có cảm thấy dễ chịu hơn không?"

"Dễ chịu hơn hẳn."

"Tốt." Cô nghĩ một lúc rồi nói. "Mình đang nghĩ giá mình là chị cậu thật thì hay biết bao."

"Em cũng nghĩ thế," tôi nói.

Cô khẽ vuốt tóc tôi. "Bây giờ mình ngủ đây. Cậu trở về cái túi ngủ của cậu đi. Mình phải nằm một mình mới ngủ ngon được và tôi không muốn cái cọc sắt của cậu cứ thọc vào tôi suốt đêm, OK?"

Tôi trở về cái túi chăn của mình và nhắm mắt lại. Lần này, tôi ngủ được. Một giấc ngủ sâu, thật sâu, có lẽ sâu nhất kể từ khi tôi bỏ nhà đi. Tựa hồ tôi đang ở trong một cái thang máy to đùng, nó lặng lẽ, từ từ chở tôi xuống mỗi lúc một sâu hơn trong lòng đất. Cuối cùng, mọi ánh sáng, mọi âm thanh đều tắt.

Khi tôi dậy, Sakura đã đi làm. Chín giờ sáng. Vai tôi hầu như không còn đau nữa. Đúng như Sakura đã nói. Tôi thấy trên bàn bếp một tờ báo buổi sáng, một mẩu thư và một cái chìa khóa.

Mẩu thư viết: *Mình đã xem bản tin bảy giờ trên tivi và lướt qua toàn bộ tờ báo, mà không thấy nói đến vụ đổ máu nào quanh vùng này cả. Cho nên mình nghĩ cái chỗ máu ấy chẳng là cái gì cả. Vậy là tốt rồi. Trong tủ lạnh không có nhiều thức ăn lắm, nhưng cậu cứ tự nhiên, thoải mái dùng bất cứ cái gì cậu cần trong nhà này. Nếu cậu không định đi đâu, thì cứ ở đây. Nếu ra ngoài thì để chìa khóa dưới tấm thảm chùi chân ở trước cửa.*

Tôi lấy một can sữa trong tủ lạnh, kiểm tra hạn sử dụng rồi rưới lên mấy chiếc bánh ngô, đun một chút nước để pha một cốc trà Darjeeling. Nướng mấy lát bánh mì, ăn với bơ loại ít béo. Rồi giở báo ra, xem mục tin địa phương. Đúng như Sakura nói, không hề có vụ tội ác hung bạo nào trên các dòng tít. Tôi thở phào nhẹ nhõm, gấp tờ báo lại để vào chỗ cũ. Ít nhất, tôi cũng không phải chạy long tóc gáy khắp chỗ để trốn tránh cảnh sát. Nhưng tôi quyết định, tốt hơn hết là không nên quay trở lại khách sạn cho an toàn. Tôi vẫn chưa biết điều gì đã xảy ra trong bốn tiếng đồng hồ bị xóa khỏi trí nhớ ấy.

Tôi gọi khách sạn. Một người đàn ông trả lời và tôi không nhận ra giọng anh ta. Tôi bảo anh ta là tôi có việc đột xuất, phải trả phòng. Tôi cố hết sức làm ra vẻ người lớn. Tôi đã trả tiền trước nên chắc là không có vấn đề gì. Còn vài thứ đồ vặt vãnh trong phòng có thể thải đi, tôi

bảo anh ta vậy. Anh ta kiểm tra trên máy tính và thấy là hóa đơn đã cập nhật. "Mọi thứ đều đâu vào đấy, thưa ông Tamura," anh ta nói, "ông không còn gì phải thanh toán." Chìa khóa phòng là một tấm thẻ bằng plastic nên không cần phải gửi trả lại. Tôi cảm ơn anh ta và gác máy.

Tôi tắm vòi hoa sen. Đồ lót và tất của Sakura phơi trong buồng tắm. Tôi cố không nhìn vào những thứ ấy để tập trung vào công việc thông thường của mình là kỳ cọ thật kỹ toàn thân. Và tôi ráng hết sức không nghĩ đến đêm hôm trước. Tôi đánh răng và mặc một cái quần soọc mới, cuộn chặt túi ngủ nhét vào ba lô, rồi giặt chỗ quần áo bẩn trong máy giặt. Không có máy sấy nên sau chu trình quay giặt, tôi gấp tất cả lại cho vào một túi nhựa bỏ luôn vào ba lô. Những thứ này đem sấy khô ở một máy giặt tự động lúc nào chả được.

Tôi rửa tất cả bát đĩa chồng đống trong bồn, để ráo nước, lau khô rồi xếp lên giá. Rồi tôi rà soát lại những thứ trong tủ lạnh, vứt bỏ những gì đã thiu thối: một số đã nặng mùi - mấy bắp cải hoa đã mốc, một quả dưa chuột mềm nhũn, một gói đậu phụ đã quá "đát" từ lâu. Tôi chuyển tất cả những gì còn ăn được sang những bao, hộp đựng mới và chùi sạch chút nước xốt bị vãi ra. Tôi vứt tất cả những đầu mẩu thuốc lá, xếp những tờ báo vương vãi thành một chồng gọn gàng và rê máy hút bụi khắp phòng. Sakura có thể mát xa tất khéo nhưng đến mục nội trợ thì cô thật là đoảng hết chỗ nói. Tôi là chiếc sơ mi cô vo viên nhét vào tủ rồi tính chuyện đi chợ và chuẩn bị bữa tối. Hồi còn ở nhà tôi thường tự làm mọi việc nội trợ, nên những thứ này chả khó khăn gì. Nhưng nếu ôm lấy cả việc nấu bữa tối nữa thì hơi quá đấy, tôi quyết định.

Xong mọi việc đó, tôi ngồi vào bàn bếp và nhìn quanh phòng. Tôi biết mình không thể ở đây mãi. Tôi sẽ hầu như thường xuyên cương cứng, thường xuyên tưởng tượng. Tôi không thể không ngó nhìn những cái xì líp đen nhỏ xíu phơi trong buồng tắm kia, không thể lúc nào cũng xin phép cô để cho trí tưởng tượng lông bông lang bang. Nhưng trên tất cả, tôi không thể quên những gì cô làm cho tôi đêm qua.

Tôi để lại cho Sakura mấy dòng viết bằng cây bút chì cùn trên xấp giấy ghi để cạnh máy điện thoại. *Cảm ơn. Chị thực sự đã cứu em. Em xin lỗi vì đêm qua đã đánh thức chị khuya thế. Nhưng chị là người duy nhất em có thể nhờ cậy.* Tôi dừng lại một lát để nghĩ xem nên viết tiếp như

thế nào và đảo mắt nhìn quanh phòng. *Cảm ơn chị đã để em ở lại qua đêm. Em rất biết ơn chị đã nói là em có thể ở lại bao lâu tùy thích. Nếu em có thể ở lại thì tốt biết mấy, nhưng em nghĩ em không nên quấy rầy chị thêm nữa. Có đủ các thứ lý do mà em không tiện kể ra đây. Em phải tự lực xoay xở thôi. Em hy vọng lần sau em lâm nạn, chị vẫn còn cảm tình với em.*

Tôi lại ngừng. Ở căn hộ bên cạnh, ai đó mở âm lượng tivi to hết cỡ, một sô diễn buổi sáng dành cho các bà nội trợ. Các nhân vật tham gia sô diễn thi nhau gào và những màn quảng cáo cũng không chịu kém. Tôi ngồi ở bàn, xoay xoay chiếc bút chì cùn trong tay, cố tập trung tư tưởng. *Tuy nhiên, nói thực tình, em không xứng đáng với lòng tốt của chị. Em đang cố gắng hết sức mình để là một người tốt hơn, nhưng sự thể không tiến triển như ý. Em hy vọng lần sau gặp nhau, em sẽ hành xử chững chạc hơn. Nhưng em chưa dám chắc lắm. Cảm ơn về đêm qua. Thật tuyệt vời.*

Tôi lấy một cái tách chặn lên bức thư, khoác ba lô lên vai và ra khỏi căn hộ, để chìa khóa dưới thảm như cô dặn. Một chú mèo trắng đốm đen nằm ngủ giữa cầu thang. Chú hẳn rất dạn người vì chú không buồn nhúc nhích để đứng dậy khi tôi xuống cầu thang. Tôi ngồi xuống vuốt ve chú một lúc. Cảm giác khi chạm lớp lông mượt làm tôi thấy nhơ nhớ một cái gì. Chú mèo him mắt lại và bắt đầu rên rừ rừ. Chúng tôi ngồi trên bậc thang như thế hồi lâu, mỗi bên tận hưởng cái cảm giác thân mật đó theo cách riêng của mình. Cuối cùng tôi chào tạm biệt chú và ra phố. Một cơn mưa bụi bắt đầu rơi.

Giờ đây, khi đã trả phòng khách sạn và rời khỏi căn hộ của Sakura, tôi không biết hôm nay sẽ qua đêm ở đâu. Trước khi mặt trời lặn, tôi phải kiếm ra một mái nhà, một nơi nào an toàn để ngủ lại. Tôi không biết bắt đầu từ đâu, nhưng cứ quyết định đáp tàu ra ngoại thành về hướng Thư viện Komura. Một khi đến đó, sẽ nảy ra một giải pháp nào đó. Tôi không biết tại sao, nhưng trực giác bảo tôi là sẽ có cách giải quyết.

Số phận dường như đang đưa đẩy tôi theo những hướng mỗi lúc một kỳ lạ hơn.

# Chương 12

19 Tháng Mười 1972

Thưa Giáo sư kính mến,

Tôi dám chắc Giáo sư sẽ ngạc nhiên khi đột nhiên nhận được lá thư này của tôi. Xin thứ lỗi cho sự đường đột của tôi. Thưa Giáo sư, tôi nghĩ ông không còn nhớ tên tôi. Tôi đã có một thời là cô giáo ở một trường tiểu học nhỏ ở tỉnh Yamanashi. Có thể khi đọc thư này, ông sẽ nhớ ra đôi điều về tôi. Tôi chính là cô giáo phụ trách cái nhóm học sinh đồng loạt bị bất tỉnh trong một chuyến đi dã ngoại. Sau đó, như ông hẳn còn nhớ, tôi đã có dịp nói chuyện với ông cùng các đồng nghiệp từ trường đại học Tokyo của ông nhiều lần khi các ông cùng các vị bên quân đội đến tỉnh chúng tôi để tiến hành điều tra.

Trong năm sau, tôi hay thấy tên ông được nhắc đến một cách nổi bật trên báo chí và tôi đã theo dõi sự nghiệp cùng những thành tựu của ông với lòng ngưỡng mộ sâu sắc. Với lòng cảm mến, tôi cũng nhớ những lần gặp gỡ với ông, nhất là cách phát biểu hoạt bát và chính xác của ông. Tôi cũng cảm thấy may mắn được đọc một số sách của ông. Tôi luôn thán phục sự uyên thâm của ông và tôi thấy thế giới quan thể hiện trong tất cả những trước tác của ông là rất thuyết phục - cụ thể là quan điểm cho rằng mỗi chúng ta, với tư cách một cá nhân, là cực kỳ đơn độc, đồng thời tất cả chúng ta lại được liên kết

bởi một ký ức có tính chất nguyên mẫu. Đã có những lần trong cuộc đời của chính mình, tôi cảm thấy đúng như thế. Cho nên, từ xa, tôi vẫn cầu nguyện cho ông tiếp tục thành công.

Sau cái sự kiện ấy, tôi vẫn tiếp tục dạy ở ngôi trường tiểu học đó. Nhưng cách đây mấy năm, tôi đột ngột ngã bệnh, phải nằm điều trị ở Bệnh viện tổng hợp Kofu một thời gian dài, và vào đận này tôi nộp đơn xin thôi việc. Trong một năm, tôi cứ ra ra vào vào bệnh viện mãi, nhưng rồi cuối cùng cũng bình phục. Sau khi được cho về nghỉ, tôi mở một lớp phụ đạo nhỏ trong tỉnh. Học sinh ở lớp này là con cái những học sinh cũ của tôi. *Thời gian bay vùn vụt* là một nhận xét quá nhàm nhưng thật đúng: tôi thấy năm tháng qua đi nhanh đến mức không tin nổi.

Trong chiến tranh, tôi đã mất chồng tôi và cha tôi, rồi mất nốt mẹ tôi trong thời kỳ hỗn loạn sau khi Nhật Bản đầu hàng. Cưới nhau chưa được bao lâu thì chồng tôi phải ra mặt trận, chúng tôi không có con, nên tôi chỉ còn trơ trọi một mình trên đời. Tôi không thể nói là đời mình đã hạnh phúc, nhưng đối với tôi, được dạy dỗ bao thế hệ học sinh trong bao năm cũng là một ân phước. Tôi tạ ơn Trời đã cho tôi cơ may đó. Nếu không làm cô giáo, chắc tôi đã không sống qua được đoạn trường ấy.

Thưa Giáo sư, hôm nay tôi thu hết can đảm để viết thư này cho ông bởi vì tôi không bao giờ quên được vụ hôn mê tập thể trong rừng vào mùa thu năm 1944 ấy. Hai mươi tám năm đã trôi qua, nhưng nó còn tươi nguyên trong trí tôi như mới xảy ra ngày hôm qua. Ký ức ấy luôn luôn theo tôi như cái bóng, từng phút từng giây khi tôi thức. Tôi đã qua không biết bao đêm mất ngủ, suy ngẫm về nó, thậm chí nó còn ám ảnh những giấc mơ của tôi.

Cứ như thể những chấn động về sau của sự kiện ấy đã chi phối mọi mặt đời sống của tôi. Xin đơn cử một thí dụ: bất cứ khi nào tình cờ gặp một trong số học sinh nạn nhân của vụ đó (một nửa trong số họ vẫn sống ở tỉnh này và giờ đã 35-36 tuổi), tôi đều tự hỏi sự kiện đó đã có ảnh hưởng thế nào đối với họ và với bản thân tôi. Một cú sốc như thế ắt còn để lại những chấn thương vật thể hoặc tâm lý trong tất cả chúng tôi. Tôi không thể nghĩ khác được. Nhưng nếu bảo

nêu đích xác đó là loại chấn thương gì và mức độ của nó đến đâu, thì tôi chịu.

Như Giáo sư biết đấy, giới quân sự đã giữ không để cho tin tức về vụ này đến được với công chúng. Trong thời kỳ chiếm đóng, quân đội Mỹ đã bí mật tiến hành cuộc điều tra riêng của họ. Giới quân sự, dù là Nhật hay Mỹ, bao giờ cũng vậy. Ngay cả khi đã bãi bỏ kiểm duyệt sau thời kỳ chiếm đóng, vẫn không có bài nào về vụ này xuất hiện trên các báo hay tạp chí. Tôi nghĩ điều đó cũng có thể hiểu được vì chuyện xảy ra đã bao năm và không ai vì vậy mà chết cả.

Bởi vậy, hầu hết dân chúng không hề biết một vụ như thế đã xảy ra. Trong chiến tranh, đã có biết bao sự kiện khủng khiếp và hàng triệu người đã thiệt mạng, cho nên tôi đồ rằng những gì xảy ra ở cái tỉnh nhỏ của chúng tôi hẳn cũng chẳng làm cho thiên hạ xúc động gì lắm. Ngay cả ở đây, cũng không mấy người còn nhớ chuyện gì đã xảy ra và những ai còn nhớ thì có vẻ không muốn nhắc đến nó nữa. Có thể nói đa số những người còn nhớ vụ này đều coi đó là một ký ức chẳng thú vị gì mà họ không muốn đả động.

Cùng với thời gian, hầu hết mọi sự chìm vào quên lãng. Ngay cả chiến tranh và cuộc đấu tranh sinh tử mà người ta đã trải qua, giờ đây cũng tựa như một cái gì từ dĩ vãng xa xăm. Chúng ta quá bấn bíu với cuộc đời thường nhật đến nỗi những sự kiện của quá khứ biến mất khỏi quỹ đạo tâm trí của chúng ta như những vì sao đã tắt. Hàng ngày, có quá nhiều điều chúng ta phải nghĩ đến, quá nhiều điều mới chúng ta phải học. Thông tin mới, kiểu cách mới, kỹ thuật mới, thuật ngữ mới... Tuy nhiên, bất kể bao nhiêu thời gian qua đi, bất kể mọi biến cố, có một số điều ta không thể chôn vào quên lãng, những ký ức mà ta không bao giờ có thể xóa nhòa. Chúng còn lại mãi nơi chúng ta như phiến đá đỉnh vòm. Và với tôi, chuyện xảy ra ở trong rừng hôm ấy là một trong những ký ức đó.

Tôi nhận ra rằng giờ đây mình chẳng thể làm gì được nữa và rất thông cảm nếu như ông thấy bối rối không hiểu tại sao tôi lại khuấy lên câu chuyện cũ ấy vào cái thời điểm muộn màn này. Nhưng chừng nào tôi còn sống, tôi cần trút vợi những gì chứa chất trong lòng.

Dĩ nhiên trong chiến tranh, chúng ta phải chịu chế độ kiểm

duyệt ngặt nghèo và có những điều chúng ta không thể dễ dàng bàn đến. Thưa Giáo sư, khi tôi gặp ông hồi ấy, nhiều sĩ quan quân đội cũng có mặt, tôi không thể tự do thoải mái nói chuyện với ông. Hơn nữa, dạo ấy tôi chưa biết gì về ông cũng như về công việc của ông, cho nên, trong tư thế một thiếu phụ trò chuyện với một người đàn ông không quen biết, chắc chắn tôi không thể thật thà bộc bạch mọi chuyện riêng tư thầm kín. Thành thử tôi đã giấu một số sự việc. Nói cách khác, trong cuộc điều tra chính thức, tôi đã cố tình xuyên tạc một số sự việc liên quan. Và sau chiến tranh, khi quân đội Mỹ phỏng vấn tôi, tôi đã bám chặt lấy câu chuyện cũ. Vì sợ và để giữ thể diện, tôi đã lặp lại vẫn những điều dối trá tôi đã nói với ông. Điều đó có thể đã gây thêm khó khăn cho ông trong việc điều tra và có thể đã làm sai lệch những kết luận của ông. Tôi *biết* thế. Ý thức ấy đã giày vò tôi trong nhiều năm và tôi xấu hổ vì những gì mình đã làm.

Tôi hy vọng điều đó giải thích được tại sao tôi viết bức thư dài này gửi tới ông. Tôi hiểu ông rất bận và có thể không có thời gian dành cho việc này. Nếu vậy, xin ông cứ coi đây như những lời dông dài của một mụ già và vứt nó vào sọt rác. Vấn đề là, chừng nào còn sống, tôi cảm thấy cần phải thú nhận tất cả những gì đã thực sự xảy ra hôm đó, viết ra trên giấy trắng mực đen, chuyển tới người thích đáng. Tôi đã lành bệnh nhưng có trời biết lúc nào nó lại tái phát. Tôi hy vọng ông chiếu cố điều đó.

Cái đêm trước hôm đưa bọn trẻ đi chơi ngoại khóa trên đồi, tôi nằm mơ thấy chồng tôi ngay trước lúc rạng sáng. Anh ấy đã bị động viên ra mặt trận. Giấc mơ đầy nhục dục và rất cụ thể - một loại giấc mơ cực kỳ sinh động đến nỗi khó mà phân biệt được giữa mơ và thực.

Trong giấc mơ, chúng tôi làm tình trên một phiến đá rộng. Đó là một phiến đá màu xám nhạt gần đỉnh núi, bằng cỡ hai chiếc chiếu tatami, bề mặt nhẵn mượt và ẩm. Trời đầy mây và có vẻ như sắp nổi giông, nhưng không có gió. Hình như đã gần tối và chim chóc đang vội vã về tổ. Như vậy, hai chúng tôi nằm đó, dưới bầu trời đầy mây, lặng lẽ yêu nhau. Chúng tôi cưới chưa được bao lâu, chiến tranh đã chia lìa mỗi người một ngả. Thân thể tôi bừng bừng thèm khát chồng tôi.

Tôi cảm thấy một nỗi khoái lạc không sao tả xiết. Chúng tôi thử đủ mọi tư thế, làm đi làm lại, liên tiếp đạt đến cực khoái hết đợt này đến đợt khác. Bây giờ nghĩ lại thấy thật kỳ lạ, bởi vì trong đời thực, cả hai chúng tôi đều là người trầm tĩnh, đa phần hướng nội. Chúng tôi chưa bao giờ trút hết mình vào cuộc ái ân đến độ ấy, với nhiều tư thế như vậy và chưa bao giờ trải nghiệm một khoái cảm chín-tầng-mây như vậy. Nhưng trong giấc mơ, chúng tôi đã vứt bỏ mọi kìm nén và lao vào cuộc như những con thú.

Khi tôi mở mắt dậy, bên ngoài hãy còn mờ tối và tôi có cảm giác rất kỳ. Toàn thân nặng nặng, tôi có thể cảm thấy chồng tôi vẫn ngập sâu trong tôi. Tim tôi đập thình thình và tôi thấy khó thở. Cửa mình tôi ướt đẫm, y như sau cuộc giao hoan. Như thể tôi đã làm tình thực sự, chứ không phải nằm mơ. Nói ra thật xấu hổ, nhưng lúc ấy tôi đã thủ dâm. Tôi đang cháy bỏng nhục dục và tôi cần làm một cái gì đó cho nguôi dịu đi.

Sau đó, tôi đạp xe đến trường như mọi khi và đưa bọn trẻ đi dã ngoại ở Đồi Bát Cơm. Khi chúng tôi đi lên con đường núi, những cảm giác tình dục vẫn còn vương vấn trong tôi. Tôi chỉ việc nhắm mắt lại là có thể cảm thấy chồng tôi cắm ngập trong tôi, tinh dịch của anh ấy phọt vào thành tử cung tôi. Tôi lấy hết sức níu lấy anh ấy, giạng hai chân hết cỡ, gót chân quắp lấy đùi anh. Tình thật, tôi đưa bọn trẻ lên đồi trong một trạng thái ngây ngất: tôi cảm thấy như vẫn đang giữa giấc mộng dâm dục như thực ấy...

Chúng tôi leo lên đồi, tới chỗ đã định và đúng lúc bọn trẻ chuẩn bị tản ra để tìm nấm, thì bất thình lình tôi bắt đầu ra kinh. Đúng ra là chưa đến kỳ, lần gần đây mới cách có mười ngày, mà bình thường kinh nguyệt tôi rất đều. Có lẽ giấc mơ kích dục nọ đã khuấy động một cái gì bên trong tôi và gây ra điều bất thường đó. Cố nhiên là tôi không dự phòng chuyện này và chúng tôi lại đang ở giữa vùng đồi xa thành phố.

Tôi bảo bọn trẻ dừng lại nghỉ một lúc và đi một mình vào sâu trong rừng, tìm cách làm vệ sinh cá nhân, lau thấm bằng hai chiếc khăn tôi mang theo. Máu ra rất nhiều, tung tóe khắp, nhưng tôi chắc có thể tạm thời cầm cự cho đến khi trở về trường. Dầu tôi hoàn toàn

trống rỗng và tôi không sao tập trung được. Tôi cảm thấy mình có lỗi vì đã mơ một giấc mơ phóng túng đến thế, đã thủ dâm và lại còn mường tượng chuyện ân ái ngay trước mặt đám học sinh của mình. Bình thường, tôi thuộc loại biết kiềm chế những ý nghĩ như vậy.

Tôi cho bọn trẻ đi hái nấm và nghĩ bụng có lẽ nên rút ngắn cuộc đi chơi và trở về càng sớm càng tốt. Về tới trường, tôi sẽ có thể rửa ráy sạch sẽ hơn. Tôi ngồi xuống, theo dõi bọn trẻ đi tìm nấm, đếm đầu chúng để đảm bảo không đứa nào ở ngoài tầm mắt.

Tuy nhiên, một lúc sau, tôi thấy một thằng bé tay cầm cái gì đi lại phía tôi. Đó là Nakata, chính cái thằng bé sau đó không tỉnh lại và phải đưa vào bệnh viện. Nó đang cầm những chiếc khăn máu tôi đã dùng. Tôi ngớ ra và không thể tin ở mắt mình. Tôi đã giấu chúng khuất mắt, tận xa, ở một chỗ tôi nghĩ bọn trẻ ắt không mò đến. Chắc ông hiểu đó là điều ngượng ngùng nhất đối với một phụ nữ, một thứ mà phụ nữ nói chung không muốn để ai thấy. Tôi không biết làm thế nào mà Nakata có thể mò ra những chiếc khăn ấy.

Trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì, tôi đã tát nó. Tôi túm lấy vai nó và tát thật mạnh vào má. Có thể tôi còn la lối điều gì nữa nhưng tôi không nhớ. Tôi đã mất tự chủ, không còn tỉnh trí nữa. Tôi nghĩ mình ngượng quá đâm bị sốc. Trước đây, tôi *chưa bao giờ* đánh một học sinh. Nhưng bây giờ chính tôi đã làm điều ấy.

Bỗng nhiên tôi nhận thấy tất cả bọn trẻ đã ở đó, nhìn tôi chằm chằm. Đứa đứng, đứa ngồi, tất cả đều đối mặt tôi. Cảnh tượng bày ra trước mắt chúng: tôi đứng sững, mặt tái nhợt, Nakata bị mấy cái tát ngã gục trên mặt đất, những chiếc khăn máu. Đó là một thời điểm ngưng đọng trong thời gian. Không ai động đậy, không ai nói nửa lời. Bọn trẻ không biểu cảm, mặt lạnh như những mặt nạ đồng. Một im lặng sâu thẳm trùm lên cánh rừng. Chỉ nghe thấy tiếng chim chiêm chiếp. Tôi không sao xóa bỏ được cảnh này ra khỏi tâm trí.

Tôi không biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Có lẽ cũng không lâu nhưng tưởng như cả một thiên thu, dồn tôi đến mấp mé bờ vực thế giới. Cuối cùng, tôi vùng ra khỏi được trạng thái đó. Sắc màu trở lại với thế giới quanh tôi. Tôi giấu những chiếc khăn máu ra sau tôi và bế

Nakata lên. Tôi ghì chặt nó và hết lời xin lỗi: "Cô xin em, cô sai rồi, cô xin em hãy tha lỗi cho cô." Nom nó như vẫn còn bị sốc. Mắt nó như vô hồn và tôi đồ rằng nó chẳng nghe thấy tôi nói gì. Vẫn ôm nó trên tay, tôi quay sang những đứa khác, bảo chúng cứ tiếp tục tìm nấm. Có lẽ chúng không thể hiểu điều gì vừa xảy ra vì nó quá kỳ lạ, quá đột ngột.

Tôi đứng đó, ôm chặt Nakata trong tay, cảm thấy như muốn chết hay biến mất. Nơi chân trời, chiến tranh khốc liệt đang tiếp diễn, vô số người đang chết. Tôi không còn biết thế nào là đúng, thế nào là sai nữa. Có thật tôi đang nhìn thấy thế giới thực tại không? Tiếng chim tôi đang nghe thấy có thực hay không? Tôi thấy mình đứng trơ trọi trong rừng, bối rối tột độ, máu vẫn trào ra từ tử cung. Tôi tức giận, sợ hãi, bối rối - tất cả hòa làm một.

Và chính vào lúc ấy lũ trẻ gục xuống.

Tôi không kể lại với các vị bên quân sự điều gì đã thực sự xảy ra. Đó là thời chiến và chúng tôi phải giữ thể diện. Cho nên tôi bỏ qua đoạn tôi thấy kinh, đoạn Nakata tìm thấy những chiếc khăn máu và đoạn tôi đánh nó. Khi ông điều tra, tôi lại tiếp tục giấu. Tôi e rằng điều này đã cản trở công việc của ông. Cuối cùng, giờ đây tôi đã nói ra hết được, ông có thể hình dung là tôi cảm thấy nhẹ người biết bao.

Thật kỳ lạ, không một đứa nào trong bọn trẻ nhớ gì về sự việc này. Không đứa nào nhớ những chiếc khăn máu hoặc chuyện tôi đánh Nakata. Những ký ức này đã hoàn toàn biến khỏi đầu chúng. Ít lâu sau vụ việc này, tôi đã có dịp gián tiếp thăm dò từng đứa và qua đó xác định đúng là thế. Có lẽ cơn hôn mê tập thể đã bắt đầu từ lúc ấy.

Tôi muốn nói thêm đôi điều về bé Nakata với tư cách là cô giáo cũ của nó. Những gì đã xảy đến với nó sau vụ này, tôi thực sự không biết. Khi người ta phỏng vấn tôi sau chiến tranh, viên sĩ quan Mỹ nói với tôi là nó đã được đưa đến một bệnh viện ở Tokyo và cuối cùng, đã hồi tỉnh. Nhưng ông ta không cho tôi biết thêm chi tiết nào. Tôi đoán, về chuyện này, ông biết rõ hơn tôi, thưa Giáo sư.

Nakata là một trong năm học sinh từ Tokyo sơ tán về tỉnh chúng tôi và là đứa thông minh nhất, đạt điểm cao nhất trong số đó. Với nét

mặt dễ thương và quần áo luôn luôn chỉnh tề, Nakata là một chú bé hiền dịu, không bao giờ can thiệp vào chuyện của người khác. Trong lớp, nó chưa một lần xung phong trả lời, nhưng khi tôi gọi đến, bao giờ nó cũng trả lời chính xác và khi tôi hỏi ý kiến nó, nó luôn phát biểu đâu ra đấy. Bất luận đề tài gì, nó cũng nắm bắt được ngay. Mỗi lớp đều có một học sinh như vậy. Loại này tự giác học những điều cần học không phải giám sát, sau này chắc chắn sẽ vào một trường đại học hàng đầu và kiếm được một công việc ưu hang. Loại trẻ có khả năng thiên bẩm.

Nhưng với tư cách là cô giáo của Nakata, tôi phải nói rằng ở nó có đôi điều làm tôi băn khoăn. Nhiều khi, tôi cảm thấy ở nó một thứ cam chịu. Ngay cả những lúc làm tốt những đề bài khó, nó cũng có vẻ không vui. Nó không bao giờ phấn đấu để thành công, không bao giờ có vẻ trải nghiệm nỗi dằn vặt của thử thách hay lầm lẫn. Nó không bao giờ thở dài hoặc nhoẻn miệng cười. Cứ như thể nó chỉ đơn giản làm những điều nó phải làm. Nó xử lý bất kỳ nhiệm vụ gì đến tay một cách hiệu quả - như một công nhân làm việc dây chuyền, với chiếc tuốc-nơ-vít trong tay, siết chặt những đinh ốc của từng bộ phận lần lượt đến trên băng chuyền.

Tôi chưa bao giờ gặp cha mẹ Nakata - họ ở tận Tokyo - nên không dám khẳng định điều gì, nhưng chắc nguồn gốc vấn đề là ở gia đình. Tôi đã thấy một số trường hợp như vậy. Người lớn luôn luôn áp đặt đối với trẻ nhỏ, chính vì chúng có khả năng xử lý. Bọn trẻ bị ngợp bởi những nhiệm vụ đặt ra trước chúng và dần dà mất đi tính hồn nhiên và cảm giác thỏa mãn vốn có. Khi bị đối xử như vậy, trẻ con bắt đầu thu mình vào vỏ ốc và giữ kín mọi điều trong lòng. Phải mất rất nhiều thời gian và công sức mới khiến chúng cởi mở trở lại. Trái tim trẻ con dễ uốn, nhưng một khi đã uốn thì khó mà làm cho nó trở lại dạng ban đầu. Trong đa số trường hợp là gần như không thể. Nhưng có lẽ tôi không nên phát biểu ý kiến với ông về vấn đề này - đó là lĩnh vực chuyên môn của ông mà.

Tôi cũng cảm thấy một thoáng bạo lực trong môi trường sống của cậu bé này. Thi thoảng, mắt nó lóe lên một ánh sợ hãi, dường như đó là một phản ứng bản năng với việc bị đối xử bạo ngược lâu dài.

Bạo ngược đến mức nào thì tôi không cách chi biết được. Nakata là một đứa trẻ rất tự giác tuân thủ kỷ luật và khéo giấu nỗi sợ của mình. Nhưng đôi khi nó vô tình bộc lộ một chút nao núng, dù chỉ thoáng qua, nhưng không giấu được. Tôi biết một cái gì bạo ngược đã xảy ra trong gia đình nọ. Một khi tiếp xúc nhiều với trẻ con, ta trở nên nhạy cảm với những biểu hiện này.

Các gia đình ở nông thôn có thể rất hung bạo. Phần lớn cha mẹ là nông dân, phải vật lộn mới đủ ăn. Họ làm quần quật từ sáng đến tối, mệt lử và khi có tí rượu vào, nổi đóa lên, họ dễ đi đến chỗ thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Điều đó diễn ra thường xuyên, ai cũng biết, và phần lớn thời gian con cái họ dễ dàng hứng chịu như không và tiếp tục sống mà chẳng hề mang vết sẹo tình cảm nào. Nhưng cha của Nakata là một giáo sư đại học và mẹ nó, theo nhận định của tôi qua những lá thư bà ấy gửi cho tôi, là một phụ nữ rất có học. Nói cách khác, một gia đình trung lưu lớp trên ở thành phố. Nếu bạo lực xảy ra trong một gia đình như thế, đó ắt phải là một cái gì phức tạp hơn và kín đáo hơn những gì lũ trẻ nông dân từng nếm trải. Cái loại bạo lực mà một đứa trẻ giữ kín trong lòng.

Chính vì thế mà tôi hết sức hối tiếc về việc đã đánh Nakata hôm đó, bất kể đó là một hành động vô thức hay hữu thức. Dáng ra tôi không bao giờ nên hành động như thế. Tôi cảm thấy có tội và rất xấu hổ. Tôi càng hối hận hơn vì cái chú bé bị dứt khỏi cha mẹ đến môi trường xa lạ này, rốt cuộc, trước khi xảy ra vụ việc này, đã sắp sửa bộc bạch nỗi lòng với tôi.

Hành động bạo lực của tôi hôm ấy có thể đã giết chết ý muốn thổ lộ đang chớm nở trong Nakata. Tôi đã hy vọng có được cơ hội sửa chữa sai lầm, nhưng hoàn cảnh không cho phép. Còn ở trong tình trạng bất tỉnh, Nakata đã phải chuyển lên bệnh viện ở Tokyo và tôi không bao giờ gặp lại nó nữa. Một điều mà đến nay tôi vẫn còn hối tiếc. Tôi vẫn có thể thấy bộ mặt của Nakata khi tôi đánh nó. Cái nỗi sợ ghê gớm và vẻ cam chịu trong mắt nó lúc bấy giờ.

Tôi xin lỗi, tôi không định viết một bức thư dài đến thế này, nhưng còn một điều nữa tôi muốn nhắc đến. Nói thật tình, khi chồng

tôi chết ở Philippines ngay trước khi chiến tranh kết thúc, đó không phải là một cú sốc lớn lắm. Tôi không cảm thấy tuyệt vọng hay căm giận - chỉ là một cảm giác bất lực sâu sắc. Tôi không khóc. Tôi đã biết là ở đâu đó, trên một bãi chiến trường xa xôi, chồng tôi rồi sẽ thiệt mạng. Ngay từ năm trước, khi tất cả những điều tôi viết trong thư này diễn ra - cái giấc mơ dâm dục, việc tôi thấy kinh sớm, việc tôi đánh Nakata, việc bọn trẻ gục ngã trong cơn hôn mê bí hiểm nọ - tôi đã chấp nhận cái chết của chồng tôi là không thể tránh khỏi, là định mệnh rồi. Cho nên tin anh ấy tử trận chỉ đơn thuần xác nhận điều tôi đã biết. Toàn bộ trải nghiệm trên đồi hôm đó vượt lên trên bất kỳ điều gì tôi từng nếm trải.

Cuối cùng, tôi xin chúc công việc nghiên cứu của ông tiếp tục thành công rực rỡ. Xin ông bảo trọng.

Lời chào chân thành.

# Chương 13

Đã quá mười hai giờ. Tôi đang ăn bữa trưa và nhìn ra vườn thì Oshima đi tới ngồi xuống bên cạnh tôi. Hôm nay, cả thư viện chỉ có mình tôi. Như mọi khi, bữa trưa của tôi vẫn là hộp cơm trưa rẻ nhất mua ở cái tiệm nhỏ gần ga xe lửa. Chúng tôi nói chuyện một hồi rồi Oshima ép tôi nhận nửa phần xăng-uých của anh.

"Hôm nay mình lấy thừa ra để mời cậu," anh gặng. "Đừng hiểu sai ý mình, nhưng nom cậu cứ như chẳng ăn gì ấy."

"Em đang cố tập cho dạ dày nhỏ lại," tôi giải thích.

"Cậu cố tình?"

Tôi gật đầu.

"Cậu làm thế để tiết kiệm tiền?"

Lại gật.

"Mình có thể hiểu điều đó, nhưng ở tuổi này cậu phải ăn và hễ có dịp là ăn cho no. Cậu cần chất dinh dưỡng."

Chiếc xăng-uých anh mời tôi trông thật ngon lành. Tôi cảm ơn anh và bắt đầu ăn. Cá hồi hun khói, cải xoong, củ cải đỏ và rau diếp kẹp giữa hai lát bánh mì trắng cùi giòn ruột mềm phết đẫm bơ.

"Anh làm lấy à?"

"Chẳng có ai làm hộ thì phải làm lấy thôi," anh nói.

Anh rót cà phê đen từ chiếc phích của mình vào một cái cốc, trong khi tôi uống sữa từ một hộp các tông.

"Mấy hôm nay cậu đọc gì?"

"Toàn tập Natsume Soseki," tôi đáp. "Còn mấy cuốn tiểu thuyết của ông ấy, em chưa đọc, đây là dịp để đọc nốt."

"Cậu thích ông ta đến mức muốn đọc tất cả những gì ông viết ư?" Oshima hỏi.

Tôi gật đầu.

Hơi bốc lên từ cốc cà phê nơi tay anh. Ngoài trời u tối và đầy mây, nhưng ít nhất thì cơn mưa cũng đã tạnh.

"Cậu đã đọc cuốn tiểu thuyết nào của ông ấy từ hôm đến đây?"

"Em đã đọc hết *Người thợ mỏ* và hiện đang đọc *Hoa anh túc*."

"*Người thợ mỏ* hả?" Oshima nói, rõ ràng đang ôn lại nội dung cuốn sách mà anh còn nhớ mang máng. "Đó là câu chuyện một sinh viên ở Tokyo, rốt cuộc đi làm trong một hầm mỏ, phải không? Và sau bao đận gay go gian khổ cùng các thợ mỏ khác, cuối cùng anh ta trở về với thế giới bên ngoài? Một cuốn tiểu thuyết với độ dài trung bình, theo như mình nhớ. Cốt truyện không như người đọc thường chờ đợi ở Soseki và văn vẻ cũng không trau chuốt lắm. Không phải là một trong những tác phẩm hay nhất của ông ta. Cậu thích gì ở cuốn đó?"

Tôi cố diễn đạt bằng lời những cảm nghĩ của mình về cuốn tiểu thuyết, nhưng tôi cần sự giúp đỡ của Quạ. Và gã liền xuất hiện (chẳng biết từ đâu chui ra), xòe rộng đôi cánh và tìm ra những từ chuẩn xác cho tôi.

"Nhân vật chính thuộc một gia đình giàu có," tôi nói, "nhưng anh ta mắc vào một chuyện tình ngang trái, đâm chán chường và bỏ nhà đi. Anh đang lang thang thì cái nhân vật mờ ám nọ tiếp cận anh, dỗ vào làm việc ở mỏ. Anh nhắm mắt theo hắn ta rồi một hôm thấy mình trong mỏ đồng Ashio, làm việc dưới sâu trong lòng đất, nếm trải đủ mọi điều anh không bao giờ có thể tưởng tượng nổi. Chàng trai nhà giàu ngây thơ bỗng thấy mình lăn lê bò toài giữa đám cặn bã của xã hội."

Tôi nhấp một ngụm sữa, cố sắp xếp đầu đuôi ngọn ngành phần còn lại của những điều muốn nói. Phải mất một lúc Quạ mới trở lại, nhưng Oshima vẫn kiên nhẫn chờ.

"Những điều anh ta kinh qua trong hầm mỏ là những trải nghiệm sống còn. Cuối cùng, anh thoát ra khỏi và trở về với cuộc sống cũ.

Nhưng trong cuốn tiểu thuyết, không hề thấy chỉ ra rằng anh ta đã học được gì từ những trải nghiệm ấy, rằng cuộc đời anh ta đã thay đổi, rằng giờ đây anh ta đã suy nghĩ sâu xa về ý nghĩa của cuộc đời hoặc bắt đầu đặt ra những câu hỏi về xã hội loài người, hay bất cứ cái gì. Ta cũng không cảm thấy là anh ta đã trưởng thành. Ta gấp sách lại với một cảm giác kỳ lạ như đang tự hỏi là Soseki định nói gì vậy. Dường như cái đọng lại trong lòng người đọc chính là không-biết-tác-giả-thực-sự-định-nói-gì. Em không thể cắt nghĩa được điều ấy."

"Vậy cấu trúc của *Người thợ mỏ* hoàn toàn khác với loại *Bildungsroman*(*) hiện đại của cậu, thí dụ như *Sanshiro* của Soseki chứ gì?"

Tôi gật đầu. "Em không biết gì về loại ấy, nhưng có thể anh nói đúng. Trong truyện, Sanshiro lớn lên, gặp những trở ngại, suy ngẫm sự đời, vượt qua khó khăn, phải không? Nhưng nhân vật chính trong *Người thợ mỏ* thì khác. Anh ta chỉ nhìn sự việc xảy đến và chấp nhận tất. Thật ra, đôi khi anh ta cũng đưa ra ý kiến riêng, nhưng chẳng có gì sâu sắc lắm. Dằng này, anh ta chỉ nghiền ngẫm về cuộc tình của mình. Anh ta ra khỏi mỏ cũng gần giống như khi anh ta vào trong đó. Anh ta không hề ý thức rằng đó là điều mà bản thân anh ta đã quyết định làm hoặc rằng anh ta đã có thể lựa chọn. Có vẻ như anh ta hoàn toàn bị động. Nhưng em nghĩ trong cuộc đời thực, người ta cũng thế. Không dễ gì để tự mình lựa chọn."

"Cậu có thấy mình giông giống nhân vật chính trong *Người thợ mỏ* không?"

Tôi lắc đầu. "Không, em không bao giờ nghĩ thế."

"Nhưng người ta cần bấu víu vào một cái gì chứ," Oshima nói. "Họ cần phải vậy để tồn tại. Cậu cũng làm thế mặc dù cậu không nhận ra. Như Goethe đã nói: Tất thảy đều là ẩn dụ."

Tôi ngẫm nghĩ một lát về ý đó.

Oshima nhấp một ngụm cà phê. "Dù sao đó cũng là một quan điểm thú vị về *Người thợ mỏ*. Nhất là vì nhân vật chính trong đó và cậu, cả hai đều bỏ nhà đi. Điều đó làm mình muốn đọc lại nó."

---

* Tiếng Đức: loại tiểu thuyết về quá trình phát triển, vào đời và trưởng thành của lớp trẻ hiện thân ở một nhân vật chính.

Ăn hết chiếc xăng-uých, tôi bóp bẹp hộp sữa bằng các tông ném vào sọt rác. "Anh Oshima à," tôi nói, quyết định đặt thẳng vấn đề, "em đang gặp thế bí và anh là người duy nhất em có thể vấn kế."

Anh xòe rộng cả hai tay, vẻ khuyến khích: Cứ nói đi!

"Đây là một câu chuyện dài, nhưng trước mắt, em không có chỗ nào trú chân đêm nay. Em có một cái túi ngủ, nên em không cần giường hoặc nệm hay bất cứ cái gì. Chỉ cần một mái nhà trên đầu thôi. Anh có biết chỗ nào như thế quanh đây không?"

"Tôi đoán cậu không nghĩ đến khách sạn hay lữ quán đấy chứ?"

Tôi lắc đầu. "Tiền cũng là một vấn đề. Nhưng chủ yếu là em không muốn bị để mắt tới."

"Tôi chắc cậu ám chỉ ban vị thành niên của cảnh sát?"

"Vâng."

Oshima nghĩ một lát rồi nói: "Được, cậu có thể ở lại đây."

"Trong *thư viện* ư?"

"Nhất định rồi. Có một mái nhà nhé, lại có một phòng trống, ban đêm không ai dùng đến."

"Nhưng theo anh, thế liệu có được không?"

"Tất nhiên là trước hết ta sẽ phải thu xếp một số việc. Nhưng có thể được. Hay nói đúng hơn, không phải là không thể được. Tôi dám chắc là tôi có thể lo ổn chuyện này."

"Bằng cách nào?"

"Cậu thích đọc sách hay, thích tự mình nghĩ ra những ý này nọ. Coi bộ cậu có thể lực tốt và thuộc loại có tinh thần độc lập. Cậu thích sống quy củ và cậu giàu ý chí, kể cả ý chí muốn làm cho dạ dày mình bé lại, phải không nào? Tôi sẽ bàn với Miss Saeki về chuyện lấy cậu làm phụ việc cho tôi và để cậu ở căn phòng trống ở đây, ngay trong thư viện."

"Anh muốn em phụ việc cho anh?"

"Cậu sẽ không phải làm gì nhiều," Oshima nói. "Cơ bản là giúp tôi mở và đóng cửa thư viện. Những việc nặng - dọn dẹp, lau chùi - hay nhập dữ liệu vào máy tính, chúng tôi đã thuê những người chuyên nghiệp làm. Công việc còn lại chả nhiều nhặn gì. Cậu có thể tha hồ muốn đọc gì thì đọc. Nghe ngon lành đấy chứ?"

"Vâng, tất nhiên rồi..." tôi không biết nên nói gì. "Nhưng em

không nghĩ là Miss Saeki sẽ đồng ý. Em mới mười lăm tuổi, lại là một đứa bỏ nhà đi và Cô chẳng biết gì về em cả."

"Nhưng Miss Saeki... Nói thế nào nhỉ?" Oshima ngập ngừng (điều hiếm thấy ở anh), tìm lời để diễn tả cho chính xác. "*Cô* hơi khác người."

"Khác người là thế nào?"

"*Cô* có cách nhìn sự vật không giống mọi người."

Tôi gật đầu. Một cách nhìn khác? *Điều đó* nghĩa là thế nào? "Anh muốn nói *Cô* là một người dị thường?"

Oshima lắc đầu. "Không, mình không muốn nói thế. Nếu nói dị thường thì phải là *mình* đây. *Cô* chỉ không bảo thủ thôi."

Tôi vẫn cố hình dung ra sự khác nhau giữa *khác* và *dị thường*, nhưng rồi quyết định thôi không hỏi thêm gì nữa. Tạm thời trong lúc này.

Sau một lát, Oshima nói: "Tuy nhiên, ở lại đây đêm nay thì chưa được. Tôi sẽ đưa cậu đến một chỗ khác ở tạm vài hôm cho đến khi chúng tôi thu xếp ổn thỏa. Cậu không phiền chứ? Chỗ ấy hơi xa một chút."

"Không thành vấn đề," tôi nói.

"Năm giờ thư viện đóng cửa," Oshima nói, "tôi phải thu dọn mọi thứ, vậy khoảng năm rưỡi chúng ta sẽ đi. Tôi sẽ chở cậu bằng xe riêng của tôi. Hiện không có ai ở chỗ đó. Đừng lo - chỗ đó có một mái nhà trên đầu mà."

"Em rất cảm ơn."

"Cậu có thể cảm ơn tôi sau khi chúng ta tới đó. Có thể không như cậu tưởng tượng đâu."

Tôi trở lại phòng đọc và đọc tiếp cuốn *Hoa anh túc* từ chỗ bỏ dở lúc nãy. Tôi không phải là một người đọc nhanh. Tôi thích kề cà trên mỗi câu, thưởng thức văn phong của tác giả. Nếu không khoái cách viết là tôi bỏ liền. Ngay trước năm giờ, tôi đọc hết cuốn sách, đặt trả về trên giá rồi quay lại ngồi trên chiếc sofa, nhắm mắt lại, nghĩ về những gì xảy ra trong đêm hôm trước. Về Sakura. Về căn phòng của cô. Về những gì cô làm với tôi. Về tất cả những ngoắt ngoéo theo dòng sự kiện.

Đến năm rưỡi, tôi ra ngoài thư viện chờ Oshima. Anh dẫn tôi đến

bãi đậu xe ở đằng sau và chúng tôi lên chiếc xe thể thao màu xanh lá cây của anh. Một chiếc Mazda Miata bỏ mui được. Ba lô của tôi to quá bỏ vào cốp xe không vừa, phải cột chặt vào giá để hàng phía sau.

"Một cuốc dài đấy, cho nên ta sẽ dừng ăn tối dọc đường," Oshima nói và xoay chìa khóa, khởi động xe.

"Chúng ta đi về hướng nào?"

"Kochi," anh đáp. "Đến đó bao giờ chưa?"

Tôi lắc đầu. "Bao xa?"

"Chạy xe mất độ hai tiếng rưỡi. Về phía Nam, bên kia dãy núi."

"Anh không phiền khi phải đưa em đi xa thế chứ?"

"Không sao. Đường thẳng băng và trời hãy còn sáng mà. Với lại, mình vừa đổ đầy bình xăng."

Xe chạy qua những đường phố tranh sáng tranh tối, rồi ra xa lộ, hướng về phía Tây. Oshima chuyển làn ngọt xớt, lách giữa các xe khác, sang số êm ru. Mỗi lần như thế, tiếng máy ro ro chỉ hơi khác đi một tí. Cuối cùng, anh dận hết ga và chiếc xe nhỏ nhanh chóng vượt qua tốc độ chín mươi km/giờ.

"Xe này đã được chỉnh đặc biệt nên gia tốc oách lắm. Không như loại Miata thông thường. Cậu có biết nhiều về xe hơi không?"

Tôi lắc đầu. Xe hơi rõ ràng không phải chuyên môn của tôi.

"Anh khoái lái xe lắm hả?" tôi hỏi.

"Bác sĩ bắt mình từ bỏ mọi môn thể thao nguy hiểm. Cho nên mình chuyển sang lái xe để bù lại."

"Anh bị làm sao?"

"Tên y học dài lê thê, nhưng gọi nôm na là bệnh máu không đông," Oshima xuề xòa nói. "Cậu có biết nó ra thế nào không?"

"Em cũng biết sơ sơ," tôi nói. "Em có được học qua trong giờ sinh học. Ai mắc chứng ấy, hễ chảy máu là không cầm lại được. Cái đó thuộc về gien, nó làm cho máu không đông được."

"Đúng thế. Có đủ dạng bệnh máu không đông và cái loại mình bị là khá hiếm. Nó không tệ hại lắm, nhưng mình phải cẩn thận đừng để bị thương. Hễ mình bị chảy máu là phải đi bệnh viện liền. Với lại, dạo này, lượng máu dự trữ ở các bệnh viện đang có vấn đề. Chết dần chết mòn vì AIDS không phải là một lựa chọn cho mình. Cho nên

mình bắt mối với một số nơi trong thành phố để cung cấp máu sạch, đề phòng trường hợp phải tiếp máu. Vì có bệnh nên mình không đi du lịch được. Trừ những lần đi kiểm tra định kỳ tại bệnh viện đại học ở Hiroshima, mình chả mấy khi ra khỏi thành phố. Tuy nhiên cũng chẳng đến nỗi tệ - dù sao mình cũng không máu mê du lịch hay thể thao gì cho lắm. Mình không được dùng dao bếp, nên chuyện nấu nướng bị loại trừ, kể cũng đáng tiếc."

"Lái xe cũng là một môn thể thao khá nguy hiểm đấy chứ," tôi nói.

"Nhưng đó là một loại nguy hiểm khác. Hễ ngồi vào sau tay lái là mình ráng phóng nhanh hết mức có thể. Nếu bị tai nạn vì phóng nhanh thì mình sẽ không chỉ đứt một ngón tay mà thôi. Nếu mất rất nhiều máu, sẽ không có sự khác nhau giữa một người mắc chứng máu không đông với bất kỳ ai khác. Thế là hòa cả làng, cơ may sống sót là ngang nhau. Sẽ không phải lo lắng về những chuyện như máu đông hay không đông hay bất cứ cái gì, như vậy có chết thì cũng chết thanh thản, không có gì phải tiếc."

"Em hiểu."

"Đừng lo," Oshima cười lớn. "Mình sẽ không gây tai nạn đâu. Mình lái cẩn thận lắm và không hề liều lĩnh. Mình cũng bảo quản xe rất tốt. Với lại, khi nào chết, mình muốn chết một mình và thật yên tĩnh cơ."

"Vậy kéo theo một người khác cùng chết cũng không phải là một lựa chọn."

"Cậu hiểu đúng đấy."

Chúng tôi ghé vào một nhà hàng ở một trạm dừng xe dọc đường để ăn tối. Tôi ăn xa-lát gà, còn anh gọi món hải sản nấu cà ri và xa-lát. Gọi là nhét đầy dạ dày thôi. Oshima trả tiền và chúng tôi lại lên xe. Trời đã tối hẳn. Anh dận ga và kim đồng hồ chỉ tốc độ vọt lên.

"Mình bật tí nhạc nhé, cậu có phiền không?" Oshima hỏi.

"Tất nhiên là không," tôi đáp.

Anh bấm nút CD và một khúc nhạc piano cổ điển bắt đầu. Tôi nghe một lát, cố đoán tác giả. Tôi biết đó không phải là Beethoven, cũng không phải Schumann. Có lẽ đâu đó ở quãng giữa hai vị đó.

"Có phải Schubert?" tôi hỏi.

"Chính xác," anh đáp. Tay đặt trên vô lăng theo tư thế kim đồng hồ chỉ mười giờ mười, anh liếc qua tôi. "Cậu thích Schubert không?"

"Không thích lắm," tôi nói.

"Khi lái xe, mình thích những bản xô-nát viết cho piano của Schubert, mở với âm lượng lớn. Cậu biết tại sao không?"

"Không."

"Bởi vì chơi những xô-nát cho piano của Schubert cho hay là một trong những điều khó nhất trên đời. Đặc biệt là bài này này, bài xô-nát cung Rê trưởng[1]. Rất khó làm chủ được nó. Một số nghệ sĩ piano có thể chơi hoàn hảo một hay hai chương, nhưng nếu nghe cả bốn chương như một tổng thể thì, theo ý mình, chưa có ai thành công. Nhiều nghệ sĩ piano trứ danh đã thử nhận thách thức ấy, nhưng hình như bao giờ cũng thiêu thiếu một cái gì. Chưa bao giờ có ai thể hiện tới mức mà ta có thể nói: *Đúng, thật là hoàn hảo!* Cậu biết tại sao không?"

"Không," tôi đáp.

"Tại vì bản thân xô-nát này không hoàn hảo. Robert Schumann rất hiểu các xô-nát của Schubert và ông ta dán cho bản này cái nhãn là "tẻ nhạt tuyệt trần".

"Nếu nhạc phẩm này không hoàn hảo, tại sao nhiều nghệ sĩ piano lại cố làm chủ nó đến thế?"

"Câu hỏi hay đấy," Oshima nói và ngừng lại để âm nhạc lấp đầy im lặng. "Mình không biết giải thích thế nào cho thỏa đáng, nhưng mình có thể nói điều này: những tác phẩm có chút bất cập nào đó lại có một sức hấp dẫn chính vì lý do đó, hay ít nhất, nó hấp dẫn một số loại người. Cũng như cuốn *Người thợ mỏ* của Soseki hấp dẫn cậu vậy. Có một cái gì trong đó lôi cuốn cậu hơn là những cuốn tiểu thuyết hoàn thiện hơn như *Kokoro* hay *Sanshiro*. Cậu phát hiện thấy trong tác phẩm ấy một cái gì làm tim mình xao động - hay có thể nói tác phẩm ấy phát hiện ra cậu. Bản xô-nát cung Rê trưởng của Schubert thuộc loại như vậy."

---

[1] Nội dung ghi chú trong dấu [...] xem trong phần "Ghi vun trong khi dịch *Kafka bên bờ biển*" ở cuối sách.

"Để trở lại câu hỏi," tôi nói, "tại sao anh thích nghe những bản xô-nát của Schubert? Nhất là khi lái xe?"

"Những xô-nát của Schubert, nhất là bản này, nếu chơi nguyên xi, đó không phải là nghệ thuật. Như Schumann đã chỉ ra, nó dài lê thê và quá nhiều chất đồng quê, lại quá đơn giản về mặt kỹ thuật. Nếu chơi y xì như nguyên bản, nó sẽ bèn bẹt, vô vị, chỉ là một thứ đồ cổ bụi bặm. Vì thế nên mỗi nghệ sĩ piano thể hiện nó đều thêm vào một cái gì của riêng mình, một thứ phụ gia. Như đoạn này này - cậu có nghe thấy tay ấy cấu âm quãng này như thế nào không? Thêm rubato(*). Điều chỉnh nhịp độ, chuyển gam, bất kỳ. Nếu không, tổng thể sẽ không trụ vững. Tuy nhiên phải rất cẩn thận, kẻo những ngón phụ gia ấy sẽ phá hủy tinh chất của tác phẩm. Như vậy sẽ không còn là Schubert nữa. Mỗi một nghệ sĩ piano chơi bản xô-nát này đều phải vật lộn với nghịch lý ấy."

Anh lắng nghe tiếng nhạc, âm ư giai điệu rồi nói tiếp:

"Chính vì thế mà mình thích nghe Schubert trong khi lái xe. Như mình đã nói, mọi diễn tấu đều không hoàn hảo. Sự thiếu hoàn hảo, nếu đậm đặc chất nghệ thuật, sẽ kích thích ý thức và giữ cho ta tỉnh táo. Nếu mình nghe một nhạc phẩm cực kỳ hoàn hảo được diễn tấu một cách cực kỳ hoàn hảo trong khi lái xe, mình sẽ có thể muốn nhắm lại và chết luôn. Nhưng nghe bản Rê trưởng, mình có thể cảm nhận được giới hạn của khả năng con người - rằng một dạng hoàn hảo nào đó chỉ có thể thực hiện được qua một sự tích lũy vô hạn của cái không hoàn hảo. Và riêng mình, mình thấy điều đó đầy khích lệ. Cậu có hiểu ý mình không?"

"Hơi hơi..."

"Xin lỗi," Oshima nói, "mình dễ bốc khi bàn về đề tài này."

"Nhưng có đủ mọi dạng và cấp độ không hoàn hảo, đúng không?" tôi nói.

"Tất nhiên rồi."

"*So sánh* các cách diễn tấu bản xô-nát cung Rê trưởng, anh thấy ai chơi hay nhất?"

---

* Cách diễn tấu rất thoải mái về độ nhanh chậm.

"Hỏi khó đấy," Oshima nghĩ một lát. Anh giảm tốc độ, chuyển làn, mau lẹ vượt qua một chiếc xe đông lạnh kếch sù mười tám bánh, tăng tốc để trở về làn đường của mình mình. "Mình không có ý làm cậu hốt, nhưng ban đêm, xe Miata xanh là loại khó thấy nhất trên xa lộ. Nó đã thấp lại xanh nên dễ lẫn vào đêm tối. Nhất là cánh lái xe tải ngồi trong cabin cao lại càng khó nhìn thấy nó. Nếu không chú ý thì rất nguy hiểm, đặc biệt trong đường hầm. Quả thật, xe thể thao đáng ra nên là màu đỏ thì mới nổi bật lên. Vì vậy, phần lớn xe Ferrari đều màu đỏ. Nhưng khốn nỗi mình lại thích màu xanh, cho dù nó có thể gây nguy hiểm. Xanh là màu của rừng cây. Còn đỏ là màu của máu."

Anh liếc nhìn đồng hồ và lại âm ư theo điệu nhạc. "Nói chung, mình nghĩ Brendel và Ashkenazy là những người diễn tấu hay nhất, tuy nhiên họ không làm mình xúc động. Âm nhạc của Schubert thách thức và đập tan các cung cách của thế gian. Đó là cốt lõi của chủ nghĩa lãng mạn và âm nhạc của Schubert là sự đúc kết của dòng này."

Tôi tiếp tục lắng nghe bản xô-nát.

"Cậu thấy thế nào? Hơi chán hả?"

"Vâng, hơi chán," tôi thừa nhận.

"Phải tự rèn luyện mới thấy được giá trị của Schubert. Mình cũng thế, lần đầu nghe ông, mình thấy chán ốm. Cái đó là tự nhiên đối với lứa tuổi cậu. Với thời gian, cậu sẽ vỡ dần ra. Người ta nhanh chóng mệt mỏi với những thứ không chán, thế nhưng lại không mệt mỏi với những gì mới đầu tưởng là chán. Nghĩ mà xem. Mình có thể rồi hơi mà chán, nhưng không bao giờ mệt mỏi với những gì mình yêu thích. Phần đông người đời không phân biệt được hai cái đó."

"Anh nói anh là người khác thường. Có phải là tại cái chứng máu không đông ấy không?"

"Có phần thế đấy," anh nói với một nụ cười ma mãnh. "Nhưng không phải chỉ vậy thôi, còn có cái gì đó khác nữa."

Khi bản xô-nát dài "tẻ nhạt tuyệt trần" của Schubert kết thúc, chúng tôi không nghe thêm gì nữa. Chúng tôi lặng thinh, mỗi người lấp đầy im lặng bằng những ý nghĩ lang bang của mình. Tôi lơ đãng nhìn những biển báo vùn vụt qua. Tới một ngã tư, chúng tôi rẽ vào một ngả đường

hướng Nam đi về phía núi, xuyên hết đường hầm này đến đường hầm khác. Oshima hết sức tập trung mỗi khi anh vượt một xe khác. Chúng tôi vượt một số xe tải chạy chậm rì rì và mỗi lần như thế, lại nghe thấy tiếng rít *viu víu* của không khí như thể một linh hồn vừa thoát xác. Thi thoảng tôi ngoái nhìn lại để yên trí rằng chiếc ba lô của mình vẫn được cột chặt an toàn ở đó.

"Chỗ bọn mình đến nằm sâu trong núi, chắc chắn không phải là căn nhà khang trang nhất thế giới," Oshima nói. "Mình chắc cậu sẽ không gặp ai khác trong thời gian cậu ở đó. Không có radio, tivi hay điện thoại gì hết. Chắc cậu không phiền chứ?"

"Không," tôi đáp.

"Cậu đã quen với cô đơn," Oshima bình luận.

Tôi gật đầu.

"Nhưng cô đơn cũng có ba bảy loại. Cái thứ cô đơn đang chờ đợi cậu có thể là hơi bất ngờ đấy."

"Bất ngờ như thế nào?"

Oshima đẩy cái cầu gọng kính trên sống mũi lên. "Quả thực mình chả biết tả thế nào, cũng có thể nó sẽ thay đổi, do ở cậu."

Chúng tôi ra khỏi xa lộ và theo một đường liên tỉnh nhỏ. Đi một quãng ngắn, tới một thị trấn nhỏ ven đường, Oshima dừng ở một cửa hàng mở cửa ban đêm, mua đủ thứ thực phẩm đến độ hầu như cả hai chúng tôi không mang hết - rau quả, bánh quy giòn, sữa, nước khoáng, đồ hộp, các túi thực phẩm ăn liền, phần lớn là những thứ không đòi hỏi mất nhiều công nấu nướng. Tôi định rút ví ra nhưng anh lắc đầu, giành phần trả tất cả.

Quay về chiếc xe thể thao, chúng tôi đi xuôi đường liên tỉnh. Tôi ôm những bịch không cho vào cốp xe được. Ra khỏi thị trấn nhỏ, tất cả đều tối đen xung quanh chúng tôi. Không có nhà cửa gì cả, họa hoằn mới gặp một chiếc xe, đường thì hẹp đến nỗi hai xe khó mà vượt nhau được. Oshima bật pha hết cỡ, tiếp tục lao tới, hết hãm phanh lại dận ga, liên tục sang số từ hai lên ba, rồi lại từ ba xuống hai. Về mặt anh im sững vì tập trung lái, môi mím chặt, mắt nhìn trân trân vào một điểm phía trước trong bóng tối, tay phải giữ chắc vô lăng, tay trái đặt trên cần sang số trong tư thế sẵn sàng.

Một vách đá dốc đứng xuất hiện bên trái chúng tôi. Có vẻ như ở bên dưới có một khe suối. Các khúc cua trở nên gấp hơn, đường trơn hơn và một đôi lần, phần sau xe bị trượt bánh, nhưng tôi quyết định không bận tâm lo lắng về điều đó: đối với Oshima, để xảy ra tai nạn ở đây chắc chắn *không phải là một lựa chọn*.

Đồng hồ tôi chỉ gần chín giờ. Tôi hạ kính cửa sổ cho khí lạnh ùa vào. Ở đây, mọi âm vang đều khác. Chúng tôi đang ở giữa vùng núi và còn đi sâu vào nữa. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi, cuối cùng, con đường tách ra xa bờ vực và rẽ vào một khu rừng. Những ngọn cây cao vút như bóng ma trên đầu chúng tôi. Ánh đèn pha lần lượt liếm vào từng thân cây bật sáng. Đường quãng này không rải nhựa và bánh lốp làm những viên sỏi bắn lên va vào gầm xe. Bộ giảm xóc nhún lên nhún xuống trên mặt đường gồ ghề. Trời không trăng không sao. Những giọt mưa nhỏ thi thoảng táp vào tấm kính chắn gió.

"Anh có hay đến đây không?" tôi hỏi.

"Dạo trước cơ. Bây giờ mắc công việc và bận biu linh tinh, mình không đến luôn được. Anh trai mình là vận động viên lướt sóng, anh ấy sống ở ven biển, tỉnh Kochi. Anh ấy có một cửa hàng bán dụng cụ lướt sóng và làm ván lướt. Thỉnh thoảng anh ấy cũng đến đây. Cậu có chơi lướt sóng không?"

"Em chưa bao giờ thử."

"Nếu có dịp, cậu nên nhờ anh trai mình dạy cho. Anh ấy lướt sóng rất cừ," Oshima nói. "Nếu cậu gặp anh ấy, cậu sẽ thấy anh ấy chả giống mình tí nào. Anh ấy to con, da ngăm ngăm, ít nói, không thích giao du lắm và khoái bia. Và chẳng biết Schubert khác Wagner thế nào. Nhưng hai anh em mình rất hợp nhau."

Chúng tôi tiếp tục đi sâu vào rừng rậm và cuối cùng, tới đích. Oshima hãm phanh nhưng vẫn để nổ máy, xuống xe, mở khóa một thứ cổng rào lưới sắt, đẩy ra rồi trở lên xe, lái vào trong, đi tiếp trên một con đường ngoằn ngoèo, gồ ghề cho tới một chỗ quang cuối đường. Oshima dừng xe, thở trút ra, đưa cả hai tay vuốt tóc ra đằng sau rồi tắt máy và cài phanh tay.

Quạt gió vẫn chạy ro ro để làm nguội động cơ quá nhiệt, trong khi một làn hơi bốc lên từ capô, nhưng vì máy đã tắt nên lúc này một im

lặng nặng nề bao trùm chúng tôi. Tôi nghe tiếng nước rỏc rách từ một con suối nhỏ gần đâu đây. Trên cao, gió rì rào mơ hồ. Tôi mở cửa xe, bước ra ngoài. Những mảng sương giá lạnh lơ lửng trong không trung. Tôi kéo lên tận cổ phéc-mơ-tuya của chiếc áo khoác không thấm nước mà tôi vừa mặc ra ngoài áo phông.

Trước mặt chúng tôi là một căn nhà nhỏ. Trời tối quá, không nhìn rõ, nhưng có vẻ đây là một cái lều gỗ. Chỉ thấy một đường viền đen chờn vờn trên nền của rừng cây. Đèn pha đầu xe vẫn bật sáng, Oshima từ từ lại gần căn lều, tay cầm đèn pin, bước lên bậc thềm, lấy ra một chiếc chìa khóa, mở cửa, vào trong và đánh diêm châm đèn. Rồi cầm đèn, bước ra ngoài hiên, trịnh trọng thông báo: "Chào mừng đến tệ xá!" Cứ như từ một bức vẽ minh họa truyện cổ tích bước ra vậy.

Tôi bước lên bậc thềm và vào nhà. Oshima thắp một chiếc đèn treo lớn dòng từ trần xuống. Căn nhà gỗ gồm độc một phòng lớn hình hộp. Một chiếc giường nhỏ kê trong góc, một cái bàn ăn với hai ghế gỗ, một cái sofa cũ kỹ, một tấm thảm bạc phếch - vẻ như một mớ đồ đạc cũ không ai màng, vơ quàng vơ quấy để dùng tạm. Một cái giá gỗ chật cứng sách, những cuốn sách bìa đã xác xơ vì đọc đi đọc lại bao lần. Còn có một cái tủ cũ để đựng quần áo. Và một gian bếp đơn sơ với một quầy, một bếp ga nhỏ và một bồn rửa nhưng không thấy vòi nước. Thay vào đó là một cái xô nhôm chắc để đựng nước. Một cái xoong và một ấm đun nước trên giá, một cái chảo treo trên tường. Và giữa phòng, một cái bếp lò đun củi màu đen.

"Anh trai mình làm cái nhà này gần như một mình. Nguyên nó là một cái lều gỗ của thợ rừng, anh ấy đã cải tạo lại hoàn toàn. Anh ấy rất khéo tay. Dạo ấy mình còn bé, chỉ giúp việc vặt, giữ cho khỏi xây chân đứt tay. Phương tiện thì rất thô sơ. Điện không, nước máy không, toa-lét cũng không. Tiện nghi duy nhất là khí prôpan để đun nấu." Oshima đổ chút nước khoáng vào ấm và bắt đầu đun.

"Vùng đất núi này trước kia là tài sản của ông nội mình. Cụ là một phú hộ ở Kochi, sở hữu rất nhiều tài sản. Cụ mất cách đây mười năm và hai anh em mình được thừa kế toàn bộ khu đất núi này. Không ai trong họ muốn nó cả, vì quá hẻo lánh và chẳng đáng giá là bao. Nếu muốn khai thác lâm sản thì phải thuê người tốn kém lắm."

Tôi vén tấm rèm che cửa sổ. Chỉ thấy một bức tường bóng tối mịt mùng.

"Hồi mình trạc tuổi cậu," Oshima nói tiếp, bỏ mấy túi trà hoa cúc vào bình, "mình rất hay đến đây sống một mình. Không gặp ai khác, không trò chuyện với ai. Anh trai mình gần như ép mình làm thế. Thông thường, với người mắc cái bệnh giống mình, người ta không làm như vậy - ở một mình giữa nơi hoang vắng thế này là quá nguy hiểm cho họ. Nhưng anh mình bất cần." Anh ngả người dựa vào quầy, chờ cho nước sôi. "Anh ấy không tìm cách gò mình vào kỷ luật hay gì hết mà chỉ nghĩ rằng đó là cái mình cần. Nhìn lại, mình thấy đó là một trải nghiệm tốt, đúng là cái mình cần thật. Mình có điều kiện đọc rất nhiều, suy ngẫm mọi sự. Nói thật tình, sau một thời gian, mình gần như không thể đi học được nữa. Giữa trường học và mình có một thứ quan hệ ghét bỏ nhau. Mình khác mọi người. Do hảo tâm, người ta để cho mình tốt nghiệp trung học, còn sau đó, về cơ bản, mình tự thân vận động. Y như cậu vậy. Mình đã kể với cậu mọi chuyện đó chưa nhỉ?"

Tôi lắc đầu. "Có phải vì thế mà anh tốt với em như vậy không?"

"Có phần thế," anh nói rồi ngừng một lát. "Nhưng lý do không phải chỉ có vậy."

Oshima đưa tôi một tách trà và nhấm nháp tách của mình. Thần kinh tôi căng thẳng sau chuyến đi dài và vị hoa cúc đúng là cái tôi cần để thư giãn lại.

Oshima liếc nhìn đồng hồ đeo tay. "Mình sắp phải đi, nên hãy để mình giải thích mọi thứ. Có một con suối lành gần đây, cậu có thể lấy nước ở đó mà dùng. Nó chảy từ đầu nguồn nên cậu có thể uống nguyên như thế, tốt hơn nước khoáng đóng chai nhiều. Có củi chất sau nhà, nên cậu có thể dùng bếp lò nếu cậu thấy lạnh. Nơi này rét đáo để. Thậm chí vào tháng Tám, mình đã phải dùng tới bếp lò vài lần. Nếu cậu cần dụng cụ gì khác hoặc bất cứ cái gì thì cứ lục cái kho ở sau nhà. Và cứ thoải mái mặc bất kỳ đồ cũ nào của ông anh mình mà cậu thấy trong tủ quần áo. Anh ấy chẳng bận tâm đâu, ai mặc đồ của anh ấy cũng được."

Oshima đứng chống nạnh, đảo mắt nhìn khắp căn lều. "Chắc chắn đây không phải là một nơi ở ẩn lãng mạn. Nhưng để sống đạm bạc thì ổn đấy. Có một điều mình phải cảnh báo cậu: chớ có đi sâu quá vào

trong rừng. Rừng ở đây thực sự rậm rạp và không có đường ra đường xuyên suốt đâu. Phải giữ sao cho căn lều bao giờ cũng ở trong tầm nhìn. Nếu cậu đi xa hơn sẽ rất dễ lạc và khó mà tìm thấy đường về. Mình đã một lần nếm mùi ấy, thật dễ sợ. Mình chỉ đi cách đây khoảng hai trăm mét mà mất đứt nửa ngày đi lòng vòng. Cậu có thể nghĩ Nhật Bản là một nước nhỏ, không thể lạc trong rừng được. Nhưng hãy tin mình đi, một khi mạo hiểm sâu vào những cánh rừng này, cậu sẽ lạc là cái chắc."

Tôi ghi điều này vào bộ nhớ để tham chiếu sau này.

"Và trừ trường hợp thật khẩn cấp, đừng có xuống núi một mình. Mọi nhà đều cách rất xa. Cứ đợi ở đây, trong vòng vài ngày, mình sẽ quay lại đón cậu. Cậu có đủ cái ăn để cầm cự cho đến lúc đó. À, cậu có điện thoại di động không nhỉ?"

"Em có," tôi nói, tay chỉ vào ba lô.

Anh nhoẻn cười với tôi. "Cứ giữ nó ở trong ba lô. Ở đây không dùng được đâu: ngoài tầm phủ sóng. Và tất nhiên, đài phát thanh cũng thế. Cậu bị cắt rời khỏi thế giới. Như vậy cậu sẽ có ối thì giờ mà đọc."

Tôi chợt nghĩ đến một vấn đề rất thực tế. "Không có toa-lét thì em đi vệ sinh ở đâu?"

Oshima dang rộng hai tay. "Cậu có cả một khu rừng, muốn cho ra đâu chả được."

# Chương 14

Nakata đến bãi đất trống nhiều ngày liền. Trừ một buổi sáng, trời mưa to, đành ở nhà đục đẽo gỗ, còn đa phần thời gian lão ngồi rình trong đám cỏ, chờ con mèo mai rùa hay gã đàn ông có cái mũ kỳ dị xuất hiện. Nhưng chẳng ăn thua gì.

Cuối mỗi ngày, Nakata đều ghé qua nhà những người đã thuê lão, báo cáo tình hình tìm kiếm: lão đã đi những đâu, lượm được những thông tin gì. Mỗi ngày, lão được trả công khoảng ba nghìn *yen*. Chẳng ai chính thức định giá như thế, nhưng người ta cứ truyền tai nhau rằng trong vùng có lão Nakata là tổ sư tìm mèo, muốn nhờ thì cứ xì ra mỗi ngày chừng nấy. Bao giờ họ cũng muốn cho lão thêm chút gì ngoài tiền công - đồ ăn thức uống, có khi cả quần áo nữa. Và khi tìm thấy con mèo mất tích, lão còn được nhận một khoản mười nghìn *yen* tiền thưởng nữa.

Không phải lúc nào cũng có người thuê Nakata tìm mèo lạc, cho nên số tiền công lão gom góp được mỗi tháng chẳng nhiều nhặn gì. Người lớn nhất trong số em trai lão thanh toán các khoản dịch vụ công cộng, lấy từ phần thừa kế khiêm tốn mà cha mẹ Nakata để lại, và lão sống bằng những món tiền để dành còm cõi cộng với một khoản trợ cấp hàng tháng của thành phố cho người già khuyết tật. Lão xoay xở chỉ ăn uống sinh hoạt bằng số trợ cấp trên, để có thể tiêu xài tiền công tìm mèo theo ý thích riêng, và đối với lão đó là một món khá sộp. Tuy nhiên, đôi khi lão không nghĩ ra được ý nào khác hơn là thưởng thức

món ăn ưa thích của mình - lươn nướng. Ra ngân hàng hay lập sổ tiết kiệm thì phải điền nhiều mục vào tờ khai mà lão lại không biết đọc biết viết, nên còn lại bao nhiêu tiền lão giấu béng dưới chiếc chiếu tatami trong phòng.

Khả năng nói chuyện được với mèo là một bí mật của Nakata mà chỉ riêng lão và lũ mèo biết. Người ta sẽ tưởng lão điên nếu lão nói ra điều đó, nên lão cứ ngậm tăm. Ai nấy đều biết lão chả thông minh sáng láng gì, nhưng đần độn và điên rồ lại là chuyện hoàn toàn khác.

Đôi khi có người đi qua giữa lúc lão đang mải mê trò chuyện với một con mèo nào đó, nhưng chẳng ai buồn để ý. Xét cho cùng, thấy một ông già nói chuyện với súc vật như với người đâu phải chuyện gì quá khác thường. Nhưng nếu có ai chợt bình luận về cái tài tìm mèo của lão và nói đại loại như thế này: "Bác Nakata, làm sao bác có thể rành những thói quen của loài mèo đến thế? Cứ như là bác có thể nói chuyện với chúng vậy," thì lão chỉ tủm tỉm và cho qua thôi. Nakata bao giờ cũng nghiêm túc và lễ phép, với một nụ cười hòa nhã, và rất được các bà nội trợ trong khu quý mến. Một phần cũng vì vẻ bề ngoài sạch sẽ gọn gàng của lão. Nghèo xác xơ, nhưng Nakata năng tắm giặt và những bộ quần áo mới toanh các khách hàng thường cho lão càng khiến bộ dạng lão thêm tươm tất. Một số, như chiếc sơ mi đánh golf mang nhãn Jack Nicklaus chẳng hạn, không hợp với lão, nhưng Nakata bất cần chừng nào nó sạch sẽ tinh tươm.

Nakata đang đứng ở cửa trước, ngập ngừng báo cáo với bà Koizumi, khách hàng mới của lão, về tình hình tìm kiếm con mèo Goma của bà ta.

"Cuối cùng, Nakata này đã có đôi chút thông tin về bé Goma," lão mào đầu. "Một ông tên là Kawamura nói rằng mấy hôm trước ông ta đã trông thấy một con mèo giống Goma ở bãi trống đằng kia, cái bãi có tường bao quanh ở khối 2 ấy. Bãi cách đây hai phố lớn và theo ông ta tả thì nó cũng cùng tuổi, cùng màu lông như Goma và cũng có cái đai cổ chống rận như thế. Nakata này bèn quyết định canh chừng ở bãi trống, ngày ngày tới đây ăn trưa tại chỗ, ngồi lì từ sáng đến lúc mặt trời lặn. Không, bà đừng băn khoăn về chuyện đó, tôi có ối thời gian

rảnh rỗi, cho nên tôi chả thấy phiền gì hết, trừ phi trời đổ mưa lớn. Nhưng nếu bà nghĩ tôi không cần phải rình nữa thì xin cứ bảo. Lão xin thôi ngay."

Lão không nói với bà rằng cái ông Kawamura ấy không phải là một người, mà là một con mèo vằn. Lão nghĩ nói thế chỉ tổ rắc rối vấn đề.

Bà Koizumi cảm ơn lão. Hai đứa con gái nhỏ của bà rầu rĩ suốt từ khi con vật yêu của chúng mất tích, không thiết ăn nữa. Mẹ chúng không tài nào giải thích cho chúng hiểu rằng giống mèo thường vẫn thỉnh thoảng biến mất đột ngột một thời gian. Nhưng dù thương con, bà cũng không có thì giờ đi khắp thành phố tìm mèo cho chúng. Cho nên bà rất mừng khi kiếm được một người làm hết sức mình để tìm cho ra Goma, như Nakata. Nakata là một lão già kỳ dị, có cách nói khác thường, nhưng thiên hạ đồn rằng lão là một thiên tài trong việc tìm mèo. Bà biết mình nghĩ vậy là không phải, nhưng quả thật coi bộ lão chẳng đủ thông minh để lừa ai. Bà đưa cho lão tiền công ngày đựng trong một chiếc phong bì kèm theo một hộp cơm nắm và khoai môn bà vừa nấu.

Nakata cúi rạp đầu nhận hộp cơm, đưa lên mũi hít hít và cảm ơn. "Đa tạ bà. Khoai môn là một trong những món ưa thích của Nakata này."

"Chúc cụ ngon miệng," bà Koizumi đáp.

Một tuần đã qua kể từ khi lão bắt đầu dò dẫm bãi hoang này. Trong thời gian đó, Nakata đã thấy rất nhiều mèo lui tới đây. Kawamura, con mèo vằn màu nâu, mỗi ngày ghé thăm vài lần. Nakata chào nó, chuyện gẫu linh tinh: mưa nắng, *chợ cấp*... Lão vẫn không nắm được nó nói những gì.

"Kawara gặp rắc rối, nằm rạp trên đường," Kawamura nói. Hình như nó muốn truyền đạt điều gì với Nakata, nhưng lão già không hiểu và lão bảo nó thế.

Con mèo có vẻ bối rối vì thế và nhắc lại - *có lẽ* vẫn điều đó, nhưng diễn tả cách khác. "Kawara bị trói, la hét." Nakata lại càng hoang mang.

Đáng tiếc là Mimi không có đây giúp mình, lão nghĩ. Nếu có đây, ắt Mimi sẽ cho nó cái tát vào mõm để nó nói cho gãy gọn. Mimi thật là một con mèo thông minh. Nhưng Mimi không bao giờ xuất hiện ở một nơi như thế này vì sợ bị lây rận từ bọn mèo hoang.

Sau khi xổ ra những câu mà Nakata chẳng hiểu gì, Kawamura hơn hớn bỏ đi.

Những con mèo khác lẻ tẻ ra ra vào vào. Thoạt đầu chúng còn đề phòng khi phát hiện thấy Nakata, gườm gườm nhìn lão từ xa, nhưng sau khi thấy lão chỉ ngồi đấy, chẳng làm gì, chúng liền quên phắt lão đi. Theo cái cách thân ái điển hình của lão, Nakata tìm cách gợi chuyện. Lão cất tiếng chào và tự giới thiệu, nhưng hầu hết giả ngây giả điếc không buồn nghe hoặc chỉ trừng trừng nhìn lão. Lũ mèo ở đây đặc biệt thạo môn phớt lờ người. Chắc chúng đã nếm mùi điêu đứng trong quan hệ với con người. Nakata hiểu là mình chẳng có quyền đòi hỏi gì ở chúng và không hề trách chúng về thái độ lạnh lùng ấy. Lão hiểu rất rõ rằng trong thế giới loài mèo, bao giờ lão cũng chỉ là một kẻ ngoài rìa.

Duy nhất có một con trong đám mèo ở bãi hoang tỏ ra rất tò mò muốn làm quen với Nakata. Nó đã mấy lần đáp lại lời chào của lão[2].

"Vậy ra bác biết nói tiếng mèo hả?" cuối cùng, chú mèo mướp nhị thể đen trắng rách tai vừa ngập ngừng hỏi vừa đưa mắt nhìn quanh. Giọng nói cộc cằn, nhưng xem ra khá hồ hởi.

"Phải, chút ít thôi," Nakata đáp.

"Dù sao thế cũng oách rồi," mèo mướp bình luận.

"Tên lão là Nakata," Nakata tự giới thiệu. "Còn cậu tên gì?"

"Tôi làm gì có tên," mèo mướp cắm cẩu.

"Vậy Okawa nghe thế nào? Lão gọi cậu là Okawa được không?"

"Gì cũng được."

"Vậy thì cậu Okawa này," Nakata nói, "để đánh dấu cuộc gặp gỡ của chúng ta, cậu không từ chối vài con cá mòi khô chứ?"

"Nghe hấp dẫn đấy. Cá mòi là một món ưa thích của tôi."

Nakata lấy từ trong bị ra một con cá mòi bọc giấy bóng kính, mở ra cho Okawa. Lão luôn mang theo mấy con cá mòi, phòng khi cần đến. Okawa ngấu nghiến con cá từ đầu đến đuôi, rồi liếm mép.

"Thật đúng lúc, buồn ngủ gặp chiếu manh. Đa tạ. Nếu bac thích, tôi sẽ liếm cho bác bất kỳ ở chỗ nào."

"Không, không cần đâu. Nakata này cám ơn nhã ý của cậu, nhưng ngay bây giờ lão chả cần được liếm ở chỗ nào cả, dù sao cũng cám ơn.

Thật ra, có một con mèo bị mất tích, chủ nó nhờ lão tìm hộ. Một con mèo cái lông mai rùa tên là Goma." Nakata lấy từ trong túi ra tấm hình màu của Goma, đưa cho Okawa xem. "Có người nói đã thấy nó ở bãi hoang này. Cho nên Nakata này mới ngồi đây mấy ngày liền, chờ Goma xuất hiện. Không biết cậu có tình cờ gặp nó không?"

Okawa liếc nhìn tấm ảnh và sa sầm mặt. Những nếp nhăn hiện ra giữa đôi mày cau lại và nó chớp mắt liên hồi. "Xin thật lòng cám ơn về con cá mòi. Nhưng xin đừng hiểu lầm, tôi không thể nói về chuyện này, kẻo sẽ mang vạ vào thân."

Nakata ngớ ra. "Cậu sẽ mang vạ vào thân nếu nói ra ư?"

"Đó là một vụ việc nguy hiểm, tai ác. Tôi nghĩ tốt hơn là bác nên quên con mèo ấy đi. Và nếu bác biết cái gì là tốt cho mình thì hãy tránh xa nơi này. Tôi không muốn bác lâm nạn. Rất tiếc đã không giúp được bác, nhưng xin hãy coi lời cảnh báo này như một cách cảm ơn bác đã cho ăn."

Nói rồi, Okawa đứng dậy, nhìn quanh rồi biến vào một bụi rậm.

Nakata thở dài, lấy chiếc phích ra và chậm rãi nhấp mấy ngụm trà. Okawa nói là ở đây nguy hiểm, nhưng Nakata không hình dung được mối nguy hiểm đó ra sao. Tất cả những gì lão đang làm chỉ là tìm một con mèo con bị lạc. Làm sao *cái đó* lại có thể nguy hiểm được? Có thể là nguy hiểm đến từ gã bắt mèo đội cái mũ kỳ dị mà Kawamura đã mô tả. Nhưng Nakata này là người chứ đâu phải là mèo. Vậy tại sao lão lại phải sợ một gã bắt mèo?

Nhưng thế giới này đầy những thứ mà Nakata không mong gì thấu hiểu nổi, cho nên lão thôi không nghĩ về điều đó nữa. Với một bộ óc như óc lão thì nghĩ nhiều chỉ tổ đau đầu. Nakata nhấp ngụm trà cuối cùng, vặn nắp phích lại, bỏ phích trở vào trong bị.

Sau khi Okawa biến và trong bụi rậm, hồi lâu không thấy con mèo nào khác xuất hiện. Chỉ thấy những cánh bướm dập dờn trên cỏ. Một đàn chim sẻ bay vào bãi đất trống, tản ra nhiều phía, tụ trở lại rồi bay đi. Nakata ngủ chập chờn vài lần, rồi lại giật mình tỉnh dậy. Bằng vào vị trí của mặt trời, lão ang áng biết lúc này là mấy giờ.

Vào khoảng gần tối thì con chó ấy xuất hiện trước mặt lão.

Đó là một con chó đen kếch sù, nó đột ngột chui ra từ bụi rậm,

lặng lẽ lặc lè đi tới. Từ chỗ Nakata ngồi, nom nó giống một con bê hơn một con chó. Chân dài, lông ngắn, cơ bắp cuồn cuộn rắn như thép, tai nhọn như mũi dao, không có đai cổ. Nakata không thạo mấy về các giống chó, nhưng vừa thoáng nhìn lão đã biết đây là loại dữ, hay ít nhất là cũng có thể trở nên dữ khi cần thiết. Loại chó người ta dùng trong quân đội hoặc cảnh sát.

Mắt nó hoàn toàn vô cảm và lớp da quanh mồm nó cuộn lên, để lộ những chiếc nanh trắng nom thật gớm. Cái lưỡi đỏ tươi thè lè giữa hai hàm răng như một ngọn lửa. Con chó đứng đó, không động đậy, im lặng, trân trân nhìn Nakata hồi lâu. Nakata cũng im lặng. Lão không biết nói chuyện với chó, chỉ biết tiếng mèo thôi. Mắt con chó đơ đơ vô hồn như nước ao tù đông đặc.

Nakata thở gần, khẽ khàng, nhưng lão không sợ. Lão biết mình đang đối mặt với một con vật hung hãn, thù địch (lão cũng không hiểu *tại sao* lại thế). Nhưng lão không đẩy ý nghĩ đó xa hơn đến độ *tự coi* là mình đang bị đe dọa. Cái khái niệm chết nằm ngoài khả năng tưởng tượng của lão. Và đau đớn thể xác là một cái gì trừu tượng đối với lão cho đến khi lão thực sự có cảm giác ấy. Còn ở dạng khái niệm thì đau đớn chả có nghĩa gì sất. Do đó, lão chẳng sợ, cho dù con chó quái đản ấy cứ gườm gườm nhìn lão. Lão chỉ bối rối thôi.

*Đứng lên!* con chó nói.

Nakata nuốt khan đánh ực. Con chó đang nói! Không hẳn là nói, vì miệng nó không hề động đậy, mà chính xác ra là nó đang truyền đạt bằng một phương tiện khác ngoài ngôn ngữ.

*Đứng lên và đi theo tôi!* con chó ra lệnh.

Nakata làm theo lời nó, lồm cồm đứng dậy. Lão toan cất tiếng chào nó, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Ngay cả nếu đôi bên có thể trò chuyện, thì cũng chả ích gì lắm. Hơn nữa, lão cũng không cảm thấy muốn trò chuyện với con chó này, càng không muốn đặt tên cho nó. Có mất bao nhiêu thời gian cũng chẳng biến nó thành bạn được.

Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu lão. Có thể con chó nay có chút liên quan với ông Tỉnh trưởng, ông ta phát hiện ra là lão đang kiếm tiền bằng nghề tìm mèo, nên muốn cắt *chợ cấp* của lão. Nếu con chó cảnh sát này là của ông Tỉnh trưởng thì cũng chả có gì là lạ, lão nghĩ thầm.

Và nếu sự tình ra như thế thì mình gặp rắc rối to rồi!

Khi Nakata đứng dậy rồi, con chó bèn bắt đầu đi. Nakata khoác bị lên rồi đi theo nó. Dưới cuống cái đuôi ngắn của nó thò lò hai hòn dái to tướng.

Con chó cắt ngang bãi đất trống và lách qua một chỗ hổng ở hàng rào gỗ ra ngoài. Nakata ra theo và con chó không hề ngoái nhìn lại lấy một lần. Chắc hẳn nghe tiếng chân của Nakata, nó biết là lão đang ở đằng sau nó. Khi gần đến khu buôn bán, phố xá đông đúc hơn, phần lớn là các bà nội trợ đi mua sắm. Mắt nhìn thẳng về phía trước, con chó bước tiếp, tư thế rất oai nghiêm. Trông thấy con thú khổng lồ, dữ tợn ấy, mọi người vội né sang bên, thậm chí vài người còn xuống xe đạp, dắt sang bên kia đường để tránh phải đối mặt với nó.

Đi sau con quái vật ấy khiến cho Nakata có cảm giác là mọi người tránh xa mình. Có thể họ nghĩ là lão dắt chó đi dạo mà không cần dây xích. Và quả thật, một số người bắn vào lão những tia nhìn trách móc. Điều đó làm cho lão buồn. Tôi làm thế không phải vì tôi muốn thế, lão những muốn phân trần với họ, Nakata này đang bị con chó này dắt đi. Nakata này không phải là một người mạnh, mà là một kẻ yếu.

Lão đi cách con chó một quãng xa. Cả hai qua mấy ngã tư và ra khỏi khu phố buôn bán. Con chó phớt lờ đèn tín hiệu giao thông ở các ngã tư. Đường phố không rộng lắm, xe cộ chạy không nhanh, nên qua đường khi đang đèn đỏ cũng chẳng mấy nguy hiểm. Các lái xe dận phanh gấp khi thấy con vật to đùng ấy trước mũi xe. Còn nó thì nhe nanh, nhìn chòng chọc vào người tài xế và tiếp tục lững thững qua đường với vẻ thách thức. Nakata cảm thấy rõ con chó thừa biết đèn giao thông có nghĩa là thế nào, nhưng nó cố tình phớt lờ đi. Con vật này đã quen thói chỉ làm theo ý mình.

Nakata không còn biết mình đang ở đâu nữa. Lúc đi ngang một khu nhà ở thì lão nhận ra nơi đó thuộc quận Nakano quen thuộc, nhưng rồi khi rẽ vào một phố khác thì lão mù tịt. Nakata cảm thấy lo lo. Ngộ nhỡ lạc và không tìm thấy đường về thì lão biết làm sao đây? Lão biết là đây không còn là địa bàn quận Nakano nữa. Lão vươn cổ cò, cố tìm những điểm mốc quen thuộc, nhưng chẳng thấy. Đây là một khu phố lão chưa từng đặt chân tới.

Tỉnh bơ, con chó vẫn đi tiếp, giữ một nhịp mà nó biết Nakata có thể theo kịp, đầu cất cao, tai vểnh, hai hòn dái lủng lẳng như cái quả lắc đồng hồ.

"Này, đây có còn là quận Nakano không?" Nakata hỏi to.

Con chó không trả lời, cũng chẳng buồn ngoảnh lại.

"Cậu làm việc cho ông tỉnh trưởng phải không?"

Vẫn không có câu trả lơi.

"Nakata này chỉ muốn tìm một con mèo lạc thôi. Một con mèo mai rùa tên là Goma."

Vô công.

Chẳng ăn thua gì và lão thôi không hỏi nữa.

Đến một khu cư xá yên tĩnh, nhiều nhà to nhưng không người qua lại, con chó mạnh bạo đi qua hai cánh cửa mở của một cái cổng lớn kiểu cổ dẫn vào một ngôi nhà có tường đá cũ kỹ bao quanh. Một chiếc xe hơi lớn đậu ở một ga ra trống - nó cũng to và đen bóng như con chó. Cửa trước của ngôi nhà cũng mở. Con chó vào thẳng bên trong, không chút do dự. Trước khi bước vào theo, Nakata cởi đôi giày vải cũ, xếp gọn gàng bên ngoài cửa, nhét cái mũ giang hồ vào bị và phủi những lá cỏ bám trên quần. Con chó đứng đấy, chờ Nakata sửa lại y phục cho chỉnh tề rồi theo một hành lang lát gỗ bóng loáng dẫn lão đến một nơi có vẻ là phòng khách hay thư viện.

Căn phòng tối om. Mặt trời đã sắp lặn hẳn, tấm rèm dày nặng ở cửa sổ nhìn ra vườn đã kéo lại. Không có ngọn đèn nào bật sáng. Ở cuối phòng là một bàn giấy lớn và hình như có ai ngồi cạnh đó. Nakata biết mình phải đợi cho quen mắt mới nói chắc được, còn lúc này chỉ thấy vật vờ một bóng đen giống như hình cắt giấy thôi. Khi Nakata vào trong phòng, cái bóng - ngồi trên một chiếc ghế xoay - từ từ quay lại phía lão. Nhiệm vụ đã hoàn thành, con chó dừng lại, nằm phịch xuống sàn, nhắm mắt lại.

"Xin chào," Nakata nói với cái bóng đen.

Người kia không nói gì.

"Tên tôi là Nakata, xin lỗi vì đã quấy rầy, nhưng không phải là tôi đột nhập."

Vẫn không thấy trả lời.

"Con chó này bảo tôi đi theo nó, cho nên tôi tới đây. Xin thứ lỗi, nhưng tại con chó cứ xồng xộc vào, và tôi vào theo nó. Nếu ngài cho phép thì tôi xin đi ngay thôi."

"Hãy ngồi vào chiếc ghế kia, nếu bác muốn," người kia nói, giọng nhỏ nhẹ nhưng hách dịch.

"Vâng, tôi xin ngồi," Nakata nói và ngồi xuống chiếc ghế bành. Ngay cạnh lão, con chó nằm im như một pho tượng. "Ngài có phải là Tỉnh trưởng không ạ?"

"Đại khái thế," người kia nói từ trong bóng tối. "Nếu nghĩ vậy làm bác thấy thoải mái hơn thì cứ việc tin là thế đi. Cái đó không quan trọng."

Y xoay người, kéo một sợi dây để bật một ngọn đèn sàn. Một ánh sáng vàng, kiểu đèn thời cổ, yếu ớt nhưng vừa đủ cho căn phòng.

Trước mặt lão là một người đàn ông cao, gầy, đội một cái mũ lụa màu đen. Y ngồi trên một chiếc ghế xoay bọc da, hai chân bắt tréo trước mặt. Y mặc một cái áo đuôi tôm màu đỏ vừa khít bên ngoài một chiếc vest đen, một chiếc quần trắng như tuyết bó sát và đi ủng cao màu đen. Một tay y đưa lên vành mũ như đang lễ phép ngả mũ chào một công nương. Tay trái y cầm một chiếc can màu đen với núm đầu dát vàng. Nhìn chiếc mũ, Nakata chợt nghĩ: *đây hẳn là kẻ bắt mèo.*

Nét mặt người này không đến nỗi dị thường như trang phục của y. Cách nào đó, y là một thứ trung dung - giữa trẻ và già, giữa đẹp và xấu. Lông mày rậm và sắc, má hồng hào, mặt nhẵn thín không chút râu ria. Bên dưới đôi mắt hìm him, một nụ cười lạnh lùng phẳng phắt trên môi y. Một loại mặt khó nhớ, nhất là vì trang phục kỳ dị của y mới chính là cái bắt mắt. Hẳn người ta sẽ không nhận ra y trong một bộ đồ khác.

"Bác biết tôi là ai chứ?"

"Không, thưa ngài," Nakata nói.

Y có vẻ hơi chưng hửng.

"Có chắc không?"

"Chắc ạ. Tôi quên không thưa rằng Nakata này chẳng thông minh sáng láng gì."

"Bác chưa từng gặp tôi bao giờ ư?" y đứng dậy khỏi ghế, đến cạnh

Nakata, một chân nhấc lên như kiểu đang bước đi. "Không gợi nhớ chút gì ư?"

"Không, xin lỗi, tôi không sao nhận ra ngài."

"Tôi hiểu. Vậy có lẽ bác không phải dân nghiện whisky."

"Đúng thế. Nakata này không uống rượu cũng không hút thuốc. Tôi nghèo, sống nhờ *chợ cấp*, lấy đâu ra tiền mà rượu chè."

Người kia ngồi trở lại, hai chân bắt tréo. Y nhấc một chiếc ly trên bàn, tợp một ngụm whisky. Những cục đá lanh canh trong ly. "Vô phép bác."

"Không dám. Xin ngài cứ tự nhiên."

"Cám ơn," y nói, mắt đăm đăm dõi vào Nakata. "Vậy bác thực sự không biết tôi là ai?"

"Xin lỗi, nhưng quả tình tôi không biết."

Người kia khẽ nhếch môi. Trong một thoáng, nụ cười lạnh lùng hiện trên môi y như một gợn sóng làm nhăn mặt nước, biến mất rồi lại hiện lên. "Bất cứ ai khoái whisky ắt sẽ nhận ra tôi ngay lập tức, nhưng không sao. Tên tôi là *Johnnie Walker*. Johnnie Walker. Hầu như mọi người đều biết tôi. Không phải khoe, chứ tôi nổi tiếng khắp thế giới. Có thể nói là một gương mặt biểu tượng. Tất nhiên tôi không phải là Johnnie Walker thật. Tôi chẳng có gì liên quan với cái công ty sản xuất rượu ấy của nước Anh. Tôi chỉ mượn cái mã ngoài và tên của ông ta thôi. Con người ta phải có cái tên, cái mã chứ, đúng không?"

Im lặng bao trùm căn phòng. Nakata không hiểu người kia nói những gì, điều duy nhất lão nắm được là cái tên Johnnie Walker.

"Thưa ngài Johnnie Walker, ngài có phải là người ngoại quốc không ạ?"

Johnnie Walker nghiêng đầu. "Nếu nghĩ vậy khiến bác thoải mái thì xin cứ tin là thế. Hoặc không phải là thế. Bởi vì cả hai đằng đều đúng."

Nakata hoang mang. Khác nào nói chuyện với con mèo Kawamura. "Vậy ngài vừa là người ngoại quốc, vừa không phải là người ngoại quốc. Có phải ngài muốn nói thế không?"

"Chính xác."

Nakata không tiếp tục hỏi sâu về điểm đó nữa. "Vậy có phải ngài

sai con chó này dẫn tôi đến đây không?"

"Phải," Johnnie Walker trả lời gọn lỏn.

"Có nghĩa là... ngài có điều muốn hỏi tôi?"

"Đúng hơn là, *bác* có điều cần hỏi *tôi*," Johnnie Walker đáp rồi nhấp một ngụm whisky nữa. "Theo tôi hiểu, bác đã trực ở cái bãi trống ấy nhiều ngày, chờ tôi xuất hiện."

"Vâng, đúng thế. Tôi quên bẵng mất! Nakata này chẳng thông minh sáng láng gì và mau quên lắm. Đúng như ngài nói, tôi đã chờ ngài ở cái bãi trống ấy để hỏi về một con mèo mất tích."

Johnnie Walker đập đập chiếc can đen vào cạnh chiếc ủng, tiếng bồm bộp khô khốc vang lên trong phòng, làm con chó khẽ ngọ nguậy đôi tai. "Mặt trời đang lặn, thủy triều đang xuống. Vậy tại sao ta không đi thẳng vào vấn đề," Johnnie Walker nói. "Bác muốn gặp tôi vì con mèo ấy?"

"Vâng, đúng thế. Bà Koizumi nhờ Nakata này tìm nó. Và trong khoảng mười ngày qua, tôi đã tìm Goma khắp nơi. Ngài có biết Goma không?"

"Tôi biết nó rất rõ."

"Và ngài có biết liệu nó đang ở đâu không?"

"Quả là tôi có biết."

Môi hơi hé, Nakata dán mắt vào cái mũ lụa rồi nhìn xuống bộ mặt bên dưới. Đôi môi mỏng của Johnnie Walker mím chặt với vẻ tự tin.

"Nó có ở gần đây không?"

Johnnie Walker gật đầu mấy cái liền. "Có, rất gần."

Nakata nhìn quanh phòng, nhưng chẳng thấy con mèo nào. Chỉ có cái bàn giấy, cái ghế xoay Johnnie Walker đang ngồi, cái ghế bành chính lão đang ngồi, hai cái ghế tựa khác, ngọn đèn sàn và một bàn cà phê. "Vậy tôi có thể mang Goma về được không?" Nakata hỏi.

"Điều đó hoàn toàn tùy thuộc ở bác."

"Tùy thuộc ở Nakata này?"

"Đúng. Tất cả tùy thuộc ở *bác*," Johnnie Walker nói, một bên lông mày hơi nhướn lên. "Nếu bác quyết định làm theo yêu cầu, bác có thể mang Goma về nhà và làm cho bà Koizuma cùng các con gái bà ta sung sướng. Hoặc là bác sẽ chẳng bao giờ mang được nó về và do đó làm tan

nát trái tim họ. Tôi đoán bác không muốn làm thế."

"Không, Nakata này không muốn làm họ thất vọng."

"Tôi cũng vậy. Tôi cũng không muốn làm họ thất vọng."

"Vậy thì tôi phải làm gì?"

Johnnie Walker xoay xoay chiếc can. "Tôi muốn bác làm cho tôi một việc."

"Liệu Nakata này có làm nổi không?"

"Tôi không bao giờ yêu cầu điều bất khả thi. Làm thế chỉ tổ mất thì giờ, bác đồng ý không?"

Nakata nghĩ một lát. "Tôi đồ là thế."

"Có nghĩa, điều tôi yêu cầu là một việc bác có thể làm được."

Nakata lại ngẫm nghĩ. "Vâng, có lẽ thế."

"Thông thường, mọi luận thuyết đều có phản chứng."

"Tôi không hiểu," Nakata nói.

"Mỗi luận thuyết đều có phản chứng - nếu không, khoa học không thể tiến bộ được," Johnnie Walker nói, lại đập can vào ủng với vẻ thách thức. Con chó lại vểnh tai lên. "Dứt khoát không thể tiến bộ được."

Nakata im lặng.

"Nói thật tình, từ lâu tôi đã tìm kiếm một người như bác," Johnnie Walker nói. "Nhưng không dễ gì kiếm được đúng người. Tuy nhiên, hôm nọ, tôi trông thấy bác nói chuyện với một con mèo và tôi chợt nhận ra: đây đích thị là người mình đang tìm. Chính vì thế mà tôi đã cho rước bác đến tận đây. Tôi cảm thấy áy náy để bác phải vất vả, tuy nhiên..."

"Đâu có vất vả gì, Nakata này có ối thì giờ rảnh rỗi mà."

"Tôi đã chuẩn bị vài luận thuyết về bác," Johnnie Walker nói. "Và dĩ nhiên là kèm theo nhiều phản chứng. Nó giống như một cuộc chơi. Phải, tôi chơi một trò chơi tinh thần. Nhưng đã chơi thì phải có bên thắng, bên thua. Trong trường hợp cụ thể này, sự thắng, thua sẽ xác định luận thuyết nào đúng, luận thuyết nào trật. Nhưng tôi nghĩ là bác không hiểu tôi đang nói gì."

Nakata lặng lẽ lắc đầu.

Johnnie Walker đập chiếc can vào ủng hai cái, hiệu lệnh cho con chó đứng dậy.

# Chương 15

Oshima trèo vào chiếc Miata thể thao và bật đèn pha. Khi anh dận ga, những hòn sỏi bắn lên, gại vào gầm xe. Anh lùi xe, rồi quành lại, hướng ra đường cái. Anh giơ tay chào tạm biệt và tôi cũng làm như thế. Bóng tối nuốt chửng ánh đèn hậu, tiếng máy nổ nhỏ dần rồi tắt hẳn và rừng cây trở lại lặng tờ.

Tôi quay vào nhà và chốt cửa từ bên trong. Như thể nó đã rình sẵn, im lặng quây chặt lấy tôi một khi tôi chỉ còn một mình. Không khí ban đêm lạnh đến nỗi khó mà tin là chỉ mới vào hè, nhưng đốt lò thì đã quá muộn. Đầu tôi hơi mụ mẫm vì thiếu ngủ và cơ bắp ê ẩm vì xóc nẩy người trên xe suốt chặng đường dài. Tôi vặn nhỏ đèn. Những cái bóng trong bốn góc phòng sẫm thêm. Ngại thay đồ phiền phức, tôi cứ mặc nguyên cả quần jeans và áo khoác ngoài chui vào túi ngủ.

Tôi nhắm mắt lại nhưng không thể ngủ ngay: thân thể thì thèm nghỉ muốn chết, nhưng đầu óc lại tỉnh như sáo. Thi thoảng, một con chim phá vỡ im lặng đêm. Nhiều tiếng động khác cũng lọt vào mà tôi không xác định được - một cái gì giẫm trên lá rụng; một cái gì nặng nề khua lách cách những cành cây; một âm thanh tựa như một hơi thở sâu; thi thoảng, tiếng cọt kẹt dễ sợ của những bậc thềm gỗ ngoài hiên. Nghe như ở ngay cạnh nhà. Như thể cả một đạo quân gồm những sinh vật vô hình đang bao vây tôi.

Và tôi cảm thấy như có người đang theo dõi tôi. Da tôi nhoi nhói

dưới những tia nhìn phóng vào mình. Tim tôi đập thình thịch. Mấy lần, từ trong túi ngủ, tôi hé mắt ngó quanh căn phòng lờ mờ sáng để yên trí rằng không có ai khác ở đó. Cửa trước đã chốt chặt bằng chiếc then to gộc và những tấm rèm dày đã che kín các cửa sổ. Vậy là ổn cả, tôi tự nhủ, chỉ có mình mày trong phòng, làm gì có ai dòm ngó mày qua cửa sổ.

Thế nhưng tôi vẫn không rũ bỏ được cái cảm giác mình đang bị theo dõi. Cổ họng tôi khô rát và tôi thấy khó thở. Tôi cần phải uống chút nước, nhưng nếu uống thì sẽ phải đi giải, có nghĩa là phải ra ngoài. Tôi phải cầm cự đến sáng thôi. Co ro trong túi ngủ, tôi khẽ lắc đầu.

**Cậu giỡn tớ đấy hả? Cậu như một thằng nhóc nhát gan, thấy im lặng và bóng tối là sợ mất vía. Cậu sắp lộ rõ bản chất yếu đuối ra trước mắt tớ chăng? Xưa nay cậu vẫn tưởng mình kiên cường, nhưng cháy nhà ra mặt chuột, giờ nom cậu như sắp sửa khóc òa lên. Nhìn kìa, tớ cuộc là cậu sắp tè ra quần rồi!**

Phớt lờ thằng cu tên là Quạ, tôi nhắm nghiền mắt, kéo phéc-mơ-tuya túi ngủ đến tận dưới mũi và xua mọi ý nghĩ ra khỏi đầu. Bất cứ cái gì cũng không làm tôi mở mắt - dù là tiếng cú rúc hay vật gì rơi đánh thịch bên ngoài. Ngay cả nếu tôi cảm thấy có gì di chuyển trong nhà. *Mình đang trải qua thử thách,* tôi tự nhủ. Dạo bằng tuổi mình, Oshima cũng đã qua nhiều ngày một mình ở đây. Chắc anh ấy cũng đã sợ mất vía như mình. Anh ấy nói *cô đơn cũng có nhiều kiểu* nghĩa là thế đấy. Oshima biết đích xác cảm giác của mình khi phải đơn độc ở đây ban đêm, vì anh ấy đã trải qua cảnh ấy cùng những xúc động ấy. Ý nghĩ đó giúp tôi thư giãn một chút. Tôi cảm thấy như có thể chạm vào những cái bóng của quá khứ và hình dung bản thân mình như một bộ phận của quá khứ ấy. Tôi thở thật sâu rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Tôi thức giấc sau sáu giờ sáng. Không khí đầy tiếng chim chóc gọi nhau. Chúng bận rộn chuyền từ cành này sang cành khác, gọi nhau the thé. Thông điệp của chúng tuyệt nhiên không bợn chút dư vang nặng nề và hàm ẩn hãi hùng của những tiếng động đêm qua. Khi tôi kéo những

rèm cửa ra, toàn bộ bóng tối bao quanh căn lều đêm qua đã biến mất không sót lại mảnh nhỏ nào. Tất cả đều lấp lánh trong một ánh vàng óng mới nhen. Tôi đốt lò, đun sôi một chút nước khoáng, pha một tách trà hoa cúc rồi mở một hộp bánh quy giòn và ăn mấy cái cùng với phó mát. Sau đó, tôi đánh răng, rửa mặt.

Tôi mặc áo gió và bước ra ngoài. Ánh ban mai rọi qua hàng cây cao tràn xuống khoảng trống trước căn lều, giữa những tia nắng lan khắp, dập dờn mấy mảng sương như những linh hồn mới sinh. Không khí tinh khiết theo mỗi hơi thở xuyên vào phổi tôi. Tôi ngồi xuống một bậc thềm, nhìn lũ chim bay liệng từ cây này sang cây khác, nghe tiếng chúng gọi nhau. Phần lớn bay từng cặp, luôn luôn kiểm tra xem bạn mình đang ở đâu, không ngừng líu lo để giữ liên lạc.

Tôi lần theo tiếng nước róc rách và tìm ngay ra con suối ở gần đấy. Ở một chỗ, giữa những tảng đá quây tròn, nước tràn vào thành vũng, xoáy tít từng vòng trước khi ào ra trở lại dòng chính. Nước suối trong và đẹp. Tôi lấy tay vốc, uống thử - mát tuyệt - rồi thả tay xuống dòng nước chảy xiết.

Trở về lều, tôi rán giăm bông với trứng trong chảo, nướng bánh bằng vỉ sắt và đun sữa trong xoong. Ăn xong, tôi kéo ghế ra ngoài hiên, gác chân lên lan can, đọc cả buổi sáng. Tủ sách của Oshima đầy ự sách - hàng mấy trăm quyển. Chủ yếu là sách kinh điển, chỉ có một số tiểu thuyết. Phần lớn là sách về triết học, xã hội học, lịch sử, địa lý, khoa học tự nhiên, kinh tế học - rất nhiều đề tài, đủ mọi lĩnh vực. Oshima đã nói là anh ấy theo học ở trường chẳng được mấy, cho nên đây hẳn là cách anh ấy tự trau dồi văn hóa.

Tôi lấy một cuốn về vụ án Adolf Eichmann. Tôi mang máng biết hắn là một tên Đức quốc xã tội phạm chiến tranh, nhưng không đặc biệt quan tâm đến hắn. Cuốn sách chỉ tình cờ bắt mắt tôi, vậy thôi. Tôi bắt đầu đọc và được biết tên trung tá SS có đầu óc cực kỳ thực tế, đeo cặp kính gọng kim loại và mái tóc lưa thưa này, ngay sau khi chiến tranh bùng nổ đã được tổng hành dinh Đức quốc xã giao cho thiết kế một "giải pháp cuối cùng" dành cho dân Do Thái - có nghĩa là hủy diệt. Và hắn đã nghiên cứu cách tốt nhất để thực hiện "giải pháp" này. Rõ ràng hắn chẳng mấy bận tâm đến vấn đề đạo lý của công việc hắn

làm. Điều duy nhất hắn quan tâm là làm sao để thực hiện tốt nhất, nhanh nhất và đỡ tốn kém nhất việc thủ tiêu những người Do Thái. Theo tính toán của hắn, thì số người Do Thái ở châu Âu cần xóa sổ lên tới khoảng mười một triệu[3].

Eichmann nghiên cứu xem có thể lèn bao nhiêu người Do Thái vào một toa xe lửa, bao nhiêu phần trăm có thể chết vì những nguyên nhân "tự nhiên" trong khi vận chuyển, số nhân viên tối thiểu cần thiết để tiến hành nhiệm vụ này, phương pháp rẻ nhất để tiêu hủy các xác chết - hỏa thiêu, hay chôn, hay hòa tan bằng hóa chất. Ngồi ở bàn giấy, Eichmann suy đi tính lại tất cả những con số ấy. Một khi hắn đưa vào thực thi, mọi sự đều diễn ra đúng như kế hoạch. Trước khi chiến tranh kết thúc, sáu triệu người Do Thái (hơn một nửa chỉ tiêu hắn đề ra) đã bị thủ tiêu. Kỳ lạ thay, hắn không hề cảm thấy ăn năn. Ngồi sau tấm kính chống đạn, giữa tòa án Tel Aviv, Eichmann có vẻ hết sức ngỡ ngàng không sao hiểu nổi duyên cớ gì mà hắn lại bị đưa ra xét xử, hoặc vì sao toàn thế giới đều chú mục vào hắn. Hắn nhấn đi nhấn lại rằng hắn chỉ là một kỹ thuật viên đã tìm ra giải pháp hiệu quả nhất cho nhiệm vụ hắn được giao. Chẳng phải hắn đã làm đúng những gì mà mọi viên chức tốt đều phải làm đó ư? Vậy tại sao hắn lại bị tách riêng ra để kết tội?

Ngồi trong cánh rừng tĩnh mịch với tiếng chim ríu rít xung quanh, tôi đọc câu chuyện của con người có "đầu óc thực tế" ấy. Ở cuối sách, trên một trang trắng, có một đoạn ghi bằng bút chì của Oshima. Nét chữ anh rất dễ nhận: *Tất cả vấn đề là ở trí tưởng tượng. Trách nhiệm của chúng ta bắt đầu với khả năng tưởng tượng. Đúng như Yeats nói:* Trách nhiệm bắt đầu từ trong mơ. *Đảo ngược lại, ta có thể nói không có khả năng tưởng tượng thì không thể phát sinh trách nhiệm. Đúng như ta thấy ở trường hợp Eichmann.*

Tôi hình dung Oshima ngồi trên chiếc ghế này, tay cầm cây bút chì vót nhọn quen thuộc, ngẫm lại nội dung cuốn sách và ghi cảm tưởng. *Trách nhiệm bắt đầu từ trong mơ.* Câu dẫn thật trúng.

Tôi gấp sách lại, để trên lòng và nghĩ về trách nhiệm của chính mình. Tôi không thể không nghĩ. Chiếc áo phòng trắng của tôi đầm máu tươi. Tôi đã giặt sạch máu bằng đôi bàn tay này, nhiều máu đến nỗi đó cả bồn rửa. Tôi tưởng tượng mình sẽ bị buộc trách nhiệm về sự

đổ máu này. Tôi cố hình dung mình bị xử ở một phiên tòa, những người bên nguyên nằng nặc kết tội tôi, phẫn nộ chỉ mặt tôi và quắc mắt nhìn tôi. Tôi cố cãi rằng không thể buộc trách nhiệm cho một người về một điều mà anh ta không nhớ nổi. Tôi hoàn toàn không biết điều gì đã thực sự xảy ra, tôi nói với họ thế. Nhưng họ vặn lại như thế này: "Ai là người đầu tiên mơ thấy thế, điều đó không quan trọng. Nhưng anh cũng mơ đúng như thế, vậy thì anh phải chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì diễn ra trong giấc mơ ấy. Giấc mơ ấy đã theo hành lang tăm tối của tâm hồn anh mà luồn lách vào trong anh đó."

Hệt như Adolf Eichmann mặc nhiên vướng vào những giấc mơ vĩ cuồng quái đản của một người tên là Hitler vậy.

Tôi đặt sách xuống, đứng dậy vươn vai. Tôi đã đọc khá lâu và cần đứng dậy, đi quanh quanh một chút. Tôi xách cái xô nhôm cạnh bồn rửa ra suối múc nước. Sau đó, tôi ôm một ôm củi từ lán sau vào để cạnh bếp lò.

Ở góc hiên, có một sợi dây nilông để phơi quần áo. Tôi lấy mớ quần áo ẩm trong ba lô ra, vuốt cho phẳng và đem phơi. Tôi lôi tất cả những thứ khác ra khỏi ba lô, rải lên giường rồi ngồi vào bàn ghi nhật ký. Tôi dùng một cái bút ngòi nhỏ ghi lại bằng chữ rất nhỏ tất cả những gì đã xảy đến với tôi trong mấy ngày qua. Tôi không biết liệu mình có thể nhớ mọi chi tiết được bao lâu, cho nên tốt nhất là cứ ghi lại càng sớm càng tốt. Tôi lục soát trí nhớ. Nào là tôi đã bất tỉnh rồi tỉnh lại trong rừng đằng sau một miếu thờ như thế nào. Đêm tối và cái áo phông đẫm máu. Nào là gọi điện cho Sakura, qua đêm ở chỗ cô, trò chuyện với nhau, và cô làm *cái ấy* cho tôi như thế nào.

**Cô ấy nói: Mình không hiểu đấy. Cậu không việc gì phải nói với mình điều ấy. Tại sao cậu không mặc nhiên tưởng tượng cái gì cậu thích? Cậu không cần phải xin phép mình. Làm sao mình có thể biết được cái gì đang ở trong đầu cậu?**

Nhưng cô ấy hiểu trật. Điều tôi tưởng tượng có thể *là* rất quan trọng. Vô cùng quan trọng trên đời.

Chiều hôm ấy, tôi quyết đi vào rừng. Oshima bảo đi quá sâu vào trong rừng là nguy hiểm. *Phải giữ sao cho căn lều bao giờ cũng ở trong tầm nhìn,*

anh ấy dặn tôi thế. Nhưng có lẽ tôi sẽ ở đây dăm bảy ngày, vậy tôi nên biết đôi chút về bức-tường-rừng-cây đồ sộ bao quanh tôi chứ. Tôi nghĩ biết một chút còn hơn không biết gì. Hai tay không, tôi chào tạm biệt quãng trống tươi nắng và dấn bước vào rừng rậm âm u.

Có một con đường mòn thô sơ tạo nên bởi bước chân người xuyên rừng, phần lớn nương theo địa hình, nhưng đây đó có lát những phiến đá phẳng cho dễ đi. Những chỗ bị xói mòn được gia cố bằng ván gỗ, nên ngay cả nếu cỏ dại mọc tràn lấn, vẫn không mất dấu con đường. Có lẽ anh trai của Oshima đã sửa sang dần con đường ngày một ngày hai, mỗi lần anh ấy lưu lại đây. Tôi theo con đường này vào rừng, thoạt đầu lên dốc rồi xuôi xuống, lượn vòng một khối đá cao trước khi lại đi lên. Nói chung, đa phần là đi lên nhưng không đến nỗi dốc lắm. Hai bên là những cây cao thân xỉn với những cành to chĩa khắp ngả và vòm lá dày xòe tán trên đầu. Phía dưới, đám cây bụi và dương xỉ ráng hết sức hấp thụ những tia nắng lọt xuống, được chừng nào hay chừng nấy. Ở những chỗ mặt trời không rọi đến, rêu lặng lẽ phủ đầy những tảng đá.

Như một người kể chuyện thoạt đầu thì hào hứng, rồi bí lời đâm ấp úng, con đường cứ hẹp dần khi tôi đi sâu thêm, nhường chỗ cho cây bụi lấn chiếm. Đến một quãng nào đó, thật khó mà nói đó có phải là một con đường đích thực hay chỉ là một cái gì giống giống một con đường. Cuối cùng, nó ngập chìm trong một biển cả dương xỉ. Có thể nó vẫn còn tiếp nối, nhưng tôi quyết định dành phần hai cuộc thám hiểm đến lần sau. Tôi hiện không mang trên mình loại quần áo thích hợp và chưa chuẩn bị đầy đủ để đi xa hơn.

Tôi dừng lại và quay đằng sau. Đột nhiên, mọi thứ trở nên xa lạ, không còn gì quen thuộc cho tôi bám vào nữa. Một đám nhằng nhịt những thân cây đầy đe dọa bịt kín tầm nhìn. Xung quanh mờ tối, không khí đẫm một màu xanh lục tù đọng, không một tiếng chim hót.

Tôi bỗng sởn da gà khắp người. Nhưng không việc gì mà sợ, tôi tự nhủ. Con đường ngay ở chỗ kia mà. Chừng nào tôi còn thấy nó, tôi vẫn có thể trở về với ánh sáng. Dán mắt xuống đất, tôi thận trọng dò từng bước lần theo lối cũ và sau một thời gian dài gấp bội thời gian bỏ ra để đi tới đây, cuối cùng, tôi mò được về tới trước căn lều. Khoảng trống đầy ánh nắng rực rỡ đầu hè, đầy tiếng chim lảnh lót gọi nhau đi tìm

mồi. Mọi thứ đều y nguyên như khi tôi đi, ít nhất tôi cũng *nghĩ* là thế. Chiếc ghế tôi ngồi trước đó vẫn ở ngoài hiên. Cuốn sách tôi đọc dở vẫn úp sấp trên đó như tôi đã để nó thế.

Giờ thì tôi biết đích xác khu rừng này có thể nguy hiểm đến mức nào. Và tôi hy vọng mình sẽ không bao giờ quên điều đó. Đúng như gã thanh niên tên là Quạ đã nói, thế giới này đầy những thứ mà tôi không biết rõ. Chẳng hạn, tất cả những cây cối ở đây. Tôi không bao giờ tưởng tượng được là lại có những loại cây kỳ quái, dễ sợ đến thế. Tôi muốn nói, cho đến nay, những cây duy nhất tôi đã thấy tận mắt, sờ tận tay đều là loại cây thành phố, được chăm sóc và tỉa gọn ghẽ, mượt mà. Nhưng cây ở đây - những cái cây *sống* ở đây - thì hoàn toàn khác. Chúng có sức mạnh vật thể, hơi thở của chúng làm trầy da bất cứ người nào tình cờ đi ngang, tia nhìn của chúng chĩa vào kẻ đột nhập như thể phát hiện thấy con mồi. Tựa hồ chúng có những sức mạnh tiền sử thần bí, đen tối. Giống như những sinh vật ở đáy sâu biển cả ngự trị đại dương, trong rừng, cây là thống soái. Nếu rừng muốn, nó có thể vứt bỏ tôi, hoặc nuốt chửng tôi gọn một miếng. Tốt nhất là nên biết kính sợ nó.

Tôi trở về lều, lấy chiếc la bàn trong ba lô ra, kiểm tra cho chắc là kim vẫn chỉ đúng hướng Bắc. Tôi bỏ nó vào túi phòng khi cần đến là có ngay. Tôi ra hiên ngồi, nhìn rừng cây, nghe Cream và Duke Ellington qua chiếc Walkman, những ca khúc tôi ghi lại từ một bộ đĩa CD của thư viện. Tôi nghe đi nghe lại bài *Crossroads* mấy lần. Âm nhạc làm tôi nguôi dịu, nhưng tôi không thể nghe thật lâu: ở đây không có điện, chả cách nào sạc pin được, nên khi nào pin dự trữ cạn thì âm nhạc cũng tắt luôn.

Tôi tập một chút trước khi ăn tối. Hít đất, nhún, ngồi dậy từ tư thế nằm, trồng cây chuối, mấy loại bài tập vươn duỗi khác nhau để giữ phom mà không cần máy móc hoặc thiết bị. Kể cũng chán, tôi công nhận, nhưng giữ được nếp tập luyện nghiêm chỉnh. Một huấn luyện viên ở phòng tập thể dục đã dạy tôi cách tập ấy. "Tù nhân biệt giam thích nhất kiểu tập này," ông ta giải thích, gọi đó là "cách tập luyện cô đơn nhất thế giới." Tôi tập trung vào điều mình đang làm, tập quay vòng mấy đợt cho đến khi áo sơ mi ướt đẫm mồ hôi.

Sau một bữa tối đơn giản, tôi ra hiên, nhìn lên bầu trời lấp lánh sao - hàng triệu ngôi sao vãi tung tóe. Ngay cả trong một cung thiên văn, cũng không có nhiều sao như thế. Một số ngôi nom thật to và rõ, tưởng như nếu với hết tầm tay sẽ chạm tới được. Quang cảnh đẹp đến nao lòng.

Không chỉ đẹp mà thôi, những ngôi sao còn sống động và thở dạt dào như đám cây trong rừng. Và chúng đang quan sát tôi. Những gì tôi đã làm cho tới nay, những gì tôi sắp làm, chúng biết tất. Không gì lọt khỏi con mắt cảnh giác của chúng. Trong khi tôi ngồi đó, dưới trời đêm lung linh, một nỗi sợ mãnh liệt lại xâm chiếm tôi. Tim tôi đập với tốc độ một dặm/phút và tôi hầu như không thở được. Tất cả bao nhiêu triệu ngôi sao kia đều đang nhìn xuống tôi, vậy mà trước nay, tôi chưa bao giờ dành cho chúng nhiều hơn một ý nghĩ thoáng qua. Không chỉ các ngôi sao, còn biết bao thứ khác trên đời tôi không để ý tới, không mảy may biết đến? Đột nhiên tôi cảm thấy đơn côi, hoàn toàn bất lực. Và tôi biết mình sẽ không bao giờ thoát được cái cảm giác sợ hãi ấy.

Trở vào trong lều, tôi xếp củi vào lò rất cẩn thận, vo tròn mấy tờ báo cũ, nhóm lò và kiểm tra cho chắc là củi đã bén lửa. Hồi ở trường tiểu học, tôi đã đi trại hè và học được cách nhóm lửa. Tôi ghét cái trại hè ấy, nhưng tôi nghĩ ít nhất nó cũng mang lại một điều tốt. Tôi mở tấm chắn gió cho khói thoát ra. Lúc đầu chỉ lom dom, nhưng khi một thanh củi bắt lửa, nó lan nhanh sang các thanh khác. Tôi đóng cửa lò, kéo một chiếc ghế đến trước lò, đặt một cây đèn bên cạnh và đọc tiếp cuốn sách về Eichmann. Khi lửa bốc to dần, tôi đặt một siêu nước lên và một lúc sau, nước bắt đầu reo vui.

Trở lại câu chuyện của Eichmann. Dĩ nhiên, dự án của hắn không phải bao giờ cũng tiến triển đúng như kế hoạch. Điều kiện ở các địa điểm làm chậm công việc. Khi điều đó xảy ra, hắn đã phản ứng như một con người, ít nhất là hơi giống con người: hắn nổi cáu. Hắn điên tiết với những yếu tố bất trắc đã làm đảo lộn giải pháp tuyệt vời của hắn. Xe lửa chạy chậm rì rì. Tệ quan liêu bàn giấy cản trở tiến độ. Có những thay thế trong đám phụ trách và quan hệ với những người kế nhiệm không tốt. Sau khi mặt trận phía Đông bị vỡ, bọn lính gác ở các trại tập trung bị điều đi chiến đấu. Tuyết rơi đầy trời. Điện bị cúp. Hơi độc

không đủ. Đường sắt bị oanh tạc. Eichmann ghét chính chiến tranh - cái yếu tố bất trắc đã làm hỏng kế hoạch của hắn.

Tại phiên tòa xử hắn, Eichmann mô tả mọi tình huống đó, mặt trơ trơ không mảy may xúc động. Trí nhớ của hắn thật đáng kinh ngạc. Cuộc đời hắn hoàn toàn được tạo nên bởi những chi tiết thực dụng đó.

Đến mười giờ, tôi đặt sách xuống, đi rửa mặt, đánh răng. Lửa bếp lò nhuộm căn phòng một ánh da cam và hơi ấm dễ chịu đã làm nguôi dịu nỗi sợ và căng thẳng của tôi. Tôi chui vào túi ngủ, mặc độc chiếc áo phông và quần đùi. So với đêm qua, tôi nhắm mắt tương đối dễ dàng. Tôi thoáng nghĩ đến Sakura.

"Mình đang nghĩ, giá mình là chị gái cậu thì hay biết mấy," cô ấy đã nói thế.

Thôi, đêm nay không nghĩ lung tung nữa. Phải ngủ cho sâu. Một thanh củi đổ rụi trong lò, một con cú rúc bên ngoài. Và tôi rơi vào một giấc mộng mông lung.

Ngày hôm sau cũng như thế. Chim chóc đánh thức tôi dậy sau sáu giờ một chút. Tôi đun nước, pha một tách trà và ăn điểm tâm. Ngồi đọc ngoài hiên, nghe nhạc, xách xô ra suối múc nước. Và đi vào rừng, lần này mang theo la bàn, chốc chốc lại giở ra xem để xác định vị trí của căn lều. Tôi tìm thấy một cái rìu trong lán và dùng nó để đánh dấu vào thân cây, đồng thời phạt bớt bụi rậm ven đường cho dễ đi.

Cũng như hôm qua, rừng vẫn âm u và sâu thẳm, những cây cao vòi vọi hợp thành hai bức tường dày ven đường. Tôi cảm thấy một cái gì lẩn khuất giữa đám cây rừng như hình một con vật trong phim nổi, đang quan sát từng cử động của tôi. Nhưng nỗi sợ đã làm tôi rùng mình giờ không còn nữa. Tôi đã tự đặt ra cho mình những quy tắc và một khi tuân thủ những quy tắc đó, tôi sẽ không bị lạc. Ít nhất thì, tôi cũng hy vọng thế.

Tôi đến chỗ đã dừng lại hôm qua và dấn tới nữa, bước vào cả một biển dương xỉ. Sau một thôi dài, con đường lại hiện ra. Một lần nữa, tôi lại bị bao quanh bởi bức tường cây. Tôi tiếp tục đẵn vào thân cây để đánh dấu. Đâu đó, ở một cành cao trên đầu tôi, một con chim lớn vỗ cánh, nhưng khi nhìn lên thì tôi không thấy nó. Miệng tôi khô se lại.

Tôi đi tiếp một thôi nữa và tới một quãng trống tròn tròn với những cây cao quây quanh, nom như đáy một cái giếng khổng lồ. Nắng tuôn xuống qua những cành cây như ánh đèn sân khấu rọi sáng mặt đất dưới chân tôi. Tôi cảm thấy chỗ này khá đặc biệt, theo một cách nào đó. Tôi ngồi xuống dưới ánh nắng, để cho hơi ấm lan tỏa khắp người, lấy trong ba lô ra một thanh sô-cô-la, thưởng thức vị ngọt của nó. Một lần nữa nhận ra ánh mặt trời quan trọng như thế nào đối với con người, tôi trân trọng từng giây của nguồn sáng quý giá đó. Cái cảm giác cô đơn và bất lực cao độ khi nhìn triệu triệu vì sao trên bầu trời đêm qua đã biến mất. Nhưng rồi giờ khắc qua đi, góc chiếu của mặt trời thay đổi và ánh sáng tắt dần. Tôi đứng dậy và trở ngược con đường, về lều.

Đến chiều, những đám mây đen đột ngột nhuộm bầu trời một sắc độ bí ẩn và mưa bắt đầu trút xuống dữ dội, gõ trống trên mái và các ô cửa sổ của căn lều. Tôi cởi quần áo, chạy ra ngoài, lấy xà phòng rửa mặt và xát khắp mình mẩy chân tay. Cảm giác thật tuyệt vời. Trong niềm vui, tôi nhắm mắt lại và la lớn những câu bâng quơ vô nghĩa trong khi những hạt mưa to tướng táp vào má, mí mắt, ngực sườn, dương vật, chân và mông tôi - nhoi nhói đau như một lễ thụ pháp tôn giáo hay một cái gì tương tự. Cùng với cái đau, là một cảm giác thân cận, như thể lần đầu tiên trong đời, tôi được thế giới đối xử một cách thỏa đáng. Tôi cảm thấy phấn khích, như thể đột nhiên được giải phóng. Tôi ngửa mặt lên trời, dang rộng tay, há to miệng hớp ừng ực những hạt mưa đang rơi.

Trở vào lều, tôi lấy khăn lau khô người, ngồi xuống giường và ngắm của quí của mình - một cái dương vật trẻ tráng, lành mạnh, trắng trẻo. Quy đầu còn hơi rát vì mưa táp. Hồi lâu tôi trân trân nhìn cái bộ phận kỳ lạ này của cơ thể tôi: phần lớn thời gian, nó chỉ hoạt động theo ý nó và nuôi những ý nghĩ mà bộ não tôi không chia sẻ.

Tôi tự hỏi không biết Oshima, hồi bằng tuổi tôi và ở đây, có phải đấu tranh với những thèm muốn tình dục hay không. Chắc có, nhưng tôi không hình dung nổi anh ấy tự làm cho mình sướng. Anh ấy tự chủ có thừa, đâu có làm thế

"Mình khác tất cả mọi người," anh ấy nói thế. Tôi không hiểu ý nghĩa cụ thể của câu nói đó, nhưng tôi dám chắc anh ấy không khoa

trương phét lác. Cũng không phải là anh ấy giữ kẽ hay làm ra vẻ bí mật.

Tôi định "xúc lọ" nhưng lại thôi. Trận mưa ào ào quất vào mình mẩy đem lại một cảm giác tinh khiết kỳ lạ mà tôi muốn níu giữ lâu hơn chút nữa. Tôi mặc quần đùi vào, thở mấy hơi thật sâu rồi bắt đầu tập nhún rồi chuyển sang ngồi dậy từ tư thế nằm, mỗi động tác một trăm lần, lần lượt tập trung vào từng nhóm cơ bắp. Tập xong, đầu óc tôi sáng sủa hẳn lên. Mưa đã tạnh, mặt trời bắt đầu lấp lánh qua khoảng trống giữa những đám mây và chim chóc lại bắt đầu líu lo.

**Nhưng sự yên tĩnh này sẽ không kéo dài, cậu biết đấy. Những con thú vẫn truy đuổi cậu khắp nơi, không biết mệt. Tận trong rừng sâu, chúng xổ ra, dai như đỉa, liên tục, tàn bạo, không biết mệt, không bao giờ bỏ cuộc. Có thể bây giờ cậu tự chủ được, không thủ dâm, nhưng rồi chung cuộc, chúng sẽ dụ được cậu dưới hình thức mộng tinh. Cậu sẽ mơ thấy cậu cưỡng hiếp chị gái mình, mẹ mình. Đó là một cái gì cậu không cách chi kiểm soát nổi. Đó là một quyền lực ngoài tầm của cậu, và cậu không thể làm gì khác ngoại trừ chấp nhận nó.**

**Cậu sợ tưởng tượng. Và thậm chí còn sợ chiêm bao hơn. Sợ cái trách nhiệm khởi đầu từ giấc mơ. Nhưng cậu phải ngủ và chiêm bao là một bộ phận của giấc ngủ. Khi tỉnh, cậu có thể dẹp được tưởng tượng. Nhưng cậu không thể dẹp được chiêm bao.**

Tôi nằm xuống giường, và nghe Prince qua tai nghe, tập trung vào chất nhạc trì trục kỳ lạ này. Đến giữa bài *Little Red Corvette* thì hết pin và âm nhạc biến mất như bị bãi sa lầy nuốt chửng. Tôi bỏ tai nghe ra và lắng tai. Và phát hiện ra rằng im lặng là một cái gì ta có thể *nghe thấy* thực sự.

# Chương 16

Con chó đen đứng dậy và dẫn Nakata ra khỏi phòng, theo hành lang tới nhà bếp; ở đây chỉ có một cửa sổ hẹp và tối om. Mặc dù rất sạch và ngăn nắp, nơi này vẫn có một cái gì đơ đơ vô cảm giống như một phòng thí nghiệm khoa học ở nhà trường. Con chó dừng trước một cái tủ lạnh to tướng, quay lại và phóng vào Nakata một tia nhìn lạnh lùng, nhọn như mũi khoan.

Mở cánh cửa bên trái ra, nó ra lệnh bằng một giọng trầm trầm. Nakata biết đó không phải là lời của con chó, mà là Johnnie Walker nói với lão thông qua nó. Nhìn lão bằng đôi mắt nó.

Nakata làm theo lời chỉ bảo. Cái tủ lạnh màu xanh cao quá đầu lão và khi lão mở cánh cửa bên trái, bộ điều nhiệt tự động khởi động đánh thịch một cái, động cơ bắt đầu chạy ro ro. Một làn hơi trăng trắng như sương phả ra. Mé này của tủ lanh là một ngăn đá đặt khá thấp.

Bên trong, xếp gọn một dãy khoảng hai chục vật tròn tròn giống như trái cây. Không có gì khác nữa. Nakata cúi xuống nhìn chăm chăm vào những vật đó. Khi làn hơi tan đi, lão thấy ra đó không phải trái cây, mà là những cái đầu mèo bị chặt. Những cái đầu bị chặt đủ màu, đủ cỡ, xếp trên ba cái giá, như cam ở một quầy bán rau quả. Những cái mặt mèo đông lạnh nhìn thẳng phía trước. Nakata nuốt khan.

**Nhìn cho kỹ đi,** con chó ra lệnh. **Hãy kiểm tra bằng chính mắt mình xem có Goma trong số đó không.**

Nakata làm theo, xem xét lô đầu mèo từng cái một. Lão không cảm thấy sợ, đầu óc chỉ tập trung vào việc tìm con mèo nhỏ mất tích. Nakata thận trọng kiểm tra từng cái đầu, xác định rằng Goma không có trong đám này. Không nghi ngờ gì nữa - không thấy hoa văn mai rùa nào. Những cái mặt mèo lìa khỏi thân có một vẻ trống trơn kỳ lạ, không thấy dấu hiệu nào chứng tỏ chúng đã đau đớn. Ít nhất thì điều đó cũng khiến Nakata thở phào nhẹ nhõm. Một số con nhắm mắt, nhưng phần lớn thao láo nhìn đờ dẫn vào một điểm nào đó trong không gian.

"Lão không thấy Goma ở đây," Nakata nói, giọng dứt khoát. Lão đứng hẳng và đóng cửa tủ lạnh lại.

**Bác có hoàn toàn chắc chắn không?**

"Có, lão chắc chắn."

Con chó đứng dậy và dẫn Nakata trở lại thư phòng. Johnnie Walker vẫn ngồi ở chiếc ghế xoay chờ lão. Khi Nakata bước vào, y đưa tay lên vành mũ ra ý chào và hòa nhã mỉm cười. Rồi y vỗ tay hai cái thật to và con chó ra khỏi phòng.

"Tôi là người đã chặt đầu tất cả lũ mèo ấy," y nói, nhấc ly whisky lên và tợp một ngụm. "Tôi đang làm bộ sưu tập đầu mèo."

"Vậy ra ngài là người bắt mèo ở bãi trống và giết chúng?"

"Đúng thế. Johnnie Walker kẻ giết mèo khét tiếng."

"Nakata này không hiểu rõ lắm, vậy vô phép ngài cho lão hỏi một câu, được không?"

"Xin mời," Johnnie Walker nói, lại nhấc ly rượu lên. "Bác cứ thoải mái hỏi bất cứ câu gì. Tuy nhiên, để tiết kiệm thời gian, nếu bác không phiền, tôi có thể đoán điều đầu tiên bác muốn biết là *tại sao* tôi lại giết tất cả lũ mèo ấy. Tại sao tôi lại sưu tầm đầu mèo. Đúng không?"

"Vâng, đúng thế. Đó là điều Nakata này muốn biết."

Johnnie Walker đặt ly xuống bàn và nhìn thẳng vào mặt Nakata. "Đây là một bí mật rất quan trọng mà tôi không muốn nói cho ai biết. Riêng với bác, bác Nakata, tôi làm một ngoại lệ, nhưng tôi không muốn bác kể lại với ai khác. Vả chăng, nếu bác có nói, cũng chẳng ai tin." Y cười khúc khích.

"Bác nghe đây, tôi giết mèo không chỉ để mua vui. Tôi đâu bệnh hoạn đến mức coi đó là trò vui," y nói tiếp. "Tôi cũng không phải là

một gã amatơ thừa thì giờ. Đi gom lại và giết ngần nấy con mèo tốn nhiều thì giờ và công sức lắm. Tôi giết chúng để gom hồn chúng lại làm thành một loại sáo đặc biệt. Và khi tôi thổi cây sáo ấy, nó sẽ giúp tôi gom được những hồn lớn hơn. Rồi tôi gom những hồn lớn để tạo ra một cây sáo lớn hơn nữa. Có thể cuối cùng, tôi sẽ làm được một cây sáo lớn đến mức ngang tầm vũ trụ. Nhưng đầu tiên hẳng là mèo đã. Gom hồn chúng là điểm xuất phát của toàn bộ dự án này. Mọi việc đều phải tuân theo một trình tự cốt yếu. Làm mọi điều theo đúng trình tự là một cách bày tỏ sự tôn trọng đối với trật tự tự nhiên của vạn vật. Đó là điều cần làm khi xử lý với các linh hồn khác. Những gì tôi phải xử lý ở đây không phải là dứa hay dưa, bác đồng ý không?"

"Vâng," Nakata đáp. Nhưng thực ra, lão chẳng hiểu mô tê gì. Sáo ư? Sáo ngang hay sáo dọc? Nó sẽ phát ra âm thanh như thế nào? Và y nói *hồn* mèo nghĩa là thế nào? Tất cả những cái đó vượt quá năng lực nhận thức của lão. Nhưng có một điều mà Nakata hiểu: đó là phải phát hiện thấy Goma và cứu nó ra khỏi đây.

"Điều bác muốn là mang Goma về nhà," Johnnie Walker nói, như đọc được ý nghĩ của Nakata.

"Đúng thế. Nakata này muốn đưa Goma về nhà nó."

"Đó là sứ mệnh của bác," Johnnie Walker nói. "Chúng ta ai cũng có sứ mệnh phải hoàn thành trong cuộc đời. Cái đó là tự nhiên thôi. Tôi đồ rằng bác chưa bao giờ nghe nói đến một cây sáo làm bằng hồn mèo, phải không?"

"Phải, chưa bao giờ."

"Dĩ nhiên là thế. Bác không thể nghe nó bằng tai được."

"Một cây sáo mà người ta không nghe được?"

"Đúng. Cố nhiên, tôi thì nghe được," Johnnie Walker nói. "Nếu tôi mà không nghe được thì còn ra quái gì nữa. Tuy nhiên, người thường thì không thể nghe ra. Ngay cả nếu họ nghe được thì họ cũng không nhận ra. Có thể trong quá khứ, họ đã nghe thấy, nhưng họ không nhớ nữa. Rành là một cây sáo kỳ lạ. Nhưng, bác Nakata, có thể - tôi nói có thể thôi - bác nghe được nó đấy. Nếu như lúc này, tôi có một cây sáo như thế trong tay, thì ta có thể thử luôn, nhưng tiếc rằng tôi chưa có." Rồi như chợt nhớ ra điều gì, y giơ thẳng một ngón tay lên. "Trên thực tế, tôi đang chuẩn bị chặt

đầu lũ mèo tôi vừa bắt được. Đây là mùa gặt mà. Tôi đã tóm hết những con có thể quây được ở cái bãi trống đó và đã đến lúc tiếp tục. Con mèo mà bác đang tìm, con Goma, ở trong số đó. Dĩ nhiên nếu tôi chặt đầu nó, bác sẽ không thể mang nó về cho nhà Koizumi, phải không nào?"

"Đúng thế," Nakata nói. Lão không thể mang về cho gia đình Koizumi cái đầu bị chặt đứt của Goma. Nếu hai con bé trông thấy, chúng sẽ bỏ ăn cả đời.

"Tôi muốn chặt đầu Goma, nhưng bác thì không muốn điều đó xảy ra. Sứ mệnh và lợi ích của hai chúng ta xung đột nhau. Điều đó luôn luôn xảy ra trên thế gian. Cho nên tôi đề nghị thế này: chúng ta hãy thương lượng. Tôi muốn nói là nếu bác làm cho tôi một việc, tôi sẽ đáp lễ bằng cách trao trả Goma lành lặn nguyên vẹn cho bác."

Nakata đưa tay lên vò mái tóc muối tiêu thật lực, cái động tác quen thuộc của lão khi bối rối. "Điều đó tôi có thể làm được chứ?"

"Tôi nghĩ chuyện này chúng ta đã giải quyết rồi mà," Johnnie Walker nói với một nụ cười giễu cợt.

"Vâng, vâng," Nakata nói, chợt nhớ ra. "Đúng thế. Chúng ta đã giải quyết chuyện này rồi. Lão xin lỗi."

Chúng ta không có nhiều thì giờ, vậy hãy để tôi đi thẳng vào vấn đề, nếu bác không phiền. Việc bác có thể làm cho tôi là *giết tôi*. Nói cách khác là lấy mạng tôi."

Tay vẫn vò đầu, Nakata trân trân nhìn Johnnie Walker hồi lâu. "Ngài muốn Nakata này giết ngài?"

"Chính thế," Johnnie Walker nói. "Tình thật, tôi mệt mỏi và ớn cái cuộc đời này lắm rồi. Tôi đã sống quá, quá lâu rồi. Thậm chí tôi không còn nhớ mình bao nhiêu tuổi nữa. Và tôi cảm thấy không muốn sống thêm nữa. Tôi mệt và chán giết mèo lắm rồi, nhưng chừng nào tôi còn sống, đó là việc tôi phải làm - hạ sát mèo và thu gom hồn chúng. Tiến hành mọi việc theo đúng trình tự, từ bước một đến bước mười, rồi lại quay lại bước một. Một sự lặp đi lặp lại bất tận. Và tôi đã phát ớn! Không ai tôn trọng việc tôi đang làm, nó không làm ai sung sướng. Nhưng tất cả đều đã thiết định, tôi không thể đùng một cái nói thôi và dừng phắt việc mình đang làm. Và tự lấy mạng mình không phải là một phương án. Cái đó cũng đã được quy định. Trong cái cuộc này, có đủ

các thứ lệ luật. Nếu tôi muốn chết, tôi phải nhờ được một người khác giết tôi. Bác chính là người thích hợp. Tôi muốn bác phải sợ tôi, căm ghét tôi ghê gớm, rồi mới hạ sát tôi. Đầu tiên, bác sợ tôi. Rồi bác ghét tôi. Và sau cùng, bác giết tôi."

"Nhưng tại sao... tại sao lại *nhờ* tôi? Nakata này xưa nay chưa từng giết ai bao giờ. Đó không phải là loại công việc phù hợp với lão."

"Tôi biết. Bác chưa bao giờ giết ai và không muốn giết ai. Nhưng hãy nghe tôi nói đây: trong cuộc đời, có những lúc những kiểu lý do như thế là không đủ. Có những tình huống mà người ta bắt cần xét xem anh có phù hợp với công việc trước mắt hay không. Bác cần hiểu điều đó. Chẳng hạn, điều đó thường xảy ra trong chiến tranh. Bác có biết chiến tranh là gì không?"

"Có, lão có biết. Khi Nakata này ra đời thì đang có một cuộc chiến tranh lớn. Lão có nghe nói về cuộc chiến ấy."

"Khi một cuộc chiến tranh nổ ra, người ta buộc phải trở thành lính. Họ mang súng ra tiền tuyến và phải giết những người lính ở phía bên kia. Giết càng nhiều càng tốt. Không ai cần biết anh có thích giết người khác hay không. Đó là việc anh phải làm, thế thôi. Bằng không, *anh sẽ là* kẻ bị giết." Johnnie Walker chĩa ngón tay trỏ vào ngực Nakata. "Đòm!" y nói. "Lịch sử loài người tóm gọn trong một tiếng."

"Có phải ngài Tỉnh trưởng định xung Nakata này vào lính và ra lệnh cho lão giết người không?"

"Phải, đó chính là điều ngài Tỉnh trưởng sẽ làm: ra lệnh cho bác phải giết ai đó."

Nakata suy nghĩ nhưng không thể vỡ lẽ ra tại sao ngài Tỉnh trưởng lại làm thế.

"Bác phải nhìn nhận vấn đề theo cách này: giả sử đây là *chiến tranh*. Bác là một người lính và bác phải làm một quyết định: hoặc là tôi giết lũ mèo, hoặc là bác giết tôi. Một trong hai cách - bác phải lựa chọn ngay lập tức, tại chỗ. Có thể bác cảm thấy đây là một lựa chọn quá quắt, nhưng hãy ngẫm mà xem: mọi lựa chọn chúng ta phải quyết định trong đời đều quá quắt." Johnnie Walker khẽ chạm vào chiếc mũ lụa như để chắc chắn rằng nó vẫn ở đó.

"Điều bù lại duy nhất cho bác ở đây - nếu như quả thật bác cần cái

đó - là việc tôi *muốn* chết. Tôi đã *nhờ* bác giết tôi, cho nên bác khỏi phải chịu lương tâm cắn rứt. Bác làm đúng tâm nguyện của tôi. Không phải như bác giết một người không muốn chết. Thực tế, bác đang làm một điều thiện."

Nakata gạt mấy giọt mồ hôi đọng ở chân tóc. "Nhưng Nakata này không cách nào có thể làm được một việc như thế. Ngay cả nếu ngài bảo lão giết ngài, lão cũng không biết xoay xở ra sao."

"Tôi hiểu," Johnnie Walker nói, vẻ thán phục. "Bác chưa từng giết ai bao giờ, nên bác không biết xoay xở ra sao. Được, vậy thì để tôi bày cho bác nhé. Bí quyết của việc giết ai đó, bác Nakata ạ, là không do dự. Phải tập trung vào định kiến của mình đối với kẻ đó và hành động thật nhanh, đó là phương cách hiệu quả để đạt mục đích. Tôi có một thí dụ tuyệt hảo ở ngay đây. Đối tượng không phải là con người, song nó có thể giúp bác tham khảo."

Johnnie Walker đứng dậy, lấy một cái túi da lớn từ dưới gầm bàn, đặt lên chiếc ghế y vừa ngồi và mở ra. Như thể biểu diễn một trò ảo thuật, y vừa vui vẻ huýt sáo vừa lôi ra một con mèo. Nakata chưa từng thấy nó bao giờ, một con mèo đực vằn xám vừa đến tuổi trưởng thành. Toàn thân nó mềm rũ, nhưng mắt vẫn mở và còn tỉnh. Miệng vẫn huýt sáo theo điệu "Heigh-ho" của bảy chú lùn trong phim *Nàng Bạch Tuyết* của Walt Disney, Johnnie Walker giơ cao con mèo lên như phô một con cá y vừa bắt được.

"Trong cái túi này có năm con mèo, tất cả đều từ cái bãi trống ấy. Một mẻ tươi nguyên, vừa mới cất lưới, có thể nói thế. Tôi đã tiêm cho chúng một liều thuốc gây liệt. Gây liệt chứ không phải gây tê - chúng không ngủ và có thể cảm thấy đau, nhưng cả bốn chân lẫn đầu đều không cử động được. Tôi làm thế để giữ cho chúng khỏi giãy giụa. Điều tôi sắp làm là lấy dao rạch ngực con mèo này, moi quả tim còn đập của nó và chặt đầu nó. Ngay trước mắt bác. Nó sẽ đổ rất nhiều máu và sẽ đau đớn kinh khủng. Bác thử tưởng tượng xem nếu ai đó rạch ngực, moi tim *bác* thì sẽ đau biết chừng nào. Với mèo cũng thế - tất phải đau thôi. Tôi ái ngại cho những con vật bé bỏng tội nghiệp. Tôi không phải là một tên bạo tàn hung ác, lạnh lùng, nhưng tôi không thể làm khác được. Cần phải có sự đau đớn. Đó là quy tắc. Ở đây, chỗ nào cũng đầy

quy tắc. "Y nháy mắt với Nakata". Công việc là công việc. Mỗi người phải hoàn thành sứ mệnh của mình. Tôi sắp giết lần lượt từng con một và kết thúc bằng con Goma. Cho nên bác còn thì giờ để quyết định xem mình nên làm gì. Hãy nhớ lấy: hoặc là tôi giết lũ mèo, hoặc là bác giết tôi. Không có lựa chọn nào khác."

Johnnie Walker đặt con mèo mềm nhũn lên mặt bàn, mở một ngăn kéo và bằng cả hai tay, lôi ra một gói to tướng màu đen. Y mở gói và bày những thứ trong đó lên bàn - một cái cưa điện nhỏ, dao mổ các cỡ và một con dao phay rất to, tất cả đều bóng loáng như vừa mới mài. Trong khi xếp chúng thành một hàng trên mặt bàn, Johnnie Walker âu yếm ướm thử độ sắc của từng lưỡi dao. Tiếp đó, y lấy mấy cái khay kim loại từ một ngăn kéo khác và cũng bày lên bàn. Rồi đến một cái túi plastic lớn từ một ngăn kéo thứ ba. Trong cả thời gian đó, vẫn huýt gió điệu "Heigh-ho".

"Như tôi đã nói, bác Nakata ạ, mọi sự đều phải có quy củ," Johnnie Walker nói. "Không thể nhìn quá xa về phía trước. Nếu nhìn quá xa, anh sẽ bỏ lãng cái trước mắt và sẽ vấp. Xin lưu ý, tôi không nói là chỉ nên tập trung vào những chi tiết trước mắt. Phải nhìn xa hơn cái trước mắt một chút, kẻo sẽ đâm sầm vào một cái gì. Phải theo đúng trình tự đồng thời để mắt tới những gì ở phía trước. Đó là điều cốt tử, bất kể anh làm việc gì."

Johnnie Walker him mắt lại và khẽ vuốt đầu con mèo. Y lướt đầu ngón trỏ dọc theo bụng con vật, rồi dùng tay phải cầm lấy một con dao mổ và, không hề báo trước, rạch một nhát thẳng giữa bụng. Tất cả diễn ra trong một khoảnh khắc. Bụng mở toang và ruột đỏ quạch phòi ra. Con mèo cố kêu nhưng hầu như không ra tiếng. Lưỡi nó liệt cứng và miệng hầu như không há ra được. Nhưng đôi mắt lộn tròng của nó đủ nói lên nỗi đau khủng khiếp. Và Nakata có thể hình dung được nó đau đớn biết nhường nào. Lát sau, máu ộc ra, ướt đẫm hai tay Johnnie Walker và ròng ròng trên áo gi-lê của y. Vậy mà y không hề để ý; miệng vẫn huýt sáo điệu "Heigh-ho", y thọc tay vào bụng con vật, và với một con dao mổ cỡ nhỏ, cắt rời quả tim bé xíu.

Y đặt cái cục máu me ấy lên lòng bàn tay và chìa cho Nakata xem. "Nhìn thử coi. Nó còn đập đấy."

Rồi như thể đó là điều tự nhiên nhất trên đời, y bỏ tọt trái tim mèo vào mồm và lặng lẽ nhai, ung dung tận hưởng vị của nó. Mắt y long lanh như một đứa trẻ đang khoan khoái ăn một cái bánh gatô mới ra lò.

Y lấy mu bàn tay chùi máu ở mồm và liếm môi liếm mép thật sạch. "Tươi, nóng và vào trong miệng vẫn còn đập".

Nakata trố mắt nhìn cảnh diễn ra trước mặt, không nói nên lời. Lão không thể ngoảnh đi được. Mùi máu tươi tràn ngập phòng.

Vẫn huýt gió tiếp điệu nhạc vui, Johnnie Walker bắt đầu cưa đầu con mèo. Hàng răng cưa nghiến vào xương ken két đến đứt rời. Động tác của y có vẻ rất chuyên nghiệp. Xương cổ không dày lắm, nên toàn bộ công việc kết thúc nhanh chóng. Nhưng cái tiếng ken két kia nghe nặng nề lạ lùng. Johnnie Walker âu yếm đặt cái đầu vừa cưa đứt lên một chiếc khay kim loại. Như thể đang thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật, y nheo mắt đăm đăm nhìn. Y ngừng huýt sáo một giây, lấy móng tay nậy một mảnh nhỏ giắt trong kẽ răng, rồi lại bỏ vào mồm và nhấm nháp ngon lành trước khi nuốt gọn, rồi chép môi một cách thỏa mãn. Sau đó, y mở cái túi plastic đen, quẳng cái xác mèo vào như thể vứt mớ giấy lộn vào sọt rác.

"Xong một con," Johnnie Walker vừa nói vừa xòe hai bàn tay đầy máu ra trước mặt Nakata. "Một công việc thổ tả, bác có nghĩ thế không? Được quả tim tươi giãy đành đạch kể cũng khoái khẩu, nhưng xem này, bao nhiêu là máu... *Không, bàn tay này có thể làm hồng ngàn con sóng biển, nhuộm đỏ đại dương xanh.* Đó là một câu trong vở kịch Macbeth. Đây không đến nỗi không tẩy sạch được như bàn tay Macbeth, nhưng tổng số hóa đơn tẩy khô tôi phải thanh toán lên đến mức bác không tin được đâu. Xét cho cùng, đây là một bộ đồ đặc biệt. Lẽ ra tôi nên mặc blouse và găng tay mổ, nhưng tôi không được phép. Đó lại là một quy tắc nữa."

Nakata không nói gì, tuy nhiên, một cái gì đó bắt đầu ngọ nguậy trong đầu lão. Căn phòng tanh nồng mùi máu, và âm điệu của bài "Heigh-ho" vẫn vang vang trong tai lão.

Johnnie Walker lôi con mèo tiếp theo ra khỏi túi, một con cái lông trắng không còn trẻ lắm, chóp đuôi hơi vẹo. Cũng như lần trước, y vuốt đầu con mèo một lúc, rồi ung dung vạch ướm một đường kẻ vô hình

trên bụng nó. Rồi cầm một con dao mổ và lại rạch nhanh một vệt, mở toang ngực nó ra. Phần còn lại cũng y như với con trước - tiếng kêu thét câm lặng, cái thân co giật, ruột phòi ra, moi quả tim nhầy nhụa máu, phô với Nakata, bỏ tọt vào mồm, thong thả nhai. Nụ cười thỏa mãn. Lấy mu bàn tay quệt máu. Tất cả với tiếng huýt gió điệu "Heigh-ho" làm nhạc nền.

Nakata ngồi thụt hẳn vào chiếc ghế bành và nhắm mắt lại, hai tay ôm đầu, những đầu ngón tay ấn sâu vào thái dương. Rành là một cái gì đang dâng lên bên trong lão, một thứ hỗn loạn khủng khiếp đang làm thay đổi chính bản thể của lão. Lão thở gấp, và một cơn đau nhói giần giật trong cổ lão. Con mắt nhìn của lão đang thay đổi quyết liệt.

"Bác Nakata," Johnnie Walker tươi tỉnh nói, "chớ vội bỏ cuộc như thế. Giờ mới sắp tới phần chính. Kia mới chỉ là màn dạo đầu, một bước khởi động thôi. Giờ chúng ta sẽ đến với những gương mặt quen thuộc mà bác từng biết. Cho nên bác hãy mở to mắt mà nhìn cho kỹ. Đây là đoạn hay ho nhất! Tôi hy vọng bác sẽ đánh giá được những cố gắng cật lực của tôi để mang lại cho bác cuộc tiêu khiển này."

Huýt gió tiếp bài "Heigh-ho", y lôi con mèo tiếp theo ra. Ngồi lút trong chiếc ghế bành, Nakata mở mắt ra nhìn nạn nhân sắp tới. Đầu lão trống trơn hoàn toàn. Thậm chí lão không đứng dậy nổi.

"Tôi tin rằng hai bên đã biết nhau," Johnnie Walker nói, "tuy nhiên tôi vẫn xin làm nhiệm vụ giới thiệu. Bác Nakata, đây là cậu Kawamura. Cậu Kawamura, bác Nakata," Johnnie Walker ngả mũ với một dáng điệu rất kịch, thoạt tiên chào Nakata, rồi đến con mèo bị tiêm thuốc liệt.

"Giờ hai bên đã chào hỏi nhau rồi, tôi e rằng chúng ta lại phải nói lời vĩnh biệt ngay tức khắc. Gặp mặt, phân ly! Đời người là những cuộc phân ly dài dài, như những cánh hoa tung tóe trong gió. (Y mơn man cái bụng mềm mềm của Kawamura). Bác Nakata, nếu bác muốn chặn tôi lại thì bây giờ là đúng lúc đấy. Thời gian đang trôi và tôi sẽ không do dự đâu. Trong từ điển của Johnnie Walker Kẻ-Giết-Mèo khét tiếng, không có từ *do dự* đâu."

Và quả vậy, không mảy may do dự, y rạch toang bụng Kawamura. Lần này, có thể nghe thấy tiếng kêu. Có lẽ lưỡi của nó chưa liệt hoàn

toàn hoặc giả đó là một thứ tiếng kêu đặc biệt mà chỉ Nakata nghe thấy được. Một tiếng kêu ghê rợn lạnh sống lưng. Nakata nhắm mắt lại và đưa hai tay lên ôm mái đầu run rẩy.

"Bác phải nhìn!" Johnnie Walker ra lệnh. "Đó lại là một quy tắc nữa của chúng tôi. Nhắm mắt lại cũng chẳng thay đổi được gì. Chẳng có gì biến đi chỉ vì anh không nhìn thấy những gì đang diễn ra. Trên thực tế, tình hình thậm chí sẽ còn xấu đi khi anh mở mắt trở lại. Chúng ta đang sống trong một thế giới như thế đó, bác Nakata ạ. Hãy mở to mắt ra. Chỉ có ké hèn nhát mới nhắm mắt lại. Nhắm mắt, bịt tai đâu có làm cho thời gian ngừng lại được."

Nakata làm theo lời chỉ bảo và mở mắt ra.

Một khi đã chắc chắn là Nakata đang mở mắt, Johnnie Walker bèn trình diễn tiết mục ăn tim Kawamura, nhai thủng thẳng hơn lần trước để thưởng thức. "Vừa mềm vừa ấm. Y như món gan lươn ấy," Johnnie Walker bình luận. Rồi y đưa một ngón tay trỏ đẫm máu lên miệng mút chùn chụt. "Khi đã phải mùi rồi, sẽ đâm nghiện. Nhất là cái chất máu lầy nhầy ấy."

Y chùi máu ở dao mổ, vẫn vui vẻ huýt gió như mọi khi và cưa đầu Kawamura. Những răng nhỏ sắc của lưỡi cưa nghiến qua xương và máu tràn khắp.

"Ngài Johnnie Walker, lão xin ngài, Nakata này không chịu đựng được nữa."

Johnnie Walker ngừng huýt sáo, ngừng công việc đang làm và gãi dái tai. "Thế này thì không ổn rồi, bác Nakata. Tôi rất tiếc là bác cảm thấy khó ở, thành thực rất tiếc, nhưng tôi không thể đơn giản nói *Thôi được* và ách chuyện này lại. Tôi đã nói với bác đây là chiến tranh mà. Thật rất khó mà ách một cuộc *chiến tranh* lại một khi nó đã bắt đầu. Một khi gươm đã rút ra khỏi vỏ thì máu phải đổ. Chuyện này hoàn toàn không liên quan gì với lý thuyết, hay với lôgích, hay thậm chí với cái tôi của tôi. Đó chỉ thuần túy là một quy tắc. Nếu bác không muốn con mèo nào bị giết nữa, thì bác phải giết tôi. Hãy đứng dậy, tập trung chí căm thù của bác và hạ thủ tôi. Và phải làm *ngay lập tức*. Hãy làm thế và mọi chuyện sẽ kết thúc. Chấm hết."

Johnnie Walker lại bắt đầu huýt sáo. Y cưa nốt đầu Kawamura và

toàn hoặc giả đó là một thứ tiếng kêu đặc biệt mà chỉ Nakata nghe thấy được. Một tiếng kêu ghê rợn lạnh sống lưng. Nakata nhắm mắt lại và đưa hai tay lên ôm mái đầu run rẩy.

"Bác phải nhìn!" Johnnie Walker ra lệnh. "Đó lại là một quy tắc nữa của chúng tôi. Nhắm mắt lại cũng chẳng thay đổi được gì. Chẳng có gì biến đi chỉ vì anh không nhìn thấy những gì đang diễn ra. Trên thực tế, tình hình thậm chí sẽ còn xấu đi khi anh mở mắt trở lại. Chúng ta đang sống trong một thế giới như thế đó, bác Nakata ạ. Hãy mở to mắt ra. Chỉ có kẻ hèn nhát mới nhắm mắt lại. Nhắm mắt, bịt tai đâu có làm cho thời gian ngừng lại được."

Nakata làm theo lời chỉ bảo và mở mắt ra.

Một khi đã chắc chắn là Nakata đang mở mắt, Johnnie Walker bèn trình diễn tiết mục ăn tim Kawamura, nhai thủng thẳng hơn lần trước để thưởng thức. "Vừa mềm vừa ấm. Y như món gan lươn ấy," Johnnie Walker bình luận. Rồi y đưa một ngón tay trỏ đẫm máu lên miệng mút chùn chụt. "Khi đã phải mùi rồi, sẽ đâm nghiện. Nhất là cái chất máu lầy nhầy ấy."

Y chùi máu ở dao mổ, vẫn vui vẻ huýt gió như mọi khi và cưa đầu Kawamura. Những răng nhỏ sắc của lưỡi cưa nghiến qua xương và máu tràn khắp.

"Ngài Johnnie Walker, lão xin ngài, Nakata này không chịu đựng được nữa."

Johnnie Walker ngừng huýt sáo, ngừng công việc đang làm và gãi dái tai. "Thế này thì không ổn rồi, bác Nakata. Tôi rất tiếc là bác cảm thấy khó ở, thành thực rất tiếc, nhưng tôi không thể đơn giản nói *Thôi được* và ách chuyện này lại. Tôi đã nói với bác đây là chiến tranh mà. Thật rất khó mà ách một cuộc *chiến tranh* lại một khi nó đã bắt đầu. Một khi gươm đã rút ra khỏi vỏ thì máu phải đổ. Chuyện này hoàn toàn không liên quan gì với lý thuyết, hay với lôgích, hay thậm chí với cái tôi của tôi. Đó chỉ thuần túy là một quy tắc. Nếu bác không muốn con mèo nào bị giết nữa, thì bác phải giết tôi. Hãy đứng dậy, tập trung chí căm thù của bác và hạ thủ tôi. Và phải làm *ngay lập tức*. Hãy làm thế và mọi chuyện sẽ kết thúc. Chấm hết."

Johnnie Walker lại bắt đầu huýt sáo. Y cưa nốt đầu Kawamura và

vứt cái xác không đầu vào túi rác. Giờ đây, đã có ba cái đầu xếp thẳng hàng trên chiếc khay kim loại. Chúng đã đau đớn đến thế mà mặt chúng vẫn vô cảm lạ lùng, y hệt những cái đầu xếp trong tủ lạnh.

"Sau đây đến lượt con mèo Xiêm," Johnnie Walker vừa nói vừa lôi từ trong túi ra một con mèo Xiêm người mềm nhũn. Tất nhiên đó chính là Mimi. "Vậy bây giờ ta đến với *Mi Chiamano Mimi* (Người ta gọi tôi là Mimi). Vở nhạc kịch của Puccini. Quả thực con mèo nhỏ này có cái vẻ đỏm dáng sang trọng ấy, phải không? Bản thân tôi là người cực kỳ hâm mộ Puccini. Âm nhạc của Puccini là... tôi nên nói thế nào nhỉ?... vĩnh viễn mâu thuẫn với thời đại. Người ta có thể cãi lại rằng đó chỉ đơn thuần là giải trí bình dân, nhưng nó không bao giờ già cỗi. Một thành quả nghệ thuật tuyệt vời."

Y huýt sáo một nét giai điệu trong *Mi Chianamo Mimi*.

"Nhưng, bác Nakata này, tôi phải nói với bác là tôi phải rất kỳ công mới bắt được Mimi đấy. Nó rất thông minh và thận trọng và nhanh cực kỳ. Không thuộc loại dễ lừa. Một vị khách hàng khó chơi. Nhưng con mèo có thể thoát khỏi tay Johnnie Walker Kẻ-Bắt-Mèo vô song chưa sinh ra đời. Tôi nói vậy không phải để khoe khoang đâu. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh là bắt nó khó khăn biết nhường nào. Dù sao đi nữa, *voilà*(*)! cô bạn Mimi của bác! Mèo Xiêm là loại cực kỳ ưa thích của tôi. Bác không biết, chứ tim mèo Xiêm thực sự là một của quý. Tựa như nấm hương vậy. Hảo, hảo, tiểu thư Mimi! Đừng sợ - Johnnie Walker đây! Sẵn sàng thưởng thức trái tim ấm ấm xinh xẻo của tiểu thư. A... tiểu thư đang run này!"

"Ngài Johnnie Walker." Thu hết nghị lực từ đáy lòng mình, Nakata bật ra được mấy tiếng đó bằng một giọng nhỏ bặt. "Tôi xin ngài hãy dừng lại. Nếu không, Nakata này sẽ điên mất. Lão cảm thấy không còn là mình nữa."

Johnnie Walker đặt Mimi lên bàn và như mọi lần, từ từ lướt ngón tay dọc theo bụng nó. "Vậy bác không còn là bác nữa," y nói, thận trọng và bình tĩnh. "Điều này rất quan trọng đấy, bác Nakata ạ. Một con người không còn là mình nữa." Y cầm lên một con dao mổ y chưa dùng tới và

* Tiếng Pháp trong nguyên bản: này đây.

lấy đầu ngón tay kiểm tra độ sắc của nó. Rồi, như để thực tập, y liếc liếc lưỡi dao trên mu bàn tay. Một lát sau, máu rỉ ra, nhỏ giọt xuống bàn và mình Mimi. Johnnie Walker cười rinh rích. "Một con người không còn là mình nữa," y nhắc lại. "Bác không còn là bác nữa. Thế là đúng sách đấy, bác Nakata ạ. Tuyệt vời! Điều quan trọng nhất trong tất cả. *Ôi, đầu ta đầy những bọ cạp!* Lại một lời thoại trong Macbeth."

Không một lời, Nakata đứng dậy. Không ai, kể cả Nakata, có thể ngăn được lão. Bằng những sải chân dài, lão bước tới bàn và vớ lấy một cái gì đó giống như dao thái thịt. Nắm chắc cái chuôi gỗ, lão cắm ngập lưỡi dao vào bụng Johnnie Walker, xuyên qua chiếc gi-lê đen, rồi tiếp tục đâm vào một chỗ khác. Lão nghe thấy một cái gì, một âm thanh lớn mà thoạt đầu, lão không biết là cái gì. Nhưng rồi lão hiểu ra: Johnnie Walker đang cười. Bị đâm trúng bụng và ngực, máu trào ra, y vẫn tiếp tục cười.

"Đó mới là bản lĩnh chứ!" y la to. "Bác đã không do dự. Làm tốt lắm!" Cười ngặt nghẽo như thể đây là câu đùa ngộ nghĩnh nhất y từng nghe. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, tiếng cười chuyển thành tiếng nấc. Máu ùng ục trong cuống họng y nghe như một ống dẫn nước vừa được mở nút. Một cơn co giật dữ dội làm người y oằn oại và máu từ miệng y ộc ra cùng với những cục đen đen lầy nhầy: những miếng tim mèo y vừa ăn. Máu tung tóe trên bàn, trên cả chiếc sơ mi golf của Nakata. Cả hai người đều bê bết máu và Mimi nằm trên bàn cũng vậy.

Johnnie Walker gục xuống dưới chân Nakata. Y nằm nghiêng, co quắp như một đứa trẻ trong đêm lạnh. Y chết hẳn rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Tay trái y áp chặt vào cổ họng, tay phải giơ thẳng ra như muốn với lấy một cái gì đó. Đã dứt cơn co giật và dĩ nhiên cả tiếng cười nữa. Tuy nhiên, vẫn còn dấu vết của một nụ cười giễu cợt ở khóe môi. Máu đọng thành vũng trên sàn gỗ và chiếc mũ lụa đã lăn vào một góc. Tóc ở phía sau đầu Johnnie Walker thưa, có thể nhìn rõ da đầu. Không có cái mũ, nom y già hơn, yếu hơn.

Nakata buông con dao và tiếng nó rơi xuống sàn nghe như tiếng khởi động của một cỗ máy lớn ở đằng xa. Nakata đứng cạnh cái xác hồi lâu. Mọi thứ trong phòng như đã ngưng đọng lại. Chỉ có máu là tiếp tục lặng lẽ chảy tràn, cái vũng từ từ lan khắp mặt sàn.

Cuối cùng, Nakata định thần lại và bế Mimi từ trên bàn lên. Ấm và mềm lả trong tay Nakata, mình nó đầy máu, nhưng rõ ràng nó không bị thương. Mimi ngước mắt như muốn nói với ông già điều gì, nhưng thuốc liệt khiến nó không há miệng được.

Sau đó, Nakata tìm thấy Goma trong cái túi lớn và nhấc nó ra ngoài. Tuy mới chỉ nhìn thấy nó trong ảnh, nhưng lão vẫn thấy lòng nao nao nhớ như thể gặp lại một người bạn xa lâu. "Goma..." lão thì thầm. Hai tay ôm hai con mèo, Nakata ngồi xuống chiếc ghế bành. "Ta về nhà thôi," lão bảo chúng thế, nhưng không đứng dậy nổi.

Từ một nơi nào đó, con chó đen đã xuất hiện trở lại và ngồi xuống cạnh xác chủ nó. Có thể nó đã liếm hết vũng máu, nhưng Nakata không nhớ chắc lắm. Đầu lão nặng nặng và mù mờ. Lão hít một hơi thật sâu và nhắm mắt lại. Tâm trí lão bắt đầu nhòa nhòa và chìm vào bóng tối lúc nào không biết.

# Chương 17

Đây là đêm thứ ba của tôi ở căn nhà gỗ này. Mỗi ngày qua đi, tôi lại quen hơn với im lặng và bóng tối thăm thẳm. Ban đêm không làm tôi sợ nữa, ít nhất cũng thôi làm tôi chết khiếp. Tôi chất củi đầy bếp lò, ngồi trấn trước đó và đọc. Khi nào mệt, tôi chỉ ngồi thần ra, trân trân nhìn lửa cháy. Tôi không bao giờ chán nhìn lửa. Những ngọn lửa đủ các hình dạng và màu sắc, chuyển động linh hoạt như những vật sống - chúng sinh ra, tụ lại, rời nhau và chết.

Khi trời quang mây, tôi ra ngoài, nhìn lên bầu trời. Những ngôi sao không đem lại cho tôi cảm giác bất lực như trước nữa và tôi bắt đầu cảm thấy gần gũi chúng. Mỗi ngôi sao phát ra ánh sáng đặc biệt của riêng mình. Tôi nhận ra một số ngôi và quan sát chúng lấp lánh trong đêm. Thi thoảng, chúng bùng sáng hơn như thể chợt nhớ ra điều gì. Vầng trăng treo lơ lửng, trắng và sáng vằng vặc; nếu nhìn kỹ, dường như tôi có thể nhận thấy địa hình lởm chởm trên bề mặt. Tôi chẳng bận óc nghĩ suy gì mạch lạc, chỉ ngây ngất ngắm bầu trời.

Không nghe nhạc được vì máy hết pin không phải là một thiếu vắng trầm trọng như tôi đã tưởng. Có biết bao âm thanh khác thay thế nó - tiếng chim chóc líu lo, tiếng kêu của đủ loại côn trùng, tiếng róc rách của con suối, tiếng lá xào xạc. Mưa rơi, một vật gì trườn trên mái lều, đôi khi một tiếng động bí ẩn không tả nổi. Trước đây, tôi không hề biết thế giới lại đầy những âm thanh tự nhiên đẹp và nhiều đến thế. Cả

đời, cho đến tận bây giờ, tôi đã bỏ qua chúng. Tôi ngồi ngoài hiên hàng giờ, mắt nhắm nghiền, không động đậy, lắng nghe không bỏ sót tiếng động nào quanh mình.

Rừng cũng thôi không làm tôi sợ đến độ khiếp vía như trước và tôi đã bắt đầu cảm thấy hồ như gần gũi với nó, thậm chí kính trọng nữa. Tuy nhiên, tôi không mạo hiểm quá xa căn nhà gỗ và chỉ đi theo con đường mòn sẵn có mà thôi. Chừng nào tôi tuân thủ những quy tắc đó, sẽ không có bất trắc gì quá đáng. Đó là điều quan trọng - hãy tuân thủ các quy tắc, rừng sẽ lặng lẽ chấp nhận anh, chia sẻ với anh phần nào sự yên bình và nét đẹp của nó. Nhưng nếu vượt qua ranh giới, những con thú rình núp trong im lặng sẽ chộp gọn anh trong những móng sắc như dao của chúng.

Tôi thường nằm dài trong khoảng trống nhỏ hình tròn, để cho nắng tãi lên khắp người. Mắt nhắm nghiền, tôi thả mình cho nắng mơn man, tai dỏng lên đón tiếng gió rít qua các ngọn cây. Bao bọc trong hương rừng đằm ngát, tôi lắng nghe tiếng chim vỗ cánh, tiếng lá dương xỉ lao xao. Tôi thoát khỏi trọng lực, bồng bềnh bên trên mặt đất (chút xíu thôi) và trôi trong không trung. Tất nhiên, trạng thái này không kéo dài. Đó chỉ là một cảm giác thoáng qua - mở mắt ra là nó tan biến. Dẫu sao, đó vẫn là một trải nghiệm ngây ngất: có thể trôi bồng bềnh trên không.

Có đôi ba lần mưa to nhưng không kéo dài, và lần nào tôi cũng trần truồng lao ra tắm mưa. Đôi khi tập vã mồ hôi, tôi cởi quần áo, tắm nắng ngoài hiên. Tôi uống rất nhiều trà, tập trung vào đọc sách, khi ngồi ngoài hiên, lúc bên bếp lò. Đọc đủ các loại: lịch sử, khoa học, truyện dân gian, huyền thoại, xã hội học, tâm lý học, cả Shakespeare nữa... Thay vì ngốn thẳng một mạch đến hết, tôi thường đọc đi đọc lại những đoạn tôi nghĩ là quan trọng nhất kỳ cho đến khi thật hiểu để từ đó thu hoạch được một cái gì cụ thể. Từng tí một, đủ các loại kiến thức thẩm thấu vào óc tôi. Tôi nghĩ giá có thể ở lại đây bao lâu tùy thích thì tuyệt biết mấy. Có bao nhiêu là sách trên các giá mà tôi muốn đọc và đồ ăn thức uống thì vẫn còn ê hề. Nhưng tôi biết đây chỉ là nơi tạm trú, chẳng bao lâu sẽ phải rời đi. Chốn này thật quá yên tĩnh, quá tự nhiên, quá hoàn hảo. Tôi không xứng đáng với nó. Ít nhất

là chưa phải bây giờ.

Đến ngày thứ tư, Oshima xuất hiện vào cuối buổi sáng. Tôi nằm ườn trên ghế ngoài hiên, trần truồng, lơ mơ ngủ dưới nắng nên không nghe thấy anh tới. Tôi không nghe thấy tiếng xe của anh. Vai khoác ba lô, anh bước đi trên con đường dẫn tới đây. Anh lặng lẽ bước lên các bậc thềm, chìa tay ra và khẽ xoa đầu tôi. Giật mình, tôi chồm dậy và cuống quít quờ tay tìm một chiếc khăn để che thân, nhưng không có cái nào trong tầm tay.

"Đừng ngại," Oshima nói. "Hồi mình ở đây, mình vẫn trần truồng tắm nắng thường xuyên. Phơi những chỗ kín ra ánh mặt trời là một cảm giác thật dễ chịu."

Trần như nhộng trước mặt anh, tôi cảm thấy trơ trẽn với cả bộ tam sự xồm xoàm lông lá phô ra. Tôi không biết nên làm gì. Đã quá muộn để che đậy.

"À anh," tôi nói, cố lấy giọng thản nhiên. "Anh leo bộ lên à?"

"Trời hôm nay đẹp quá nên mình quyết định để xe ở dưới cổng," anh với một chiếc khăn vắt trên lan can, đưa cho tôi. Tôi quấn nó quanh mình và cuối cùng mới cảm thấy đỡ ngượng.

Anh vừa nấu nước vừa hát nho nhỏ, rồi lấy bột, trứng và sữa từ ba lô ra, đánh lộn lên làm bánh kếp, rồi láng bơ và xi-rô lên chốc. Rồi anh lôi ra nào rau diếp, nào cà chua, nào hành, dùng dao bếp thái nhỏ tất cả rất cẩn thận để làm món nộm. Đó là bữa trưa của chúng tôi.

"Vậy cậu thấy thế nào qua ba ngày ở đây?" anh hỏi, tay cắt bánh kếp.

Tôi kể với anh về những giờ khắc tuyệt vời tôi đã sống ở đây. Tôi bỏ qua đoạn đi vào rừng: tốt hơn là đừng nhắc đến chuyện đó.

"Mình lấy làm mừng," Oshima nói. "Mình đã hy vọng nơi này sẽ làm cậu thích mà."

"Nhưng chúng ta sẽ quay về thành phố bây giờ, phải không?"

"Phải. Đã đến lúc trở về rồi."

Chuẩn bị sẵn sàng để lên đường, chúng tôi nhanh chóng dọn dẹp mọi thứ trong lều. Rửa bát đĩa, xếp lên giá, lau chùi bếp lò, đổ nước trong xô, đóng van bình ga, cho những đồ ăn để lâu được vào chạn,

còn bao nhiêu vứt đi, quét sàn, lau bàn ghế, đào một cái hố bên ngoài lều để vùi rác.

Trong khi Oshima khóa cửa, tôi quay lại nhìn căn lều một lần cuối. Một phút trước, tôi còn cảm thấy nó rất thật, nhưng giờ đây nó lại có vẻ hư ảo. Chỉ vài bước thôi là đủ cho tất cả những gì gắn liền với nó mất hết tính chất thực tại. Và tôi - người đã từng ở đấy cho tới giây phút trước - lúc này tôi cảm thấy chính mình cũng hư ảo nốt. Từ đây đến chỗ Oshima đậu xe, đi bộ mất ba mươi phút và trên đường xuống núi, chúng tôi hầu như không trao đổi với nhau một lời nào. Oshima âm ư một giai điệu, còn tôi để mặc tâm trí phiêu diêu.

Dưới chân núi, chiếc xe thể thao nhỏ màu xanh quyện lẫn vào nền cây lá của rừng. Oshima đóng cổng chính để ngăn người lạ đột nhập, quấn hai vòng xích và bấm ống khóa móc. Như lần trước, tôi cột chiếc ba lô vào giá để hành lý đằng sau xe. Mui xe đã hạ sẵn.

"Về thành phố," Oshima nói.

Tôi gật đầu.

"Mình dám chắc cậu khoái sống một mình với thiên nhiên như thế, nhưng thật không dễ gì sống ở đó một thời gian dài," Oshima nói. Anh đeo kính râm vào và thắt dây an toàn.

Tôi ngồi xuống cạnh anh và cũng cài dây an toàn.

"Về lý thuyết thì không phải không thể sống như thế và cố nhiên đã có những người làm thế. Nhưng trên thực tế, cách nào đó, tự nhiên lại có phần phi tự nhiên. Và thư giãn có khi lại trở thành mối đe dọa thực sự. Phải từng trải và có chuẩn bị mới có thể thực sự sống được với những mâu thuẫn đó. Cho nên, tạm thời ta hãng quay về thành phố cái đã. Trở về với văn minh."

Oshima dận ga và xe bắt đầu xuống núi. Lần này, anh không vội và lái nhẩn nha, vừa đi vừa ngắm cảnh và hóng gió thổi tung mái tóc. Hết đoạn đường đất, xe bắt đầu vào một con đường nhựa hẹp, băng qua làng xóm, cánh đồng.

"Nhân nói đến mâu thuẫn," Oshima đột nhiên nói, "hôm đầu tiên gặp cậu, mình đã cảm thấy một cái gì mâu thuẫn nơi cậu. Cậu đang tìm kiếm một cái gì, đồng thời lại chạy trốn cái đó bằng mọi giá."

"Em đang tìm kiếm cái gì?"

Oshima lắc đầu. Anh liếc vào gương chiếu hậu và cau mày. "Mình chẳng biết. Mình chỉ nói rằng mình có cảm giác như thế thôi."

Tôi không trả lời.

"Theo kinh nghiệm bản thân mình, khi ta cố công tìm kiếm một cái gì thì chẳng mấy khi thấy được. Và khi ra sức trốn chạy một cái gì thì nó thường bắt kịp ta. Tất nhiên, mình chỉ khái quát hóa thôi."

"Vậy nếu áp dụng vào trường hợp của em, thì điều gì sẽ xảy ra nếu như cùng một lúc, em vừa tìm kiếm vừa trốn tránh một điều gì?"

"Một câu hỏi hắc búa đấy," Oshima mỉm cười. Một lát sau anh mới nói tiếp. "Nếu phải trả lời thì mình sẽ nói như sau: bất kể cậu đang tìm kiếm điều gì, nó cũng sẽ đến dưới dạng cậu chờ đợi."

"Kiểu như một lời tiên đoán gở."

"Như trong *Cassandra*."

"*Cassandra?*"

"Một vở bi kịch Hy Lạp. Cassandra là công chúa thành Troy có tài tiên tri. Nàng vào đền làm nữ tu sĩ và được Apollo ban cho khả năng đoán trước số mệnh. Đổi lại, Apollo ép nàng ngủ với mình, nhưng nàng từ chối và vị thần đã hô thần chú ếm nàng. Các vị thần Hy Lạp mang nhiều tính chất huyền thoại hơn là tôn giáo. Nghĩa là họ cũng có những khuyết điểm giống như con người: cũng nổi nóng, cũng thèm khát tình dục, cũng ghen tuông, cũng lú lẫn, tật gì cũng có."

Anh lấy từ hộc đựng găng một hộp kẹo chanh, bỏ một viên vào miệng. Anh ra dấu mời tôi và tôi cũng lấy một viên.

"Thần chú như thế nào?"

"Thần chú yểm Cassandra ấy à?"

Tôi gật đầu.

"Là mọi tiên đoán của nàng đều ứng, nhưng sẽ không có ai tin nàng cả. Hơn nữa, mọi tiên đoán ấy đều nhằm chuyện gở: phản bội, tai nạn, chết chóc, đất nước suy vong. Đại loại như thế. Người ta chẳng những không tin mà còn bắt đầu khinh ghét nàng. Nếu cậu chưa đọc kịch của Euripides và Aeschylus(*), thì mình khuyên cậu nên đọc đi. Tác phẩm của họ nêu nhiều vấn đề cốt tử mà thậm chí tới nay, chúng ta vẫn

---

* Độc giả Việt Nam thường quen với cái tên Phap hoa Eschyle hơn

còn phải đương đầu. Thông qua các *koros*."

"*Koros* là cái gì?"

"Đó là dàn đồng ca trong các bi kịch Hy Lạp. Họ đứng đằng sau sân khấu, đồng thanh giải thích các tình huống hoặc bình luận những diễn biến nội tâm nhân vật. Thậm chí đôi khi còn khuyên bảo nhân vật. Đó là một thủ pháp rất tiện lợi. Đôi khi mình ước sao có riêng một dàn đồng ca đứng đằng sau mình."

"Anh có khả năng tiên tri không?"

"Mình đâu có cái may mắn ấy," anh tủm tỉm cười. "Khốn thay - hay may thay - mình lại không có cái năng lực ấy. Nếu như mình có vẻ như luôn luôn tiên đoán những điều gở, đó là vì mình là một thằng thực dụng. Mình dùng phương pháp lập luận suy diễn để khái quát hóa, và mình đồ rằng kết quả suy luận của mình đôi khi nghe như những dự báo điều chẳng lành. Cậu biết tại sao không? Bởi thực tại chỉ là sự tích tụ của những dự báo gở trở thành hiện thực. Cậu chỉ việc giở một tờ báo bất kỳ ngày nào ra và bắc lên bàn cân một bên là tin tốt và bên kia là tin xấu, cậu sẽ rõ mình muốn nói gì."

Đến mỗi vòng cua, Oshima đều thận trọng giảm tốc độ, sang số nhẹ như không. Chỉ nhận ra ở tiếng động cơ hơi thay đổi.

"Tuy nhiên, mình có một tin tốt cho cậu đây," anh nói. "Chúng tôi đã quyết định nhận cậu. Cậu sẽ là một nhân viên của Thư viện Tưởng niệm Komura. Mình nghĩ cậu đủ tiêu chuẩn đấy."

Bất giác tôi liếc nhìn anh. "Anh muốn nói là em sẽ làm việc ở thư viện?"

"Chính xác hơn, từ nay trở đi, cậu sẽ *thuộc* về thư viện. Cậu sẽ ở ngay trong thư viện, sống tại đó. Cậu sẽ mở cửa và đóng cửa thư viện đúng giờ quy định. Như mình đã nói trước đây, cậu có vẻ là người có kỷ luật tự giác và khá khỏe mạnh, nên mình nghĩ công việc sẽ không quá vất vả đối với cậu. Cả Miss Saeki lẫn mình về thể chất đều không khỏe lắm, có cậu thêm chân thêm tay, sẽ đỡ đần chúng mình rất nhiều. Ngoài ra, cậu sẽ chỉ giúp vào những công việc vặt hàng ngày thôi. Không có gì đáng kể đâu: pha cà phê ngon cho mình, đi mua sắm giúp bọn này. Chúng mình đã chuẩn bị một căn phòng ở khu nhà phụ của thư viện cho cậu. Đó trước là phòng dành cho khách, nhưng không có

khách nào nghỉ lại qua đêm, nên đã lâu không dùng đến. Cậu sẽ ở đó. Cậu có thể tắm vòi hoa sen ngay trong phòng. Điều hay nhất là cậu sẽ ở luôn trong thư viện, nên có thể đọc bất cứ cái gì cậu thích."

"Nhưng tại sao..." tôi mở đầu nhưng không nói hết câu.

"Tại sao bọn mình làm thế chứ gì? Tất cả đều dựa trên một nguyên lý rất đơn giản. Mình hiểu *cậu* và Miss Saeki hiểu *mình*. Mình chấp nhận cậu, còn Miss Saeki chấp nhận mình. Cho nên mặc dù cậu là một thiếu niên mười lăm tuổi bỏ nhà và xa lạ, cũng không thành vấn đề. Vậy cậu nghĩ thế nào?"

Sau một lát suy nghĩ tôi nói: "Tất cả những gì em kiếm tìm là một mái nhà che đầu. Lúc này đây, chỉ có cái đó là quan trọng. Em không thật sự hiểu *thuộc* về thư viện nghĩa là thế nào, nhưng nếu nó có nghĩa là em có thể ở đấy, thì em rất hàm ơn. Ít nhất em cũng sẽ không phải đi đi lại lại hằng ngày bằng xe lửa nữa."

"Vậy là ngã ngũ nhé," Oshima nói. "Ta hãy đến thư viện. Để cậu có thể trở thành một bộ phận *thuộc* về nó."

Chúng tôi theo xa lộ, qua một số thị trấn, qua một panô to tướng quảng cáo cho một công ty tín dụng, một trạm xăng với những trang trí lòe loẹt, một cửa hàng ăn uống với những phòng kính, một khách sạn ái tình bắt chước kiểu một lâu đài châu Âu, một cửa hàng cho thuê băng video đã phế bỏ còn trơ lại tấm biển, một phòng chơi pachinko(*) với bãi đỗ xe rộng mênh mông, một cửa hàng McDonald's, những siêu thị 7-Eleven, Yoshinoya, Denny's... Thực tại ồn ào bắt đầu bao quanh chúng tôi. Tiếng rít phanh hơi của những xe tải mười tám bánh, tiếng còi, tiếng xả khí. Tất cả những thứ mới vừa đây còn gần gũi với tôi: ngọn lửa trong bếp lò, những vì sao lấp lánh, cái tĩnh lặng của khu rừng..., giờ biến mất tăm; thậm chí tôi thấy khó mà hình dung ra chúng.

"Có một đôi điều cậu cần biết về Miss Saeki," Oshima nói. "Hồi nhỏ mẹ mình và Miss Saeki là bạn cùng lớp, rất thân nhau. Mẹ mình kể rằng bà là một nữ sinh xuất sắc, luôn đạt điểm cao, thuộc loại giỏi trong môn tập làm văn, thể dục thể thao và còn chơi dương cầm rất hay

* Một trò bắn bi sắt của Nhật Bản chơi bằng máy.

nữa. Làm bất cứ cái gì, bà cũng nhất. Lại xinh đẹp nữa. Tất nhiên, bây giờ, bà vẫn còn là một phụ nữ kiều diễm."

Tôi gật đầu.

"Khi còn ở tiểu học, Miss Saeki đã có người yêu. Con trai lớn của gia đình Komura - trên thực tế là có họ xa. Hai người cùng tuổi, rất đẹp đôi, y như Romeo và Juliet vậy. Hai nhà ở gần nhau, họ luôn xoắn xuýt bên nhau không rời. Và khi đến tuổi trưởng thành, họ yêu nhau thật sự, cả thể xác lẫn tâm hồn hòa làm một. Ấy là theo lời mẹ mình."

Chúng tôi dừng xe trước một đèn đỏ và Oshima ngước nhìn trời. Khi đèn bật xanh, anh dận ga và chúng tôi vượt một chiếc xe chở xăng. "Cậu có nhớ những gì mình nói với cậu ở thư viện không? Về chuyện con người ta cứ loanh quanh đi tìm cái nửa kia của mình ấy?"

"Cái đoạn đực/đực, cái/cái và đực/cái ấy à?"

"Phải. Những điều Aristophanes nói. Suốt đời, chúng ta long đong lận đận đi tìm cái nửa kia của chúng ta một cách tuyệt vọng. Nhưng *Miss Saeki* và chàng trai của mình thì không phải làm thế. Họ sinh ra đã có cái nửa kia ngay trước mặt mình."

"Họ thật may mắn."

Oshima gật đầu. "Đúng vậy. Đến một mức độ nào đó."

Anh đưa tay xoa xoa cằm như để kiểm tra xem cạo có tốt không. Không có vết dao cạo nào trên làn da nhẵn như sứ.

"Năm mười tám tuổi, chàng trai lên Tokyo để vào đại học. Chàng đạt điểm cao và muốn theo một chuyên khoa. Chàng cũng muốn được tận mắt thấy thủ đô to đẹp như thế nào. Nàng thì vào một trường đại học của tỉnh nhà, học chuyên khoa piano. Đây là một địa phương bảo thủ và nàng lại xuất thân từ một gia đình truyền thống chủ nghĩa. Nàng là con một, cha mẹ nàng không muốn để con gái đi Tokyo. Vậy là lần đầu tiên trong đời, hai người xa nhau. Cứ như Thượng đế đã tách đôi họ bằng một lưỡi dao vậy."

"Dĩ nhiên là ngày nào họ cũng viết thư cho nhau. 'Có thể việc chúng mình thử xa nhau thế này lại là tốt cũng nên,' chàng viết cho nàng. 'Như vậy, chúng mình có thể thực sự hiểu chúng mình cần cho nhau đến độ nào.' Nhưng nàng không tin thế. Nàng biết họ gắn bó keo sơn với nhau đến mức không cần phải thử thách quan hệ đó bằng

một cuộc phân ly. Mối cơ duyên của họ là tiền định, cả triệu mới có một, không thể chia lìa. Nàng tuyệt đối tin chắc thế. Nhưng *chàng* thì không. Hoặc có thể chàng cũng tin thế, nhưng không chịu chấp nhận. Thế là chàng cứ đi Tokyo, chàng nghĩ rằng vượt qua một số trở ngại sẽ càng củng cố thêm tình yêu của họ với nhau. Đàn ông đôi khi vốn thế."

"Năm mười chín tuổi, Miss Saeki viết một bài thơ, tự phổ nhạc và vừa hát vừa đệm piano. Đó là một giai điệu đẹp, buồn và ngây thơ. Mặt khác, ca từ lại mang tính chất tượng trưng, đầy suy tưởng và trừu tượng. Sự tương phản ấy khiến cho bài hát có hồn và có sức truyền cảm trực tiếp. Tất nhiên, toàn bộ bài hát, cả nhạc lẫn lời, thể hiện nỗi buồn nhớ người yêu phương xa. Cô có hát cho một số người nghe dăm ba lần. Bình thường cô là người nhút nhát, nhưng cô thích hát và thậm chí đã từng tham gia một ban nhạc dân gian ở trường đại học. Có người cảm kích với bài hát, đã thu một băng *demo* gửi cho một người bạn là giám đốc một công ty thu băng đĩa. Ông này rất thích bài hát, bèn mời cô lên *studio* của họ ở Tokyo để thu.

"Đó là lần đầu tiên cô đến Tokyo và cô đã có dịp gặp người mình yêu. Tranh thủ thời gian giữa những buổi thu, họ có thể yêu nhau như xưa. Theo mẹ mình, họ đã có quan hệ tình dục từ hồi mười bốn tuổi. Cả hai đều sớm phát triển tính dục, và cũng như nhiều đứa trẻ sớm phát triển tính dục, họ khó có thể thành người lớn. Cứ như là họ vĩnh viễn ở tuổi mười bốn, mười lăm vậy. Họ quấn quít với nhau và lại có thể cảm thấy tình yêu của họ mãnh liệt đến nhường nào. Cả hai đều chưa từng bị bất cứ ai khác hấp dẫn. Ngay cả khi họ xa nhau, cũng không có ai khác xen vào giữa được. Xin lỗi... mình có làm cho cậu chán với câu chuyện tình cổ tích này không?"

Tôi lắc đầu. "Em có cảm giác là sắp đến một bước ngoặt."

"Đúng," Oshima nói. "Cái hay của các câu chuyện là ở chỗ đó - một bước ngoặt, một xoay chuyển tình thế bất ngờ. Hạnh phúc thì chỉ có một loại, nhưng bất hạnh thì đến dưới mọi dạng, mọi cỡ. Như Tolstoy đã nói: hạnh phúc là ngụ ngôn, bất hạnh là *chuyện đời*. Dù sao đi nữa, đĩa hát được tung ra thị trường và thành công lớn. Số đĩa bán được liên tục tăng - một triệu, hai triệu, mình không nhớ chắc con số

chính xác. Bất kể thế nào, đó là một con số phá mọi kỉ lục của thời bấy giờ. Hình của cô in trên bìa đĩa, một tấm hình chụp cô ngồi trước một chiếc piano cánh dơi trong *studio*, mỉm cười với ống kính.

"Vì cô chưa sáng tác bài hát nào khác nên mặt B của đĩa vẫn là bài đó dưới dạng khí nhạc - piano và dàn nhạc. Tất nhiên, phần piano do cô đảm nhiệm. Một cuộc trình diễn xuất sắc. Đó là vào khoảng năm 1970 gì đó. Hồi đó, từ trung ương đến địa phương, đài nào cũng phát đi phát lại bài ấy. Dạo ấy, mình chưa đẻ, nên mọi chuyện đều do mẹ mình kể lại. Đó là bài hát duy nhất của cô với tư cách là ca sĩ chuyên nghiệp. Cô không cho ra thêm đĩa nào nữa."

"Em không biết mình đã bao giờ nghe bài hát này chưa."

"Cậu có hay nghe đài không?"

Tôi lắc đầu. Tôi hầu như không bao giờ nghe đài.

"Vậy thì chắc cậu chưa bao giờ nghe bài ấy. Trừ phi trong một chương trình hồi cố. Nhưng đó là một bài hát tuyệt vời. Mình có bài ấy trong một đĩa CD và thỉnh thoảng vẫn nghe lại. Tất nhiên là vào những lúc không có mặt Miss Saeki. Bà ghét mọi thứ gợi nhớ đến nó. Bà không thích ai gợi lại quá khứ."

"Tên bài hát là gì?"

"*Kafka bên bờ biển*," Oshima nói.

"*Kafka bên bờ biển?*"

"Phải, Kafka Tamura. Cùng tên với cậu. Một sự trùng hợp kỳ lạ, phải không?"

"Nhưng Kafka không phải là tên thật của em. Tuy nhiên, Tamura thì đúng là họ của em."

"Nhưng chính cậu đã chọn cái tên Kafka, đúng không?"

Tôi gật đầu. Tôi đã quyết định từ lâu rằng đó sẽ là cái tên phù hợp với con người mới của tôi.

"Mình nghĩ đó là điểm mấu chốt đấy," Oshima nói.

Người yêu của Saeki chết năm hai mươi tuổi, Oshima kể tiếp. Đúng vào lúc *Kafka bên bờ biển* trở thành một "hit"(*). Trường đại học của

* Người hoặc tác phẩm thành công, nổi trội, được ưa chuộng.

anh bãi khóa trong thời kỳ sinh viên nổi loạn và phải đóng cửa. Một đêm, vào khoảng trước mười giờ, anh mang đồ tiếp tế đến cho một người bạn ở chiến lũy. Các sinh viên chiếm giữ trường tưởng lầm anh là thủ lĩnh của nhóm đối lập (quả là anh rất giống người đó), liền bắt anh, trói vào một cái ghế và tra hỏi anh như tra hỏi một tên gián điệp. Anh cố giải thích rằng họ đã lầm, nhưng mỗi lần anh mở miệng, họ lại quất anh bằng một cây gậy hoặc một cái ống bằng thép. Khi anh gục xuống sàn, họ vẫn dùng ủng đá anh túi bụi. Anh chết vào lúc rạng sáng. Sọ hõm sâu, xương sườn gãy nát, rách cả hai lá phổi. Họ vứt xác anh ra ngoài phố như một con chó chết. Hai ngày sau, theo yêu cầu của nhà trường, lực lượng vệ binh quốc gia tới và trong vòng vài giờ, dẹp xong cuộc dấy loạn. Nhiều sinh viên bị bắt và kết tội giết người. Họ nhận tội và bị đưa ra xét xử. Nhưng vì đó không phải là hành động có mưu tính trước, nên hai trong số bọn họ bị khép tội giết người không chủ định và chỉ chịu án tù ngắn hạn. Thành thử cái chết của anh hoàn toàn vô nghĩa.

Saeki thôi hẳn không bao giờ hát nữa. Cô giam mình trong phòng và không muốn trò chuyện với ai, kể cả qua điện thoại. Cô không đến dự đám tang của anh và bỏ học luôn. Sau vài tháng, người ta đột nhiên nhận ra rằng cô không còn ở thành phố nữa. Không ai biết cô đi đâu hoặc làm gì. Cha mẹ cô từ chối không muốn nói đến chuyện này. Có lẽ họ cũng không biết cô đang ở đâu. Cô biến mất tăm. Ngay cả bạn thân nhất của cô, mẹ Oshima, cũng không nắm được manh mối nào. Người ta đồn rằng sau một lần tự tử không thành trong rừng sâu gần núi Fuji, cô đã được đưa vào một bệnh viện tâm thần. Một số người khác lại nói một người bạn của bạn họ đã trông thấy cô trên đường phố Tokyo. Theo người này, cô đã trở thành nhà văn hay gì gì đó ở Tokyo. Lại có tin đồn khác là cô đã lấy chồng và có một con. Tuy nhiên, tất cả những tin đó đều vô căn cứ, không có gì làm bằng. Hai mươi lăm năm[4] trôi qua.

Bất kể trong suốt thời gian ấy cô ở đâu hay làm gì, Saeki cũng không gặp khó khăn về tiền nong. Tiền tác quyền của cô về *Kafka bên bờ biển* được đưa vào một tài khoản ngân hàng và ngay cả sau khi nộp thuế vẫn còn lại một con số đáng kể. Mỗi lần bài hát được phát trên đài

hay được đưa vào một chương trình hồi cố, cô đều được hưởng tác quyền. Cho nên cô có thể dễ dàng sống ẩn dật, xa hẳn chốn phồn hoa đô hội. Vả chăng, gia đình cô giàu có và cô lại là con một.

Đột nhiên, hai mươi lăm năm sau, Miss Saeki xuất hiện trở lại ở Takamatsu. Lý do bề ngoài là về chịu tang mẹ. (Cha bà đã mất năm năm trước đó, song bà đâu có về.) Bà làm một lễ cầu siêu nhỏ cho mẹ, rồi sau khi mọi chuyện êm xuôi, bán ngôi nhà nơi bà ra đời và lớn lên. Bà mua một căn hộ ở một khu yên tĩnh trong thành phố và dường như muốn định cư hẳn ở đó. Sau đó một thời gian, bà đã có những cuộc nói chuyện với gia đình Komura (Sau cái chết của người con trai cả, ý trung nhân của Saeki, chủ gia đình là người em trai kém anh ba tuổi. Không ai biết đích xác họ bàn với nhau những gì trong các cuộc nói chuyện tay đôi). Kết quả là Miss Saeki trở thành người đứng đầu Thư viện Komura.

Ngay cả giờ đây, bà vẫn mảnh dẻ, vẫn đẹp và vẫn có cái dáng vẻ thông minh, nền nã như ta thấy trên bìa bọc đĩa *Kafka bên bờ biển*. Duy chỉ thiếu nụ cười đẹp tươi, ngây thơ. Đành rằng thi thoảng bà vẫn mỉm cười, một nụ cười thật duyên dáng nhưng chỉ thoáng qua không bao giờ đậu lại. Một bức tường cao vô hình rào quanh bà, khiến mọi người phải đứng cách một sải tay. Sáng sáng bà lái chiếc Volkswagen Golf xám đến thư viện và tối lại lái về.

Trở về thành phố quê hương, Miss Saeki rất ít đi lại với bà con, bạn bè cũ... Nếu tình cờ gặp nhau, bà lịch sự tiếp chuyện, nhưng hiếm khi đi quá một vài đề tài vô thưởng vô phạt. Nếu thẳng hoặc đụng đến chuyện quá khứ, nhất là lại liên quan đến bản thân, lập tức bà khéo léo lái sang chuyện khác. Bà bao giờ cũng lịch sự, hòa nhã, nhưng lời lẽ không còn cái tò mò, háo hức thủa xưa. Tình cảm đích thực của bà - ví như điều đó vẫn còn - ẩn sâu tận đáy lòng. Trừ trường hợp cần có quyết định về một vấn đề thiết thực, bà không bao giờ phát biểu ý kiến cá nhân về bất cứ điều gì. Bà ít khi nói về bản thân mình, mà thường lắng nghe người khác nói và nhiệt thành gật đầu tán thưởng. Nhưng nhiều người đã bắt đầu cảm thấy không thoải mái khi nói chuyện với bà, như thể họ ngờ ngợ rằng mình đang làm phí thì giờ của bà, đột nhập vào thế giới riêng tư phong nhã và trang nghiêm của bà. Và về cơ

bản, cảm giác ấy là đúng.

Vậy là ngay cả khi trở về định cư ở thành phố quê hương, bà vẫn một ẩn số. Một phụ nữ phong nhã với một màn bí mật tinh tế bao quanh. Có một cái gì nơi bà khiến người ta khó tiếp cận. Ngay cả gia đình Komura, trên danh nghĩa là chủ của bà, cũng giữ một khoảng cách.

Cuối cùng, Oshima được tuyển vào làm việc ở thư viện và trở thành trợ lý của bà. Dạo ấy, Oshima đã thôi học nhưng chưa đi làm, chỉ ở nhà đọc sách và nghe nhạc. Trừ một số người thường cùng anh trao đổi thư điện tử, Oshima hầu như không có bạn. Vì chứng bệnh máu không đông, anh mất khá nhiều thời gian đến khám chuyên khoa ở bệnh viện, hoặc dạo quanh thành phố trong chiếc Mazda Miata. Và trừ những lần khám định kỳ tại Bệnh viện Đại học ở Hiroshima và đôi lần tới ở căn nhà gỗ trong vùng núi Kochi, anh không bao giờ ra khỏi thành phố. Chẳng phải là anh không bằng lòng với cuộc sống này. Một hôm, mẹ Oshima tình cờ giới thiệu anh với Miss Saeki và hai cô cháu lập tức quý mến nhau. Ý tưởng làm việc ở thư viện hấp dẫn Oshima. Chẳng bao lâu anh trở thành người duy nhất mà Miss Saeki tiếp xúc hằng ngày và cùng trò chuyện.

"Nghe anh kể, em có cảm giác như Miss Saeki trở về đây cốt để phụ trách thư viện," tôi nói.

"Mình cũng nghĩ thế. Đám tang mẹ bà chỉ là cơ hội để bà trở về. Thành phố quê hương đầy những kỷ niệm chua xót, cho nên mình nghĩ việc trở về này hẳn là một quyết định khó khăn đối với bà."

"Tại sao thư viện lại quan trọng đến thế với bà?"

"Người yêu của bà trước kia ở một căn nhà nằm trong khuôn viên thư viện. Ông là con cả trong gia đình Komura và vốn mê đọc sách từ trong máu. Ông thích sống một mình, đây cũng là một nét đặc trưng của gia đình. Cho nên lên trung học là ông nằng nặc đòi ở một căn tách biệt hẳn với ngôi nhà chính và hai cụ thân sinh chấp nhận. Cả gia đình đều mê đọc sách nên thông cảm với ý muốn của ông: nếu con muốn quanh mình toàn là sách thì cũng tốt thôi, đại loại các cụ nghĩ thế. Vậy là ông ở căn nhà phụ ấy một mình, không ai quấy rầy, chỉ quay về ngôi nhà chính vào những bữa ăn. Miss Saeki hầu như ngày nào cũng đến

thăm ông ở đó. Hai người cùng học, cùng nghe nhạc và trò chuyện miên man. Và rất có thể là làm tình ở đó luôn. Nơi này là thiên đường riêng của họ."

Cả hai tay đặt trên vôlăng, Oshima ngoái sang nhìn tôi. "Đó là nơi cậu sẽ ở, Kafka. Trong căn phòng ấy. Như mình đã nói, thư viện đã được tân trang, nhưng phòng đó vẫn để y nguyên."

Tôi lặng thinh.

"Cuộc đời Miss Saeki về cơ bản đã dừng lại ở tuổi hai mươi, khi người yêu của bà chết. Không, có lẽ không phải ở tuổi hai mươi, mà sớm hơn nhiều... Mình không rõ thật cụ thể, nhưng cậu cần biết điều này: những kim của chiếc đồng hồ chôn sâu trong lòng bà đã dừng lại vào thời điểm đó. Dĩ nhiên, thời gian bên ngoài vẫn tiếp tục trôi chảy, nhưng không tác động đến bà. Đối với bà, cái mà ta thường gọi là thời gian chẳng có nghĩa gì hết."

"Không có nghĩa gì hết?"

Oshima gật đầu. "Như thể nó không hề tồn tại."

"Anh muốn nói Miss Saeki hiện vẫn sống trong cái thời gian ngưng đọng ấy?"

"Chính xác. Nhưng không có nghĩa bà là một thứ thi thể sống đâu. Khi nào cậu biết rõ bà hơn, cậu sẽ hiểu."

Oshima đặt tay lên đầu gối tôi trong một cử chỉ hoàn toàn tự nhiên. "Kafka ạ, trong đời mỗi con người, đều có một điểm không-đường-trở-lui. Và trong một số rất ít trường hợp, lại có một điểm không thể tiến thêm chút nào nữa. Và một khi ta tới điểm đó, ta chỉ còn một nước là lặng lẽ chấp nhận sự việc. Như thế mới tiếp tục sống được."

Ngay trước lúc đi vào xa lộ chính, Oshima dừng xe, kéo mui lên và bỏ một đĩa xô-nát Schubert vào ổ CD.

"Còn một điều nữa mình muốn cậu nên biết," Oshima nói tiếp. "Miss Saeki có một trái tim bị thương. Thực ra, trong chừng mực nào đó, chúng ta đều thế, kể cả mình lẫn cậu. Nhưng ở Miss Saeki, đó là một vết thương *cá nhân* đặc biệt vượt quá cái nghĩa thông thường của từ ấy. Tâm hồn bà có những xáo động bí ẩn. Mình không nói bà là người nguy hiểm đâu, đừng hiểu sai ý mình. Thường ngày, bà ứng xử rất đúng mực, có lẽ còn chỉn chu hơn mọi người mình biết. Bà duyên

dáng, sâu sắc, thông minh. Nhưng đừng lo lắng nếu thi thoảng cậu nhận thấy một điều gì kỳ dị ở bà."

"Kỳ dị?" tôi không thể không hỏi.

Oshima lắc đầu. "Mình thực sự quý mến và kính trọng Miss Sacki. Mình dám chắc rồi đây cậu cũng sẽ chia sẻ những tình cảm ấy với mình."

Đây không thực sự là một câu trả lời cho câu hỏi của tôi, song Oshima không nói thêm gì nữa. Anh sang số rất đúng lúc, dận ga và vượt một chiếc xe tải nhỏ trước khi đi vào một đường hầm.

# Chương 18

Nakata tỉnh dậy thấy mình nằm ngửa trên một đám cỏ. Lão từ từ mở mắt. Đêm đã xuống, một đêm không trăng sao. Tuy nhiên, trời vẫn nhờ nhờ sáng. Lão ngửi thấy mùi cỏ mùa hè ngào ngạt và nghe thấy tiếng côn trùng ran ran xung quanh. Vẻ như lão đã trở về cái bãi hoang nơi lão thường đến phục hằng ngày. Cảm thấy có cái gì ram ráp, âm ấm cọ vào mặt, lão xoay đầu và thấy hai con mèo nồng nhiệt liếm cả hai má lão bằng cái lưỡi nhỏ xíu của chúng. Đó là Goma và Mimi. Lão chậm rãi ngồi dậy, đưa tay ra vuốt ve chúng. "Nakata này vừa ngủ phải không?"

Hai con mèo cùng kêu ra ý phàn nàn điều gì, nhưng Nakata không nắm rõ lời. Lão không hiểu chúng nói gì. Những gì lão nghe được chỉ là tiếng mèo kêu meo meo.

"Lão xin lỗi, nhưng lão không hiểu các bạn nói gì." Lão đứng dậy và soát lại toàn thân cho chắc là không có gì bất bình thường. Lão không thấy đau ở chỗ nào và chân tay vẫn cử động thoải mái. Mắt lão phải mất một lúc mới thích ứng được với bóng tối, nhưng một khi đã quen mắt, lão có thể thấy tay chân, quần áo mình không dính chút máu nào. Quần áo lão cũng không hề nhàu nát hay xộc xệch, nom vẫn chỉnh tề như khi lão ra khỏi nhà. Cái bị vải bố đựng phích và suất ăn trưa ở ngay bên cạnh lão, và cái mũ trong túi quần, đúng chỗ của nó. Mọi thứ đều đâu vào đây. Nakata không hình dung được điều gì đang diễn ra.

Để cứu hai con mèo, lão đã đâm chết Johnnie Walker - kẻ hủy diệt mèo. Điều đó thì lão nhớ rất rõ. Lão vẫn còn có thể cảm thấy con dao trong tay mình. Đó không phải là một giấc mơ - máu đã phọt ra từ Johnnie Walker và y đã gục xuống sàn, nằm còng queo và chết. Nakata đã nằm vật trên sofa và bất tỉnh. Và điều tiếp theo lão biết là lão đang nằm đây giữa đám cỏ trong cái bãi trống này. Nhưng làm sao lão trở về đây được? Thậm chí lão không hề biết đường về. Và quần áo lão lại không hề dính tí máu nào. Việc Goma và Mimi ở bên cạnh lão chứng tỏ đó không phải là một giấc mơ, nhưng vì một lý do kỳ lạ nào đó, lão không hiểu một lời nào của chúng.

Nakata thở dài. Lão không thể nghĩ cho vỡ nhẽ. Nhưng không sao - rồi sau lão sẽ nghĩ ra thôi. Lão khoác bị lên vai, bế hai con mèo lên và rời khỏi bãi trống. Khi ra khỏi hàng rào, Mimi bắt đầu quẫy cựa như thể đòi được thả xuống.

Nakata thả nó xuống đất. "Mimi, lão nghĩ cô có thể về nhà một mình được. Nhà cô gần đây mà."

Đúng thế, cái vẫy đuôi của Mmi như muốn nói.

"Nakata này không hiểu chuyện gì đã xảy ra, nhưng vì một lý do nào đó, lão không nói chuyện với cô được nữa. Cơ mà lão đã tìm được Goma và tốt hơn hết là lão cứ mang cô ta về cho ông bà Koizumi đã. Cả nhà họ đang chờ. Cảm ơn cô rất nhiều về mọi sự, Mimi."

Mimi lại vẫy đuôi, kêu meo meo, rồi chạy đi và biến mất ở góc đường. Trên người nó cũng không có vết máu nào. Nakata quyết định phải ghi nhớ chi tiết này.

Gia đình Koizumi quá đỗi vui mừng với sự trở về của Goma. Đã hơn mười giờ đêm nhưng bọn trẻ vẫn còn thức, đang đánh răng trước khi đi ngủ. Bố mẹ chúng đang uống trà và xem tin tức trên tivi. Họ nồng nhiệt chào đón Nakata. Hai đứa con gái vận đồ ngủ tranh nhau ôm ấp con vật yêu quý và hối hả lấy sữa cùng thức ăn của mèo cho Goma. Nó vồ lấy ăn ngon lành.

"Lão xin lỗi đã đến vào lúc đêm hôm khuya khoắt thế này. Nakata này muốn đến sớm hơn, nhưng không thể."

"Không sao," bà Koizumi nói. "Xin bác đừng ngại chuyện ấy."

"Bác đừng lo chuyện giờ giấc," ông chồng nói. "Con mèo này như một thành viên trong gia đình. Tôi không sao tả xiết nỗi vui mừng của chúng tôi vì bác tìm thấy nó. Bác vào nhà làm một chén trà nhé?"

"Không, cảm ơn. Nakata này phải đi đây. Lão chỉ muốn mang Goma về cho nhà ta càng sớm càng tốt thôi."

Bà Koizumi sang một phòng khác và trở lại với số tiền công của Nakata bỏ trong một phong bì. Ông chồng đỡ lấy chiếc phong bì đưa cho Nakata. "Chẳng nhiều nhặn gì, nhưng xin bác hãy nhận lấy, coi như đền đáp công sức của bác. Chúng tôi rất biết ơn."

"Đa tạ. Cám ơn ông bà," Nakata nói.

"Tuy nhiên, tôi lấy làm lạ là bác có thể tìm thấy nó trong đêm tối như thế này."

"Vâng, đó là một câu chuyện dài. Nakata này không thể kể hết được. Lão chả thông minh sáng láng gì và không thạo giải thích dài dòng."

"Thế là tốt lắm rồi. Chúng tôi chịu ơn bác nhiều lắm, bác Nakata," bà Koizumi nói, "Tôi xin lỗi, còn ít cà nướng và dưa chuột ngâm dấm, bác cầm về dùng tạm nhé."

"Rất vui lòng. Cà nướng và dưa chuột ngâm dấm là những món ưa thích của Nakata này."

Nakata nhét chiếc cặp lồng thức ăn và chiếc phong bì vào bị, ra khỏi nhà. Lão rảo bước đến một đồn cảnh sát gần khu phố buôn bán. Một viên cảnh sát trẻ ngồi ở bàn giấy trong đồn đang chăm chú viết một cái gì đó, mũ để trên bàn.

Nakata đẩy cánh cửa kính lùa ra. "Xin chào. Xin lỗi đã quấy rầy cậu," lão nói.

"Chào," viên cảnh sát trả lời. Anh ta ngước mắt lên khỏi xấp giấy, nhìn Nakata từ đầu đến chân. Về cơ bản là một ông già hiền lành, vô hại, anh ta nhận định, chắc là ghé vào để hỏi đường.

Đứng ở cửa ra vào, Nakata bỏ mũ đút vào túi và móc ở túi kia ra một chiếc khăn tay, hỉ mũi. Lão gấp khăn tay lại, nhét trả vào túi.

"Có việc gì đấy bác?" viên cảnh sát hỏi.

"Vâng, có việc đấy. Nakata này vừa giết một người."

Viên cảnh sát buông rơi bút, há hốc mồm, giương mắt nhìn ông già. Anh ta ngớ ra một lúc, không thốt ra được tiếng nào. Cái quái quỷ gì...?

"Ồ... à... bác ngồi xuống đây đã," anh ta nói, nghi nghi hoặc hoặc, tay chỉ một cái ghế trước mặt. Anh ta đưa tay kiểm tra lại cho chắc là khẩu súng lục, cây dùi cui và chiếc còng số tám vẫn ở trên người.

"Cảm ơn," Nakata nói và ngồi xuống. Lưng thẳng, tay đặt trong lòng, lão nhìn thẳng vào viên cảnh sát.

"Vậy bác vừa nói là... bác đã giết một ai đó?"

"Vâng. Nakata đã giết một người bằng một con dao. Mới cách đây một lúc thôi," Nakata thành thực thừa nhận.

Viên cảnh sát trẻ lấy ra một tờ mẫu khai, liếc nhìn đồng hồ trên tường và ghi thời điểm chính xác của lời khai báo một vụ giết người bằng dao. "Tôi cần họ tên và địa chỉ của bác."

"Họ tên lão là Satoru Nakata và địa chỉ là..."

"Khoan đã. Tên bác viết thế nào?"

"Lão không biết chữ. Xin lỗi, Nakata này không biết viết, cũng chẳng biết đọc."

Viên cảnh sát cau mày. "Bác nói là bác không biết đọc? Cả đến tên mình bác cũng không biết viết?"

"Đúng thế. Cho đến năm lên chín, lão vẫn còn biết đọc biết viết. Nhưng rồi sau một tai nạn, lão quên tiệt. Nakata này chẳng thông minh sáng láng gì."

Viên cảnh sát thở dài, đặt bút xuống. "Tôi không thể ghi tờ khai nếu tôi không biết viết tên bác như thế nào."

"Lão xin lỗi."

"Bác có gia đình, bà con gì không?"

"Nakata này chỉ có một mình, không có gia đình, bà con nào, không cả việc làm. Lão sống bằng tiền *chợ cấp* của ngài Tỉnh trưởng cho."

"Bây giờ đã khá muộn, tôi đề nghị bác hãy về nhà đi. Về nhà và ngủ một giấc thật đẫy, rồi mai, nếu bác nhớ ra điều gì thì trở lại gặp tôi. Lúc đó, ta sẽ có thể nói chuyện."

Viên cảnh sát đã sắp hết phiên trực và muốn viết nốt báo cáo trước khi giao ca. Anh ta đã hẹn uống với đồng nghiệp ở một quán bar gần đấy sau khi xong việc, nên hoàn toàn không muốn lãng phí thời gian nói chuyện với một lão già lẩn thẩn.

Nhưng Nakata nghiêm nghị nhìn anh ta và lắc đầu. "Không thưa

cậu, Nakata này muốn kể hết mọi chuyện trong khi còn nhớ. Nếu đợi đến mai, lão có thể quên một điều gì đó quan trọng. Nakata này lúc ấy đang ở cái bãi trống trong khu 2. Chả là ông bà Koizumi có nhờ lão tìm hộ con mèo Goma bị lạc. Thế rồi một con chó đen to tướng thình lình xuất hiện và dẫn lão đến một ngôi nhà. Một ngôi nhà to đùng với một cái cổng to đùng và một chiếc xe hơi màu đen. Lão không biết địa chỉ cụ thể. Trước nay, lão chưa từng đến khu vực đó bao giờ. Nhưng lão dám chắc đó là ở trong quận Nakano. Bên trong ngôi nhà có một người đàn ông tên là Johnnie Walker, đội một cái mũ đen nom rất ngộ. Một cái mũ cao lênh khênh. Bên trong cái tủ lạnh để trong bếp, có hàng dãy đầu mèo. Lão ước độ trên dưới hai mươi cái. Hắn ta đi bắt mèo gom lại, cưa đứt đầu chúng và ăn tim chúng. Hắn gom hồn mèo để làm một cây sáo đặc biệt. Rồi hắn sẽ dùng cây sáo ấy để gom hồn người. Ngay trước mặt Nakata này, Johnnie Walker đã dùng dao giết cậu Kawamura cùng mấy mèo khác. Hắn lấy dao rạch bụng chúng. Hắn sắp sửa giết cả Goma và Mimi. Nhưng Nakata này bèn dùng một con dao giết Johnnie Walker."

"Johnnie Walker nói hắn muốn Nakata này giết hắn. Chứ Nakata này không tính giết hắn. Trước nay, lão chưa giết ai bao giờ. Lão chỉ muốn ngăn Johnnie Walker khỏi giết thêm nhiều mèo nữa. Cơ mà chân tay lão không nghe theo lão. Nó làm theo ý nó. Nakata này vớ lấy một trong những con dao để ở đó và đâm Johnnie Walker hai nhát. Johnnie Walker gục xuống, mình đầy máu và chết. Lúc ấy, Nakata này cũng đầy máu. Lão ngồi xuống cái ghế bành và hắn đã ngủ thiếp đi. Khi lão tỉnh dậy thì đã nửa đêm và lão thấy mình lại ở bãi trống với Mimi và Goma ở bên cạnh. Và mới chỉ cách đây một lúc thôi. Nakata này bèn đưa Goma về, được bà Koizumi cho ít cà nướng và dưa chuột ngâm dấm, và đến thẳng đây luôn. Lão nghĩ là nên báo cáo ngay với ngài Tỉnh trưởng. Kể cho ngài nghe những gì đã xảy ra."

Suốt trong thời gian thuật lại đầu đuôi câu chuyện, Nakata ngồi rất ngay ngắn và khi kể xong, lão thở dài đánh thượt. Cả đời lão chưa bao giờ nói một mạch dài thế. Lão cảm thấy hoàn toàn kiệt lực. "Vậy xin cậu hãy trình chuyện này lên ngài Tỉnh trưởng," lão nói thêm.

Viên cảnh sát trẻ đã nghe toàn bộ câu chuyện với một vẻ lơ đãng

và không mấy hiểu ý đồ của ông già. Goma? *Johnnie Walker?* "Tôi hiểu," anh ta đáp. "Tôi sẽ trình để ngài Tỉnh trưởng biết, chắc chắn thế."

"Lão hy vọng ngài sẽ không cắt *chợ cấp* của lão."

Vẻ khó chịu, viên cảnh sát trẻ giả vờ điền vào một tờ khai. "Tôi hiểu. Tôi sẽ ghi như thế này: *Đương sự muốn trợ cấp của mình không bị cắt.* Thế được chưa nào?"

"Vâng, tốt rồi. Đa tạ. Xin lỗi đã làm mất thì giờ của cậu. Và nhờ cậu cho lão gửi lời chào ngài Tỉnh trưởng."

"Tôi sẽ chuyển. Vậy bác đừng lo, cứ về nghỉ thoải mái đi," viên cảnh sát nói. Anh ta không thể không đưa thêm một nhận xét cá nhân: "Này, quần áo bác nom khá sạch, đâu có vẻ là vừa giết người. Chả có một vết máu nào cả."

"Vâng, cậu nói hoàn toàn đúng. Tình thật, Nakata này cũng thấy cái đó rất kỳ lạ. Thật vô lý. Đáng nhẽ người lão phải đầy máu, thế nhưng khi lão tỉnh dậy nhìn lại thì đã biến mất ráo. Quả là rất kỳ lạ."

"Kỳ lạ là cái chắc," viên cảnh sát nói, giọng nhuốm vẻ mệt mỏi của một ngày làm việc cật lực.

Nakata đẩy cánh cửa lùa ra và sắp sửa đi khỏi thì chợt dừng bước và quay lại. "Xin lỗi cậu, tối mai cậu có ở đây không ạ?"

"Có," viên cảnh sát thận trọng đáp. "Tối mai, tôi trực ở đây. Bác hỏi làm gì?"

"Lão khuyên cậu nên mang theo ô, ngay cả nếu ban ngày trời nắng."

Viên cảnh sát gật đầu. Anh ta quay lại nhìn đồng hồ trên tường. Người đồng nghiệp hẳn sắp gọi điện thoại. "Được, tôi sẽ mang theo ô."

"Sẽ có cá từ trên trời rơi xuống như mưa. Vô số cá. Lão nghĩ đa phần là cá mòi. Xen lẫn vài con cá thu."

"Cá mòi và cá thu hả?" viên cảnh sát cười rộ. "Thế thì tốt nhất là quay ngược ô lại, hứng lấy mấy con về nấu dấm làm một bữa!"

"Cá thu nấu dấm là một món ưa thích của Nakata này," Nakata nói, vẻ rất nghiêm trang. "Nhưng giờ này ngày mai, chắc lão đã đi xa rồi."

Ngày hôm sau, khi một cơn mưa cá mòi và cá thu thật sự trút xuống một khu của Quận Nakano, mặt viên cảnh sát trẻ tái nhợt đi như tờ

giấy. Không hề có chút dấu hiệu báo trước nào, khoảng hai nghìn con cá mòi và cá thu từ trên mây ào ào rơi xuống mặt đất. Phần lớn khi chạm đất đều nát bét, nhưng một số vẫn còn sống và giãy đành đạch trên đường ngay trước khu phố buôn bán. Lũ cá tươi nguyên còn nồng mùi biển. Cá rơi xuống mái nhà, xuống mui xe, xuống cả người, nhưng vì độ cao rõ ràng là không lớn lắm, nên không gây ra tổn thương nào nghiêm trọng. Đây chủ yếu là một cú sốc tâm lý hơn là bất cứ gì khác. Một số lượng lớn cá đổ xuống như mưa đá - thực sự như là tận thế!

Cảnh sát đã điều tra vụ này nhưng không phát hiện ra điều gì khả dĩ giải thích được làm sao lại xảy ra chuyện như vậy. Không có chợ cá nào hay tàu đánh cá nào kêu mất cá mòi và cá thu với số lượng lớn. Không có máy bay nào, kể cả trực thăng, bay qua vào thời điểm ấy. Cũng không thấy thông báo về một cơn lốc nào. Khả năng đây là một trò đùa tinh vi cũng bị loại trừ - kẻ nào mà lại có thể làm một điều cực kỳ quái gở như vậy? Theo yêu cầu của cảnh sát, phòng y tế Quận Nakano đã lượm một số về xem xét, nhưng chẳng thấy điều gì bất thường: đó chỉ là những con cá mòi và cá thu thông thường - tươi và trông có vẻ rất ngon. Tuy nhiên, do sợ những con cá bí hiểm kia có thể chứa một chất gì nguy hiểm, cảnh sát đã phái một chiếc xe phóng thanh đi khắp vùng lân cận cảnh báo dân chúng chớ nên ăn.

Đó là loại tin mà tivi vồ lấy ngay và những đoàn máy quay đổ xô đến. Phóng viên tới tấp quanh khu phố buôn bán và gửi tin về sự kiện kỳ lạ này đi khắp nước. Họ lấy xẻng xúc cá trước ống kính để minh họa điều đã xảy ra. Họ còn phỏng vấn một bà nội trợ bị một con cá thu rơi trúng đầu, vây nó làm bà toạc cả má. "May mà không phải là một con cá ngừ," bà vừa nói vừa ấp khăn tay vào má. Bà nói nghiêm túc nhưng khán giả xem tivi đều cười. Một phóng viên táo tợn đã nướng và ăn thử mấy con ngay tại chỗ. "Ngon tuyệt," anh ta vênh vang nói. "Rất là tươi, với chất béo vừa độ. Tiếc là không có củ cải đỏ và cơm nóng để ăn kèm."

Viên cảnh sát trẻ hoang mang. Cái lão già lẩm cẩm kỳ quái ấy - tên lão ta là gì nhỉ - đã tiên đoán trận mưa cá đó. Cá mòi và cá thu, đúng như lời lão nói... Thế mà mình đã cười xòa gạt phắt đi, anh ta nghĩ thầm. Thậm chí mình còn không ghi tên và địa chỉ của lão nữa. Mình có nên báo cáo với sếp chuyện này không nhỉ? Đúng ra là phải làm thế,

nhưng bây giờ thì còn ích gì? Không ai bị thương và không có gì chứng tỏ đây là một vụ liên quan đến hình sự. Chỉ là một cơn lốc cá từ trên trời trút xuống, thế thôi.

Nhưng liệu sếp có tin lời mình không? Giả dụ mình kể lại với ông ta toàn bộ câu chuyện - rằng đêm trước hôm xảy ra vụ này, một lão già kỳ quặc đã ghé vào đồn và tiên đoán rằng sẽ có một trận mưa cá. Ông ấy sẽ nghĩ rằng mình hoàn toàn mất trí. Và câu chuyện sẽ lan truyền khắp vùng, mỗi người kể lại đều thêm mắm thêm muối, và cuối cùng thành giai thoại để mọi người cười vào mũi mình.

Còn một điều nữa, viên cảnh sát nghĩ. Lão già đến để trình báo rằng lão đã giết một ai đó. Nói cách khác là tự nộp mình. Vậy mà mình không hề coi lời khai của lão là thật. Thậm chí cũng chẳng buồn ghi vào sổ trực nữa. Rõ ràng là vi phạm quy định, có thể bị cảnh cáo. Nhưng mà câu chuyện của lão thật quá *phi lý*. Ắt chẳng cảnh sát nào có thể coi lời lão là thật. Cái đồn cảnh sát này đôi khi bận bịu như điên, giấy tờ chất như núi. Thế giới này đầy những kẻ chập mạch và như thể thông đồng với nhau, vào lúc này lúc nọ, họ đều tìm đến đồn cảnh sát để tuôn ra những chuyện quàng xiên chẳng đâu vào đâu. Nếu lưu tâm đến tất cả đám điên ấy thì chính anh cũng sẽ hóa rồ.

Nhưng lời tiên đoán về trận mưa cá kia - mà đó cũng có vẻ là một tuyên bố điên rồ - lại ứng nghiệm thật sự, cho nên chưa biết chừng (chưa biết chừng thôi) câu chuyện lão kể là đã giết chết ai đó mà lão gọi là Johnnie Walker, có thể là thật cũng nên. Giả dụ đúng là vậy, thì sẽ là vấn đề lớn đây, bởi anh ta đã khước từ một kẻ đến thú tội giết người và thậm chí còn không viết báo cáo về việc đó nữa.

Cuối cùng, một xe rác tới hốt hết những đống cá. Viên cảnh sát trẻ đứng ra điều hành giao thông, chặn lối vào khu buôn bán không cho xe hơi vào. Vẩy cá dính chặt trên mặt đường trước các cửa hàng, vòi nước phun mạnh thế nào cũng không gột đi được. Đường phố ướt sũng khiến mấy bà nội trợ đi xe đạp bị trượt ngã. Khu vực này tanh nồng mùi cá nhiều ngày sau đó, khiến lũ mèo nhốn nháo cả lên. Viên cảnh sát trẻ bận bịu với việc dọn dẹp không còn thì giờ nghĩ đến ông già kỳ lạ nữa.

Tuy nhiên, ngày hôm sau trận mưa cá, viên cảnh sát suýt nghẹn vì sốc khi xác một người đàn ông bị đâm chết được phát hiện ở khu lân

cận. Người chết là một nhà điêu khắc nổi tiếng và người phát hiện thấy xác ông ta là bà lao công cứ cách một ngày lại đến dọn vệ sinh giúp. Cái xác trần truồng nằm giữa một vũng máu. Ước đoán thời gian xảy ra án mạng là vào buổi tối hai hôm trước và hung khí là một con dao bếp. Trong cơn bàng hoàng, cuối cùng, viên cảnh sát trẻ buộc phải tin những gì ông già đã kể với anh ta. Trời, anh ta thầm nghĩ, mình đã dính vào một chuyện rắc rối nhường bao! Đáng ra mình phải gọi lên quận và đưa lão già vào phòng tạm giam. Lão đến thú tội giết người, vậy lẽ ra mình phải giao nộp lão lên cấp trên và để *họ* quyết định xem lão có điên hay không. Nhưng mình đã lẩn tránh nhiệm vụ. Giờ đã đến nước này thì tốt nhất là ngậm miệng và xem như chuyện đó không bao giờ xảy ra, anh ta quyết định.

Nhưng lúc này, Nakata đã không còn ở trong thành phố nữa.

# Chương 19

Hôm đó là thứ Hai, thư viện đóng cửa. Bình thường đã khá tĩnh lặng, những hôm đóng cửa thư viện lại càng giống như một miền đất bị thời gian bỏ quên. Hay đúng hơn, một miền đất đang nín thở, hy vọng là thời gian đừng chạm tới mình.

Đi xuôi theo hành lang từ phòng đọc, qua tấm biển DÀNH RIÊNG CHO NHÂN VIÊN, ta thấy một khoang bếp, có cả một lò vi ba, có thể pha cà phê hoặc trà ở đó. Tiếp liền đó, là cửa vào phòng ngủ dành cho khách có tủ tường và buồng tắm nhỏ xíu. Cạnh chiếc giường một là một tủ nhỏ đầu giường trên đặt một chiếc đèn đọc sách và một đồng hồ báo thức. Có cả một bàn viết nhỏ với một cây đèn ở trên, một bộ ghế kiểu cổ để tiếp khách và một hòm đựng quần áo. Bên trên một tủ lạnh cỡ nhỏ là một giá để bát đĩa. Nếu muốn tự làm một bữa ăn đơn giản, thì khoang bếp ở ngay ngoài cửa. Buồng tắm được trang bị vòi hoa sen, xà phòng và dầu gội đầu, máy sấy tóc và nhiều khăn tắm. Tất cả những tiện nghi cần thiết cho một kỳ tạm trú ngắn. Qua một cửa sổ mở về hướng Tây, có thể thấy cây trong vườn. Đã sắp tối và ánh chiều tà lấp lánh qua những cành tuyết tùng.

"Mình đã ở đây vài lần, khi không tiện về nhà," Oshima nói. "Ngoài ra, chưa có ai khác dùng căn phòng này. Theo mình biết, thì Miss Saeki chưa bao giờ đặt chân vào đó. Mình muốn nói là cậu ở đây không chiếm chỗ của ai cả."

Tôi đặt ba lô xuống sàn và nhìn quanh nơi ở mới của mình.

"Giường nệm sạch tinh tươm và tủ lạnh có đủ thức cho cậu dùng. Sữa, hoa quả, rau, bơ, giăm bông, phômát... Không đủ cho một bữa ăn tươm tất, nhưng chí ít cũng đủ cho một món xa-lát hay xăng-uých. Nếu cậu muốn xôm hơn thì có thể gọi nhà hàng mang tới hoặc ra ngoài ăn. Riêng khoản quần áo bẩn, có lẽ cậu phải tự giặt lấy trong buồng tắm thôi. Thế nhé, mình còn bỏ sót điều gì không nhỉ?"

"*Miss Saeki* thường làm việc ở đâu?"

Oshima chỉ lên trần. "Cậu có nhớ cái phòng trên tầng hai mà cậu đã thấy hôm tham quan không? Bao giờ bà cũng ngồi viết ở đấy. Khi nào mình có việc phải ra ngoài, thì bà xuống tầng trệt trực thay ở quầy. Nhưng trừ phi bà có việc phải làm dưới trệt, bà luôn luôn ở phòng đó."

Tôi gật đầu.

"Ngày mai mình sẽ có mặt ở đây trước mười giờ để chỉ dẫn cụ thể công việc của cậu. Từ giờ đến lúc đó, cậu cứ nghỉ ngơi thoải mái."

"Cám ơn anh về mọi sự," tôi nói.

"*My pleasure*(*)," anh đáp.

Sau khi anh rời khỏi, tôi bỏ đồ trong ba lô ra. Xếp mớ quần áo nghèo nàn vào hòm, treo sơ mi và áo vest lên mắc, để sổ tay và bút lên bàn viết, các đồ dùng vệ sinh vào buồng tắm và cuối cùng, cho chính cái ba lô vào tủ tường.

Phòng không có trang trí gì ngoài một bức sơn dầu nhỏ, chân dung tả thực một cậu bé bên bờ biển. Không tồi, tôi khẳng định - có lẽ là tác phẩm của một họa sĩ nổi tiếng chăng? Cậu bé khoảng mười hai tuổi, đội một cái mũ che nắng màu trắng và ngồi trên một chiếc ghế bố nhỏ, chống khuỷu lên tay ghế, đỡ lấy cằm. Vẻ hơi buồn nhưng đồng thời cũng có phần mãn nguyện. Một con chó bẹc-giê Đức màu đen ngồi cạnh chú bé như một vệ sĩ. Trên nền sau là biển và vài ba người khác, nhưng quá xa không thấy rõ mặt. Thấp thoáng một hòn đảo nhỏ và vài đám mây hình quả đấm trôi trên bầu trời. Ranh là một cảnh mùa hè. Tôi ngồi vào bàn viết và ngắm bức tranh hồi lâu, kỳ đến lúc bắt đầu cảm thấy như đang nghe tiếng sóng vỗ bờ và ngửi mùi muối mặn của biển.

---

* Tiếng Anh trong nguyên bản: Không dám.

Chú bé trong tranh có thể là chú bé đã từng sống trong căn phòng này, người yêu thuở xưa của Miss Saeki. Chàng trai bị mắc kẹt giữa những cuộc đụng độ trong phong trào sinh viên và đã bị đánh đến chết một cách phi lý. Không có căn cứ chắc chắn, nhưng tôi dám cuộc đó là ai. Cảnh trong tranh nom rất giống những gì ta thấy ở quanh đây. Nếu đúng thế, thì đây chắc vào khoảng bốn mươi năm[5] trước - đối với một đứa như tôi, quãng thời gian đó là cả một thiên thu. Tôi cố hình dung mình bốn mươi năm sau, nhưng thật chẳng khác nào cố tưởng tượng ra những gì ở bên ngoài vũ trụ vậy.

Sáng hôm sau, Oshima tới và chỉ cho tôi những việc phải làm trước khi mở cửa thư viện. Trước hết, phải mở khóa, mở các cửa sổ cho thông thoáng các phòng, lia nhanh một tua máy hút bụi, lau các mặt bàn, thay hoa trong các bình, bật đèn, thỉnh thoảng tưới nước trong vườn cho sạch bụi và đến giờ thì mở cửa ra vào. Đến giờ đóng cửa, cũng vẫn những công việc ấy theo thứ tự đảo ngược - khóa các cửa sổ, lau các mặt bàn, tắt đèn và đóng cửa trước.

"Ở đây chẳng có nhiều thứ cho kẻ trộm dòm ngó, cho nên có lẽ chúng ta không cần lúc nào cũng lo khóa cửa chính," Oshima nói. Nhưng Miss Saeki và mình không thích cung cách làm ăn cẩu thả. Cho nên chúng tôi cố gắng làm việc theo đúng quy tắc. Đây là *ngôi nhà của chúng tôi,* chúng tôi trân trọng nó. Và tôi hy vọng cậu cũng sẽ làm như thế."

Tôi gật đầu.

Sau đó, anh chỉ dẫn cho tôi công việc ở quầy tiếp tân, làm thế nào để giúp những người đến đọc ở thư viện.

"Hiện tại, cậu chỉ cần ngồi cạnh mình, quan sát những gì mình làm. Cũng chẳng có gì khó lắm đâu. Nếu có gì phức tạp cậu không xử lý được, cậu cứ lên gác hỏi Miss Saeki. Bà sẽ giải quyết."

Miss Saeki đến trước mười một giờ một chút. Chiếc Volkswagen Golf của bà có tiếng động cơ rất dễ phân biệt, nó vừa đến là tôi nhận ra ngay. Đậu xe xong, bà vào bằng lối cửa sau và chào hai chúng tôi. "Chào buổi sáng," bà nói. "Chào cô," chúng tôi đáp. Chuyện trò giữa chúng tôi chỉ tới chừng đó. Miss Saeki mặc một chiếc áo dài xanh nước biển ngắn tay, vai đeo túi, tay khoác một chiếc áo vest. Không có chút gì có

thể gọi là đồ trang sức, son phấn trang điểm chỉ loáng thoáng. Tuy nhiên, ở bà có một cái gì thật rực rỡ. Bà liếc nhìn tôi đứng cạnh Oshima, vẻ như muốn nói điều gì, song lại thôi. Bà chỉ hơi mỉm cười với tôi rồi lên phòng làm việc của mình trên tầng hai.

"Đừng ngại," Oshima trấn an tôi. "Bà không thắc mắc gì về sự có mặt của cậu ở đây đâu. Bà vốn không thích chuyện phiếm, có thế thôi."

Đúng mười một giờ, Oshima và tôi mở cửa chính, nhưng hồi lâu không có ai đến. Trong khoảng thời gian đó, anh hướng dẫn tôi cách tìm sách trên máy tính. Máy ở đây đều thuộc loại dành cho thư viện tôi đã quen dùng. Sau đó anh bày cho tôi cách sắp xếp tất cả các phiếu nhập sách. Hằng ngày, thư viện nhận được những sách mới xuất bản và một trong những nhiệm vụ của tôi là tạo phiếu cho sách mới đến.

Khoảng mười một rưỡi, hai phụ nữ cùng đến, mặc quần jeans giống hệt nhau. Người thấp hơn tóc húi cua như một vận động viên bơi, còn người cao hơn tết tóc thành bím vắt vẻo sau lưng. Cả hai đều đi giày chạy bộ, một người mang đôi Nike, người kia mang đôi Asics. Người cao trạc bốn mươi tuổi, đeo kính, mặc sơ mi carô, người thấp, khoảng ba mươi, mặc áo cánh trắng. Cả hai đều đeo ba lô nhỏ sau lưng, vẻ mặt u ám như bầu trời đầy mây và chẳng nói gì mấy. Oshima đề nghị họ gửi ba lô ở cửa vào và hai người đàn bà, vẻ không hài lòng, lấy bút và sổ tay ra trước khi gửi lại.

Hai người đàn bà đi khắp thư viện, xem xét từng ngăn sách một, ráo riết lật giở từng bìa phiếu, thỉnh thoảng lại ghi ghi chép chép. Họ không đọc gì, cũng chẳng thèm ngồi. Họ hành xử không giống độc giả của thư viện mà giống những thanh tra sở thuế đến kiểm tra sổ sách của một công ty kinh doanh vậy. Oshima và tôi không thể đoán được họ là ai hoặc định làm gì. Anh nháy mắt với tôi và nhún vai. Tôi cảm thấy chuyện này chẳng có gì tốt lành, nói vậy còn là nhẹ.

Đến trưa, trong khi Oshima ra ngoài vườn ăn trưa, tôi thay anh đứng quầy.

"Xin lỗi, cho tôi hỏi một câu," một trong hai phụ nữ, bà cao, tiến đến, nói với tôi. Giọng bà ta khô khốc, rắn đanh như một ổ bánh bỏ quên lâu ngày trong góc chạn.

"Vâng, tôi có thể làm gì cho bà?"

Bà ta cau mày nhìn tôi như nhìn một cái khung tranh méo. "Cậu là học sinh trung học?"

"Vâng, đúng thế, tôi đang tập sự," tôi đáp.

"Tôi muốn nói chuyện với cấp trên của cậu, có ai trong số họ ở đây không?"

Tôi ra vườn kiếm Oshima. Anh chậm rãi nhấp một ngụm cà phê để chiêu chút thức ăn trong miệng, phủi những vụn bánh vãi trên lòng và vào nhà.

"Vâng, tôi có thể giúp gì cho bà?" Oshima nhã nhặn hỏi.

"Xin nói để anh biết, chúng tôi đang điều tra các phương tiện văn hóa công cộng trong toàn quốc từ quan điểm nữ giới, trên các mặt: dễ sử dụng, dễ tiếp cận và một số vấn đề khác," bà nói. "Nhóm chúng tôi đang tiến hành một cuộc điều tra kéo dài một năm và dự định sẽ xuất bản một báo cáo về những phát hiện của mình. Một số lớn phụ nữ đã tham gia vào dự án và hai chúng tôi đây được giao phụ trách khu vực này."

"Nếu bà không phiền," Oshima nói, "xin cho biết tên của tổ chức đó?"

Bà ta rút ra một tấm danh thiếp, chìa cho anh.

Vẻ mặt không chút thay đổi, Oshima đọc kỹ tấm danh thiếp, đặt lên quầy rồi ngước lên nhìn bà ta đăm đắm với một nụ cười nồng cháy. Một nụ cười hảo hạng, đảm bảo có thể làm đỏ mặt bất kỳ người đàn bà dồi dào sinh lực nào.

Lạ thay, người đàn bà này không hề phản ứng, thậm chí không cả nhướn mày. "Thật không may, chúng tôi đã đi đến kết luận là thư viện này có một số vấn đề cần xét."

"Bà nói từ quan điểm nữ giới," Oshima bình luận.

"Đúng, *từ quan điểm nữ giới*," bà ta đáp. Bà ta hắng giọng. "Và chúng tôi muốn nêu vấn đề với ban quản trị ở đây và nghe họ trả lời, nếu anh không phiền."

"Chúng tôi không có cái thứ sang trọng gọi là "ban quản trị", nhưng tôi xin vui lòng nghe bà."

"Tốt, trước hết, ở đây không có nhà vệ sinh dành riêng cho phụ nữ. Đúng không?"

"Vâng, đúng thế. Thư viện này không có nhà vệ sinh dành riêng

cho nữ giới. Chúng tôi có một nhà vệ sinh cho cả nam và nữ."

"Ngay cả những cơ sở tư nhân, một khi đã mở cho công chúng, thì về nguyên tắc, cũng phải có nhà vệ sinh riêng rẽ cho nam và nữ, anh có nghĩ thế không?"

"Về nguyên tắc?" Oshima nói.

"Đúng. Nam nữ dùng chung nhà vệ sinh dễ gây ra đủ kiểu quấy rầy tình dục. Theo điều tra của chúng tôi, đa số phụ nữ không muốn dùng chung nhà vệ sinh với nam giới. Đây là một bằng chứng rõ ràng về sự xao lãng đối với các độc giả phái nữ."

"Xao lãng..." Oshima nói và nhăn mặt như vừa nuốt nhầm phải một cái gì đắng nghét. Xem ra anh chẳng thích gì âm hưởng của cái từ ấy.

"Một sự cố tình bỏ qua."

"Cố tình bỏ qua," anh nhắc lại và ngẫm nghĩ một chút về cụm từ vụng về ấy.

"Vậy anh phản ứng như thế nào về chuyện đó?" bà ta hỏi, hầu như không kìm nổi giận dữ[6].

"Như bà có thể thấy," Oshima nói, "đây là một thư viện rất nhỏ. Và khốn thay, chúng tôi lại không có đủ không gian để bố trí hai nhà vệ sinh riêng rẽ. Tất nhiên nếu được như thế thì tốt, nhưng cho tới nay, chưa ai trong số độc giả của chúng tôi phàn nàn về điều đó. May thay - hay rủi thay - thư viện chúng tôi không đông độc giả lắm. Nếu bà muốn tiếp tục đi sâu thêm về vấn đề toa-lét riêng rẽ này, tôi khuyên bà nên đến trụ sở hãng Boeing ở Seattle và chất vấn họ về tiện nghi vệ sinh trên các máy bay 747. Một chiếc Boeing 747 to hơn thư viện của chúng tôi nhiều và đông khách hơn nhiều. Theo chỗ tôi biết thì tất cả toa-lét trên các máy bay phản lực chở hành khách đều chung cho cả nam lẫn nữ."

Bà cao cau mặt nghiêm nghị nhìn Oshima, đôi gò má gồ lên khiến cặp kính trượt trên sống mũi. "Chúng tôi không điều tra tiện nghi trên máy bay. Anh nói đến Boeing 747 là lạc đề."

"Dù là trên máy bay hay trong thư viện chúng tôi, thì về nguyên tắc, những vấn đề nảy sinh cũng như nhau, bà không thấy thế sao?"

"Chúng tôi đang điều tra lần lượt các phương tiện công cộng. Chúng tôi không đến đây để tranh cãi về các nguyên tắc."

Nụ cười mềm mỏng của Oshima không lúc nào rời môi anh trong

suốt cuộc trao đổi. "Chẳng phải đích thị *nguyên tắc* là đầu đề tranh cãi của chúng ta đó sao?"

Bà kia nhận ra mình đã hớ. Bà ta hơi đỏ mặt, tuy nhiên không phải vì sức quyến rũ tình dục của Oshima. Bà bèn đổi chiến thuật. "Dù sao đi nữa, nói đến máy bay phản lực khổng lồ ở đây là không phù hợp. Anh đừng tìm cách làm rối vấn đề."

"Tôi hiểu. Thôi không nói đến máy bay nữa," Oshima hứa. "Ta sẽ chuyển vấn đề xuống mặt đất vậy."

Người đàn bà trừng trừng nhìn anh và, sau khi hít một hơi, bà tiếp tục tấn công. "Một vấn đề khác tôi muốn nêu lên: các tác giả ở đây được phân chia theo giới tính."

"Đúng. Người tiền nhiệm của chúng tôi đã lập danh mục tác giả và không biết vì lý do gì, đã chia ra bên nam bên nữ. Chúng tôi đã nghĩ đến việc sắp xếp lại nhưng cho đến nay vẫn chưa có điều kiện."

"Chúng tôi không phê phán điểm ấy," bà ta nói.

Oshima hơi nghiêng đầu.

"Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ trong tất cả các loại sách, các tác giả nam đều được liệt kê trước các tác giả nữ," bà ta nói. "Theo cách nghĩ của chúng tôi, điều đó vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới và hoàn toàn không công bằng."

Oshima lại cầm tấm danh thiếp của bà ta lên, lướt mắt trên các dòng chữ, rồi lại đặt xuống mặt quầy. "Thưa bà Soga," anh mở đầu, "khi điểm danh ở trường, người ta ắt phải gọi tên bà trước cô Tanaka và sau cô Sekine. Liệu bà có khiếu nại không? Liệu bà có đòi người ta đảo lộn trật tự? Chữ G có bất bình vì phải đứng sau chữ F trong vần chữ cái không? Trong một cuốn sách, trang 68 có nổi dậy làm cách mạng chỉ vì bị xếp sau trang 67 không?"

"Nói lạc đề rồi," bà ta nổi cáu. "Anh cố tình làm rối vấn đề."

Người phụ nữ thấp hơn đang đứng ghi chép trước một chồng sách, nghe thấy bà kia cao giọng, bèn chạy đến.

"*Cố tình làm rối vấn đề*," Oshima nhắc lại, như thể nhấn mạnh lời bà ta.

"Anh phủ nhận hả?"

"Một con cá trích đỏ," Oshima đáp

Người đàn bà tên là Soga đứng ngây, miệng há hốc, không thốt ra được một tiếng nào.

"Trong tiếng Anh, thành ngữ *red herring* (cá trích đỏ) có nghĩa là một cái gì lý thú nhưng lại dẫn đi chệch khỏi đề tài chính. Tuy nhiên tôi chưa đi sâu tìm hiểu nguyên do của cái thành ngữ ấy."

"Cá trích hay cá thu hay gì gì nữa vẫn chỉ là chuyện anh né tránh vấn đề."

"Thật ra, tôi đang đảo ngược phép loại suy," Oshima nói. "Một trong những phương pháp lập luận hiệu quả nhất, theo Aristotle. Những công dân của Athens cổ đại rất khoái dùng cái thủ pháp trí tuệ này. Tuy nhiên, thật đáng tiếc là vào thời đó, phụ nữ lại không được bao gồm trong định nghĩa về công dân."

"Anh đang giễu chúng tôi đấy hả?"

Oshima lắc đầu. "Đâu có, điều tôi đang cố gắng diễn đạt là thế này: tôi dám chắc rằng, để kiểm tra xem các quyền của phụ nữ Nhật Bản có được bảo đảm hay không, có nhiều cách hiệu quả hơn là đến ngửi hít quanh quanh một cái thư viện nhỏ trong một cái thành phố nhỏ và phàn nàn về nhà vệ sinh với phiếu kê. Chúng tôi đang làm hết khả năng của mình sao cho cái thư viện khiêm tốn này của chúng tôi giúp ích được cho cộng đồng. Chúng tôi đã thu thập gom góp được một bộ sưu tập sách thượng thặng để phục vụ những người ham đọc. Và chúng tôi làm hết sức mình để tất cả những giao dịch của mình với công chúng mang một bộ mặt người. Có thể bà không biết, chứ bộ sưu tập tư liệu liên quan đến thơ từ những năm 1910 đến thời kỳ trung-Showa của thư viện chúng tôi đã được công nhận trong toàn quốc. Tất nhiên, còn có những điều chúng tôi có thể làm tốt hơn và những thành quả của chúng tôi còn hạn chế. Nhưng xin hãy tin rằng chúng tôi sẽ cố gắng hết mình. Tôi nghĩ là sẽ tốt hơn nhiều nếu bà tập trung vào những gì chúng tôi đã làm *tốt* chứ không phải vào những gì chúng tôi *chưa thể* làm được. Như vậy mới gọi là công bằng, bà có thấy thế không."

Bà cao nhìn bà thấp, bà thấp ngước mắt lên nhìn lại bà cao và lần đầu tiên mở miệng. "Anh vừa mới né tránh vấn đề, thở ra những luận điệu rỗng tuếch nhằm trốn trách nhiệm," bà ta nói bằng một giọng the thé. "Trên *thực tế* - thôi thì dùng luôn từ ấy cho tiện - anh chỉ cố gắng

tự biện hộ một cách dễ dãi. Không phải nói ngoa, anh là một thí dụ lịch sử bi thiết về thói đề cao dương vật như là trung tâm vũ trụ."

"*Một thí dụ lịch sử bi thiết,*" Oshima nhắc lại, rõ ràng là thán phục. Qua giọng anh, tôi cảm thấy anh khoái âm hưởng của cụm từ đó.

"Nói cách khác, anh là một con đực gia trưởng trọng nam khinh nữ điển hình," bà cao chêm vào, không giấu nổi sự tức tối.

"*Một con đực gia trưởng,*" Oshima lại nhắc lại.

Bà thấp không thèm để ý, tiếp tục nói. "Anh viện dẫn hiện trạng với cái lô gích rẻ tiền "dương vật là trung tâm" làm bệ đỡ, để hạ thấp toàn bộ nữ giới xuống hàng công dân hạng hai, để hạn chế và tước đoạt các quyền chính đáng của phụ nữ. Anh làm điều đó một cách vô thức chứ không phải có dụng ý, nhưng như thế, anh càng thêm nặng tội. Anh bảo vệ những quyền lợi đã thủ đắc của nam giới và trở nên chai sạn trước nỗi đau của những người khác giới, thậm chí không chịu cố gắng tìm hiểu xem sự mù quáng của mình đã gây hại cho phụ nữ và xã hội như thế nào. Tôi hiểu những vấn đề toa-lét và phiếu danh mục chỉ là chi tiết, nhưng nếu chúng tôi không bắt đầu từ những chuyện nhỏ, thì chúng tôi sẽ không bao giờ có thể vứt bỏ được tấm màn bưng bít che phủ xã hội. Đó là những nguyên tắc hành động của chúng tôi."

"Tất cả những phụ nữ biết điều hơn lẽ thiệt đều cảm nghĩ theo cách ấy," bà cao, chêm vào, mặt không chút biểu cảm.

"*Thử hỏi người phụ nữ có tinh thần quảng đại nào có thể ứng xử cách khác trước những tra tấn mà tôi đang phải chịu đựng,*" Oshima nói.

Hai bà đứng sững im lặng như hai tảng băng.

"Đó là một câu thoại trong *Electra* của Sophocles. Một vở kịch tuyệt vời. Và tiện đây, xin nói: từ "gender (giống)" thoạt kỳ thủy được dùng để chỉ giống trong ngữ pháp thôi. Tôi cảm thấy khi chỉ sự khác nhau về giới tính, thì dùng từ "sex" hợp hơn. Trong trường hợp này, dùng "gender" là không chuẩn. Xin lưu ý một điểm trên khía cạnh ngôn ngữ học như vậy."

Im lặng giá băng.

"Dù sao đi nữa, những điều các bà đã nói đều sai về cơ bản," Oshima nói tiếp, bình tĩnh nhưng dằn từng tiếng. "Tôi dứt khoát *không* phải là một thí dụ lịch sử bi thiết về một con đực gia trưởng."

"Vậy anh hãy giải thích một cách đơn giản những điều chúng tôi nói có gì sai?" bà thấp thách thức.

"Mà không tránh né vấn đề hoặc phô trương kiến thức," bà cao bổ sung.

"Được. Tôi sẽ làm đúng như thế - giải thích một cách đơn giản và trung thực, không né tránh hoặc phô phang kiến thức," Oshima nói.

"Chúng tôi đang đợi đây," bà cao nói và bà thấp gật đầu ra ý tán thành.

"Trước hết tôi không phải là một con đực," Oshima thông báo.

Tất cả mọi người im lặng sững sờ. Tôi nuốt khan và liếc nhìn Oshima.

"Tôi là một phụ nữ," anh nói.

"Tôi xin anh đừng có giỡn hoài," bà thấp nói sau một hồi im lặng để lấy hơi. Tuy nhiên, không được tự tin lắm, tựa như chỉ vì bà ta cảm thấy ai đó cần phải nói *một câu gì.*

Oshima rút ví từ túi quần, lấy tấm bằng lái xe ra, đưa cho bà ta. Bà đọc những dòng chữ trên đó, cau mày rồi đưa cho người bạn cao của mình, bà này đọc và sau một giây lưỡng lự, đưa trả tấm bằng cho Oshima, vẻ cay cú hiện trên nét mặt.

"Cậu cũng muốn xem chứ?" Oshima hỏi tôi. Khi tôi lắc đầu, anh nhét tấm bằng lái vào ví, bỏ túi quần. Rồi đặt cả hai tay lên quầy, anh nói. "Như các bà thấy, về mặt sinh học và pháp lý, tôi là một con cái không ai phủ nhận được. Vì thế nên những gì bà đã nói về tôi cơ bản là sai. Tôi dứt khoát không thể, như lời bà nói, là một *con đực gia trưởng trọng nam khinh nữ điển hình.*

"Phải, nhưng..." bà cao nói nhưng lại ngừng bặt. Bà thấp, môi mím chặt, vân vê cổ áo(*). "Thân thể tôi là đàn bà, nhưng tinh thần tôi thì hoàn toàn là đàn ông," Oshima nói tiếp. "Về mặt xúc cảm, tôi sống như một người đàn ông. Cho nên tôi nghĩ cái khái niệm *một thí dụ lịch sử* của bà có thể là đúng. Và có thể tôi trọng nam khinh nữ, biết đâu đấy. Nhưng tôi không phải là một người nữ đồng giới tình dục, mặc dù

---

* Chữ *homosexual* (hay lesbian với nữ giới) xưa nay ta vẫn quen dịch là: *đồng tính luyến ái*, theo tôi là không chính xác. Thứ nhất, không phải đồng tính, mà là *đồng giới;* thứ hai, không phải *luyến ái*, mà là *tình dục.* Tôi ưng dùng từ *đồng giới tình dục* hơn.

tôi ăn mặc thế này. Sở thích tình dục của tôi là với đàn ông. Nói cách khác, tôi là nữ, nhưng lại là nam trong hành xử đồng giới tình dục. Tôi hoạt động tình dục qua hậu môn và không bao giờ dùng âm hộ để làm tình. Âm vật của tôi nhạy cảm, nhưng vú tôi lại vô cảm. Tôi không hành kinh. Vậy thì tôi phân biệt giới ở điểm nào?"

Ba chúng tôi nghe cứ ngẩn tò te, không nói nên lời. Một trong hai bà đằng hắng, tiếng khục khặc trong cổ vang lên trong căn phòng. Chiếc đồng hồ trên tường cao giọng tích tắc điểm từng giây.

"Tôi xin lỗi," Oshima nói, "tôi đang ăn dở bữa trưa. Lúc các bà gọi tôi đến, tôi đang ăn món cá ngừ cuốn rau dền, mới hết nửa. Nếu tôi để ngoài đó quá lâu, bọn mèo quanh đây sẽ cuỗm mất. Nhiều người đem những con mèo con họ không ưng vứt vào khu rừng gần biển, nên khu vực này đầy mèo. Nếu các bà không phiền, tôi xin quay về với bữa trưa của mình. Vậy các bà bỏ quá cho. Nhưng xin các bà cứ thư thả và thăm thú thư viện. Thư viện của chúng tôi mở cửa cho tất cả mọi người. Chừng nào các bà tuân theo nội quy và không làm phiền các độc giả khác, các bà có thể thoải mái làm bất cứ điều gì mình thích. Các bà có thể xem xét bất cứ cái gì các bà cần. Cứ tiếp tục điều tra và viết những gì các bà muốn trong báo cáo của mình. Chúng tôi bất cần. Chúng tôi không nhận tài trợ từ bất cứ nơi nào và làm mọi việc theo cách riêng của chúng tôi. Và đó là cách chúng tôi ưa thích."

Sau khi Oshima đi khỏi, hai bà nhìn nhau, rồi cùng nhìn tôi chòng chọc. Có thể họ tưởng tôi là bồ của Oshima hay gì đó. Tôi không nói gì và bắt đầu sắp xếp các thẻ danh mục. Hai bà thầm thì với nhau giữa các ngăn sách và không lâu sau, thu dọn đồ lề rồi bắt đầu rút lui. Mặt lạnh tanh, họ không buồn nói một lời cảm ơn khi tôi trao trả những chiếc ba lô nhỏ cho họ.

Một lúc sau, Oshima ăn xong, quay vào. Anh đưa tôi hai chiếc nem cuốn cá ngừ với rau dền xanh rưới xốt kem trắng bên trên. Đó là bữa trưa của tôi. Tôi đun ít nước, pha trà Earl Grey để chiêu.

"Tất cả những điều mình nói lúc nãy đều là thật," Oshima nói khi tôi ăn xong quay về.

"Vậy ra điều anh định ám chỉ khi nói với em anh là một con người đặc biệt, có nghĩa là thế?"

"Khi ấy mình không có ý huênh hoang," anh nói, "nhưng giờ thì cậu hiểu là mình đã không nói quá, phải không?"

Tôi lặng lẽ gật đầu.

Oshima tủm tỉm cười. "Về mặt giới tính, mình dứt khoát là đàn bà, tuy vú mình không phát triển mấy và mình không bao giờ có kinh. Nhưng mình không có dương vật và tinh hoàn, không có râu ria. Tóm lại, mình *chẳng có gì*. Một thứ cảm giác nhẹ tếch, nếu như cậu muốn gài một ngụ ý tích cực vào đó.Tuy nhiên, mình không chắc cậu có thể hiểu được cảm giác đó."

"Em chắc là không," tôi nói.

"Đôi khi, chính mình cũng không hiểu. Quỷ tha ma bắt, mình là cái gì nhỉ? Thực vậy, theo cậu, mình là cái gì?"

Tôi lắc đầu. "Chao, em cũng chẳng biết em là cái gì nữa."

"Một sự khủng hoảng bản sắc mang tính cổ điển."

Tôi gật đầu.

"Nhưng ít nhất thì cậu cũng biết bắt đầu từ đâu. Không như mình."

"Em bất cần anh là cái gì. Bất kể anh là gì, em cũng vẫn thích anh," tôi nói. Cả đời, tôi chưa bao giờ nói với ai như thế, và những lời đó làm tôi đỏ mặt.

"Cám ơn," Oshima nói và dịu dàng đặt tay lên vai tôi. "Mình biết là mình *hơi* khác mọi người, nhưng mình vẫn là một con người. Mình muốn cậu nhận thức rõ điều đó. Mình là một con người bình thường, chứ không phải một quái vật. Mình cảm nhận sự vật như mọi người, hành động như mọi người. Tuy nhiên, đôi khi cái khác biệt nho nhỏ ấy lại như một vực thẳm ngăn cách. Nhưng có lẽ mình cũng đành chịu vậy thôi, biết làm thế nào." Anh cầm một cây bút chì dài vót nhọn ở trên quầy lên, đăm đăm nhìn như thể đó là một phần kéo dài của cơ thể. "Mình đã muốn kể với cậu tất cả những điều này vào thời điểm sớm nhất có thể, nói trực tiếp chứ không để cậu nghe qua một người nào khác. Cho nên mình nghĩ hôm nay là một cơ hội tốt. Tuy nhiên, đó không phải là một trải nghiệm thú vị lắm, phải không?"

Tôi gật đầu.

"Mình đã nếm trải đủ mọi kiểu phân biệt đối xử," Oshima nói.

"Chỉ những người đã bị phân biệt đối xử mới thực sự hiểu điều đó đau đớn biết nhường nào. Mỗi người cảm nhận nỗi đau theo cách riêng của mình, mỗi người mang những vết sẹo riêng. Thế nên mình nghĩ là mình khát thèm bình đẳng và công bằng không kém bất kỳ ai. Nhưng điều làm mình ghê tởm hơn nữa là những kẻ không có tí đầu óc tưởng tượng nào. Loại người mà T.S. Eliot gọi là *những người rỗng tuếch*(*). Những kẻ lấp đầy khoảng trống vắng trí tưởng tượng bằng những cọng rơm không chút tâm cảm, mà thậm chí chẳng biết mình đang làm gì. Những kẻ chai lì ném vào anh hàng mớ lời chữ rỗng tuếch, ra sức cưỡng bách anh làm những điều anh không muốn. Giống như cái cặp bài trùng khả ái mà chúng ta vừa gặp."

Anh thở dài, xoay xoay cây bút chì dài mảnh trong tay. "Đám đồng giới tình dục nam cũng như nữ, đám dị giới tình dục, những người hoạt động đòi phụ nữ bình quyền, bọn lợn phát xít, những người cộng sản, những thành viên của giáo phái Hare Krishna(**) - mình chẳng ngại đám nào cả. Mình bất cần họ giương cờ gì. Nhưng cái mà mình *không thể* chịu nổi là những kẻ *rỗng tuếch*. Hễ có mặt họ là mình hết chịu nổi và rốt cuộc thế nào cũng xổ ra những điều lẽ ra không nên nói. Với hai bà vừa rồi, lẽ ra mình nên cho qua hoặc giả gọi Miss Saeki đến giải quyết. Trong trường hợp ấy, bà ắt tươi cười giải thích êm xuôi mọi chuyện. Nhưng mình thì không thể làm thế được. Mình nói những điều không nên nói, làm những điều không nên làm. Mình không kiểm soát được bản thân. Đó là một trong những nhược điểm của mình. Cậu có biết tại sao đó lại là một nhược điểm không?"

"Bởi vì nếu với mỗi một người thiếu đầu óc tưởng tượng, anh đều bận tâm một cách nghiêm túc, thì chả biết bao giờ cho xong."

"Chính thế," Oshima nói. Anh lấy đầu có tẩy của cây bút chì khẽ dỗ dỗ vào thái dương. "Nhưng mình muốn cậu nhớ điều này, Kafka ạ. Chính cái loại người như thế đã giết chết người tình thời thơ trẻ của Miss Saeki. Đầu óc hẹp hòi triệt tiêu trí tưởng tượng. Không khoan nhượng, lý thuyết tách rời khỏi thực tế, ngôn từ sáo rỗng, lý tưởng vay

---

* *Hollow Men*, một bài thơ nổi tiếng của Thomas Stearns Eliot (1888-1965), thi hào Anh gốc Mỹ

** Một giáo phái Veda trong đó các thành viên họp thành từng nhóm đồng thanh tụng ca tên thần Krishna, được thành lập ở Hoa Kì năm 1966.

mượn, hệ thống cứng nhắc. Đó chính là những cái làm mình *thực sự* kinh hãi. Những cái mình cực kỳ khiếp sợ và ghê tởm. Dĩ nhiên, cần phải biết cái gì là đúng và cái gì là sai. Sai lầm cá nhân trong nhận định thường có thể sửa được. Chừng nào anh có can đảm nhận lỗi, mọi sự vẫn có thể cứu vãn được. Nhưng thói cứng nhắc, hẹp hòi thiếu trí tưởng tượng giống như ký sinh trùng làm biến đổi chủ thể bị nó ăn bám, thay đổi hình dạng và tiếp tục sinh sôi nảy nở. Cái đám ấy là không thể cứu vãn và mình không muốn thấy bất kỳ ai trong bọn họ đặt chân vào đây."

Oshima chỉ đầu nhọn của cây bút chì vào những ngăn sách. Tất nhiên là anh nhằm cả thư viện nói chung.

"Mình ước sao có thể cười khẩy không đếm xỉa đến loại người như thế mà không được."

# Chương 20

Đã hơn tám giờ tối khi chiếc xe tải ĐÔNG LẠNH mười tám bánh rẽ khỏi xa lộ Tomei và thả Nakata xuống bãi đậu xe của khu nghỉ Fujigawa. Tay xách túi đồ và ô, lão lụi hụi bước xuống mặt đường rải nhựa.

"Chúc bác may mắn kiếm được một chuyến xe khác," người lái xe thò đầu qua cửa xe, nói. "Bác cứ hỏi quanh đây, chắc thể nào cũng có."

"Đa tạ. Nakata này cám ơn cậu đã giúp đỡ."

"Vô tư đi," người lái nói, rồi vẫy tay và quay xe trở về xa lộ.

*Fu-ji-ga-wa,* người lái xe đã nói thế. Nakata không biết Fu-ji-ga-wa là nơi nào, song lão hiểu là mình đã rời Tokyo và đang đi về hướng Tây. Chả cần đến la bàn hay bản đồ, bản năng mách lão vậy. Giá bây giờ có chiếc xe tải nào đi về hướng Tây cho lão quá giang thì hay quá.

Đói bụng, Nakata quyết định vào nhà hàng của khu nghỉ làm một bát mì. Cơm nắm và sô-cô-la trong bị, lão để dành, phòng trường hợp đột xuất. Vì không biết đọc, lão phải mất một lúc để tìm hiểu xem làm cách nào để mua được đồ ăn. Trước khi vào phòng ăn, phải mua phiếu ăn từ một máy bán hàng tự động, lão phải nhờ người đọc hộ nút bấm. "Mắt lão kém, không nhìn rõ," lão nói với một bà trung niên. Bà này bỏ tiền vào cho lão, bấm nút và đưa tiền thối lại cho lão. Kinh nghiệm đã dạy cho lão là tốt nhất đừng để người ta biết là lão mù chữ. Bằng không, họ sẽ trừng trừng nhìn lão như nhìn một con quái vật.

Ăn xong, Nakata, vai đeo túi, tay xách ô, đi tua các xe tải trong bãi

đậu, hỏi xin quá giang. Nakata này đi về hướng Tây - lão giải thích - có cậu nào hảo tâm cho lão quá giang không? Nhưng tất cả các tài xế đều lắc đầu sau khi nhìn lão từ đầu đến chân. Một lão già xin đi nhờ xe là điều ít thấy và dĩ nhiên, họ phải cẩn thận đề phòng chuyện bất trắc. Rất tiếc, công ty chúng tôi không cho phép lấy khách quá giang, họ đều nói vậy.

Nakata đã phải mất một thời gian dài để đi từ quận Nakano đến ngả vào xa lộ Tomei. Trước đó, lão chưa bao giờ ra khỏi Nakano và không biết xa lộ ở chỗ nào. Lão có một tấm thẻ đặc biệt đi các tuyến xe buýt nội thành miễn phí mà lão vẫn dùng thường xuyên, nhưng lão chưa bao giờ đi xe điện ngầm hay xe lửa một mình, dùng các phương tiện này thì cần phải mua vé.

Trước mười giờ sáng một chút, lão bỏ một bộ quần áo, khăn mặt, xà phòng, bàn chải, thuốc đánh răng và một ít lương thực vào chiếc túi vải bố, lấy số tiền giấu dưới chiếu cất cẩn thận vào ruột tượng cho an toàn, rồi xách cái ô đen to tướng rời khỏi căn hộ. Khi lão hỏi người lái xe buýt nội thành làm sao đến được xa lộ, anh ta cả cười.

"Xe buýt này chỉ đến ga Shinjuku thôi. Xe buýt nội thành không chạy trên xa lộ. Bác phải bắt xe đò chạy đường dài cơ."

"Thế bến xe đò chạy đường dài đến xa lộ *Tô-mei* ở đâu?"

"Ga Tokyo," người tài xế trả lời. "Bác đáp chuyến buýt này đến ga cuối, rồi chuyển sang đi tàu đến ga Tokyo, tới đó bác đặt vé trước để giành chỗ. Chuyến xe đò ấy sẽ đưa bác đến xa lộ Tomei."

Nakata không hiểu rõ lắm những chỉ dẫn của anh ta, nhưng cứ đáp chuyến xe đó đến tận Shinjuku. Nhưng khi tới đó, lão thấy ngợp. Cái nhà ga mênh mông chật ních những người là người, lão phải khó khăn lắm mới lách qua được đám đông. Có bao nhiêu là tuyến đường, lão không sao biết được tuyến nào đi đến ga Tokyo. Không đọc được biển chỉ dẫn, lão phải hỏi những người đi ngang qua, nhưng họ giải thích quá nhanh, quá rắc rối, với những địa danh lão chưa nghe thấy bao giờ. Thà nói chuyện với Kawamura còn dễ hơn, Nakata nghĩ thầm. Kể ra có thể hỏi đường ở trạm cảnh sát đặt ở trong ga, nhưng lão sợ họ lầm tưởng lão là một ông già lẫn cẫn và tạm giữ lại, điều mà dạo trước lão

đã từng bị một lần. Loanh quanh mãi trong ga, hơi người và tiếng ồn ào bắt đầu làm lão cảm thấy váng vất. Lần theo những lối đỡ đông hơn, lão mò ra ngoài, tìm thấy một công viên nhỏ giữa hai tòa nhà cao tầng và ngồi xuống một chiếc ghế băng.

Nakata hết sức hoang mang. Lão ngồi đó, thỉnh thoảng lại lầm bầm, xoa xoa cái đầu húi cua. Trong công viên, không thấy bóng một con mèo, nhưng lại đầy quạ sà xuống bới những thùng rác. Nakata nhìn lên bầu trời mấy lần và, bằng vào vị trí của mặt trời, có thể đoán được là mấy giờ. Khí thải bão hòa nhuộm bầu trời một màu kỳ lạ.

Đến trưa, nhân viên từ các tòa nhà gần đấy tràn ra công viên ăn trưa. Nakata cũng lấy mấy cái bánh rán nhân đậu ra ăn, chiêu bằng nước trà nóng từ cái phích lão luôn mang theo. Hai cô gái kéo nhau đến ngồi ở chiếc ghế băng bên cạnh. Lão quyết định bắt chuyện với họ. Làm thế nào đến được xa lộ To-mei? lão hỏi. Họ nói với lão y hệt như người lái xe buýt đã chỉ dẫn. Đáp tàu tuyến Chuo đến ga Tokyo rồi lên xe đò đi xa lộ Tomei.

"Nakata này đã thử làm thế mà không xong," lão thú nhận. "Trước nay, lão chưa bao giờ ra khỏi quận Nakano, nên không biết đi tàu. Lão chỉ biết đi xe buýt nội thành thôi. Lão không biết đọc, thành thử không mua được vé. Lão đã đi xe buýt nội thành đến đây, nhưng không biết làm thế nào để đi xa hơn."

*Bác không biết đọc?* họ ngạc nhiên hỏi. Nom lão có vẻ là một ông già vô hại. Tươi cười, ăn mặc gọn gàng. Trời đẹp như thế này mà mang cái ô tổ bố kể cũng hơi kỳ, song lão không có vẻ là kẻ vô gia cư. Mặt mày dễ coi, đặc biệt là đôi mắt sáng long lanh.

"Trước nay, bác chưa bao giờ ra khỏi quận Nakano, bác nói thật đấy chứ?" cô gái tóc đen hỏi.

"Phải. Lão đã cố không bao giờ ra khỏi đó. Nếu Nakata này bị lạc, sẽ không có ai đi tìm đâu."

"Và bác không biết đọc?" cô kia, cô nhuộm tóc nâu, hỏi.

"Đúng thế. Lão hoàn toàn không biết đọc. Lão biết mấy chữ số đơn giản, nhưng không biết cộng."

"Hmm. Cháu nghĩ thế thì bác khó mà đi tàu được."

"Vâng, rất khó. Lão không thể mua được vé."

"Nếu có thì giờ, chúng cháu có thể đưa bác tới ga rồi đảm bảo đưa bác lên đúng chuyến tàu, nhưng chúng cháu sắp phải quay về làm việc rồi. Cháu thực tình xin lỗi."

"Không, không cần phải xin lỗi đâu. Lão sẽ nghĩ ra cách nào đó."

"Mình nghĩ ra rồi!" cô tóc đen reo lên. "Chẳng phải Togeguchi ở bộ phận bán hàng bảo hôm nay anh ta phải đi Yokohama đấy sao?"

"Ừ nhỉ, giờ cậu nhắc mình mới nhớ. Chúng mình nhờ thì anh ta sẽ giúp thôi. Anh ta hơi u sầu nhưng vốn không phải là người xấu, thật đấy," cô tóc nâu nói.

"Nếu bác không biết đọc thì nên vẫy xe xin quá giang, có lẽ tốt hơn," cô tóc đen nói.

"Xin quá giang?"

"Bác hỏi ai đó xin đi nhờ xe. Nên hỏi cánh lái xe tải chạy đường dài, chứ đám du lịch đi xe con ít khi chịu cho đi nhờ lắm."

"Nakata này không biết *xe tải chạy đường dài* như thế nào."

"Bác cứ thử hỏi các tay lái xe tải, khắc được đấy. Hồi còn ở trường đại học, cháu đã xin quá giang một lần. Cánh lái xe tải thường rất hảo tâm."

"Bác định đến tận đâu trên xa lộ Tomei?" cô tóc nâu hỏi.

"Nakata này không biết," lão đáp.

"Bác không biết?"

"Chừng nào đến đó, lão sẽ biết thôi. Vậy nên, khởi đầu, lão sẽ đi về hướng Tây trên xa lộ *To-mei*. Sau đó, lão sẽ nghĩ về nơi mình sẽ đến. Dù thế nào đi nữa, lão vẫn phải đi theo hướng Tây."

Hai cô gái nhìn nhau, nhưng những lời của Nakata có sức thuyết phục kỳ lạ khiến họ bỗng có thiện cảm với ông già. Họ ăn nốt bữa trưa của mình, vứt hộp vào thùng rác và đứng dậy.

"Bác hãy đi với chúng cháu," cô tóc đen nói. "Chúng ta sẽ nghĩ ra một cách nào đó."

Nakata đi theo họ vào một tòa nhà gần đó. Trước nay, lão chưa từng đặt chân vào tòa nhà nào lớn như vậy. Hai cô gái đặt lão ngồi ở một chiếc ghế dài gần quầy tiếp tân, rồi nói với nhân viên tiếp tân và bảo Nakata chờ đó một lát. Họ biến vào một trong những buồng thang máy trong sảnh. Trong khi lão ngồi đấy ôm chiếc ô và chiếc túi vải, đám

nhân viên lũ lượt trở vào sau giờ ăn trưa. Thêm một cảnh tượng nữa lão chưa từng thấy trong đời. Như thể đã thỏa thuận với nhau, tất cả những người này đều ăn vận thật đẹp - cà vạt, cặp bóng lộn, giày cao gót, tất cả đều hối hả rảo bước về cùng một phía. Nakata không tài nào hiểu được cái đám người đông đến thế có thể làm gì ở đây.

Sau một hồi, hai cô gái trở lại cùng một gã cao kều mặc sơ mi trắng, đeo cà vạt kẻ sọc.

"Đây là anh Togeguchi," cô tóc nâu giới thiệu. "Anh ấy sắp lái xe đi Yokohama. Anh ấy nhận sẽ đưa bác đi cùng. Anh ấy sẽ thả bác ở bãi đậu xe Kohoku trên xa lộ Tomei. Hy vọng tại đó bác sẽ có thể kiếm được một người khác cho đi nhờ tiếp. Bác cứ đi một vòng hỏi các tài xế, nói là bác muốn đi về hướng Tây. Và nếu có ai cho bác quá giang, bác nhớ mua đãi anh ta một suất ăn khi dừng lại nghỉ ở đâu đó. Bác có hiểu không?"

"Nhưng liệu bác có đủ tiền để làm thế không?" cô tóc đen hỏi.

"Dạ, lão có đủ."

"Bác Nakata là bạn tụi em, hãy tử tế với bác, nghe anh," cô tóc nâu nói với Togeguchi.

"Nếu cô tử tế với tôi," chàng trai rụt rè nói.

"Ờ, một ngày nào đó..." cô tóc đen nói.

Khi chào tạm biệt, hai cô gái nói, "Đây là một chút quà chia tay. Phòng khi bác đói bụng." Họ đưa cho Nakata mấy nắm cơm và một thanh sô-cô-la vừa mua ở siêu thị.

"Lão không biết cảm ơn các cô thế nào cho vừa về tất cả những gì các cô đã làm," Nakata nói. "Lão sẽ cầu nguyện cho những điều tốt lành đến với cả hai cô."

"Cháu hy vọng lời cầu nguyện của bác trở thành sự thật," cô tóc nâu nói trong khi cô bạn cười rúc rích.

Togeguchi để Nakata ngồi ở ghế cạnh mình trên chiếc Hi-Ace, rồi theo đường Metropolitan, cho xe chạy đến xa lộ Tomei. Đường bị kẹt xe nhiều quãng, nên hai người nói đủ các thứ chuyện trong khi xe nhích từng tí một. Togeguchi, vốn tính nhút nhát, thoạt đầu không nói gì mấy, nhưng sau khi quen với sự hiện diện của Nakata, gã bắt đầu thao

thao đến mức, rốt cuộc, thay vì đôi bên trò chuyện, chỉ có mình gã độc thoại. Có rất nhiều điều gã muốn nói và gã thấy dễ dàng dốc bầu tâm sự với một người xa lạ như Nakata mà hẳn gã sẽ không bao giờ gặp lại. Gã kể gã đã cắt đứt với vợ chưa cưới cách đây một tháng. Cô ta có một thằng bồ khác, hai đứa vẫn lén lút gặp nhau suốt. Gã nói là gã không hợp với các sếp trong công việc và đang tính xin thôi. Cha mẹ gã ly hôn từ hồi gã còn học cấp hai và mẹ gã chẳng bao lâu đã tái hôn với một tay vô tích sự. Gã đã rút hết tiền tiết kiệm cho một thằng bạn vay, chả biết bao giờ nó mới trả. Và cái thằng sinh viên ở căn hộ bên cạnh suốt ngày mở nhạc to tướng làm gã chẳng ngủ được mấy.

Nakata chăm chú lắng nghe, phụ họa ở những điểm thích hợp, thi thoảng chêm vào một ý kiến riêng. Đến lúc chiếc xe rẽ vào bãi đậu xe Kohoku, Nakata đã biết gần hết những điều cần biết về chàng trai này. Có vô khối điều lão không hiểu, nhưng lão có thể hình dung được toàn cảnh cuộc đời Togeguchi, chàng trai tội nghiệp này đã cố gắng sống một cuộc đời ngay thẳng, nhưng cứ vấp phải hàng lô vấn đề.

"Đa tạ," lão nói. "Nakata này rất cám ơn cậu đã cho đi nhờ xe."

"Chính cháu phải cám ơn bác, bác Nakata. Giờ, cháu cảm thấy hoàn toàn thư giãn. Trước nay, cháu chưa từng nói chuyện như thế với ai bao giờ. Và cháu lấy làm mừng là đã có thể kể tất cả với bác. Cháu hy vọng đã không làm bác chán ngấy với những vấn đề của cháu."

"Không, hoàn toàn không. Nakata này cũng rất sung sướng được nói chuyện với cậu. Cậu Togeguchi, lão tin chắc những điều đại cát sắp đến với cậu."

Chàng trai lấy trong ví ra một chiếc thẻ điện thoại đưa cho Nakata. "Xin bác nhận lấy chiếc thẻ này. Đây là sản phẩm của công ty cháu. Hãy coi đây như một món quà chia tay. Cháu những muốn có cái gì hay hơn để tặng bác."

"Cám ơn rất nhiều," Nakata nói và cẩn thận nhét chiếc thẻ vào ví mình. Lão chẳng có ai quen để gọi điện thoại, cũng không biết cách dùng thẻ ra sao, nhưng lão nghĩ cứ nhận cho lịch sự. Lúc này là ba giờ chiều.

Phải mất thêm một tiếng nữa mới kiếm được một tài xế xe tải đồng ý

cho lão đi nhờ đến Fujigawa. Đó là một người to béo trạc ngoại tứ tuần, tay như khúc gỗ, bụng phệ, chở cá tươi trên xe đông lạnh.

"Mong bác không phiền vì mùi cá," người lái xe nói.

"Cá là một trong những món ăn ưa thích của Nakata này," Nakata đáp.

Người lái xe cả cười. "Bác quả là một người kỳ dị."

"Đôi khi người ta cũng bảo lão thế."

"Tôi lại thích những người kỳ dị," người lái xe nói. "Những người coi bộ bình thường và sống một cuộc sống bình thường lại chính là những kẻ ta phải đề phòng."

"Thế ư?"

"Hãy tin tôi, đời nó thế đấy. Dù sao đó cũng là ý kiến của tôi."

"Nakata này không có nhiều ý kiến. Tuy nhiên, lão thích lươn."

"Tốt, thích lươn cũng là một ý kiến."

"Lươn cũng là một ý kiến à?"

"Tất nhiên, bác nói bác thích lươn, đó là một ý kiến."

Cứ thế hai người đi đến Fujigawa. Người lái xe nói tên anh ta là Hagita.

"Vậy bác nghĩ thế giới này rồi sẽ ra sao, bác Nakata?" anh ta hỏi.

"Xin lỗi, lão không phải là người thông minh, lão mù tịt về chuyện í," Nakata nói.

"Có ý kiến riêng và không thông minh là hai chuyện khác nhau."

"Nhưng thưa cậu Hagita, không thông minh thì làm sao nghĩ được về chuyện í."

"Nhưng bác chả nói bác thích lươn là gì."

"Phải, lươn là một trong những món ưa thích của Nakata này."

"Đó là một mối liên quan, bác thấy không?"

"Ừm."

"Bác có thích cơm gà với trứng không?"

"Có, đó cũng là một món ưa thích của Nakata này."

"Ấy đấy, lại một tương quan nữa," Hagita nói. "Cứ lần lượt lập những tương quan là tự khắc hình thành ý nghĩa lúc nào không biết. Càng nhiều tương quan, ý nghĩa càng sâu. Bất kể là lươn, hay cơm gà, hay cá nướng. Bác hiểu không?"

"Không, lão vẫn không hiểu. Thức ăn cũng liên quan với các sự vật ư?"

"Không chỉ thức ăn. Xe điện, hoàng đế, tất tật."

"Cơ mà lão không bao giờ đi xe điện."

"Hay đấy. Này nhé, điều tôi muốn nói là: chỉ riêng việc ta đang sống đã thiết lập một mối liên hệ giữa ta với sự vật xung quanh ta, bất kể chúng là cái gì. Điều quan trọng là phải xem điều đó diễn ra có tự nhiên hay không. Vấn đề không phải là thông minh hay đần độn, mà là nhìn sự vật bằng đôi mắt của chính mình."

"Cậu Hagita, cậu rất chi là thông minh."

Hagita cười phá lên. "Đã bảo đây không phải là vấn đề thông minh mà. Tôi chẳng thông minh gì lắm đâu. Tôi chỉ có cách nghĩ riêng của mình thôi. Vì thế mà người ta ngán tôi. Họ kết tội tôi là luôn luôn nhiễu sự. Hễ anh dùng đầu mình để suy nghĩ là thiên hạ không muốn dây với anh."

"Nakata này vẫn chưa hiểu, cơ mà cậu vừa nói là có một mối liên hệ giữa việc thích ăn lươn với việc thích cơm gà trộn trứng phải không?"

"Tôi nghĩ bác có thể diễn đạt theo cách ấy. Bao giờ cũng có một mối liên quan giữa bác, ông già Nakata, với những thứ mà bác quan tâm tới. Cũng như có một mối liên quan giữa lươn và cơm gà. Và khi mạng lưới những liên quan đó phát triển rộng ra, tự khắc sẽ hình thành một mối liên quan giữa bác, ông già Nakata, với các nhà tư bản và giai cấp vô sản."

"*Vô* gì?"

"Giai cấp *vô sản*," Hagita nói, cất tay khỏi vô lăng, khoa lên. Hai bàn tay to tướng như găng bóng chày, Nakata nghĩ thế. "Những con người làm lụng cực nhọc, đổ mồ hôi sôi nước mắt để kiếm miếng cơm, đó là giai cấp vô sản. Ngược lại, có những kẻ ngồi mát ăn bát vàng, không động một ngón tay, chỉ ra lệnh cho người khác mà hưởng gấp trăm lần lương tôi. Đó là bọn tư bản."

"Lão không biết gì về những người cậu gọi là tư bản. Nakata này nghèo, đâu có biết ai quyền quý như thế. Người quyền quý nhất lão biết là ngài Tỉnh trưởng Tokyo. Ngài Tỉnh trưởng có phải là một nhà tư bản không?"

"Phải, tôi chắc thế. Tuy nhiên, các tỉnh trưởng dễ là chó kiểng của bọn tư bản hơn."

"Ngài Tỉnh trưởng là một con chó ư?" Nakata nhớ đến con chó đen kếch sù đã đưa lão đến nhà Johnnie Walker, và hình ảnh dễ sợ ấy cùng ngài Tỉnh trưởng chồng lên nhau trong tâm trí lão.

"Thế giới này nhan nhản những loại chó như thế. Những quân cờ của bọn tư bản."

"Quân cờ?"

"Tức là những con chó ngoan ngoãn tuân lệnh chủ."

"Thế có mèo tư bản không?"

Hagita cười phá lên. "Chà, bác Nakata, bác *thật* khác người. Nhưng tôi thích cái cách của bác. *Mèo tư bản!* Thật là hay. Bác có một ý kiến rất chi là độc đáo."

"Cậu Hagita này..."

"Gì vậy bác?"

"Vì lão nghèo nên ngài Tỉnh trưởng cấp cho lão một món *chợ cấp* hằng tháng. Việc lão nhận *chợ cấp* có phải là sai trái không?"

"Mỗi tháng bác được bao nhiêu?"

Nakata cho anh ta biết số tiền.

Hagita lắc đầu, vẻ ghê tởm. "Thật khó mà sống nổi với một món tiền bọ ấy."

"Được chứ, vì Nakata này có tiêu gì mấy đâu. Ngoài *chợ cấp*, lão còn kiếm thêm bằng cách giúp người ta tìm mèo lạc."

"Không đùa đấy chứ? Một tay tìm mèo chuyên nghiệp?" Hagita nói, vẻ thán phục. "Tôi phải nói bác là một quái kiệt."

"Tình thật, lão biết nói chuyện với mèo," Nakata nói. "Lão có thể hiểu chúng nói gì. Điều đó giúp lão tìm ra những con bị mất tích."

Hagita gật đầu. "Tôi chắc điều đó không ngoài tầm của bác."

"Thế nhưng cách đây không lâu, lão phát hiện ra là mình không nói chuyện với mèo được nữa. Lão không hiểu tại sao."

"Sự vật thay đổi từng ngày, bác Nakata ạ. Mỗi sớm thức dậy, thấy thế giới không còn như hôm trước nữa. Bản thân mình cũng không còn là con người từng là mình hôm qua nữa. Bác hiểu tôi muốn nói gì chứ?"

"Vâng."

"Những mối liên quan cũng thay đổi. Ai là tư bản, ai là vô sản. Ai thuộc cánh hữu, ai thuộc cánh tả. Cách mạng thông tin, cổ phiếu, biến động vốn, tái cấu trúc nghề nghiệp, công ty đa quốc gia - cái gì tốt, cái gì xấu? Ranh giới giữa sự vật không ngừng được xóa nhòa. Có lẽ vì thế mà bác không nói chuyện được với mèo nữa."

"Nakata này chỉ có thể phân biệt được tả với hữu. Đây là hữu, còn đây là tả. Đúng không?"

"Chính xác," Hagita đồng ý. "Đó là tất cả những gì bác cần biết."

Cuối cùng, họ cùng ăn với nhau một bữa trong tiệm ăn ở khu nghỉ chân. Hagita gọi hai suất lươn và khi Nakata đòi trả tiền để cảm ơn anh đã cho đi nhờ, anh lắc đầu quầy quậy.

"Không được," anh nói. "Tôi không đời nào để bác dùng cái khoản tiền còm người ta trợ cấp cho bác để đãi tôi đâu."

"Vậy thì đa tạ. Cám ơn cậu về bữa ăn ngon," Nakata nói, vui vẻ chấp nhận sự hảo tâm của Hagita.

Nakata bỏ cả một tiếng đồng hồ ở khu tạm nghỉ Fujigawa đi hỏi các lái xe, nhưng không tìm được ai thuận tình cho quá giang. Tuy nhiên, lão vẫn không hoảng sợ hoặc buồn bã. Trong ý thức của lão, thời gian qua rất chậm. Hoặc gần như ngưng đọng.

Lão ra ngoài cho thoáng và lang thang đây đó. Trời không một vẩn mây, trăng sáng vằng vặc. Nakata dạo quanh bãi đậu xe đầy những xe tải to đùng như những con vật khổng lồ vai kề vai nằm nghỉ. Một số xe có ít nhất là hai mươi bánh, mỗi bánh cao bằng đầu người. Ngần ấy xe đều chạy trên xa lộ vào đêm khuya, không biết chở gì bên trong nhỉ? Nakata không thể hình dung nổi. Nếu mình đọc được những chữ viết trên thành xe, liệu mình có thể đoán ra không nhỉ? lão tự hỏi.

Sau khoảng một tiếng đồng hồ, lão phát hiện ra độ chục chiếc môtô ở một góc của bãi đậu, nơi có ít ô tô hơn. Một nhóm thanh niên đứng thành vòng tròn gần đó, xem một cái gì và la hét. Ồ mò, Nakata tiến lại gần. Có thể bọn họ đã khám phá ra một cái gì bất thường.

Khi đến gần hơn, lão thấy là họ đang vây quanh một người nằm dưới đất và đang đấm đá người đó - nói chung là ráng hết sức làm cho anh ta đau. Hầu hết đều tay không trừ một gã cầm một dây xích và một

gã khác cầm một cây gậy ngắn màu đen nom giống như dùi cui cảnh sát. Họ mặc sơ mi cộc tay không cài khuy, một số mặc áo phông. Phần lớn đều nhuộm tóc vàng hoặc nâu, một số xăm hình trên cánh tay. Người thanh niên đang bị họ đấm đá cũng ăn vận tương tự như thế.

Khi Nakata tới gần, đầu nhọn của chiếc ô gõ lách cách trên mặt đất rải nhựa khiến vài gã chột dạ quay lại nhìn lão trừng trừng, nhưng trấn tĩnh lại khi thấy đó chỉ là một ông già vô hại. "Này, bố già phắn đi!" một gã quát.

Tỉnh bơ, Nakata bước tới gần hơn. Người nằm dưới đất ứa máu mồm. "Máu đang chảy ra kìa," Nakata nói. "Khéo cậu ấy chết mất."

Bị bất ngờ, bọn kia không kịp phản ứng.

"Liệu đấy, bố già, kẻo tụi tôi giết cả bố luôn thể," gã cầm xích nói. "Giết một hay giết hai cũng vậy thôi, chả khó khăn gì hơn."

"*Các cậu không thể giết người vô cớ*," Nakata nài nỉ

"Các cậu không thể giết người vô cớ," một gã nhại và cả bọn cười ồ lên.

"Tụi này có cớ đấy, anh già ạ," một gã khác nói. "Với lại, tụi này có giết nó hay không, cũng chẳng bận gì đến anh già. Vậy nên hãy xách cái ô thổ tả của anh già mà biến đi trước khi trời đổ mưa."

Người nằm dưới đất bắt đầu trườn lên và một gã đầu trọc liền xông tới đá thật mạnh vào sườn anh ta bằng đôi ủng lao động.

Nakata nhắm mắt lại. Lão cảm thấy một cái gì dâng lên bên trong mình, không kiểm soát nổi, khiến lão hơi buồn nôn. Lão chợt nhớ lại lúc đâm Johnnie Walker. Bàn tay lão còn nguyên cái cảm giác khi cầm dao cắm vào ngực một con người. *Liên quan*. Phải chăng đây là một trong những mối liên quan cậu Hagita đã nhắc tới ban nãy? *Lươn = dao = Johnnie Walker?* Tiếng của bọn thanh niên trộn vào nhau méo mó, không tách biệt, hòa với tiếng bánh xe rào rạo không dứt trên xa lộ thành một âm thanh kỳ lạ. Tim lão dồn đẩy máu đến tận những đầu mút của cơ thể trong khi đêm tối bao quanh lão.

Nakata nhìn lên trời rồi chậm rãi mở ô, giương lên che đầu. Rất thận trọng, lão lùi lại sau mấy bước, mở một khoảng cách giữa lão với bọn kia. Lão nhìn quanh rồi lùi thêm vài bước nữa.

Thấy vậy, bọn thanh niên cười hô hố. "Này, nom anh già kìa," một

gã nói. "Anh già giương ô lên thật kìa!"

Nhưng chúng không cười được lâu. Bất thình lình, những vật lầy nhầy từ trên trời rơi xuống đất bồm bộp ngay sát chân chúng. Chúng ngừng đá nạn nhân của mình và ngước nhìn trời. Không một đám mây, vậy mà rành là từ một chỗ trên trời, những vật đó vẫn nối tiếp nhau rơi xuống. Mới đầu còn lác đác, rồi dần dần dồn dập hơn, thành một trận mưa rào thực sự, trút xuống chúng những vật nhỏ đen đen dài độ hơn ba phân. Trong ánh đèn của bãi đậu xe, nom như tuyết đen lấp lánh đang rơi xuống vai, cổ và cánh tay đám thanh niên rồi dính chặt vào đấy. Chúng cuống cuồng tìm cách dứt những vật ấy ra mà không được.

"*Đỉa!*" một gã la lớn,

Như tuân theo một hiệu lệnh, cả lũ kêu ầm lên và chạy qua bãi đậu xe về phía nhà vệ sinh. Một gã tóc vàng đâm sầm vào một chiếc xe hơi, ngã nhào xuống đất. Gã bật dậy, vung tay đấm lên capô và lớn tiếng chửi người lái xe. Tuy nhiên, gã dừng lại ở mức đó và tập tễnh đi về phía nhà vệ sinh.

Cơn mưa đỉa ập xuống ào ào một lúc, ngớt dần rồi tạnh hẳn. Nakata cụp ô lại, phủi những con đỉa bám vào quần áo và trở lại xem người bị đánh ra sao. Một đống đỉa nhung nhúc xung quanh và phủ lên anh ta khiến lão không thể tiến đến gần hơn. Nhìn thật kỹ, Nakata có thể thấy máu rỉ ra từ hai mí mắt bị rách và mấy chiếc răng bị gãy. Nakata biết một mình lão thì không thể xoay xở được nên chạy về tiệm ăn bảo một nhân viên là có người bị thương nằm ở bãi đậu xe. "Cậu nên gọi cảnh sát mau kẻo cậu ta chết mất." lão nói.

Sau đó không lâu, Nakata tìm được một tay lái xe tải đồng ý cho lão quá giang đến Kobe. Một gã khoảng hai lăm, hai sáu tuổi, mắt gà gà như buồn ngủ, không cao lắm, để tóc đuôi ngựa, đeo khuyên tai và đội chiếc mũ của đội bóng chày Chunichi Dragons. Gã ngồi trong tiệm ăn, vừa hút thuốc vừa xem một cuốn truyện tranh. Một chiếc sơ mi Hawai sặc sỡ và đôi giày Nike quá cỡ hoàn tất trang phục của gã. Gã vẩy tàn thuốc lá vào mấy sợi mì còn sót lại trong bát, trừng trừng nhìn Nakata rồi gật đầu với vẻ miễn cưỡng. "Ờ, thôi được. Ông có thể đi cùng. Ông có cái gì giông giống ông nội cháu. Cung cách, hay có lẽ lối nói tựa như lạc đề của ông... Về sau, ông cụ đâm lẫn cẫn rồi chết. Cách đây mấy năm."

Gã giải thích rằng sáng mai, xe phải đến Kobe giao đồ gỗ cho một cửa hàng lớn của thành phố này. Xe vừa ra khỏi bãi đậu đã gặp ngay một tai nạn giao thông. Hai chiếc xe tuần tra đã có mặt tại hiện trường, đèn đỏ chớp loang loáng, và một cảnh sát đang điều khiển giao thông bằng một đèn tín hiệu. Có vẻ như không đến nỗi nghiêm trọng lắm. Mấy chiếc xe va quệt nhau, thành một chiếc buýt mini bị xây xước, một chiếc đèn hậu bị vỡ.

Gã tài xế thò đầu ra cửa xe, trao đổi vài câu với một cảnh sát tuần tra, rồi quay kính cửa xe lên. "Anh ta bảo một đống đĩa từ trên trời rơi xuống," gã nói, thản nhiên như không. "Chúng bị xe nghiền nát, làm cho đường rất trơn, và một số lái xe bị lạng tay lái. Vậy nên hãy đi từ từ và thoải mái, anh ta bảo cháu thế. Ngoài ra, có một băng đảng mô-tô tính sổ với nhau, đánh một tên thừa sống thiếu chết. Đĩa và băng đảng môtô - một sự phối kết kỳ quái! Ít nhất thì cũng làm cho cảnh sát bận rộn."

Gã thận trọng lái về phía lối ra khỏi xa lộ. Ngay cả đi rất chậm, xe cũng đôi lần bị trượt bánh và gã tài xế khéo léo lựa tay lái, chỉnh lại ngay ngắn. "Chà, có vẻ là cả một núi đĩa ụp xuống thật, đường trơn như mỡ. Chao, đĩa, cái giống thật tởm! Ông đã bao giờ bị đĩa bám vào người chưa?"

"Chưa, theo trí nhớ của Nakata này, thì hình như chưa bao giờ," Nakata đáp.

"Cháu lớn lên ở vùng núi Gifu và chuyện đó xảy đến với cháu bao nhiêu lần. Đang đi trong rừng, đùng một cái nó từ trên cây rơi xuống. Đang lội suối, nó lao đến bám vào bắp chân. Cháu chả lạ gì cái giống đĩa, hãy tin cháu. Một khi nó đã bám vào mình rồi thì khó rứt ra lắm. Nếu rứt một con bự, da sẽ bị tuột theo và để lại sẹo. Cho nên tốt nhất là đốt cho nó rụng xuống. Thật gớm ghiếc, cái cách nó hút máu người ta! Khi hút no, nó phình ra, nung núc, mềm nhão. Thật tởm lợm, phải không?"

"Vâng, chắc chắn là thế," Nakata đồng ý.

"Nhưng đĩa không thể từ trên trời rơi xuống một bai đậu xe của một khu dừng chân dọc đường. Cháu chưa bao giờ nghe thấy chuyện gì vớ vẩn đến thế. Dân vùng này chẳng biết tí gì về đĩa cả. Đời thuở nào đĩa lại từ trên trời rơi xuống bao giờ?"

Nakata lặng thinh không trả lời.

"Cách đây mấy năm, một số lượng rất nhiều vô kể đồng loạt xuất hiện ở tỉnh Yamanashi và xe hơi bị trượt bánh khắp nơi. Cũng giống như thế này, đường sá trơn như mỡ gây nên rất nhiều tai nạn. Rết tràn ngập cả đường sắt, xe lửa cũng không chạy được. Nhưng rết không rơi từ trên trời xuống, mà từ một nơi nào đó bò ra. Bất kỳ ai cũng biết thế."

"Lâu lắm rồi, lão đã từng sống ở Yamanashi. Trong thời gian chiến tranh."

"Ông không đùa đấy chứ?" gã lái xe nói. "Là cuộc chiến tranh nào vậy?"

# Chương 21

## ĐIÊU KHẮC GIA KOICHI TAMURA BỊ ĐÂM CHẾT

*Được phát hiện trên sàn xưởng tượng, giữa một vũng máu*

Chiều ngày 30, người ta đã tìm thấy nhà điêu khắc nổi tiếng thế giới Koichi Tamura chết tại nhà mình ở Nogata, quận Nakano. Người phát hiện ra thi thể ông là một bà giúp việc. Ông Tamura được tìm thấy trong tư thế nằm sấp, trần truồng, mình đầy máu. Có những dấu hiệu vật lộn và người ta cho rằng đây là một vụ án mạng. Hung khí, được tìm thấy bên cạnh xác chết, là một con dao bếp.

Cảnh sát ước đoán thời gian chết là tối 28 và vì ông Tamura sống một mình nên mãi đến hai hôm sau, thi thể mới được phát hiện. Ông Tamura bị nhiều vết thương sâu ở ngực do bị đâm bằng con dao nhọn pha thịt và có thể tin rằng ông gần như đã chết ngay vì mất quá nhiều máu từ những vết thương ở tim và phổi. Nhiều xương sườn cũng bị gẫy, có vẻ như do bị những cú đập rất mạnh. Cảnh sát không thông báo gì về việc có tìm thấy dấu tay hay bất cứ vật gì sót lại ở hiện trường hay không. Xem ra cũng không có nhân chứng nào mục kích tội ác.

Vì trong nhà không bị xáo lộn và không có đồ vật đáng giá nào, kể cả một ví tiền nằm gần đó, bị lấy đi, nên cảnh sát cho rằng đây là một cuộc báo thù cá nhân. Nhà ông Tamura ở một

khu dân cư yên tĩnh, nhưng không có ai nghe thấy gì vào thời điểm xảy ra vụ án mạng, và những người hàng xóm đều bàng hoàng khi biết tin này. Ông Tamura sống kín đáo, ít có quan hệ với láng giềng, và không ai nhận thấy điều gì khác thường vào quãng thời gian xảy ra sự kiện này.

Ông Tamura ở với con trai mười lăm tuổi, nhưng theo bà giúp việc, thì khoảng mươi hôm nay không thấy cậu ta ở nhà. Cậu bé cũng vắng mặt ở trường trung học và cảnh sát đang dò tìm tung tích cậu ta.

Ngoài ra, ông Tamura còn có một văn phòng và một xưởng làm việc ở cạnh nhà[7] và theo cô thư ký của ông ta, thì cho đến trước hôm bị giết, ông ta vẫn đang làm dở một bức tượng mới như bình thường. Vào ngày xảy ra chuyện, cô có việc cần xin ý kiến ông, nhưng lần nào gọi điện thoại đến cũng chỉ thấy máy nhắn tự động.

Ông Tamura sinh ở Kokubunji, Tokyo. Ông theo học Khoa Điêu khắc của Trường Đại học Mỹ Thuật Tokyo và từ khi còn là sinh viên đã hoàn thành nhiều tác phẩm cách tân làm xôn xao giới mỹ thuật. Chủ đề chính của ông là tiềm thức con người và những tác phẩm điêu khắc của ông, với một phong cách độc đáo thách thức cái cổ truyền, được hoan nghênh trên trường quốc tế. Tác phẩm được biết đến nhiều nhất của ông, một xê-ri lớn mang tên "Mê Cung", với một trí tưởng tượng phóng khoáng, khảo sát cái đẹp và cảm hứng tìm thấy nơi những ngóc ngách ngoằn ngoèo của mê cung. Ông hiện là giáo sư thỉnh giảng tại Trường Đại học Mỹ thuật và cách đây hai năm, Bảo tàng Mỹ thuật Hiện đại ở New York đã tổ chức một cuộc triển lãm tác phẩm của ông.

Tôi ngừng đọc ở đoạn này. Có một hình chụp cổng trước nhà chúng tôi và một ảnh chân dung cha tôi hồi trẻ, khiến trang báo đượm vẻ thê thảm. Tôi gập đôi tờ báo, đặt lên bàn. Vẫn ngồi trên giường, tôi không nói gì, chỉ ép đầu ngón tay lên mí mắt. Một

tiếng thình thịch, theo một nhịp đều đặn, vang rền trong tai tôi. Tôi ráng lắc đầu thật mạnh để xua nó đi mà không được.

Tôi đang ở phòng riêng của mình trong thư viện. Đã bảy giờ tối. Oshima và tôi vừa đóng cửa và cách đây một lúc, Miss Saeki đã lái chiếc Volkswagen Golf về nhà. Giờ chỉ còn tôi và Oshima trong thư viện. Và cái tiếng thình thịch khó chịu ấy trong tai tôi.

"Số báo này cách đây hai hôm rồi. Bài này được đăng khi cậu còn ở căn lều trên núi. Khi mình đọc, mình liền nghĩ có thể ông Koichi Tamura này là cha cậu cũng nên. Rất nhiều chi tiết phù hợp. Lẽ ra mình phải đưa cậu xem từ hôm qua, nhưng mình muốn đợi cho cậu ổn định chỗ ở đã."

Tôi gật đầu, ngón tay vẫn ép trên mí mắt.

"Em không giết ông, anh biết đấy."

"Mình biết," Oshima nói. "Hôm xảy ra vụ án mạng, cậu đang ở thư viện này, đọc đến tận tối. Cậu ắt không đủ thì giờ để quay về Tokyo, giết cha cậu, rồi trở lại Takamatsu. Việc đó là bất khả."

Nhưng tôi thì không dám chắc thế. Tôi nhẩm tính và thấy ra rằng cha tôi bị giết vào đúng cái đêm tôi tỉnh dậy với chiếc sơ mi đầy máu.

"Nhưng báo có nói là cảnh sát đang kiếm tìm cậu với tư cách là một nhân chứng quan trọng."

Tôi gật đầu.

"Nếu cậu đến gặp cảnh sát và chứng minh cậu có một bằng chứng ngoại phạm vững chắc, thì mọi chuyện sẽ bội phần dễ dàng hơn là cứ vòng vo tránh né họ. Dĩ nhiên, mình sẽ làm chứng cho cậu."

"Nhưng nếu em làm thế, họ sẽ đưa em trở về Tokyo."

"Mình chắc thế. Mình muốn nói, dù sao cậu cũng phải học nốt trung học - đó là nghĩa vụ mà. Ở tuổi này, cậu không thể đi bất cứ nơi nào cậu muốn được. Theo đúng luật, cậu vẫn cần có người giám hộ."

Tôi lắc đầu.

"Em không muốn phải giải thích chuyện gì với bất kỳ ai. Và em không muốn trở về nhà ở Tokyo."

Im lặng một lúc, Oshima đăm đăm nhìn tôi. "Đó là một điều mà cậu sẽ phải tự quyết định lấy," cuối cùng, anh nói, giọng bình tĩnh. "Mình nghĩ cậu có quyền sống theo bất cứ cách nào cậu muốn. Dù cậu

mười lăm hay năm mươi tuổi thì có gì quan trọng? Nhưng khốn thay, xã hội lại không đồng ý thế. Vậy cứ cho rằng cậu 'không muốn giải thích chuyện gì với bất kỳ ai' đi. Cậu sẽ luôn luôn phải trốn tránh cảnh sát và xã hội. Cuộc đời cậu sẽ rất gay go. Cậu mới mười lăm tuổi đầu, còn cả cuộc đời ở trước mặt. Cậu thấy thế có ổn không?"

Tôi không nói gì.

Oshima cầm tờ báo lên, đọc lướt lại bài báo một lần nữa. "Theo bài này, cậu là người thân duy nhất của cha cậu."

"Em có mẹ và một chị gái," tôi giải thích, "nhưng hai người bỏ nhà đi từ lâu rồi và em không biết hiện họ ở đâu. Ngay cả nếu em biết, thật tình em cũng không chắc họ có về chịu tang hay không."

"Chà, nếu cậu không có ở đó, không biết ai sẽ lo liệu mọi chuyện. Nào là đám tang, nào là công việc làm ăn của cha cậu."

"Như trong báo nói, cha em có một cô thư ký văn phòng, lo toan mọi sự. Cô biết công việc của ông, nên em tin chắc cô ấy có thể xử lý tốt. Em chẳng muốn gì trong những cái ông để lại cho em. Ngôi nhà, đất đai và mọi thứ khác, họ có thể thanh lý những cái đó theo bất cứ cách nào họ muốn."

Cái duy nhất tôi thừa kế từ ông mà tôi không thể khước từ, tôi nghĩ thầm, đó là ADN của tôi.

"Hãy cải chính nếu như mình nói sai," Oshima nói, "nhưng hình như cậu không buồn lắm về chuyện cha cậu bị giết."

"Không, em có buồn chứ. Dù sao ông cũng là cha em mà. Song điều em thực sự tiếc là ông không chết sớm hơn. Em biết điều này nói ra thật là kinh khủng."

Oshima lắc đầu. "Không sao. Hơn lúc nào hết, cậu có quyền trung thực với chính mình."

"Vậy, em nghĩ..." Giọng tôi trở nên yếu ớt, thiếu sức thuyết phục. Không biết hướng vào đâu, những lời tôi nói rơi tõm vào khoảng trống. Oshima tiến lại, ngồi xuống cạnh tôi.

"Đủ mọi chuyện đang xảy đến với em," tôi mở đầu. "Một số do tự em chọn, một số thì không, nhưng giờ em không còn phân biệt rành rẽ được nữa. Điều em muốn nói là, dường như là mọi sự đã được định trước - rằng em đang đi theo một con đường do một người nào khác đã

vạch sẵn cho em. Cho dù em có cố gắng suy nghĩ đến đâu để hiểu cho ra, cũng vô ích. Trên thực tế, em càng cố, thì lại càng mất đi ý thức về bản thân, càng không hiểu mình là ai nữa. Cứ như em đang chệch xa khỏi quĩ-đạo-bản-ngã của mình và điều đó thật sự là đau đớn. Hơn thế nữa, nó còn làm em sợ. Mới chỉ nghĩ đến đã thấy chợn."

Oshima đặt tay lên vai tôi và tôi cảm thấy hơi ấm của bàn tay ấy. "Cứ cho là tất cả những lựa chọn, tất cả những cố gắng của em đều phí hoài đi nữa, thì em vẫn là em, chứ không phải bất kỳ ai khác. Và em đang tiến tới với tư cách là *bản thân mình*. Vậy nên hãy vô tư đi."

Tôi ngẩng đầu lên nhìn anh. Giọng anh thật thuyết phục. "Tại sao anh nghĩ thế?"

"Bởi vì trong đó có yếu tố mỉa mai."

"Mỉa mai?"

Oshima nhìn sâu vào mắt tôi. "Nghe này, Kafka. Những gì em đang trải qua đều là môtíp của nhiều bi kịch Hy Lạp. Con người ta không chọn số phận, mà số phận chọn con người. Đó là thế giới quan cơ bản của kịch Hy Lạp. Và chất bi kịch - theo Aristotle - mỉa mai thay, lại không bắt nguồn từ những nhược điểm của các nhân vật chính, mà từ những phẩm chất tốt của họ. Em có hiểu anh muốn nói gì không? Người ta bị kéo sâu vào bi kịch không phải bởi những khuyết điểm mà bởi những *đức tính* của mình. Vở *Oedipus làm vua* của Sophocles là một thí dụ lớn. Oedipus ngụp vào bi kịch không phải vì chàng lười biếng hay ngu ngốc, mà chính vì lòng dũng cảm và trung thực của chàng. Từ đó nảy ra một chất mỉa mai tất yếu."

"Vậy là một tình thế không lối thoát."

"Cái đó còn tùy," Oshima nói. "Đôi khi là thế đấy. Nhưng sự mỉa mai làm cho con người sâu sắc hơn, giúp họ trưởng thành. Đó là cửa vào sự cứu rỗi ở một bình diện cao hơn, vào một nơi ta có thể tìm thấy một thứ hy vọng phổ quát hơn. Vì thế ngay cả bây giờ, người ta vẫn thích đọc bi kịch Hy Lạp, vì thế mà nó vẫn được coi là kinh điển mẫu gốc. Mình đang tự lặp lại, nhưng quả vậy, mọi thứ trên đời đều là ẩn dụ. Thực tế, người ta không giết cha mình và ngủ với mẹ mình, phải không nào? Nói cách khác, chúng ta chấp nhận sự mỉa mai thông qua một thủ pháp gọi là ẩn dụ. Và qua đó, chúng ta trưởng thành và trở nên

những con người sâu sắc hơn."

Tôi không nói gì. Tôi đang quá mải suy nghĩ về tình thế của chính mình.

"Có bao nhiêu người biết em đang ở Takamatsu?" Oshima hỏi.

Tôi lắc đầu. "Em đến đây là tự ý mình, nên em nghĩ chẳng ai khác biết được."

"Vậy thì tốt nhất là em cứ tạm ẩn ở thư viện một thời gian. Đừng ra làm việc ở khu tiếp tân. Anh không tin là cảnh sát có thể mò ra dấu tích của em, nhưng nếu tình hình gay go, em vẫn có thể trốn về căn nhà gỗ ở Kochi."

Tôi nhìn Oshima. "Nếu em không gặp anh thì không biết em sẽ xoay xở ra sao. Chẳng có ai khác có thể giúp em."

Oshima mỉm cười. Anh cất tay khỏi vai tôi và đăm đăm nhìn vào bàn tay ấy. "Cái đó không đúng. Mình dám chắc rằng nếu không gặp mình, cậu sẽ tìm thấy một đường đi khác. Mình không biết tại sao, nhưng mình tin chắc vậy. Mình thực sự cảm thấy như thế về cậu." Anh đứng dậy, đến bàn giấy cầm một tờ báo khác mang lại cho tôi "Tiện thể, bài này đăng trong số ra hôm kia. Mình nhớ kỹ vì chuyện này thật dị thường. Có thể chỉ là trùng hợp thôi, nhưng nó diễn ra ở gần nhà cậu."

**MƯA CÁ!**

*2.000 cá mòi và cá thu từ trên trời rơi xuống*
*khu buôn bán Quận Nakano*

> Khoảng 6 giờ tối hôm 29, cư dân khối X quận Nakano bàng hoàng khi 2.000 con cá mòi và cá thu từ trên trời trút xuống như mưa. Hai bà nội trợ đang mua hàng ở chợ đã bị thương nhẹ ở mặt bởi cá rơi sượt qua, ngoài ra không ai khác bị tổn thương nặng. Vào lúc xảy ra sự kiện này, trời đang nắng, quang mây, lặng gió. Phần lớn cá đều còn sống, giãy đành đạch trên đường.

Tôi đọc xong đoạn tin và đưa trả tờ báo cho Oshima. Phóng viên đưa ra một số suy đoán có thể là nguyên nhân gây ra sự kiện nhưng tất cả đều

thiếu sức thuyết phục. Cảnh sát điều tra theo hướng liên quan đến trộm cắp hoặc có kẻ đùa dai. Nha Khí tượng thông báo hiện không có bất cứ điều kiện khí quyển nào có thể dẫn đến một cơn mưa cá. Còn người phát ngôn của Bộ Nông-Lâm-Ngư nghiệp thì vẫn chưa bình luận gì.

"Cậu có nghĩ ra tại sao lại xảy ra chuyện lạ ấy không?" Oshima hỏi tôi.

Tôi lắc đầu. Chịu.

"Ngay hôm sau ngày cha cậu bị giết, gần nơi xảy ra vụ án mạng, hai nghìn cá mòi và cá thu rơi từ trên trời xuống. Chỉ là sự trùng hợp thôi ư?"

"Em chắc thế."

"Báo còn đăng tin là cùng ngày hôm ấy, ở khu nghỉ chân Fujigawa trên xa lộ Tomei, giữa đêm khuya, một đống đỉa đã từ trên trời up xuống một khoảng nhỏ hẹp, gây ra mấy vụ đụng xe nhẹ. Nghe nói đỉa rất lớn. Không ai giải thích được tại sao lại có cơn mưa đỉa đó. Đó là một đêm sáng trời, quang mây. Cả vụ này, cậu cũng không hiểu tại sao, phải không?"

Một lần nữa tôi lại lắc đầu.

Oshima gập tờ báo lại và nói "Có nghĩa chúng ta đứng trước một thực tế: một chuỗi sự kiện kỳ lạ, không thể giải thích được đang nối tiếp nhau diễn ra. Có thể đó chỉ là một loạt những trùng hợp, nhưng nó vẫn khiến mình thắc mắc. Ở đây có một cái gì mình không nêu ra cụ thể được."

"Có thể đó là một ẩn dụ chăng?" tôi đánh bạo gợi ý.

"Cũng có thể... Nhưng mưa cá mòi và cá thu, mưa đỉa là cái thứ ẩn dụ ám chỉ gì chứ?"

Trong im lặng, tôi cố tìm cách diễn đạt thành lời cái điều mà bao lâu nay tôi không nói ra được. "Anh biết không? Mấy năm trước đây, cha em có một lời tiên đoán về em."

"Một lời tiên đoán?"

"Điều này, em chưa từng nói với ai bao giờ. Em nghĩ hẳn sẽ chả ai tin em."

Oshima không nói gì. Tuy nhiên, sự im lặng của anh lại động viên tôi.

"Một lời nguyền rủa thì đúng hơn là một tiên đoán. Cha em nhắc đi nhắc lại với em điều đó không biết bao nhiêu lần. Như thể ông muốn khắc từng chữ vào óc em vậy." Tôi hít một hơi thật sâu và ôn lại lần nữa những gì tôi cần nói ra. Thực ra tôi đâu cần phải ôn lại - bao giờ nó chả ở đấy, ong ong trong đầu tôi, cho dù tôi có kiểm tra lại hay không. Nhưng tôi cần phải cân nhắc từng chữ một lần nữa. Và đây là điều tôi nói: "*Một ngày kia, mày sẽ giết cha mày và ngủ với mẹ mày, cha em nói thế đấy.*"

Một khi đã nói ra, diễn đạt cái ý đó thành lời cụ thể, tôi bỗng cảm thấy lòng mình trống huơ trống hoác. Và bên trong cái khoảng trống đó, tim tôi đập rộn với một âm thanh kim khí và rỗng.

Sắc mặt không chút thay đổi, Oshima nhìn tôi hồi lâu.

"Vậy là ông nói một ngày nào đó, chính tay cậu sẽ giết cha và ngủ với mẹ."

Tôi gật lia lịa.

"Y hệt lời tiên đoán với Oedipus. Mình nghĩ cậu biết chứ?"

Tôi gật đầu. "Nhưng chưa hết. Ông còn đưa thêm vào đó một chi tiết phụ. Em có một chị gái hơn em sáu tuổi và cha em nói em sẽ ngủ với cả chị ấy."

"Cha cậu nói với cậu thế thật sao?"

"Vâng. Dạo ấy, em còn đang học cấp một và còn chưa hiểu từ "ngủ" đó nghĩa là thế nào. Mãi đến mấy năm sau, em mới vỡ ra."

Oshima không nói gì.

"Cha em bảo không cách chi em thoát được cái mệnh đó. Lời tiên đoán đó giống như một cơ chế định giờ được gá trong gien của em và không gì có thể hóa giải được. *Em sẽ phải giết cha em và ngủ với cả mẹ em lẫn chị em.*"

Oshima vẫn lặng thinh một lúc nữa như thể đang tra vấn, xem xét từng chữ một trong những lời tôi vừa nói để tìm ra đầu mối dẫn tới chìa khóa của điều bí hiểm này. "Tại sao cha cậu lại đi nói với cậu một điều gớm ghiếc như thế cơ chứ?" cuối cùng anh hỏi.

"Em không biết. Ông không hề giải thích thêm," tôi lắc đầu nói. "Có thể ông muốn trả thù vợ và con gái đã bỏ ông. Muốn trừng phạt họ, chắc thế. Thông qua em."

"Dù như thế có nghĩa là làm cậu tổn thương?"

Tôi gật đầu. "Đối với cha em, có lẽ em chả hơn gì một bức tượng của ông ấy. Một thứ mà ông có thể tạo ra hay đập vỡ tùy theo ông thấy có thích hợp hay không."

"Thật là một cách nghĩ kỳ quái," Oshima nói.

"Ở nhà chúng em, *mọi thứ* đều kỳ quái. Và khi mà mọi thứ đều kỳ quái, thì rốt cuộc, cái gì bình thường đâm ra có vẻ quái dị. Em đã biết điều đó từ lâu, nhưng em chỉ là một đứa bé. Em còn biết đi đâu khác?"

"Mình đã được xem tác phẩm của cha cậu một số lần," Oshima nói. "Ông là một điêu khắc gia tuyệt vời. Tượng của ông độc đáo, khiêu khích, đầy uy lực. Không thỏa hiệp, mình muốn dùng chữ ấy. Rành là nghệ thuật đích thực."

"Có thể là thế. Nhưng những đầu thừa đuôi thẹo sót lại từ những sáng tác ấy, ông rải ra khắp nhà như một thứ thuốc độc, không trốn đâu cho thoát được. Cha em làm ô nhiễm tất cả những gì ông đụng vào, làm tổn thương tất cả những ai ở quanh ông. Em không biết có phải ông cố tình làm thế hay không. Có thể là ông *phải* làm thế. Có thể đó là một phần bản chất của ông. Dù sao mặc lòng, em vẫn có cảm giác là ông gắn với một cái gì rất khác thường. Anh có hiểu em muốn nói gì không?"

"Mình nghĩ là có," Oshima nói. "Một cái gì vượt khỏi phạm vi cái thiện và cái ác. Có thể gọi nó là nguồn sức mạnh."

"Và cái đó chiếm nửa phần gien của em. Có lẽ vì thế mà mẹ em bỏ em lại. Có thể bà muốn đoạn tuyệt với em vì em sinh ra từ cái nguồn dễ sợ ấy. Vì em đã bị ô nhiễm."

Oshima khẽ ấn đầu ngón tay vào hai thái dương, ngẫm nghĩ. Anh lim dim mắt nhìn tôi. "Liệu có khả năng ông ấy không phải là cha đẻ của cậu không?"

Tôi lắc đầu. "Cách đây mấy năm, cha con em đã làm xét nghiệm ở một bệnh viện. Người ta đã lấy mẫu máu hai cha con để kiểm tra ADN. Không thể nghi ngờ gì về điểm này - trăm phần trăm, đó là cha sinh học của em. Họ đã cho em xem kết quả xét nghiệm."

"Ông ấy quả là rất cẩn thận."

"Em đồ rằng ông muốn em biết mình là một trong những tác

phẩm do ông sáng tạo. Một cái gì ông đã hoàn thành và ký tên."

Những ngón tay của Oshima vẫn áp trên thái dương. "Nhưng lời tiên đoán của cha cậu vẫn chưa ứng nghiệm, phải không nào? Cậu không giết cha cậu. Khi điều đó xảy ra, cậu đang ở đây, tại Takamatsu. Một kẻ khác đã giết ông ở Tokyo."

Tôi lặng lẽ xòe hai bàn tay ra trước mặt và nhìn trân trân vào đó. Đôi bàn tay đã dính đầy máu trong đêm tối. "Về điểm này, em không dám chắc lắm," tôi nói với anh.

Và tôi lần lượt kể cho anh nghe tất cả. Chuyện tôi bị bất tỉnh trên đường về khách sạn. Chuyện tôi tỉnh lại trong khu rừng đằng sau miếu thờ, với chiếc sơ mi đẫm máu ai đó. Chuyện gột máu trong nhà vệ sinh. Cả việc mấy giờ liền bị xóa hẳn trong trí nhớ của tôi. Để khỏi mất thì giờ tôi bỏ qua đoạn tôi qua đêm ở chỗ Sakura. Oshima thỉnh thoảng hỏi một đôi câu và sắp xếp các chi tiết vào bộ nhớ trong đầu. Nhưng anh không phát biểu ý kiến gì.

"Em không hiểu làm sao người em lại đầy máu như thế, mà cũng chẳng biết là máu của ai nữa. Quãng thời gian ấy là một khoảng trống hoàn toàn," tôi nói. "Nhưng có thể em đã giết cha em bằng chính tay mình, chứ không phải theo nghĩa ẩn dụ. Em thật sự có cảm giác là mình đã *làm việc đó*. Như anh đã nói, hôm ấy em ở Takamatsu - rành là em không đi Tokyo. Nhưng *trách nhiệm bắt đầu từ trong mơ*, phải không nào?"

Oshima gật đầu. "Thơ của Yeats."

"Vậy có thể em đã giết cha em qua một giấc mơ," tôi nói. "Có thể em đã đi đến Tokyo thông qua kênh đặc biệt của chiêm bao và đã giết ông."

"Đó là cảm nghĩ của cậu và cậu cho đó là thật, nhưng sẽ không có ai thẩm vấn cậu về trách nhiệm trong mơ đâu. Chắc chắn cảnh sát sẽ không làm thế. Không ai có thể ở hai nơi cùng một lúc. Đó là một sự thật khoa học đã được Einstein chứng minh và pháp luật chấp nhận nguyên lý ấy."

"Nhưng em đâu có nói chuyện khoa học hay pháp luật ở đây."

"Kafka," Oshima nói, "điều cậu nói chỉ là một giả thuyết. Một giả thuyết táo bạo và siêu thực đáng được chuyển thành kịch bản phim

khoa học viễn tưởng."

"Tất nhiên, đó chỉ là một giả thuyết. Em biết thế. Em nghĩ chắc chẳng ai tin một điều ngớ ngẩn đến như vậy. Nhưng sinh thời, cha em thường nói không có phản chứng nhằm bác bỏ một lý thuyết, thì khoa học sẽ không bao giờ tiến bộ. *Lý thuyết là một bãi chiến trường trong đầu*, đó là câu ưa thích của ông. Và ngay lúc này, em không thể nghĩ ra phản chứng nào để bác bỏ giả thuyết của mình."

Oshima im lặng. Và tôi thì không nghĩ ra điều gì khác để nói.

"Dù sao đi nữa," cuối cùng Oshima nói, "chính vì thế mà cậu bỏ nhà đến Shikoku. Để trốn khỏi lời nguyền của cha cậu."

Tôi gật đầu và chỉ tờ báo gập tư. "Nhưng xem chừng chẳng có cách nào trốn thoát."

**Khoảng cách sẽ không giải quyết được gì hết,** cái thằng tên là Quạ nói thế.

"Vậy rành là cậu cần một nơi ẩn náu," Oshima nói. "Ngoài ra, mình chả còn biết nói gì hơn."

Tôi chợt nhận ra mình mệt biết bao. Tôi ngả người dựa vào Oshima và anh quàng tay ôm vai tôi.

Tôi gục mặt vào bộ ngực phẳng của anh. "Oshima, em không muốn làm những điều đó. Em không muốn giết cha em. Hoặc ngủ với mẹ em và chị gái em."

"Dĩ nhiên là thế," anh đáp, đưa tay vuốt mái tóc húi ngắn của tôi. "Làm sao em có thể muốn vậy được?"

"Kể cả trong mơ cũng không."

"Cũng như trong ẩn dụ," Oshima nối lời. "Hay trong ngụ ngôn, hay một tương suy." Anh dừng một lát rồi tiếp. "Nếu em không phiền, anh sẽ ở lại với em đêm nay. Anh có thể ngủ trên ghế."

Nhưng tôi khước từ. Tôi bảo anh là tôi muốn được một mình.

Oshima vuốt lại mớ tóc rủ xuống trán. Sau một chút do dự, anh nói, "Mình biết mình chỉ là một con ái nam ái nữ rách nát vô vọng và nếu đó là điều làm cậu e ngại thì..."

"Không," tôi nói, "tuyệt nhiên không phải thế. Em chỉ cần được một mình ít lâu để suy nghĩ thôi. Quá nhiều điều đã xảy ra cùng một lúc. Có vậy thôi."

Oshima ghi một số điện thoại trên một tập giấy nhắn. "Nửa đêm, nếu cậu cảm thấy muốn trò chuyện với ai, thì gọi số này. Đừng ngần ngại nhé. Mình tỉnh ngủ lắm."

Tôi cảm ơn anh.

Đêm ấy, tôi đã thấy một con ma.

# Chương 22

Chiếc xe tải cho Nakata quá giang tới Kobe, ngay sau năm giờ sáng. Ngoài trời đã sáng, nhưng nhà kho vẫn đóng cửa nên chưa thể dỡ hàng được. Họ đậu xe trong một con phố rộng gần cảng và ngủ đỡ một giấc. Gã tài xế trẻ nằm dài trên ghế sau, nơi gã vẫn thường ngả lưng, và chẳng mấy chốc đã ngáy như sấm. Tiếng ngáy của gã đôi khi làm Nakata thức giấc, song lần nào lão cũng ngủ lại ngon lành. Mất ngủ là một hiện tượng xa lạ với Nakata.

Trước tám giờ một chút, gã lái xe ngồi dậy, ngoác miệng ngáp thật to. "Này, ông có đói không, ông nội?" gã hỏi. Gã đang cạo mặt bằng một cái dao cạo điện, dùng kính chiếu hậu làm gương.

"Nhắc đến mới nhớ, phải, Nakata có hơi đói."

"Vậy ta hãy đi kiếm tí gì lót dạ đi."

Từ lúc rời Fujigawa cho đến lúc tới Kobe, phần lớn thời gian, Nakata chỉ ngủ. Gã tài xế trẻ hầu như cũng im lặng suốt, chỉ vừa lái vừa nghe một chương trình phát thanh khuya. Thi thoảng, gã hát theo đài những bài Nakata chưa từng nghe bao giờ. Lão thậm chí không chắc những bài đó có phải bằng tiếng Nhật hay không, vì lão hầu như không hiểu lời ca nói gì, họa hoằn mới nghe rõ một chữ. Lão lấy trong túi bố ra gói cơm nắm và sô-cô-la, quà của các cô gái ở Shinjuku, chia cho gã.

Gã này hút thuốc lá liên tục, điều này nối điều kia, nói rằng điều đó giúp cho mình tỉnh táo, thành thử khi tới Kobe, quần áo của Nakata

đã sực mùi khói thuốc.

Tay xách túi và ô, Nakata khệ nệ xuống xe.

"Ông nên để những thứ này trong xe thì hơn," gã tài nói. "Chúng ta sẽ không đi xa và ăn xong một cái là về ngay thôi mà."

"Vâng, cậu nói chí phải, cơ mà Nakata này mang nó theo thì yên tâm hơn."

Gã nhíu mày. "Thế nào cũng được. Mấy lại cháu đâu có phải mang vác nó. Tùy ông thôi."

"Cám ơn cậu."

"Tiện thể xin nói để ông biết tên cháu là Hoshino. Viết giống như tên cựu huấn luyện viên của đội Chunichi Dragons ấy. Nhưng cháu không phải là bà con họ hàng gì với ông ta đâu."

"Cậu Hoshino ư? Rất hân hạnh. Tên lão là Nakata."

"Cái đó thì cháu biết rồi. Đi nào," Hoshino nói.

Gã thông thạo khu này và sải bước dọc con phố khiến Nakata gần như phải chạy lon ton mới theo kịp. Cuối cùng họ vào một tiệm ăn nhỏ ở một ngõ hẻm, ngồi cùng các lái xe tải khác và các công nhân bốc dỡ ở bến tàu. Không thấy một chiếc cà vạt nào. Tất cả đều lặng lẽ xúc lấy xúc để món điểm tâm của mình như thể đang đổ đầy bình xăng của xe. Cửa hàng đầy những tiếng thìa bát lách cách, tiếng cô hầu bàn hô truyền xuống nhà bếp tên các món thực khách gọi, tiếng đọc bản tin sáng từ một chiếc tivi đặt trong góc,

Hoshino chỉ tờ thực đơn dán trên tường. "Ông nội thích món gì thì cứ gọi. Ở đây vừa rẻ vừa ngon."

"Được," Nakata nói và, theo lời gã, nhìn trân trân vào bảng thực đơn cho đến khi lão nhớ ra là mình không biết đọc. "Xin lỗi cậu Hoshino, Nakata này không được sáng dạ và không biết đọc."

"Thật thế không?" Hoshino ngạc nhiên hỏi. "Không biết đọc? Thời buổi này, đo là chuyện hiếm. Nhưng không sao. Cháu chọn cá nướng với trứng ốp-lết, ông cũng thế nhé?"

"Nghe hay đấy. Cá nướng với ốp-lết là một trong những món ưa thích của Nakata này."

"Tốt."

"Lão cũng rất thích lươn."

"Thế à? Cháu cũng thích lươn. Nhưng lươn không phải là món lót dạ buổi sáng."

"Đúng. Mấy lại tối qua, Nakata này vừa ăn lươn rồi, cậu Hagita đã đãi lão."

"Tốt," Hoshino lại tán thưởng. "Hai cá nướng với ốp-lết!" gã gọi to cho cô hầu bàn. "Một cho nhiều cơm vào nhé!"

"Hai cá nướng với ốp-lết, một nhiều cơm!" cô hầu bàn lớn tiếng hô truyền vào nhà bếp.

"Không biết đọc có phiền không ông nội?" Hoshino hỏi.

"Có chứ, đôi khi lão đến khổ vì không biết đọc. Chừng nào còn ở Quận Nakano trong Tokyo thì còn không đến nỗi tệ, nhưng nếu đi đâu khác như bây giờ thì rất gay."

"Cháu đoán thế. Kobe cách Tokyo xa lắm."

"Nakata này không biết đâu là Bắc, đâu là Nam, chỉ biết bên nào là trái, bên nào là phải, nên dễ bị lạc lắm. Lão lại không biết mua vé nữa."

"Thế mà ông đi đến tận đây được, thật không thể tin nổi."

"Có nhiều người tốt sẵn lòng giúp lão. Cậu cũng ở trong số đó, cậu Hoshino. Lão không biết cám ơn cậu thế nào cho vừa."

"Dù sao, không biết đọc cũng thật là gay. Ông cháu tuy lẫn cẫn nhưng vẫn đọc được tốt."

"Lão thuộc loại đần đặc biệt."

"Gia đình ông ai cũng thế sao?"

"Không. Anh trai lão là *chưởng buồng* ở một sở gọi là *Itô-tru*, còn em trai lão làm việc ở Bộ *Xương Mại*."

"Oao!" Hoshino nói. "Toàn trí thức cả. Vậy chỉ có mình ông là hơi 'nghiêng' thôi à?"

"Phải, chỉ có Nakata này bị tai nạn và không sáng dạ thôi. Vì thế mà mọi người luôn dặn lão đừng có ra ngoài nhiều kẻo gây rắc rối cho anh trai, em trai, cháu trai cháu gái lão."

"Phải, cháu chắc hầu hết đều thấy bối rối khi có một người như ông thình lình xuất hiện."

"Những cái khó thì lão không hiểu, nhưng lão biết rằng chừng nào còn ở trong quận Nakano thì lão không lạc. Ngài Tỉnh trưởng giúp đỡ

lão và lão hòa hợp với bọn mèo. Mỗi tháng lão cắt tóc một lần và thi thoảng, lão ăn một chầu lươn. Nhưng sau chuyện Johnnie Walker, Nakata này không thể ở lại quận Nakano nữa."

"Johnnie Walker?"

"Phải. Hắn ta đi ủng, đội một cái mũ đen cao thành, mặc áo đuôi tôm và cầm can. Hắn ta bắt mèo gom lại để lấy hồn bọn nó."

"Thôi nào..." Hoshino nói. "Cháu nghe kể lể dài dòng sốt ruột lắm. Tóm lại, đã xảy ra chuyện gì khiến ông phải bỏ Nakano mà đi, phải không nào?"

"Đúng. Lão đi khỏi Nakano."

"Vậy ông đi đâu?"

"Nakata chưa biết. Nhưng sau khi tới đây, lão biết là phải qua một cái cầu. Một cái cầu lớn gần đây."

"À, vậy là ông đi Shikoku."

"Cậu Hoshino, lão xin lỗi, lão mù tịt địa lý. Đi qua cầu là đến Shikoku à?"

"Phải. Nếu ông nói cái cầu to gần đây, thì đó là cầu ra đảo Shikoku. Thực ra là có những ba cái cơ. Một cái từ Kobe qua đảo Awaji dẫn đến Tokushima. Một cái ở mé dưới Kurashiki bắc sang Sakaide. Và một cái nữa nối Onomichi với Imabari. Kể ra chỉ một cây cầu cũng đủ chán, cơ mà các nhà chính trị cứ chõ mũi vào, thành thử có những ba cái. Thật điển hình là những dự án lấy tiền Nhà nước để giành phiếu bầu!"

Hoshino đổ chút xíu nước lên mặt bàn bằng nhựa, lấy đầu ngón tay vẽ phác bản đồ Nhật Bản, chỉ ba cây cầu nối Honshu với Shikoku.

"Ba cái cầu ấy có to thật không?" Nakata hỏi.

"To tổ bố."

"Thật à? Dù sao Nakata này cũng sẽ đi qua một cái. Có lẽ là cái nào gần nhất. Sau đó, lão sẽ nghĩ ra phải làm gì."

"Có nghĩa là ông không có bạn bè, bà con gì ở nơi ông đang nhằm đến?"

"Không, Nakata này chẳng quen biết ai ở đó cả."

"Ông chỉ qua cầu đến Shikoku rồi lại đi tiếp đến một nơi khác?"

"Đúng thế."

"Và ông không biết *nơi khác* đó là *đâu?*"

"Hoàn toàn không. Cơ mà cứ đến đó rồi khắc biết, lão nghĩ thế."

"Chu cha!" Hoshino nói. Gã vuốt tóc, chỉnh lại cái bím đuôi ngựa rồi đội chiếc mũ cầu thủ Chunichi Dragons lên đầu.

Thức ăn bưng ra, họ bắt đầu ăn.

"Ốp-lết ngon đấy chứ, ông?" Hoshino hỏi.

"Vâng, rất ngon. Vị của nó khác với món ốp-lết lão vẫn ăn ở Nakano."

"Là vì nó được làm theo kiểu Kansai. Khác hẳn cái thứ bèn bẹt vô vị giả danh ốp-lết ở Tokyo."

Hai người lặng lẽ thưởng thức bữa sáng gồm có ốp-lết, cá thu muối nướng, xúp trai miso, củ cải đỏ ngâm, rau dền ướp gia vị, rong biển. Vét sạch không sót một hạt cơm. Nakata nhai thật kỹ, mỗi miếng đúng ba mươi hai lần trước khi nuốt, thành thử khá lâu mới xong bữa.

"Đủ chưa, ông nội Nakata?"

"Đã đời. Còn cậu thế nào, cậu Hoshino?"

"Cả cháu cũng no căng. Đả một bữa điểm tâm ngon lành như thế này, tinh thần lên phơi phới, phải không ông?"

"Phải, nhất định rồi."

"Thế nào, có toa-lét cái không?"

"Cậu nhắc, lão mới thấy mót."

"Vậy thì đi đi. Nhà vệ sinh đằng kia kìa."

"Còn cậu, cậu Hoshino?"

"Cháu đi sau. Cháu nhẩn nha tí đã."

"Cám ơn. Nakata này đi tháo bụng một cái đây."

"Này, đừng nói to thế. Mọi người còn đang ăn kia kìa."

"Xin lỗi, Nakata này chẳng sáng dạ tí nào."

"Không sao. Ông cứ đi đi."

"Tiện thể, lão đánh răng luôn, có được không?"

"Được. Ông đi đi. Chúng ta còn thời gian mà. Ông muốn làm gì thì làm. Cơ mà cháu nghĩ ông chả cần mang cái ô này theo làm gì. Ông chỉ đi cầu thôi mà, phải không nào?"

"Thôi được. Lão để cái ô này lại."

Khi Nakata quay về, Hoshino đã thanh toán xong xuôi.

"Cậu Hoshino, lão có tiền mà, chí ít cũng xin cậu để lão trả bữa điểm tâm này."

Hoshino lắc đầu. "Có gì đâu. Cháu còn nợ ông cháu khối. Hồi ấy cháu phá lắm."

"Lão hiểu. Cơ mà lão đâu phải là ông của cậu."

"Đó là vấn đề của cháu, vậy nên ông đừng băn khoăn. Không tranh cãi nữa, được không? Cứ để cháu đãi ông."

Nghĩ một lúc, Nakata quyết định chấp nhận lòng hào hiệp của gã lái xe. "Vậy thì cám ơn cậu nhiều. Quả là một bữa ăn tuyệt vời."

"Dào, có mấy miếng cá thu với ốp-lết ở một tiệm ăn ba xu ấy mà. Đâu cần phải cúi đầu cảm ơn thế."

"Cơ mà cậu biết đấy, cậu Hoshino, từ khi Nakata này rời Nakano, ai ai cũng đầy hảo tâm với lão đến nỗi lão hầu như chưa phải tiêu đồng nào."

"Tuyệt," Hoshino nói, thán phục.

Nakata nhờ một cô hầu bàn rót đầy trà nóng vào chiếc phích nhỏ của mình rồi thận trọng đặt nó trở lại trong túi bố. Quay trở về chỗ đậu xe, Hoshino hỏi, "Vậy còn chuyện đi Shikoku thế nào?"

"Dạ?" Nakata nói.

"Tại sao ông muốn đến đó?"

"Lão không biết."

"Ông không có mục đích cụ thể, thậm chí không biết mình đến đâu, vậy mà ông vẫn muốn đi Shikoku?"

"Đúng thế. Nakata này phải đi qua một cái cầu to."

"Sự thể sẽ sáng tỏ hơn khi ông sang đến bờ bên kia, phải không?"

"Lão nghĩ vậy. Chừng nào chưa qua cầu, lão còn chưa biết gì hết."

"Hmm," Hoshino nói. "Vậy việc qua cầu là rất quan trọng."

"Phải, việc đó quan trọng hơn bất cứ cái gì."

"Đến là lạ," Hoshino vừa nói vừa gãi đầu.

Vì phải lái xe đến kho để giao lô hàng đồ gỗ, Hoshino bảo Nakata chờ gã ở một công viên nhỏ gần cảng.

"Ông chớ có đi khỏi đây nhé?" Hoshino dặn. "Có một nhà vệ sinh ở đằng kia và một vòi nước. Ông đã có mọi thứ ông cần. Ông mà lang thang đâu đó thì có thể không tìm thấy đường về đâu."

"Lão hiểu. Lão không còn ở trong quận Nakano nữa."

"Chính xác. Đây không phải là Nakano. Vậy hãy ngồi yên, cháu sẽ quay về rất sớm thôi."

"Được. Lão sẽ ở nguyên đây."

"Tốt. Giao hàng xong một cái là cháu sẽ về ngay."

Nakata y theo lời dặn, không rời khỏi ghế, thậm chí đi vệ sinh cũng không. Lão thấy việc ngồi gí một chỗ hồi lâu chả khó khăn gì. Thực tế, ngồi yên chính là chuyên môn của lão.

Từ chỗ lão ngồi, có thể thấy biển. Đã rất lâu rồi, lão không thấy biển. Hồi nhỏ, Nakata đã cùng gia đình đi nghỉ ở bờ biển bao lần, mặc quần bơi, vùng vẫy ở quanh bờ, lượm vỏ ốc khi nước triều xuống. Nhưng kỷ niệm ấy nay đã nhạt nhòa, như chuyện xảy ra từ kiếp trước. Từ đó đến nay, lão chưa một lần thấy lại biển, ít nhất là theo trí nhớ của lão.

Sau cái sự kiện kỳ lạ trên đồi Yamanashi, Nakata trở lại trường ở Tokyo. Cậu bé giờ đây đã bình phục về mặt thể chất, ý thức đã trở lại, nhưng bộ nhớ đã bị xóa sạch, không bao giờ phục hồi được khả năng đọc và viết nữa. Vì không đọc được sách giáo khoa, cậu không thể qua được bất kỳ đợt trắc nghiệm nào. Tất cả kiến thức học được cho tới khi đó đều tan biến cũng như khả năng suy nghĩ trừu tượng. Tuy nhiên, nhà trường vẫn để cậu học đến hết cấp. Không theo dõi được những gì cô giáo giảng, cậu ngồi lặng lẽ ở một góc trong lớp. Khi cô giáo bảo làm gì, Nakata tuân thủ triệt để lời cô dặn đến từng chữ. Cậu không làm rầy ai, nên các thầy cô có khuynh hướng quên hẳn sự hiện diện của cậu. Cậu giống một vị "khách" dự thính hơn là một gánh nặng.

Chẳng bao lâu, người ta đâm quên rằng trước khi xảy ra tai nạn, cậu luôn luôn được điểm cao trong lớp. Nhưng giờ đây, mọi hoạt động của trường đều không có cậu tham gia. Cậu không có bạn. Tuy nhiên, tất cả những cái đó không làm cậu buồn phiền. Thui thủi một mình có nghĩa là tha hồ chìm đắm trong thế giới riêng nhỏ bé của mình. Điều cuốn hút cậu nhất ở trường là chăm sóc đàn thỏ và dê của nhà trường, tưới tỉa các vạt hoa và quét dọn lớp. Một nụ cười luôn nở trên môi, cậu làm những công việc đó không bao giờ biết mệt.

Cả ở nhà, cậu cũng bị quên đứt. Một khi biết rằng đứa con trai đầu của mình mất khả năng đọc chữ và không theo được bài giảng ở lớp,

cha mẹ Nakata - vốn chỉ tập trung toàn tâm toàn ý vào việc học của con cái - liền bỏ rơi cậu và chuyển sự chú ý sang những đứa em. Không thể học tiếp lên trung học, cho nên vừa hết cấp sơ học, Nakata liền bị gửi về quê ngoại, tỉnh Nagano, ở với ông bà ngoại. Tại đây, cậu được đưa vào một trường nông nghiệp. Vì vẫn không biết đọc, cậu học rất vất vả, nhưng cậu yêu thích công việc đồng áng. Thậm chí lẽ ra cậu đã có thể trở thành một nông dân nếu như các bạn cùng lớp không hành hạ cậu đến thế. Chúng rất thích đánh đập thằng ngụ cư, thằng nhóc thành phố này. Chúng gây cho cậu những vết thương nặng (có lần rách cả tai) đến nỗi ông bà ngoại phải rút cậu khỏi trường và giữ cậu ở nhà để giúp công việc nhà. Nakata là một chú bé lặng lẽ, vâng lời, được ông bà ngoại rất thương yêu.

Chính vào thời gian này, cậu đã phát hiện ra là mình có khả năng nói chuyện với mèo. Ông bà cậu có nuôi mấy con mèo trong nhà và Nakata trở thành bạn thân của chúng. Thoạt đầu, cậu chỉ nói được một số từ, nhưng rồi cậu cố gắng trau dồi như thể học ngoại ngữ và chẳng bao lâu đã có thể nói chuyện dài dài với chúng. Hễ rảnh rỗi là cậu lại ra ngồi ngoài hiên, trò chuyện với mèo. Chúng dạy cho cậu nhiều điều về thiên nhiên và thế giới xung quanh. Thực tế, hầu hết những kiến thức cơ bản về thế giới mà Nakata nắm được là do các bạn mèo của cậu dạy.

Năm mười lăm tuổi, cậu được gửi đến một công ty đồ gỗ gần nhà để học việc. Đó là một xưởng nhỏ chế tác các đồ gỗ thủ công thì đúng hơn là một nhà máy. Bàn, ghế và tủ làm ra được chở bằng đường thủy đến Tokyo. Nakata đâm yêu công việc làm gỗ. Ông chủ rất mến cậu vì cậu rất khéo tay, không bao giờ bỏ sót một chi tiết nhỏ nào, tính tình trầm lặng ít nói và tuyệt không bao giờ kêu ca phàn nàn. Đọc bản vẽ hay bổ sung con số không phải là thế mạnh của cậu, nhưng ngoài những nhiệm vụ đó ra, cậu làm tốt tất cả những gì cậu bắt tay vào. Một khi đã nắm được các bước chế tác, cậu có thể lặp lại quy trình đó vô số lần, không biết mệt. Sau hai năm học việc, cậu được vào làm chính thức.

Nakata làm ở đó đến khi ngoài năm mươi, không để xảy ra bất cứ sự cố nào, không một lần nghỉ ốm. Lão không uống rượu, không hút thuốc, không thức khuya, không ăn quá độ. Lão không bao giờ xem tivi và chỉ bật đài để nghe chương trình thể dục buổi sáng. Ngày lại ngày,

lão chỉ ra công làm đồ gỗ. Ông bà và cha mẹ lão theo nhau qua đời. Mọi người đều mến lão, tuy nhiên lão không có ai là bạn thân thiết. Có lẽ đó cũng là tất nhiên thôi. Phần lớn, khi bắt chuyện với Nakata, chỉ sau mươi phút là không còn gì để nói nữa.

Tuy vậy, lão không bao giờ cảm thấy cô đơn hoặc bất hạnh. Lão không bao giờ cảm thấy thèm muốn tình dục hoặc thậm chí muốn có ai bên cạnh mình. Lão hiểu mình khác mọi người. Lão nghĩ bóng của lão đổ trên mặt đất nhạt hơn, nhẹ hơn bóng những người khác, mặc dầu không ai nhận thấy điều này. Duy nhất chỉ có lũ mèo thực sự hiểu lão. Kỳ lạ thay, với chúng, lão không bao giờ cạn chuyện để nói.

Ông chủ công ty đồ gỗ qua đời khi Nakata năm mươi hai tuổi và sau đó ít lâu, xưởng đồ gỗ đóng cửa. Cái loại đồ gỗ cổ truyền màu đen ảm đạm ấy bán không chạy như trước nữa. Tất cả các nghệ nhân đều đã già và lớp trẻ không ai thiết học nghề này nữa. Xưởng gỗ, ban đầu ở giữa cánh đồng, nay bốn bề là những nhà mới xây và người ta bắt đầu kêu ca về tiếng ồn và khói khi đốt phoi bào. Con trai ông chủ làm việc trên tỉnh cho một hãng kế toán, không muốn nối nghiệp cha, nên khi ông cụ vừa mất, là bán luôn tất cả cho một người kinh doanh bất động sản. Sau khi dỡ bỏ xưởng, khu đất đã san bằng được bán cho một chủ thầu phát triển chung cư, người này xây trên đó một ngôi nhà sáu tầng. Tất cả các căn hộ ở đây, ngay hôm đầu rao bán, đã có người mua.

Thế là Nakata mất việc. Công ty có những khoản nợ lớn phải trả, nên lão chỉ được một số tiền hưu còm cõi. Sau đó lão không kiếm được việc làm nào khác. Ai hơi đâu đi thuê một lão già ngoài năm mươi mù chữ, chỉ có độc một ngón nghề chế tác những đồ gỗ cổ mà chẳng ai cần đến nữa?

Nakata đã làm việc liên tục ở xưởng suốt ba mươi bảy năm trời không nghỉ lấy một ngày nên cũng có một số tiền tiết kiệm kha khá ở bưu điện địa phương. Nói chung lão tiêu pha rất ít cho bản thân, cho nên dù không kiếm được việc làm mới, lẽ ra lão cũng vẫn có thể an hưởng tuổi già bằng khoản tiền tiết kiệm đó. Vì lão không biết đọc biết viết, một người em họ làm ở tòa thị chính giúp lão quản lý tài khoản ở bưu điện. Là một người tốt bụng nhưng thiếu nhạy bén với thời cuộc, người em họ này đã bị một tên môi lái nhà đất vô lương tâm lừa phỉnh

đầu tư vào một dự án nhà cho thuê tại một khu thể thao mùa đông và cuối cùng đâm nợ lút đầu. Vào quãng thời gian Nakata mất việc, người em họ này biến mất cùng cả gia đình để trốn các chủ nợ. Hình như một số chủ nợ thuộc dạng mafia đã truy tìm ông ta. Không ai biết gia đình đó hiện ở đâu, hay thậm chí có còn sống hay không.

Khi Nakata nhờ một người quen đưa đến bưu điện để kiểm tra số dư, lão phát hiện ra là chỉ còn mấy nghìn *yen* trong tài khoản. Cả món lương hưu, được nhập thẳng vào tài khoản, cũng đã biến mất. Chỉ có thể nói là Nakata hết sức đen đủi - đã mất việc lại thêm trắng tay. Bà con họ hàng đều thương lão nhưng họ cũng đều là nạn nhân của vụ này do đã cho ông em họ trứ danh kia vay tiền hoặc đem tài sản thế chấp giúp ông ta. Thành thử, không một ai có khả năng giúp Nakata trong cơn hoạn nạn.

Cuối cùng, một trong hai em trai Nakata, người kế ngay sau lão, quyết định đưa lão về Tokyo ở tạm với mình để tiện chăm nom. Ông có một ngôi nhà ở Nakano phân làm nhiều căn để cho những người độc thân thuê - phần thừa kế của ông từ tài sản của cha mẹ - và ông dành một căn cho anh trai. Ông cũng quản lý giúp khoản tiền không lớn lắm mà cha mẹ họ để lại cho Nakata theo di chúc và xoay xở xin được cho lão một trợ cấp của Tòa Thị chính Tokyo. Đó là tất cả những gì ông có thể làm cho Nakata. Tuy mù chữ, nhưng Nakata vẫn có thể tự mình lo liệu những nhu cầu thường nhật, và chừng nào tiền nhà không phải trả, lão có thể xoay xỏa đâu vào đấy.

Hai người em trai rất ít tiếp xúc với lão. Họ gặp lão vài lần khi lão mới trở về Tokyo và chỉ thế thôi. Họ đã sống riêng biệt hơn ba mươi năm và cung cách sống của họ hoàn toàn khác. Cả hai đều không có tình cảm đặc biệt gì với lão, vả lại họ quá bận bịu với con đường hoạn lộ của mình, làm gì có thì giờ để chăm sóc một ông anh thiểu năng trí tuệ.

Nhưng sự đối đãi lạnh nhạt của các em trai không làm Nakata phiền lòng. Lão ở một mình đã quen và thực tế, lão lại căng thẳng khi người ta cố tỏ ra ân cần với lão. Lão cũng không hề nổi giận khi ông em họ phá tán món tiền dành dụm cả đời của lão. Cố nhiên, lão hiểu chuyện xảy ra như thế là đáng tiếc, nhưng cả vụ đó cũng không làm lão thất vọng. Nakata không có khái niệm gì về một "khu thể thao mùa

đồng", cũng chả biết "đầu tư" nghĩa là gì, hoặc việc "vay nợ" phức tạp như thế nào. Lão sống trong một thế giới khoanh lại bởi một vốn từ vựng rất hạn chế.

Lão chỉ hiểu được ý nghĩa của một khoản tiền không quá năm nghìn *yen*. Quá mức ấy - mười nghìn, một trăm nghìn hay một triệu *yen* - đối với lão cũng thế cả mà thôi, chẳng khác gì nhau. Đều là "vô khối tiền" cả. Lão đã từng có tiền gửi tiết kiệm, nhưng lão chẳng nhìn thấy nó bao giờ. Họ chỉ bảo lão: "Bác có từng này, từng này trong tài khoản", và con số đó đối với lão hoàn toàn là một khái niệm trừu tượng. Cho nên khi nó biến hết, lão không hề có cảm giác là mình đã thực sự mất một cái gì.

Như vậy, Nakata sống một cuộc sống mãn nguyện trong căn hộ nhỏ do em trai dành cho, hằng tháng nhận trợ cấp, sử dụng chiếc thẻ đi xe buýt miễn phí, thường xuyên ra công viên trong khu chuyện gẫu với lũ mèo. Cái góc nhỏ ấy của quận Nakano trở thành thế giới mới của lão. Giống như chó và mèo, Nakata phân định lãnh thổ của mình, một đường ranh giới mà ngoại trừ trường hợp đặc biệt, lão không bao giờ mạo hiểm vượt qua. Chừng nào còn ở trong phạm vi lãnh thổ đó, lão còn cảm cảm thấy an toàn và hài lòng. Không bất mãn, không giận dữ với cái gì. Không cảm thấy cô đơn, lo âu về tương lai, hoặc băn khoăn về cuộc sống khó khăn hay bất tiện. Ngày lại ngày, suốt hơn mười năm, cuộc đời lão cứ thế trôi, thong dong hưởng bất cứ cái gì đến với mình.

Cho tới ngày Johnnie Walker xuất hiện.

Đã nhiều năm Nakata không thấy biển, vì ở tỉnh Nagano cũng như quận Nakano, đều không có biển. Giờ đây, lần đầu tiên, lão nhận ra rằng mình đã quên bẵng biển lâu đến thế. Lão thậm chí không hề nghĩ đến nó suốt trong ngần ấy năm trời. Lão gật đầu lia lịa với chính mình, xác nhận sự thực ấy. Lão bỏ mũ, đưa tay xoa xoa cái đầu hói của, đội mũ trở lại và đăm đăm nhìn ra biển. Lão chỉ biết về biển đến chừng này thôi: nó rất lớn, nó mặn vị muối và cá sống trong nó.

Lão ngồi đấy, trên chiếc ghế băng, hít cái mùi thơm nồng của biển, nhìn những con hải âu lượn vòng trên đầu, hướng mắt ra những con tàu bỏ neo ngoài cảng. Lão ngắm hoài quang cảnh đó không biết mệt.

Thi thoảng một con hải âu trắng muốt sà xuống đậu trên lớp cỏ tươi đầu hạ của công viên. Cái màu trắng trên nền xanh lục ấy thật đẹp. Nakata thử gọi con hải âu khi nó bước đi trên cỏ, nhưng nó không trả lời mà chỉ lạnh lùng nhìn lão. Quanh đây chẳng có con mèo nào. Những con vật duy nhất ở công viên lúc này là hải âu và chim sẻ. Trong khi lão nhấp từng ngụm nhỏ trà nóng từ chiếc phích, mưa bắt đầu lộp độp rơi và Nakata giương chiếc ô quý giá của mình lên.

Khi Hoshino quay về công viên trước mười hai giờ trưa một chút, mưa đã tạnh. Gã thấy Nakata vẫn ngồi nguyên trên ghế băng y như lúc gã để lão lại đó, ô cụp lại, mắt nhìn ra biển. Hoshino đã đậu xe ở một chỗ nào đó và trở lại bằng taxi.

"Cháu xin lỗi đã để ông chờ lâu quá," gã nói. Một chiếc túi nhựa cứng lủng lẳng từ nơi vai gã. "Cháu đã tưởng xong sớm hơn, nhưng lắm chuyện quá. Hình như kho hàng nào cũng có một thằng cha rách việc."

"Nakata này không phiền đâu. Lão ngồi đây ngắm biển thôi mà."

"Ừm," Hoshino ậm ừ. Gã đưa mắt theo hướng nhìn của Nakata nhưng chỉ thấy một cầu tàu cũ kỹ xác xơ và váng dầu trên mặt nước.

"Đã lâu rồi lão chưa thấy biển."

"Thật ư?"

"Lần cuối cùng là hồi còn học cấp một. Lão đến một bãi biển gọi là Enoshima."

"Chắc là xa xưa lắm rồi nhỉ?"

"Hồi ấy, Nhật Bản bị Mỹ chiếm đóng. Bãi biển Enoshima đầy lính Mỹ."

"Ông nói giỡn."

"Không, lão không giỡn đâu."

"Thôi nào," Hoshino nói. "Nhật Bản không bao giờ bị Mỹ chiếm đóng."

"Nakata này không biết rành rọt, nhưng Mỹ có những máy bay gọi là B-29. Chúng ném rất nhiều bom xuống Tokyo nên lão phải tản cư đến tỉnh Yamanashi, chính ở đấy, lão bị bệnh."

"Thế à? Dù gì... Mà cháu đã bảo ông là cháu không thích những chuyện dài dòng văn tự. Thôi kệ, ta đi thôi. Việc giao hàng kéo dài hơn

cháu tưởng, nếu ta cứ kề cà thì tối đến nơi bây giờ."

"Chúng ta đi đâu?"

"Tất nhiên là đi Shikoku. Chúng ta sẽ qua cầu. Lúc nãy ông nói là ông đi Shikoku, phải không nào?"

"Vâng. Nhưng còn công việc của cậu thì sao?"

"Ông đừng lo. Khi cháu trở lại thì nó vẫn đấy, chạy đi đâu được. Cháu đã làm thêm bao nhiêu giờ và cháu đang nghĩ mình cũng nên nghỉ bù vài ngày. Nói thực tình, cháu cũng chưa bao giờ đến Shikoku. Âu cũng là dịp để xem nó ra sao. Mấy lại, ông không biết đọc, đúng không nào? Cho nên, có cháu đi cùng để giúp ông mua vé, có phải dễ dàng hơn nhiều không. Trừ phi ông không muốn cháu đi theo."

"Không, có được cậu đi cùng thì Nakata này quá sướng."

"Vậy thì ta cứ làm thế nhé. Cháu đã xem kỹ bảng giờ xe chạy. Nào, lên đường đi Shikoku!"

# Chương 23

Tôi không biết từ *ma* dùng ở đây có chính xác hay không, nhưng dứt khoát đây không phải là một cái gì trên cõi trần này - chỉ thoáng nhìn một cái tôi đã có thể khẳng định thế.

Tôi cảm thấy một cái gì đó và tôi choàng thức giấc, và kìa, cô ta đã ở đó. Đã nửa đêm nhưng căn phòng vẫn sáng lạ lùng, ánh trăng tràn vào qua cửa sổ. Tôi biết mình đã kéo rèm che trước khi đi ngủ, nhưng lúc này rèm đã mở toang. Bóng cô gái in rõ nét, ngập trong ánh trăng rợn một màu trắng của xương.

Cô ta trạc tuổi tôi, mười lăm, mười sáu gì đó. Tôi đoán là mười lăm. Giữa mười lăm và mười sáu, có một khác biệt rất lớn. Cô nhỏ người và thon thả, tư thế rất thẳng và không hề có vẻ mảnh mai. Tóc cô xõa ngang vai, với vài mớ rủ xuống trán. Cô mặc một chiếc áo váy màu xanh lơ, vạt xòe ra ngang đầu gối. Cô không đi giày dép gì cả. Cổ tay áo cài khuy gọn ghẽ. Chiếc áo hở vai phô ra một cái cổ rất đẹp.

Cô ngồi ở bàn giấy, tựa cằm vào lòng bàn tay, đăm đăm nhìn bức tường như đang nghĩ về một điều gì không quá phức tạp - có lẽ là một hồi ức ấm áp, thú vị chưa xa lắm. Thi thoảng, một nụ cười phảng phất ở khóe môi. Nhưng vì cô ngồi ngược sáng với ánh trăng, nên tôi không thể thấy rõ cụ thể sắc diện cô. Không muốn ngắt quãng cô, cho dù cô đang làm gì, tôi giả vờ ngủ, kìm hơi thở, cố không để cô nhận thấy.

Tôi dám chắc đây là ma. Trước hết, cô quá đẹp. Nét mặt cô rất lộng

lấy, nhưng không phải chỉ có thế. Mọi thứ nơi cô đều hoàn hảo đến mức khó có thể là thật. Cô giống như một người từ trong mơ bước ra. Cái trong trắng nơi sắc đẹp của cô đem lại cho tôi một cảm giác gần như là buồn - một cảm giác rất tự nhiên, tuy nhiên chỉ có thể gây nên bởi một cái gì phi thường.

Tôi cuộn mình trong chăn, nín thở. Cô vẫn ngồi ở bàn, tay chống cằm, hầu như không động đậy. Thỉnh thoảng, cằm cô hơi dịch đi, khiến đầu cô chuyển góc độ chút xíu, và đó là chuyển động duy nhất trong phòng. Tôi nhìn thấy cây sơn thù du lớn đang trổ hoa ngay ngoài cửa sổ, lặng lẽ lung linh trong ánh trăng. Trời ắng gió và tôi không nghe thấy một tiếng động nào. Cứ như là tôi đã chết mà không biết vậy. Tôi đã chết và cùng cô gái đó đã chìm xuống đáy một cái hồ ở miệng một núi lửa đã tắt.

Thình lình cô buông tay khỏi cằm, đặt lên lòng. Hai đầu gối trắng nhỏ nhắn lộ ra ở lai váy. Cô thôi nhìn vào tường và quay về phía tôi. Cô đưa tay lên sờ mớ tóc xõa xuống trán - những ngón tay con gái thon thả áp lên trán một lúc như thể cố moi ra một ý nghĩ bị lãng quên nào đó. *Cô đang nhìn tôi*. Tim tôi đập thình thình trong lồng ngực, nhưng lạ thay, tôi không hề có cảm giác là có người nhìn mình. Có thể là cô không nhìn tôi, mà là nhìn một cái gì đằng sau tôi.

Ở đáy sâu cái-hồ-miệng-núi-lửa của chúng tôi, tất cả đều lặng tờ. Núi lửa đã tắt hàng bao đời rồi. Cô đơn chồng chất nhiều tầng như những lớp bùn mềm nhão. Chút xíu ánh sáng lọt xuống được độ sâu này soi lờ mờ mọi thứ xung quanh như tàn dư của một kỷ niệm thoi thóp, xa vời. Ở độ sâu này, không có dấu hiệu nào của sự sống. Tôi không biết cô nhìn tôi bao lâu - không phải nhìn tôi, mà có thể là nhìn vào chỗ tôi đang nằm. Quy luật của thời gian không áp dụng ở đây. Thời gian dãn ra hay co vào đều ứng hợp theo nhịp đập của trái tim[8].

Thế rồi, đột nhiên, cô gái đứng dậy và đi về phía cửa trên đôi chân thon mảnh. Cửa vẫn đóng, mà thoắt cái cô biến mất không một tiếng động.

Tôi vẫn nằm yên trên giường. Tôi chỉ hơi hé mắt và không động đậy một cơ nào. Tôi nghĩ cô ta có thể quay lại. Tôi nhận ra là mình *muốn* cô ta quay lại. Nhưng cho dù tôi có chờ đến bao lâu, cô cũng

không trở lại. Tôi ngóc đầu lên, nhìn những con số dạ quang trên mặt đồng hồ báo thức để kề đầu giường: ba giờ hai mươi lăm phút. Tôi ra khỏi giường, đi tới sờ vào chiếc ghế cô vừa ngồi. Chẳng thấy ấm chút nào. Tôi kiểm tra mặt bàn, hy vọng tìm thấy một cái gì - một sợi tóc, chẳng hạn? - cô để vương lại. Nhưng chẳng có gì hết. Tôi ngồi xuống ghế, lấy lòng bàn tay xoa má và thở dài đánh thượt một cái.

Tôi kéo rèm và lại chui vào chăn, nhưng không sao ngủ lại được. Đầu óc tôi quá vương vấn với cô gái bí hiểm đó. Một cái gì mạnh mẽ không giống bất kỳ cảm giác nào tôi từng trải nghiệm, một cái gì lạ kỳ, dữ dội nảy sinh trong tim tôi, bắt rễ tại đó và lớn dần lên. Bị nhốt trong lồng ngực, trái tim nồng ấm của tôi cứ phình ra, co vào liên hồi, độc lập với ý muốn của tôi.

Tôi bật đèn, ngồi dậy trên giường chờ bình minh. Tôi không thể đọc, cũng không thể nghe nhạc. Không thể làm bất cứ điều gì, ngoại trừ ngồi đó chờ sáng. Cuối cùng, khi trời bắt đầu rạng, tôi ngủ thiếp đi được một tí. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy chiếc gối lạnh và đẫm nước mắt. Nhưng thật tình, tôi không biết *tại sao* mình lại khóc.

Khoảng chín giờ, Oshima lái chiếc Miata tới và chúng tôi cùng dọn dẹp chuẩn bị mở cửa thư viện. Sau khi làm xong mọi việc, tôi pha cho anh một tách cà phê. Anh đã dạy tôi pha sao cho đúng cách. Phải xay hạt cà phê bằng cối xay tay, đun nước trong một cái bình có vòi, để nó sôi một lúc, rồi *từ từ* - xin nhớ là phải từ từ - rót nước qua một cái lọc bằng giấy. Khi cà phê đã pha xong, Oshima cho thêm một tí ty đường gọi là có, nhưng không lấy kem - anh khẳng định đó là cách tốt nhất. Tôi pha cho mình một ly trà Earl Grey.

Oshima mặc một chiếc sơ mi ngắn tay màu nâu bóng và một chiếc quần lanh trắng. Rút một chiếc khăn tay mới tinh từ trong túi ra lau kính, anh quay sang tôi.

"Trông cậu có vẻ không ngủ được mấy."

"Em muốn yêu cầu anh một điều," tôi nói.

"Nói đi."

"Em muốn nghe bài *Kafka bên bờ biển*. Anh có kiếm được đĩa ấy không?"

"Không nhất thiết là đĩa CD chứ?"

"Nếu có thể, em muốn nghe qua đĩa nhựa để nghe được tiếng nguyên gốc. Tất nhiên, như vậy thì phải kiếm thêm cả máy quay đĩa nữa."

Oshima áp ngón tay vào thái dương, suy nghĩ. "Có thể trong kho còn một cái quay đĩa stereo, nhưng mình không chắc nó còn chạy được không."

Chúng tôi vào một phòng nhỏ trông ra bãi đậu xe. Phòng không có cửa sổ, chỉ có một cửa trời trên mái. Khắp phòng ngổn ngang những vật dụng thuộc nhiều thời kỳ khác nhau - đồ gỗ, bát đĩa, báo ảnh, quần áo, tranh... Trong đó, một số rõ ràng là đồ quý, nhưng phần lớn chẳng đáng giá gì.

"Một ngày nào đó, chúng ta cũng phải thải bớt cái mớ đồng nát này thôi," Oshima nhận xét, "nhưng chưa ai đủ can đảm để dọn dẹp."

Ở giữa phòng, nơi thời gian dường như ngưng lại, chúng tôi tìm thấy một dàn stereo Sansui. Dưới một lớp bụi mỏng trăng trắng, dàn máy có vẻ còn tốt, tuy thời kỳ nó được coi là thiết bị nghe tối tân đã qua đi hơn hai mươi năm rồi. Cả dàn gồm một quay đĩa, một ăm li và hai loa thùng. Chúng tôi cũng tìm thấy một bộ đĩa 33 cũ, phần lớn là nhạc pop hồi những năm 60 - The Beatles, Stones, Beach Boys, Simon & Garfunkel, Stevie Wonder, cả thảy độ ba mươi đĩa. Tôi rút mấy cái ra khỏi bao. Chủ của những đĩa này đã bảo quản rất tốt: không chút vẩn mốc hay một vết xước nào.

Trong kho còn có cả một cây ghi-ta còn nguyên dây, một chồng họa báo cũ mà tôi chưa nghe tên bao giờ và một chiếc vợt tennis kiểu cổ. Tất cả giống như tàn tích của một quá khứ chưa xa lắm.

"Mình nghĩ mọi thứ này vốn xưa thuộc về người bạn trai của Miss Saeki," Oshima nói. "Như mình đã nói, sinh thời, ông ở ngôi nhà này. Sau khi ông mất, chắc người ta chuyển đồ của ông xuống đây. Tuy nhiên, dàn âm thanh stereo thì có vẻ gần đây hơn."

Chúng tôi khuân dàn âm thanh và lô đĩa về phòng tôi, phủi sạch bụi, cắm điện, nối máy quay đĩa với ăm li, và bật máy. Chấm xanh nhỏ ở ăm li sáng lên và mâm xoay bắt đầu quay. Tôi kiểm tra đầu đọc, thấy kim còn tốt, và lấy ra chiếc đĩa màu đỏ *Sgt. Pepper's Lonely Hearts Club Band* đặt lên mâm xoay. Đoạn dạo đầu quen thuộc bằng ghi-ta vang lên.

Chất lượng âm thanh sạch hơn tôi chờ đợi nhiều.

"Nhật Bản cũng vấp phải nhiều vấn đề, nhưng về mặt chế tác hệ thống âm thanh thì chúng ta vào loại thượng thặng," Oshima mỉm cười nói. "Cái này đã bỏ xó cả mấy chục năm rồi mà nghe vẫn oách."

Chúng tôi nghe đĩa Beatles đó một lúc. So với đĩa CD, nó tựa như một thứ âm nhạc hoàn toàn khác.

"Tốt, chúng ta đã có cái để nghe đĩa nhựa," Oshima kết luận, "nhưng kiếm một cái đĩa 45 ghi riêng bài *Kafka bên bờ biển* không dễ lắm đâu. Bây giờ đó là của hiếm đấy. Để mình hỏi mẹ mình xem. Có thể bà còn một bản dúi ở đâu đó. Hoặc ít nhất bà cũng biết ai đó có."

Tôi gật đầu.

Oshima giơ một ngón tay lên như kiểu thầy giáo cảnh báo học trò. "Tuy nhiên có một điều cậu phải đảm bảo: không bao giờ mở đĩa ấy khi có Miss Saeki ở đây. Bất kể thế nào. Hiểu chưa?"

Tôi lại gật đầu.

"Như trong phim *Casablanca* ấy," anh nói và âm ư đoạn mở đầu của bài *As Time Goes By*. "Riêng bài ấy, chớ có mở đấy, nghe chưa?"

Tôi đánh liều thốt ra câu hỏi đang cháy bỏng trên môi[9].

"Oshima, có một điều em muốn hỏi anh. Có cô gái nào trạc mười lăm tuổi đến đây không?"

"*Đây* tức là thư viện, cậu muốn nói thế, phải không?"

Tôi gật đầu.

Oshima nghiêng đầu nghĩ một lát. "Theo mình biết thì không," vừa nói, anh vừa dõi mắt vào tôi như thể nhìn vào phòng qua cửa sổ. Một câu hỏi kỳ lạ đấy."

"Em nghĩ là em vừa mới thấy cô ta."

"Lúc nào?"

"Đêm qua."

"Cậu thấy một cô gái mười lăm tuổi ở đây đêm qua?"

"Vâng."

"Một cô gái như thế nào?"

Tôi hơi đỏ mặt. "Một cô gái thông thường thôi. Tóc xõa ngang vai. Mặc một chiếc áo váy màu xanh lơ."

"Có xinh không?"

Tôi gật đầu.

"Có thể là một hoang tưởng tình dục," Oshima nói và nhoẻn miệng cười. "Thế giới đầy những sự kỳ dị. Nhưng với một thiếu niên tính dục khác giới lành mạnh như cậu, thì những hoang tưởng như vậy không phải là lạ."

Tôi nhớ lại là Oshima đã thấy tôi trần như nhộng ở căn nhà gỗ trên núi và càng đỏ dừ mặt.

Trong giờ nghỉ ăn trưa, Oshima lẳng lặng đưa tôi một đĩa nhựa *Kafka bên bờ biển* đựng trong một bao vuông. "Hóa ra mẹ mình hãy còn giữ được. Những năm bản cơ, cậu có tin không? Quả thật, bà chăm lo thu vén mọi thứ. Nhặt nhạnh các đồ vặt vãnh, hơi tủn mủn một chút, nhưng mình nghĩ chúng ta không nên phàn nàn về điều đó."

"Cám ơn," tôi nói.

Tôi về phòng và lấy chiếc đĩa ra khỏi bao. Nom nó như chưa bao giờ được chơi vậy. Trong tấm ảnh in trên bao, Miss Saeki (theo Oshima, hồi đó, cô mười chín tuổi) đang ngồi trước piano trong phòng thu. Mắt nhìn thẳng vào camera, cô tì cằm vào tay chống trên giá nhạc, đầu hơi nghiêng về một bên, một nụ cười rụt rè nhưng đầy vẻ tự nhiên, nhã nhặn nở rộng trên đôi môi mím lại, làm hằn rõ những nét dễ thương ở khóe miệng. Có vẻ như cô không son phấn gì cả. Một chiếc kẹp plastic giữ cho tóc cô khỏi xõa xuống mặt, một phần của tai phải lộ rõ qua những sợi tóc. Cô mặc một chiếc áo váy ngắn màu lam nhạt, hơi xòe và đeo một chiếc vòng bạc ở cổ tay trái - vật trang sức duy nhất của cô. Một đôi dép xinh xắn nằm cạnh chiếc ghế piano và đôi chân trần của cô thật đẹp.

Trông cô giống như một biểu tượng. Cho một thời kỳ nào đó, một nơi chốn nào đó. Cho một tâm thái nào đó. Cô như một nàng tiên vụt hiện do một duyên may. Một chất ngây thơ hồn nhiên phi thời gian, dễ tổn thương[10] bồng bềnh quanh cô như những bào tử lúc xuân về. Trong tấm ảnh, thời gian đã ngưng lại. 1969. Khá lâu trước khi tôi ra đời.

Ngay từ đầu, tôi đã biết cô gái đến phòng tôi đêm qua chính là Miss Saeki. Tôi không nghi ngờ điều đó một giây nào, nhưng tôi muốn kiểm tra lại cho đích xác thôi.

So với hồi mười lăm tuổi, Miss Saeki mười chín tuổi trong ảnh nom trưởng thành hơn, chín chắn hơn, khuôn mặt sắc cạnh hơn, định hình rõ hơn, và mất đi cái vẻ lo sợ mơ hồ. Nhưng ngoài ra, Miss Saeki mười chín tuổi và cô gái mười lăm tuổi tôi thấy đêm qua gần như giống hệt nhau. Nụ cười trong ảnh chẳng khác gì nụ cười tôi đã thấy đêm qua. Cả cái cách để tay chống cằm và cái dáng nghiêng nghiêng đầu cũng thế. Và ở Miss Saeki *hiện tại*, tôi có thể nhận ra vẫn những sắc diện và cử chỉ ấy. Tôi vui sướng thấy rằng những nét ấy cùng cái vẻ siêu nhiên ấy không hề thay đổi. Ngay cả vóc người cũng gần như nguyên xi.

Tuy nhiên, có một cái gì đó nơi cô gái mười chín tuổi trong ảnh mà người đàn bà trung niên tôi biết đã mất đi vĩnh viễn. Có thể gọi đó là sự tràn trề năng lượng. Không rực rỡ, không màu, trong suốt như dòng nước mát kín đáo chảy ra từ giữa những tảng đá - một thứ hấp dẫn tự nhiên, tinh khiết đi thẳng vào tim ta. Cái năng lượng ngời ngời ấy toát ra từ toàn bộ con người cô khi cô ngồi đó, trước piano. Chỉ cần nhìn nụ cười rạng rỡ ấy, cũng có thể hình dung ra con đường đẹp đẽ của một trái tim hoàn mãn. Như ánh lập lòe của con đom đóm còn lại nơi tròng mắt ta hồi lâu sau khi nó đã biến mất trong đêm tối.

Tôi ngồi trên giường hồi lâu, chiếc bao đĩa trên tay, không nghĩ gì, để mặc thời gian trôi qua. Tôi mở mắt ra, đi tới cửa sổ, hít một hơi thật sâu; cùng với không khí tươi mát ùa vào lồng ngực, có cả chút vị biển trên cánh gió thổi qua rừng thông. Hình bóng tôi thấy hiện về đây đêm qua rành là Miss Saeki ở tuổi mười lăm. Miss Saeki thật, tất nhiên, vẫn còn sống - một phụ nữ ngoại ngũ tuần sống một cuộc đời thật ở một thế giới thật. Ngay lúc này đây, bà đang ngồi làm việc tại bàn giấy trong văn phòng của mình trên gác. Tôi chỉ cần ra khỏi căn phòng này, lên cầu thang là có thể gặp bà, nói chuyện với bà - nhưng tất cả những cái đó không thay đổi được sự thực này: cô gái tôi thấy đêm qua là *bóng ma* của bà. Oshima bảo tôi người ta không thể ở hai chỗ cùng một lúc, nhưng tôi nghĩ điều đó là có thể. Thực tế, tôi dám *chắc* là thế nữa kia. Con người ta, khi còn sống, vẫn có thể trở thành ma.

Và còn có một sự thực quan trọng khác nữa: tôi bị cuốn hút về phía bóng ma đó, bị bóng ma đó hấp dẫn. Không phải bởi Miss Saeki

hiện hữu ở đây ngay lúc này, mà là bởi cô gái mười lăm tuổi *không hiện hữu*. Bị hấp dẫn *rất* mãnh liệt, phải, một cảm giác mạnh mẽ đến nỗi tôi không diễn đạt nổi. Và, ai muốn nói gì thì nói, điều này là thật. Có thể cô không thực sự tồn tại, nhưng thử nghĩ mà xem: cô làm trái tim tôi - máu và thịt tôi, trái tim *thật* của tôi - đập cuồng loạn. Những cảm giác ấy cũng thực như lớp máu đẫm ngực áo tôi vào cái đêm kinh hoàng kia.

Gần tới giờ đóng cửa, Miss Saeki xuống dưới nhà, gót giày lách cách trên bậc cầu thang. Khi trông thấy bà, người tôi căng cứng và tim đập thình thình: tôi trông thấy cô gái mười lăm tuổi bên trong bà. Như một con thú nhỏ ngủ đông, cô cuộn mình nằm gọn một hốc bên trong Miss Saeki, thiêm thiếp giấc nồng.

Miss Saeki hỏi tôi điều gì đó, nhưng tôi không trả lời được. Tôi thậm chí không biết bà đã nói gì nữa. Dĩ nhiên, tôi có nghe thấy bà nói - tiếng bà làm rung màng nhĩ của tôi và truyền một tin nhắn đến óc để chuyển thành ngôn ngữ - nhưng có một sự ngắt mạch giữa chữ và nghĩa. Luống cuống, tôi đỏ bừng mặt và ấp úng một điều gì ngu xuẩn. Oshima xen vào trả lời đỡ cho tôi. Tôi gật đầu lia lịa theo từng lời anh nói. Miss Saeki mỉm cười chào tạm biệt chúng tôi và ra về. Tôi nghe tiếng chiếc Golf của bà ra khỏi bãi đậu xe, xa dần rồi tắt hẳn.

Oshima ở lại giúp tôi đóng cửa thư viện nghỉ đêm.

"Không khéo cậu phải lòng ai rồi chăng?" anh hỏi. "Nom cậu như người mất hồn ấy."

Tôi không biết trả lời ra sao.

"Oshima," cuối cùng, tôi nói, "hỏi thế này kể cũng kỳ, nhưng anh có nghĩ rằng người ta có thể trở thành ma ngay khi còn sống được không?"

Anh dừng tay thu dọn quầy và nhìn tôi. "Thực ra đó là một câu hỏi rất lý thú. Có phải cậu hỏi về linh hồn người theo nghĩa văn học - nói cách khác là theo cách ẩn dụ? Hay nhằm sự việc thật?"

"Đúng ra là nhằm sự việc thật, em nghĩ thế." tôi nói.

"Với giả định là ma có thật?"

"Phải."

Oshima bỏ kính ra, lấy khăn tay lau mắt kính rồi đeo lại.

"Đó là cái được gọi là 'linh hồn sống'. Mình không biết ở các nước

khác thế nào, chứ cái này xuất hiện khá nhiều trong văn học Nhật Bản. Chẳng hạn, *Truyện Genji* đầy những linh hồn sống. Vào thời Heian(*), hay ít nhất là trong lĩnh vực tâm linh của thời ấy, con người ta thi thoảng có thể trở thành linh hồn sống chu du qua không gian để thực hiện những mong muốn của mình. Cậu đã đọc *Genji* chưa?"

Tôi lắc đầu.

"Thư viện ta có mấy bản dịch sang tiếng Nhật hiện đại, cậu nên tìm đọc một bản. Dù sao, đây là một thí dụ: Công nương Rokujo, một trong những người tình của Hoàng tử Genji, bầm gan tím ruột vì ghen với Công nương Aoi, vợ chính thức của Genji, đến nỗi biến thành ma để ám nàng. Đêm này qua đêm khác, bà ta tấn công nàng trên giường ngủ và cuối cùng đã giết chết nàng. Công nương Aoi mang thai với Genji và tin đó đã đẩy lòng căm giận của Rokujo lên đến tột cùng. Genji triệu các pháp sư đến để trừ tà nhưng vô hiệu. Hồn ma này có sức mạnh không cách gì chống lại được."

"Nhưng điểm lý thú nhất của câu chuyện là Công nương Rokujo không hề biết mình đã trở thành một linh hồn sống. Bà ta trải qua những cơn ác mộng và khi tỉnh dậy, phát hiện thấy mái tóc đen dài của mình sực mùi khói. Không hiểu điều gì đang diễn ra, bà ta hết sức hoang mang. Thực tế, đó là khói hương do các pháp sư đốt khi cầu nguyện cho Công nương Aoi. Hoàn toàn không ý thức được điều gì đang diễn ra, bà ta bay qua không gian, luồn qua đường hầm của vô thức mình để vào phòng ngủ của Aoi. Đó là một trong những đoạn lạ lùng và ly kỳ nhất của *Truyện Genji*. Về sau, khi vỡ lẽ ra là mình đã làm gì, bà ta ăn năn hối lỗi và cắt tóc quy y."

"Cái mà người ta gọi là thế giới siêu nhiên chỉ là vùng tối trong tâm trí chúng ta. Từ lâu trước khi Freud và Jung rọi một luồng sáng vào sự vận hành của vô thức, con người, bằng bản năng, đã thấy một mối tương quan giữa vô thức và cái siêu nhiên[11], cả hai đều là vùng bóng tối. Đó không phải là một ẩn dụ. Nếu ta đi ngược xa hơn nữa, đó thậm

---

* Thời kì lịch sử và nghệ thuật của Nhật Bản, khởi đầu từ khi lập kinh đô Heiankyô (nghĩa là kinh đô hòa bình, nay gọi là Kyoto) vào năm 794 và kéo dài đến năm 1192 khi thành phố Kamakura được thành lập. Đặc điểm của thời kỳ này là chính sách hòa bình của những người chấp chính dòng Fujiwara. Đó cũng là thịnh trào của thời kì "cổ điển" của văn học - nghệ thuật Nhật Bản.

chí cũng không phải là một tương quan. Trước khi Edison phát minh ra ánh sáng điện, đa phần thế giới đều bị bóng tối bao phủ. Bóng tối vật thể bên ngoài và bóng tối bên trong tâm hồn hòa lẫn với nhau, không có ranh giới phân đôi. Gắn thẳng với nhau. Như thế này này (Oshima chắp hai bàn tay vào nhau).

Vào thời của Murasaki Shikibu, tác giả *Truyện Genji*, những linh hồn sống vừa là một hiện tượng siêu nhiên vừa là một hình thái tự nhiên của tinh thần con người ở ngay trong họ. Hẳn người thời này không thể quan niệm tách bạch hai loại bóng tối đó. Nhưng ngày nay, sự vật đã khác xưa. Bóng tối bên ngoài đã được xua tan, nhưng bóng tối bên trong vẫn hồ như không thay đổi. Cái mà ta gọi là bản ngã hay ý thức là phần nổi trên mặt nước của tảng núi băng: phần quan trọng nhất vẫn chìm trong vùng bóng tối. Và đó chính là nguồn gốc của những mâu thuẫn và hoang mang sâu sắc thường giày vò chúng ta."

"Xung quanh căn nhà gỗ trên núi của anh, thực sự là bóng tối."

"Đích thị," Oshima nói. "Bóng tối thực sự vẫn còn tồn tại ở đó. Đôi khi mình đến đó chỉ cốt để trải nghiệm nó."

"Yếu tố khởi phát nào khiến người ta trở thành linh hồn sống? Có phải bao giờ cũng là một yếu tố tiêu cực?"

"Mình không phải chuyên gia về mặt này, nhưng trong phạm vi hiểu biết của mình, thì đúng thế, tất cả những linh hồn sống đó đều nảy sinh từ những xúc động tiêu cực. Phần lớn những tình cảm cực đoan của con người đều có xu hướng trở nên vừa rất cá nhân vừa rất tiêu cực. Và những linh hồn sống ấy tự phát xuất hiện sau những xúc động mãnh liệt ấy. Thật đáng buồn là không thấy trường hợp nào phát sinh một linh hồn sống để hoàn thành một mục tiêu duy lý hoặc mang lại hòa bình thế giới."

"Thế có trường hợp nào vì tình yêu không?"

Oshima ngồi xuống và ngẫm nghĩ. "Một câu hỏi khó đấy. Mình chỉ có thể nói với cậu là mình chưa bao giờ gặp một thí dụ thuộc loại đó. Dĩ nhiên, cũng có cái truyện "Lời nguyền hoa cúc" trong tập *Những truyện về ánh trăng và mưa*. Cậu đã đọc cuốn đó chưa?"

"Chưa," tôi đáp.

"*Những truyện về ánh trăng và mưa* được Ueda Akinari viết vào

cuối thời kỳ Edo, nhưng lại đặt trong khung cảnh đầu thời Chiến Quốc, khiến cách tiếp cận của tác giả có phần hoài cổ hoặc quay về quá khứ. Dù sao đi nữa, trong truyện này, hai samurai trở thành bạn thân và nguyện thề kết nghĩa anh em. Đối với những samurai, điều này là rất nghiêm túc. Kết nghĩa anh em có nghĩa là nguyện xả thân vì nhau. Họ sống xa nhau, mỗi người phục vụ một vị chúa. Một người viết thư cho người kia, hẹn sẽ đến thăm vào mùa hoa cúc nở, bất kể chuyện gì xảy ra. Người kia trả lời là sẽ đợi. Nhưng người thứ nhất chưa kịp lên đường thì đã vướng vào một chuyện rắc rối và bị giam giữ, không được phép ra ngoài, kể cả gửi thư. Cuối cùng, hè qua và thu tới cùng mùa cúc nở hoa. Vậy là chàng không thể thực hiện được lời hứa của mình. Đối với một samurai, không có gì quan trọng hơn lời hứa. Danh dự quan trọng hơn mạng sống. Vì vậy, chàng samurai đã mổ bụng tự sát theo cách võ sĩ đạo hara-kiri, trở thành một linh hồn, băng qua bao dặm đường đến thăm bạn. Họ ngồi bên hoa cúc và hàn huyên đến thỏa nguyện rồi linh hồn biến mất khỏi mặt đất. Thật là một thiên chuyện đẹp."

"Nhưng người samurai phải chết để trở thành linh hồn."

"Ừ, chính thế," Oshima nói. "Có vẻ như người ta không thể trở thành linh hồn vì danh dự, hoặc vì tình yêu hay tình bạn được. Muốn thế, người ta phải chết. Phải hy sinh đời mình vì danh dự, tình yêu hay tình bạn và chỉ có làm thế mới biến thành linh hồn. Nhưng trở thành linh hồn *sống* lại là một chuyện khác. Dường như những kẻ biến mình thành linh hồn sống bao giờ cũng xuất phát từ những động cơ xấu."

Tôi ngẫm nghĩ.

"Nhưng như cậu nói," Oshima nói tiếp, "cũng có thể có những thí dụ về những người trở thành linh hồn sống vì những tình cảm yêu thương tích cực. Mình không đi sâu nghiên cứu vấn đề này, nhưng đó là điều có thể xảy ra. Người ta nói tình yêu có thể xây dựng lại thế giới, vậy thì với tình yêu, mọi sự đều có thể."

"Anh đã yêu bao giờ chưa?"

Bị hỏi bất ngờ, anh sững ra nhìn tôi. "Cậu nghĩ gì vậy? Mình có phải là một con sao biển hay một cây hồ tiêu đâu. Mình là một con người đang sống, đang hít thở. Dĩ nhiên là mình đã từng yêu."

"Ý em không phải thế," tôi đỏ mặt nói.

"Mình biết," anh nói và dịu dàng mỉm cười với tôi.

Khi Oshima đi khỏi, tôi trở về phòng, bật dàn stereo lên, đặt đĩa *Kafka bên bờ biển*, vừa nghe vừa theo dõi lời in trên bao đĩa.

*Anh ngồi bên rìa thế giới*
*Em trên miệng núi lửa đã tắt*
*Đứng khuất trong bóng cánh cửa*
*Là những lời không còn chữ*

*Trăng soi con thằn lằn đang ngủ*
*Cả nhỏ từ trên trời mưa xuống*
*Ngoài cửa sổ đám chiến binh*
*Luyện rèn mình để chết*

Điệp khúc

*Kafka ngồi ghế bên bờ biển*
*Nghĩ về quả lắc làm thế giới đung đưa*
*Khi trái tim ta khép kín*
*Cái bóng của Nhân Sư sẽ thành lưỡi dao*
*Xuyên thủng giấc mơ ta*

*Cô gái chết đuối huơ tay tìm*
*Phiến đá cửa vào*
*Nâng gấu váy màu thiên thanh*
*Và đăm đăm nhìn*
*Kafka bên bờ biển*

Tôi nghe đĩa nhạc ba lần. Làm sao một đĩa hát với ca từ như vậy lại có thể bán được tới hàng triệu bản? tôi tự hỏi. Tôi không nói rằng nó hoàn toàn bí hiểm, mà chỉ trừu tượng và siêu thực thôi. Không phải những lời ca dễ nhớ. Nhưng nếu nghe mấy lần, nó bắt đầu quen tai. Từng chữ một lần lượt tìm đường tới tim tôi. Đó là một cảm giác kỳ

lạ. Những hình ảnh vượt ra ngoài ngữ nghĩa đột hiện như những hình cắt giấy và đứng riêng ra, như thể tôi đang chìm sâu vào một giấc mộng.

Giai điệu đẹp, đơn giản nhưng cũng khác lạ. Và giọng Miss Saeki hòa quyện vào nó một cách tự nhiên. Giọng cô còn thiếu lực - cô đâu phải là ca sĩ chuyên nghiệp - nhưng nó thực sự rửa sạch tâm trí ta một cách dịu dàng như cơn mưa mùa xuân rửa sạch những phiến đá lát lối đi trong vườn. Cô vừa hát vừa đệm piano cùng một số nhạc cụ dây và một cây kèn ôboa. Hẳn là ngân sách cho việc thu đĩa chỉ đủ cho một phối khí đơn giản, nhưng thực tế, chính sự đơn giản ấy lại làm cho bài hát hấp dẫn.

Hai hợp âm bất thường xuất hiện ở đoạn điệp khúc. Các hợp âm khác trong bài chẳng có gì đặc biệt, nhưng hai hợp âm nay thì khác, không thuộc loại nghe vài lần là cảm nhận được ngay. Thoạt đầu, tôi cảm thấy bối rối. Thậm chí, nới quá lên một chút thì tôi cảm thấy như bị phản bội. Những âm thanh hoàn toàn bất ngờ làm tôi bị chấn động, bất an như khi có cơn gió lạnh đột ngột thổi qua khe cửa. Nhưng khi dứt đoạn điệp khúc, thì giai điệu đẹp quay trở lại, đưa ta trở về với cái thế giới hài hòa và thân mật ban đầu. Không còn gió lạnh run người nữa. Piano chạy những nốt kết thúc trong khi dàn dây nhẹ ngân trên hợp âm cuối và tiếng kèn ôboa kéo dài khép lại bài hát.

Nghe đi nghe lại, tôi bắt đầu hiểu ra tại sao *Kafka bên bờ biển* lại khiến nhiều người xúc động thế. Bài hát vừa dịu dàng vừa trực tiếp đi thẳng vào lòng người vì nó là tiếng nói của một trái tim vị tha. Nó có một cái gì kỳ diệu: sự đan xen của những đối lập. Một cô gái mười chín tuổi ở tỉnh lẻ viết những ca từ về người bạn trai phương xa, ngồi vào dương cầm và phổ thành nhạc, rồi không ngần ngại, hát lên sáng tác của mình. Cô viết bài hát không phải để cho những người khác nghe, mà là cho bản thân mình, để sưởi ấm trái tim mình dù chỉ một chút xíu thôi. Và sự đắm chìm tự thân đó đã làm rung động mãnh liệt một xúc cảm thầm kín tế nhị trong lòng những người nghe.

Tôi trộn nháo nhào các thứ trong tủ lạnh thành một bua tối đơn giản rồi lại đặt *Kafka bên bờ biển* lên máy quay đĩa. Tôi ngồi trên ghế nhắm mắt lại, cố hình dung Miss Saeki mười chín tuổi đang hát và đệm piano trong phòng thu. Tôi nghĩ về tình yêu chan chứa cô cảm

thấy trong khi hát. Và về sự bạo lực mù quáng đã vĩnh viễn chia lìa mối tình đó.

Hết đĩa, cần kim tự động nhấc lên và trở về trên trụ đỡ.

Có thể Miss Saeki đã viết ca từ cho bài *Kafka bên bờ biển* ngay trong căn phòng này cũng nên. Càng nghe cái đĩa này, tôi càng tin chắc rằng *Kafka bên bờ biển* chính là chàng trai trong bức tranh treo trên tường. Tôi ngồi vào bàn, để tay chống cằm giống như cô gái đêm qua và đăm đăm nhìn theo cùng một góc độ vào bức tranh ngay trước mặt mình. Giờ thì tôi dám chắc *đây* chính là nơi cô đã viết bài hát đó. Tôi hình dung thấy cô đăm đăm nhìn bức tranh, nhớ đến người bạn trai và viết bài thơ mà sau đó cô đã phổ nhạc. Lúc đó hẳn là vào ban đêm, bên ngoài trời tối đen như mực.

Tôi đứng dậy, đi đến sát tường, xem xét bức tranh thật kỹ. Cậu thiếu niên đang nhìn ra xa, cặp mắt chất chứa một chiều sâu bí ẩn. Ở một góc trời, lơ lửng vài đám mây, đám lớn nhất nom từa tựa một con Nhân Sư nằm.

Tôi lục tìm trong trí nhớ. Nhân Sư là kẻ thù đã bị Oedipus đánh bại bằng việc giải được câu đố hóc hiểm, và khi biết mình bị thua, con quái vật bèn nhảy xuống vực tự tử. Nhờ chiến tích này, Oedipus trở thành vua xứ Thebes và rốt cuộc, lấy chính mẹ mình làm vợ. Và cái tên Kafka nữa. Tôi đoán là Miss Saeki dùng cái tên này vì trong tâm trí cô, nỗi cô đơn bí ẩn của chàng trai trong tranh có phần trùng lặp với thế giới hư cấu của Kafka. Điều đó cho ta hiểu tại sao cô đặt tên bài hát như thế: một tâm hồn cô đơn lạc đến một bến bờ phi lý.

Còn có nhiều câu khác trùng lặp với những điều đã xảy đến với tôi. Đoạn nói về "cá nhỏ từ trên trời mưa xuống" - đó chẳng đích thị là điều đã xảy ra khi hàng trăm con cá mòi và cá thu trút xuống khu phố buôn bán ở thành phố tôi sao? Đoạn "cái bóng của Nhân Sư sẽ thành lưỡi dao / xuyên thủng giấc mơ ta" có thể ám chỉ việc cha tôi bị đâm chết. Tôi chép toàn bộ lời ca vào sổ tay, nghiên cứu từng câu, gạch dưới những chỗ khiến tôi đặc biệt quan tâm. Nhưng rốt cuộc, toàn bài thật tối nghĩa, tôi không biết nên hiểu thế nào.

*Đứng khuất trong bóng cánh cửa*
*Là những lời không còn chữ...*
*Cô gái chết đuối hươ tay tìm*
*Phiến đá cửa vào...*
*Ngoài cửa sổ đám chiến binh*
*Luyện rèn mình để chết...*

Thế nghĩa là gì? Tất cả những cái đó có phải là trùng hợp ngẫu nhiên không? Tôi đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài vườn. Bóng đêm bắt đầu trùm lên cảnh vật. Tôi vào phòng đọc, ngồi trên sofa đọc *Truyện Genji* qua bản dịch của Tanizaki. Mười giờ tôi đi nằm, tắt đèn đầu giường, nhắm mắt lại chờ Miss Saeki mười lăm tuổi trở lại.

# Chương 24

Đã tám giờ tối khi chiếc xe buýt đưa họ từ Kobe tới trước cửa ga Tokushima.

"Đây, ông Nakata, đến Shikoku rồi."

"Cây cầu đẹp quá. Trước giờ Nakata này chưa bao giờ nhìn thấy cây cầu nào lớn đến vậy."

Hai người xuống xe và ngồi vào một chiếc ghế băng quan sát xung quanh.

"Nào... trời phật có mách bảo gì cho ông không?" Hoshino hỏi. "Có chỉ cho ông biết phải đi đâu không? Và phải làm gì?"

"Không. Nakata này vẫn chưa biết ra sao cả."

"Tuyệt nhỉ..."

Nakata xoa đầu một lúc, vẻ đăm chiêu như đang suy nghĩ nhiều điều rất hệ trọng. "Cậu Hoshino?" cuối cùng lão nói.

"Có chuyện gì?"

"Xin lỗi, quả thực bây giờ Nakata này phải đi ngủ thôi. Lão buồn ngủ đến nỗi cảm thấy có thể lăn ra đây ngủ luôn tức thì."

"Khoan đã... ông không thể ngủ ở đây được," Hoshino cuống quít nói. "Cháu sẽ kiếm một chỗ cho ông nghỉ lại, ông chờ ở đây một lát, được không?"

"Thôi được. Nakata sẽ chờ ở đây và cố không ngủ."

"Tốt. Ông có đói không?"

"Không, chỉ buồn ngủ thôi."

Hoshino giở vội cuốn hướng dẫn du lịch, tìm thấy địa chỉ một nhà trọ rẻ tiền có cả điểm tâm miễn phí và gọi điện thoại tới đặt trước một phòng. Nhà nghỉ này ở cách ga khá xa nên họ gọi một chiếc taxi. Vừa đến nơi, Hoshino lập tức yêu cầu cô hầu phòng trải nệm ngay cho họ đi nằm.

Nakata không tắm, cởi đồ đi nằm luôn, và lát sau đã ngáy ro ro.

"Có lẽ lão sẽ ngủ rất lâu đấy, cho nên cậu đừng có hoáng," ngay trước khi ngủ, lão nói vậy.

"Dào, cháu sẽ không quấy rầy ông đâu, ông muốn ngủ bao lâu thì ngủ," Hoshino đáp, nhưng Nakata đã chìm vào cõi mộng.

Hoshino khoan thai tắm táp thoải mái và ra ngoài dạo quanh thăm thú địa thế, rồi vào một quán sushi ăn tối. Gã không phải là tay bợm rượu, một chai bia cỡ trung bình đã đủ làm gã đỏ gay mặt và phấn chấn. Ăn xong, gã chơi pachinko khoảng một tiếng và thua ba nghìn *yen*. Chiếc mũ cầu thủ bóng chày Chunichi Dragons của gã khiến nhiều người qua đường trố mắt nhìn và gã dám chắc mình là người duy nhất ở Tokushima đội một chiếc mũ như thế.

Trở về nhà nghỉ, gã thấy Nakata vẫn ngủ say tít, y nguyên như khi gã ra phố. Đèn trong phòng vẫn bật, nhưng rõ ràng là chẳng hề làm phiền lão. Quả là một ông già vô tâm, Hoshino kết luận. Gã bỏ mũ, cởi chiếc áo sơ mi Hawai và chiếc quần jeans, rồi vào giường và tắt đèn. Nhưng gã cảm thấy nổi nứng và điều đó cộng với khung cảnh khác lạ khiến gã không ngủ được. Chà, gã nghĩ thầm, đáng ra mình nên kiếm một ả, "vui vẻ" một quắn rồi hẵng quay về. Nhưng khi nghe tiếng thở đều đặn và bình yên của Nakata, gã bỗng thấy ngượng vì ý nghĩ đó, mặc dù gã không biết chắc tại sao.

Nhìn trân trân lên trần nhà trong bóng tối, nằm trong một nhà trọ rẻ tiền ở một tỉnh lẻ gã chưa bao giờ tới, bên cạnh một lão già kỳ dị mà gã chẳng biết lai lịch ra sao, Hoshino bắt đầu nghi ngờ chính bản thân mình. Lẽ ra đêm nay, gã đang phải lái xe trên đường về Tokyo và vào giờ này, ắt đã đến đâu đó quanh vùng Nagoya rồi. Gã thích công việc của mình và ở Tokyo, có một "em" lúc nào cũng sẵn sàng qua đêm với gã nếu gã muốn. Tuy nhiên, vừa giao hàng ở Kobe xong, trong một cơn

bốc đồng đột ngột, gã đã gọi một bạn đồng nghiệp ở tỉnh này, nhờ thay mình đưa xe về Tokyo giùm. Gã gọi điện về công ty xin được nghỉ ba ngày. Và thế là cùng với Nakata, gã đáp xe đến Shikoku, chỉ mang theo chiếc xắc nhỏ đựng một bộ quần áo thay đổi và bộ đồ cạo râu.

Thoạt đầu, Hoshino chỉ chú ý tới Nakata vì lão giống người ông quá cố của gã, nhưng rồi ấn tượng ấy nhạt đi và giờ đây, gã rất tò mò về bản thân Nakata. Những điều lão già kể và cả *cái cách* nói của lão quả thật là kỳ lạ, nhưng kỳ lạ một cách lý thú. Gã cần phải tìm hiểu xem lão đi đâu và rốt cuộc, sẽ làm gì khi tới đó.

Hoshino xuất thân từ một gia đình nông dân, thứ ba trong số năm con trai. Cho đến hết cấp trung học, gã vẫn đạt hạnh kiểm tốt, nhưng sau khi vào trường chuyên nghiệp, gã giao du với một bọn xấu và bắt đầu gặp rắc rối, thậm chí đã bị cảnh sát bắt mấy lần. Gã đủ điểm tốt nghiệp nhưng không kiếm được việc làm tử tế. Thêm vào đó, những trục trặc với cô bạn gái càng gây thêm trở ngại, cho nên gã quyết định xung vào Lực lượng Tự vệ. Gã hy vọng được lái xe tăng nhưng không qua được kỳ thi sát hạch nên đa phần thời gian, phải lái xe tải lớn vậy. Sau ba năm ở trong Lực lượng Tự vệ, gã giải ngũ, kiếm được việc làm ở một công ty vận tải và sáu năm nay, gã sống bằng nghề lái xe tải.

Công việc này hợp với gã. Xưa nay, gã vẫn yêu thích máy móc và mỗi khi ngồi chễm chệ trong cabin, tay đặt lên vô lăng, gã cảm thấy như đang ở trong tiểu vương quốc của riêng mình. Công việc nặng nhọc, liên miên bất kể giờ giấc, nhưng gã biết mình không thể chịu nổi một công việc văn phòng đều đặn sớm vác ô đi tối vác về, nhất cử nhất động đều bị con mắt cú vọ của một ông chủ giám sát từng giờ.

Mặc dù gầy gò, nhỏ con, bề ngoài chả có vẻ gì là tay sừng sỏ, nhưng gã lại chúa hay gây gổ. Nom thế mà gã rất khỏe và một khi đã nổi xung đến tột độ, mắt gã sẽ lóe lên một ánh điên dại khiến phần lớn các địch thủ phải bỏ chạy. Gã đã tham gia nhiều cuộc ẩu đả, hồi còn trong quân ngũ cũng như khi đã chuyển sang lái xe tải, nhưng mãi đến gần đây mới bắt đầu hiểu ra rằng thắng hay thua cũng chẳng ăn cái giải gì. Ít nhất, mình cũng chưa bao giờ bị thương nặng, gã hãnh diện nghĩ thầm.

Hồi học trung học, những lần Hoshino quậy phá bị tống giam, bao

giờ ông nội cũng phải lên đồn khẩn khoản xin lỗi, cảnh sát mới thả. Trên đường về nhà, bao giờ ông cũng rẽ vào một tiệm ăn, đãi cháu một bữa ngon lành. Ngay cả trong trường hợp đó, ông già cũng không bao giờ lên lớp Hoshino. Không một lần nào cha mẹ gã lên xin cho con về. Họ còn phải nai lưng kiếm từng đồng, chẳng có thì giờ hoặc nghị lực để lo cho thằng con trai thứ ba vô tích sự. Đôi khi Hoshino tự hỏi: không biết mình sẽ ra sao nếu ông nội không đến xin cho mình ra? Ít nhất thì cũng còn có ông nhớ đến sự tồn tại của gã và lo cho gã.

Mặc dầu thế, gã vẫn không một lần cảm ơn ông nội về tất cả những gì ông đã làm. Gã không biết phải nói thế nào, hơn nữa, hồi đó, bận tâm lớn nhất của gã là làm sao để sống qua ngày. Ông cụ chết vì ung thư ít lâu sau khi gã xung vào Lực lượng Tự vệ. Thời gian cuối, ông đãm lẫn cẫn, thậm chí không nhận ra cháu. Từ khi ông mất, Hoshino chưa trở về nhà lần nào.

Tám giờ sáng hôm sau, khi Hoshino thức giấc, Nakata vẫn ngủ tít và coi bộ lão không hề nhúc nhích một phân suốt cả đêm. Cả nhịp thở cũng vẫn đều đặn, không hề tăng hay giảm âm lượng. Hoshino xuống dưới nhà ăn điểm tâm cùng với những khách trọ khác. Một bữa đơn sơ, nhưng cơm và xúp miso thì thoải mái lấy thêm.

"Ông già cùng đi với anh có ăn sáng không?" cô phục vụ hỏi.

"Ông ấy còn ngủ. Có vẻ như ông không cần đâu. Nếu không phiền, xin cô đừng đánh thức ông."

Đến trưa, thấy Nakata vẫn ngủ say sưa, Hoshino giữ phòng nghỉ lại một đêm nữa. Gã ra phố, ăn cơm gà trộn trứng ở một quán bình dân, sau đó dạo quanh một lúc và cuối cùng tạt vào một tiệm cà phê, vừa uống vừa hút thuốc và lật giở mấy cuốn truyện tranh.

Gần hai giờ, gã trở về nhà trọ, Nakata vẫn chưa dậy. Lo lắng, gã sờ trán lão già, nhưng xem ra lão không sốt. Hơi thở lão vẫn bình thản, đều đặn và má vẫn hồng hào. Lão có vẻ hoàn toàn khỏe mạnh. Lão chỉ ngủ tít thò lò, thậm chí không hề trở mình, cứ thế thôi.

"Cụ ấy có sao không mà ngủ nhiều thế?" cô hầu phòng hỏi khi ngó vào phòng họ. "Có lẽ cụ ấy ốm chăng?"

"Cụ ấy mệt thôi," Hoshino giải thích. "Cứ để cụ ấy ngủ cho đẫy giấc."

"Thôi được, nhưng tôi chưa thấy ai ngủ nhiều đến thế..."

Giờ ăn tối đến và cuộc ma-ra-tông-ngủ vẫn tiếp tục. Hoshino ra ngoài kiếm một tiệm cà ri và gọi một suất thịt bò cà ri và xa-lát ngoại cỡ. Sau đó, gã lại đến chỗ đêm trước chơi pachinko khoảng một tiếng. Lần này gã gặp may và được gần một nghìn *yen* chuyển thành hai tút Marlboro.

Trở về nhà trọ với hai tút thuốc lúc chín rưỡi, gã không thể tin vào mắt mình: Nakata vẫn ngủ.

Hoshino tính nhẩm: ông già đã ngủ hơn hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Đã đành lão đã báo trước là lão sẽ ngủ lâu nên đừng có lo, nhưng đến mức này thì thật quá quắt! Hoshino cảm thấy bất lực một cách khác thường. Ngộ nhỡ ông già không tỉnh lại nữa thì mình biết làm thế nào đây?

"Chà chà!" gã thốt lên và lắc đầu.

Nhưng bảy giờ sáng hôm sau, khi Hoshino thức giấc thì đã thấy Nakata dậy rồi, mắt thao láo nhìn ra cửa sổ.

"Kìa, ông nội, vậy là cuối cùng, ông cũng đã tỉnh lại đấy ư?" Hoshino hỏi, nhẹ cả người.

"Vâng, Nakata này vừa mới dậy. Lão không biết mình đã ngủ bao lâu, nhưng chắc là khá dài. Lão cảm thấy mình như là một con người mới."

"Quá lâu ấy chứ, không đùa đâu! Ông ngủ từ chín giờ tối hôm kia, vậy tổng cộng vào khoảng ba mươi tư tiếng đồng hồ. Đích thị là một ông Bạch Tuyết!"

"Nakata này thấy đoi đói."

"Khỏi phải nói. Ông chả ăn tí gì vào bụng hai ngày rồi."

Hai ông cháu xuống điểm tâm ở phòng ăn dưới nhà. Nakata đả thùng bất chi thình, khiến cô phục vụ kinh ngạc.

"Ông ăn khỏe chẳng kém gì ông ngủ," cô reo lên. "Hai ngày dồn vào một bữa!"

"Vâng, giờ lão phải ăn thật nhiều."

"Ông quả là tráng kiện."

"Vâng, Nakata này không biết đọc nhưng còn khỏe, không có một cái răng sâu nào và không cần phải đeo kính. Lão cũng không bao giờ

phải đến bác sĩ. Không bao giờ sái vai sái cổ và sáng nào cũng đại tiện đều đặn"

"Hết sẩy!" cô gái nói, vẻ thán phục. "Thế hôm nay ông định làm gì?"

"Chúng tôi đi về hướng Tây," Nakata tuyên bố.

"Hướng Tây," cô ngẫm nghĩ. "Thế có nghĩa là đi về phía Takamatsu".

"Lão không sáng dạ, lại chẳng thông thạo địa lý."

"Thì ta cứ đi đến Takamatsu cái đã, rồi sẽ tính sau, ông nội ạ," Hoshino xen vào.

"Thôi được. Vậy thì đi Takamatsu. Đến đó rồi sẽ tính."

"Thật là một kiểu du lịch độc đáo," cô phục vụ bình luận.

"Đúng thế," Hoshino nói.

Trở về phòng, Nakata vào toa lét trong khi Hoshino, mình vẫn mặc áo choàng tắm, nằm dài trên tấm tatami xem thời sự trên truyền hình. Chẳng có mấy tin mới. Cảnh sát vẫn chưa khám phá được gì trong vụ ám sát một điêu khắc gia nổi tiếng ở Nakano - không manh mối, không nhân chứng. Cảnh sát đang tìm đứa con trai mười lăm tuổi của ông ta, biến mất ít ngày trước khi xảy ra vụ án mạng.

"Chao, Hoshino nghĩ thầm, một thằng nhóc mười lăm tuổi. Tại sao thời buổi này cứ luôn luôn có những thằng nhóc mười lăm tuổi dính líu vào những vụ bạo hành? Cố nhiên, gã chẳng có tư cách để lên mặt đạo đức vì chính gã, hồi mười lăm tuổi, cũng đã ăn cắp một chiếc xe máy ở một bãi đậu xe và phóng một vòng du hí mà chẳng có bằng lái gì hết. Tuy nhiên không thể đem so việc mượn tạm một chiếc xe máy với việc băm viên cha đẻ của mình. Có lẽ chỉ nhờ may mắn mà gã đã không giết cha mình: đã bao lần gã bị ông ấy cho ăn no đòn.

Phần tin thời sự vừa hết thì Nakata từ buồng tắm bước ra.

"Cậu Hoshino, lão hỏi cậu một câu có được không?"

"Có chuyện gì đấy, ông?"

"Cậu có khi nào đau lưng không?"

"Có chứ. Cháu đoán đó là bệnh nghề nghiệp. Tất cả các lái xe cháu quen đều có vấn đề về lưng, cũng như cầu thủ bóng chày, cha nào cũng đau vai. Tại sao ông hỏi thế?"

"Bởi vì nhìn thấy lưng cậu, lão nghĩ ngay là có vấn đề."

"Hmm..."

"Cậu không phiền nếu Nakata sờ nắn lưng cậu chứ?"

"Ông cứ tự nhiên."

Hoshino quay người nằm sấp và Nakata ngồi lên như cưỡi ngựa. Lão đặt tay dọc sống lưng gã và để yên đó một lúc trong khi Hoshino xem một chương trình nhàn đàm về các "sao" mới. Một nữ diễn viên nổi tiếng làm lễ hứa hôn với một nhà văn trẻ ít ai biết đến. Hoshino không mấy thích thú nhưng chẳng còn gì khác để xem. Thu nhập của cô diễn viên gấp mười lần anh nhà văn, mà anh này thì không hề đẹp trai, thậm chí coi bộ cũng chẳng thông minh gì lắm.

Hoshino thấy chuyện này cũng đáng ngờ. "Cuộc hôn nhân này rồi sẽ chẳng ra sao, cháu dám nói với ông thế. Chắc là có sự ngộ nhận nào đây."

"Cậu Hoshino, xương cậu hơi bị lệch đấy."

"Chả có gì là lạ với cái kiểu sống lệch lạc của cháu trước nay," Hoshino vừa nói vừa ngáp.

"Nếu cậu không chữa thì sẽ sinh đủ thứ phiền toái đấy."

"Ông nghĩ vậy à?"

"Cậu sẽ đau đầu, táo bón. Rồi sẽ vẹo lưng nữa."

"Thế thì rắc rối đấy."

"Hơi đau đấy. Cậu có chịu không?"

"Chịu. Ông cứ làm tới đi."

"Nói thật tình, sẽ *rất* đau đấy."

"Ông nội à, cháu đã ăn đòn cả đời rồi - ở nhà, ở trường, trong Lực lượng Tự vệ - vậy mà cháu vẫn sống. Chả phải khoe mẽ đâu, nhưng thực sự những ngày cháu không bị đánh có thể đếm trên đầu ngón tay. Cho nên đau một tí có mùi mẵn gì. Nóng bỏng hay nhồn nhột, êm dịu hay buốt nhói - xin ông cứ việc ra chiêu."

Nakata nheo mắt, tập trung tinh thần, thận trọng kiểm tra cho chắc là hai ngón tay cái đã đặt đúng vị trí mong muốn. Sau đó, lão từ từ bấm, vừa tăng dần áp lực vừa theo dõi phản ứng của Hoshino. Lão hít một hơi thật sâu, rồi thốt ra một tiếng kêu ngắn như tiếng chim kêu vào mùa đông và dồn toàn lực ấn mạnh vào khoảng giữa cơ lưng và

xương sống. Hoshino cảm thấy đau khủng khiếp, đau đến mức phi lý. Một tia chớp lóe trong óc gã, làm tất cả trắng phớ ra. Gã nghẹn thở. Như thể gã bị ném từ một ngọn tháp cao xuống đáy địa ngục vậy. Cơn đau ghê gớm đến nỗi thậm chí gã không thể kêu lên được. Mọi ý nghĩ cháy trụi và tung tóe đi hết. Tưởng như thân thể gã vỡ tan ra từng mảnh. Gã cảm thấy ngay cả cái chết cũng không thể kinh khủng đến thế. Gã cố mở mắt ra mà không được. Đành cứ nằm đó, bất lực, úp mặt xuống tấm chiếu tatami, nhớt dãi ròng ròng, nước mắt giàn giụa. Cơn đau kéo dài khoảng ba mươi giây.

Cuối cùng, gã cũng thở lại được và chệnh choạng ngồi dậy. Tấm tatami dập dềnh trước mặt gã như mặt biển trong cơn giông.

"Lão dám chắc là cậu đau."

Hoshino ngúc ngắc đầu mấy cái như để kiểm tra cho chắc là mình còn sống. "Nói 'đau' là quá nhẹ, chưa lột tả được một phần. Cháu cảm thấy như bị lột da sống, xiên như xiên chả, giã như giã giò, rồi bị giẫm nát dưới chân một đàn bò điên. Ông giở cái ngón quỷ quái gì ra với cháu thế?"

"Lão nắn cho cột sống của cậu thẳng lại. Rồi cậu sẽ ổn thôi. Lưng cậu sẽ không đau nữa. Và đảm bảo là đại tiện trơn tru."

Quả nhiên, khi cơn đau dịu đi như thủy triều rút, lưng gã đỡ hẳn. Cái cảm giác nặng nề, trì trệ mọi khi đã biến mất. Gã thấy nhẹ nhõm ở vùng thái dương và thở dễ dàng hơn. Và rành là gã thấy mớt đi ngoài.

"Ờ, đúng là có đỡ ở nhiều chỗ."

"Tất cả mọi rắc rối đều từ cột sống," Nakata nói.

"Cơ mà đau thấy ông bà ông vải," Hoshino nói và thở dài.

Hai ông con đáp chuyến tàu tốc hành JR từ ga Tokushima đi Takamatsu. Hoshino trả tất cả mọi khoản chi phí, nhà trọ và vé tàu. Nakata đòi trả phần mình, nhưng Hoshino không nghe.

"Bây giờ, cháu cứ trả đã, rồi ta sẽ tính toán sau. Cháu không thích đàn ông với nhau lại đi cãi vã về chuyện tiền nong."

"Thôi được. Nakata này không hiểu chuyện tiền nong lắm, vậy cậu bảo sao, lão cứ làm thế," Nakata nói.

"Tuy nhiên cháu phải nói là cháu cảm thấy tuyệt vời nhờ cái ngón

shiatsu(*) ông bấm cho cháu. Cho nên chí ít ông cũng phải để cháu tạ ơn ông chứ, đúng không? Không biết từ bao lâu rồi, cháu chưa thấy sảng khoái như thế. Cháu cảm thấy như mình trở thành một người mới vậy.

"Thế thì tuyệt. Nakata này chả hiểu *shiatsu* nghĩa là gì, nhưng biết chắc rằng xương cốt là rất quan trọng."

"Cháu cũng không biết chắc người ta gọi cái ấy là gì - *shiatsu*, nắn xương hay thuật nắn bóp cột sống - nhưng bất kể gọi là gì, ông vẫn thực sự là một nhân tài về mặt này. Ông mà làm nghề này thì hốt bạc đấy. Ông chỉ cần chữa cho các bạn tài xế của cháu cũng kiếm được khối."

"Vừa thấy lưng cậu là lão biết ngay là xương bị lệch mà. Hễ thấy cái gì lệch là lão thích nắn lại. Lão đã đóng đồ mộc bao lâu và bất cứ khi nào thấy cái gì vẹo vọ là lão phải chữa cho thẳng thớm. Nakata này là như thế đó. Nhưng đây là lần đầu tiên lão chỉnh xương."

"Cháu chắc ông được trời phú," Hoshino nói, vẻ thán phục.

"Nakata này trước đây còn có thể nói chuyện với mèo."

"Ông không đùa đấy chứ?"

"Nhưng gần đây, lão không nói chuyện được với chúng nữa. Hẳn là tại Johnnie Walker."

"Cháu hiểu."

"Lão ngu ngốc nên không hiểu được những chuyện rắc rối. Và gần đây, có bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra. Chẳng hạn, cá và đỉa từ trên trời rơi xuống."

"Thật ư?"

"Cơ mà lão rất mừng là đã chữa được cho lưng cậu đỡ hơn. Nếu cậu cảm thấy dễ chịu thì Nakata này cũng cảm thấy dễ chịu."

"Cháu cũng mừng thực sự," Hoshino nói.

"Thế thì tốt."

"Giờ ông nhắc đến chuyện đỉa..."

"Phải, Nakata này nhớ rất rõ mà."

"Ông có liên quan gì đến chuyện ấy không?"

Nakata ngẫm nghĩ một lúc, một điều hiếm khi xảy ra. "Chính lão cũng không biết nữa. Lão chỉ biết là khi lão giương ô lên, là đỉa bắt đầu

---

* Phương pháp điều trị của Nhật Bản bằng cách day huyệt.

rơi xuống rào rào."

"Ông biết..."

"Điều xấu xa nhất là giết người," Nakata nói với một cái gật đầu dứt khoát.

"Tuyệt đối đúng. Giết người là xấu, chắc chắn thế."

"Chính xác," Nakata nói và lại gật đầu thật lực.

Đến ga Takamatsu, hai ông con xuống xe và vào một tiệm mì gần ga ăn trưa. Nhìn qua cửa sổ tiệm ăn, có thể thấy mấy cái cần trục trên bến cảng rợp bóng hải âu.

Nakata nhấm nháp từng sợi mì một. "Cái món mì udon này ngon ơi là ngon," lão nói.

"Ông thích là cháu mừng," Hoshino nói. "Giờ ông nghĩ sao? Chỗ này có được không?"

"Vâng, Nakata này nghĩ là chỗ này tốt đấy."

"Vậy là ta đã chọn đúng chỗ. Giờ thì ông sẽ làm gì?"

"Lão còn phải tìm phiến đá cửa vào đã."

"Phiến đá *cửa vào?*"

"Đúng thế."

"Hừm, cháu dám chắc đằng sau cái này là cả một câu chuyện dài," Hoshino nói.

Nakata nghiêng bát mì, húp nốt giọt nước dùng cuối cùng. "Phải, đó là một câu chuyện dài. Dài đến nỗi chính lão cũng không hiểu. Cơ mà Nakata nghĩ là khi nào đến đó, chúng ta sẽ hiểu thôi."

"Như mọi lần, cứ bao giờ đến nơi thì ông mới hiểu?"

"Đúng thế."

"Có nghĩa cháu chưa đến thì chưa hiểu được?"

"Phải, chưa đến thì chính lão cũng chưa hiểu."

"Thôi đủ rồi. Cháu không thích những câu chuyện dài dòng. Dù sao đi nữa, ta vẫn cần phải tìm *phiến đá cửa vào* ấy, phải không?"

"Chính thế," Nakata nói.

"Vậy nó ở đâu?"

"Nakata này không biết."

"Mình hỏi cũng bằng thừa," Hoshino vừa nói vừa lắc đầu.